

Số: 38 /2013/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2013

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2013.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Lạng Sơn;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Website Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐBĐVN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Linh Ngọc

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH LẠNG SƠN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38 /2013/TT-BTNMT
ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh tỉnh Lạng Sơn được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Lạng Sơn và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa, địa danh trong ngoặc đơn là tên gọi khác của địa danh.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của “phường”, TT. là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của “thành phố”, H. là chữ viết tắt của “huyện”.

đ) Cột “Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng” là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột “Tọa độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột “Tọa độ điểm đầu” và “Tọa độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

g) Trường hợp địa danh mới được bổ sung vào Danh mục và chưa có trên bản đồ địa hình quy định tại mục 1 Phần này thì phải thể hiện đầy đủ tên địa danh, nhóm đối tượng, tên ĐVHC cấp xã, tên ĐVHC cấp huyện.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN,
KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP
BẢN ĐỒ TỈNH LẠNG SƠN

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lạng Sơn gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Lạng Sơn	3
2	Huyện Bắc Sơn	5
3	Huyện Bình Gia	17
4	Huyện Cao Lộc	30
5	Huyện Chi Lăng	43
6	Huyện Đình Lập	58
7	Huyện Hữu Lũng	68
8	Huyện Lộc Bình	82
9	Huyện Tràng Định	98
10	Huyện Văn Lãng	115
11	Huyện Văn Quan	128

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Ba Toa	KX	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 45"	106° 44' 49"					F-48-58-A-d
khối Đèo Giang	DC	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 48"	106° 44' 51"					F-48-58-A-d
chùa Tiên	KX	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 14"	106° 45' 13"					F-48-58-B+46-D
khối Trần Hưng Đạo	DC	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 37"	106° 44' 49"					F-48-58-A-d
khối Trần Quang Khải 1	DC	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 06"	106° 44' 15"					F-48-58-A-d
khối Trần Quang Khải 2	DC	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn							
núi Văn Vĩ	SV	P. Chi Lăng	TP. Lạng Sơn	21° 49' 28"	106° 45' 32"					F-48-58-B+46-D
làng Khôn Lai	DC	P. Đông Kinh	TP. Lạng Sơn	21° 50' 27"	106° 45' 36"					F-48-58-B+46-D
khối 2	DC	P. Ngô Quyền	TP. Lạng Sơn	21° 51' 41"	106° 45' 32"					F-48-58-B+46-D
khối 5	DC	P. Ngô Quyền	TP. Lạng Sơn	21° 51' 48"	106° 45' 29"					F-48-58-B+46-D
khối 6	DC	P. Ngô Quyền	TP. Lạng Sơn	21° 51' 49"	106° 45' 10"					F-48-58-B+46-D
chợ Kỳ Lừa	KX	P. Ngô Quyền	TP. Lạng Sơn	21° 51' 34"	106° 45' 11"					F-48-58-B+46-D
khối 6	DC	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 51' 08"	106° 44' 41"					F-48-58-A-d
khối 7	DC	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 51' 39"	106° 44' 52"					F-48-58-A-d
khối 9	DC	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 51' 01"	106° 44' 47"					F-48-58-A-d
khối 10	DC	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 50' 58"	106° 45' 02"					F-48-58-A-d
cầu Bến Bắc	KX	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 50' 56"	106° 44' 50"					F-48-58-A-d
đồng Tam Thanh	SV	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 51' 21"	106° 44' 36"					F-48-58-A-d
núi Tô Thị	SV	P. Tam Thanh	TP. Lạng Sơn	21° 51' 22"	106° 44' 38"					F-48-58-A-d
khối 6	DC	P. Vĩnh Trại	TP. Lạng Sơn	21° 51' 29"	106° 46' 29"					F-48-58-B+46-D
khối 8	DC	P. Vĩnh Trại	TP. Lạng Sơn	21° 51' 25"	106° 46' 18"					F-48-58-B+46-D
khối 9	DC	P. Vĩnh Trại	TP. Lạng Sơn	21° 51' 36"	106° 46' 15"					F-48-58-B+46-D
chợ Đông Kinh	KX	P. Vĩnh Trại	TP. Lạng Sơn	21° 51' 11"	106° 45' 26"					F-48-58-B+46-D
núi Phai Vệ	SV	P. Vĩnh Trại	TP. Lạng Sơn	21° 51' 09"	106° 45' 43"					F-48-58-B+46-D
bản Áng	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 51' 48"	106° 43' 42"					F-48-58-A-d
thôn Chi Mạc - Nà Kéo	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 54"	106° 44' 28"					F-48-58-A
thôn Đồng Ân	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 14"	106° 45' 05"					F-48-58-A
khau Hồ	SV	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 54' 46"	106° 44' 26"					F-48-58-A
thôn Hoàng Thanh	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 51' 36"	106° 44' 30"					F-48-58-A-d
thôn Khôn Pít	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 42"	106° 44' 45"					F-48-58-A
bản Khuổi Khuốc	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 12"	106° 43' 12"					F-48-58-A-d
bản Khuổi Phát	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 50"	106° 43' 03"					F-48-58-A
sông Kỳ Cùng	TV	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn			21° 50' 52"	106° 44' 20"	21° 52' 20"	106° 42' 20"	F-48-58-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Lục Khoang bản Mới bản Nà Đon thôn Nà Lướt bản Nà Pàn thôn Nà Sèn - Tổng Huồng đập Nà Tầm thôn Nà Tầm - Lục Mì thôn Pàn Pè bản Phai Trăn thôn Quán Hồ - Phả Lạn thôn Tăng Khảm thôn Vĩ Thượng làng Bình Cầm thôn Khôn Pát thôn Khôn Phở sông Kỳ Củng hồ Lầu Xá thôn Mai Thành thôn Nà Chuông 1 thôn Nà Chuông 2 làng Pá Lải thôn Phai Duốc thôn Pò Đưa thôn Pò Mỏ thôn Rọ Phải thôn Trung Cáp thôn Bản Nhằng bản Cao Kiệt bản Khau Dai thôn Khau Puồng bản Khôn Thia bản Khuôn Nghiều	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 31"	106° 45' 21"							F-48-58-B+46-D
	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 59"	106° 44' 06"							F-48-58-A
	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 54' 54"	106° 44' 21"							F-48-58-A
	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 39"	106° 44' 48"							F-48-58-A
	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 50' 49"	106° 44' 29"							F-48-58-A-d
	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 51' 58"	106° 44' 15"							F-48-58-A-d
	TV	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 54' 12"	106° 44' 38"							F-48-58-A
	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 55"	106° 44' 43"							F-48-58-A-d
	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 06"	106° 44' 47"							F-48-58-B+46-D
	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 02"	106° 45' 07"							F-48-58-A
	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 42"	106° 44' 16"							F-48-58-A
	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 53' 26"	106° 44' 02"							F-48-58-B+46-D
	DC	xã Hoàng Đồng	TP. Lạng Sơn	21° 52' 24"	106° 45' 10"							F-48-58-B+46-D
	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 43"	106° 47' 13"							F-48-58-B+46-D
	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 40"	106° 46' 34"							F-48-58-B+46-D
	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 54"	106° 45' 58"							F-48-58-B+46-D
	TV	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 50' 20"	106° 47' 55"	21° 50' 28"	106° 47' 50"	21° 50' 05"	106° 45' 35"			F-48-58-B+46-D
	TV	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 20"	106° 46' 08"							F-48-58-B+46-D
	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn									F-48-58-B+46-D
	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn									
	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 33"	106° 45' 49"							F-48-58-B+46-D
	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 50' 39"	106° 46' 39"							F-48-58-B+46-D
	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 50' 23"	106° 46' 25"							F-48-58-B+46-D
	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 50' 37"	106° 46' 21"							F-48-58-B+46-D
	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 49' 52"	106° 45' 37"							F-48-58-B+46-D
	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 50' 14"	106° 47' 18"							F-48-58-B+46-D
	DC	xã Mai Pha	TP. Lạng Sơn	21° 52' 11"	106° 42' 47"							F-48-58-A-d
	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 49' 18"	106° 43' 28"							F-48-58-A-d
DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 06"	106° 43' 29"							F-48-58-A-d	
DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 13"	106° 42' 51"							F-48-58-A-d	
DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 48' 06"	106° 42' 34"							F-48-58-A-d	
DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 49' 19"	106° 42' 43"							F-48-58-A-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Khuôn Nhà	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 48' 57"	106° 43' 16"					F-48-58-A-d
bản Khuôn SLác	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 49' 15"	106° 44' 08"					F-48-58-A-d
sông Kỳ Cùng	TV	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn			21° 52' 15"	106° 42' 02"	21° 50' 35"	106° 43' 55"	F-48-58-A-d
bản Lòong	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 01"	106° 43' 37"					F-48-58-A-d
thôn Nà Mè	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 51' 01"	106° 43' 21"					F-48-58-A-d
bản Nà Poọng	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 49' 44"	106° 44' 07"					F-48-58-A-d
bản Nà Púng	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 47' 38"	106° 42' 18"					F-48-58-A-d
bản Nà Quang	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 51' 24"	106° 43' 11"					F-48-58-A-d
bản Pác Cáp	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 48' 33"	106° 43' 09"					F-48-58-A-d
bản Pác Mông	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 48' 59"	106° 43' 28"					F-48-58-A-d
bản Phai Yên	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 51' 19"	106° 42' 38"					F-48-58-A-d
bản Phiêng Cù	DC	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 48' 59"	106° 43' 26"					F-48-58-A-d
khuai Phường	SV	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 26"	106° 42' 37"					F-48-58-A-d
suối Quảng Lạc	TV	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 06"	106° 44' 12"	21° 47' 39"	106° 42' 00"	21° 50' 35"	106° 43' 55"	F-48-58-A-d
cầu Quán Lồng	KX	xã Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	21° 50' 06"	106° 44' 12"					F-48-58-A-d
cầu Bắc Sơn	KX	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 07"	106° 19' 05"					F-48-57-B-a
núi Bó Sáng	SV	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 39"	106° 19' 04"					F-48-57-B-a
cầu Nà Cướm	KX	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 10"	106° 19' 24"					F-48-57-B-a
suối Nặm Dù	TV	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn			21° 54' 25"	106° 19' 42"	21° 54' 29"	106° 18' 16"	F-48-57-B-a
thôn Vĩnh Thuận	DC	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 27"	106° 18' 27"					F-48-57-B-a
thôn Yên Lăng	DC	TT. Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 27"	106° 19' 04"					F-48-57-B-a
đường tỉnh 241	KX	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn			21° 52' 07"	106° 21' 42"	21° 54' 07"	106° 20' 22"	F-48-57-B-a
thôn Bắc Sơn 1	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 50"	106° 20' 38"					F-48-57-B-a
thôn Bắc Sơn 2	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 58"	106° 20' 28"					F-48-57-B-a
thôn Đông Đăng 1	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 16"	106° 21' 08"					F-48-57-B-a
thôn Đông Đăng 2	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 22"	106° 21' 00"					F-48-57-B-a
thôn Lân Hát	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 02"	106° 21' 50"					F-48-57-B-a
thôn Mỏ Hao	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 11"	106° 21' 37"					F-48-57-B-c
thôn Nội Hòa	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 44"	106° 21' 14"					F-48-57-B-a
suối Phai Trang	TV	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn			21° 52' 08"	106° 21' 44"	21° 53' 12"	106° 20' 49"	F-48-57-B-a
suối Rá Riêng	TV	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 30"	106° 21' 25"	21° 53' 12"	106° 20' 49"	21° 54' 04"	106° 20' 16"	F-48-57-B-a
núi Tân Rươi	SV	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 14"	106° 20' 40"					F-48-57-B-a
thôn Trí Yên	DC	xã Bắc Sơn	H. Bắc Sơn							F-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
quốc lộ 1B	KX	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn			21° 48' 21"	106° 10' 11"	21° 50' 41"	106° 12' 39"	F-48-57-A-d		
thôn Bình An	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 41"	106° 11' 57"					F-48-57-A-d		
đèo Bò Đái	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 13"	106° 11' 23"					F-48-57-A-d		
núi Cạm Càng	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 30"	106° 09' 30"					F-48-57-A-d		
suối Cáp	TV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn			21° 49' 56"	106° 11' 02"	21° 49' 33"	106° 10' 52"	F-48-57-A-d		
núi Chiu Uýt	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 05"	106° 09' 29"					F-48-57-A-d		
thôn Hoan Thượng	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 10"	106° 09' 28"					F-48-57-A-d		
suối Hoan Thượng	TV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn					21° 48' 19"	106° 09' 42"	F-48-57-A-d		
thôn Hoan Trung 1	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 59"	106° 10' 58"					F-48-57-A-d		
thôn Hồng Phong 1	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 20"	106° 11' 56"					F-48-57-A-d		
thôn Hồng Phong 2	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 39"	106° 12' 33"					F-48-57-A-d		
thôn Hồng Phong 3	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 24"	106° 12' 33"					F-48-57-A-d		
thôn Hồng Phong 4	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 08"	106° 12' 29"					F-48-57-A-d		
thôn Hương Cốc 1	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 25"	106° 11' 01"					F-48-57-A-d		
thôn Hương Cốc 2	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 50' 09"	106° 11' 41"					F-48-57-A-d		
đèo Keng Tiếm	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 49"	106° 13' 23"					F-48-57-A-d		
núi Khưa Mu	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 51' 19"	106° 11' 25"					F-48-57-A-d		
núi Lân Bường	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 28"	106° 10' 57"					F-48-57-A-d		
thôn Lân Vĩ	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 26"	106° 12' 14"					F-48-57-A-d		
núi Ma	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 54"	106° 09' 09"					F-48-57-A-d		
núi Nà Bon	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 28"	106° 12' 36"					F-48-57-A-d		
thôn Pá Te	DC	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 32"	106° 10' 15"					F-48-57-A-d		
núi Phai Páng	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 48' 59"	106° 10' 12"					F-48-57-A-d		
núi Sa Bằng	SV	xã Chiến Thắng	H. Bắc Sơn	21° 49' 58"	106° 11' 32"					F-48-57-A-d		
thôn Áng Nộc	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 57"	106° 19' 18"					F-48-57-B-c		
suối Bản Ghè	TV	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn			21° 51' 06"	106° 18' 09"	21° 50' 38"	106° 18' 25"	F-48-57-B-c		
thôn Bình Thượng	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 43"	106° 19' 12"					F-48-57-B-c		
thôn Dục Thùm	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 52' 10"	106° 20' 27"					F-48-57-B-c		
suối Dục Thùm	TV	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn			21° 51' 58"	106° 18' 58"	21° 52' 07"	106° 20' 21"	F-48-57-B-c		
thôn Lân Nghiến	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 05"	106° 17' 12"					F-48-57-B-c		
thôn Làng Khau	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 46"	106° 20' 02"					F-48-57-B-c		
thôn Nà Nọt	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 51"	106° 20' 33"					F-48-57-B-c		
thôn Táp Giã	DC	xã Chiêu Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 52"	106° 17' 35"					F-48-57-B-c		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
quốc lộ 1B	KX	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn			21° 52' 39"	106° 12' 47"	21° 54' 31"	106° 17' 51"	F-48-57-A-b		
suối Bản Sao	TV	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn			21° 53' 45"	106° 13' 39"	21° 54' 38"	106° 13' 21"	F-48-57-A-b		
thôn Bó Dầy	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 53' 43"	106° 14' 46"					F-48-57-A-b		
thôn Bó Mạ	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 53' 56"	106° 15' 07"					F-48-57-B-a		
núi Gón Cầu	SV	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 53' 34"	106° 12' 47"					F-48-57-A-b		
bản Khẩu Mò	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 21"	106° 15' 04"					F-48-57-B-a		
thôn Khau Ràng	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 53' 40"	106° 14' 12"					F-48-57-A-b		
thôn Khuôn Ngần	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 08"	106° 14' 52"					F-48-57-A-b		
thôn Lán Páng	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 34"	106° 16' 33"					F-48-57-B-a		
thôn Lán Rò	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 55' 12"	106° 16' 41"					F-48-57-B-a		
suối Lán Rò	TV	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn			21° 54' 31"	106° 17' 48"	21° 54' 42"	106° 16' 57"	F-48-57-B-a		
cầu Mường Mèo	KX	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 40"	106° 16' 15"					F-48-57-B-a		
thôn Nà Giáo	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 53' 52"	106° 14' 27"					F-48-57-A-b		
bản Nà Lại	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 53' 00"	106° 12' 38"					F-48-57-A-b		
cầu Nà Mưa 1	KX	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 21"	106° 15' 32"					F-48-57-B-a		
cầu Nà Mưa 2	KX	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 17"	106° 15' 26"					F-48-57-B-a		
thôn Nà Nhì	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 53' 21"	106° 13' 21"					F-48-57-A-b		
đèo Nậm Dù	SV	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 31"	106° 17' 51"					F-48-57-B-a		
cầu Nguyễn	KX	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 32"	106° 15' 48"					F-48-57-B-a		
núi Pắc Chao	SV	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 18"	106° 16' 10"					F-48-57-B-a		
thôn Pắc Yếng	DC	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 33"	106° 15' 39"					F-48-57-B-a		
cầu Pô Hương	KX	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 38"	106° 16' 34"					F-48-57-B-a		
đập Pô Rải	KX	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 09"	106° 14' 44"					F-48-57-A-b		
núi Sa Khảm	SV	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 11"	106° 16' 53"					F-48-57-B-a		
núi Toong Chai	SV	xã Đồng Ý	H. Bắc Sơn	21° 54' 37"	106° 14' 34"					F-48-57-A-b		
đường tỉnh 241	KX	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn			21° 49' 59"	106° 19' 29"	21° 52' 07"		F-48-57-B-c		
bản Bó Bín	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 51"	106° 20' 04"					F-48-57-B-c		
đèo Búp Chuối	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 52' 12"	106° 23' 05"					F-48-57-B-d		
núi Búp Chuối	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 52' 23"	106° 23' 46"					F-48-57-B-d		
núi Cái Khoáng	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 26"	106° 23' 45"					F-48-57-B-d		
núi Co Cái (Kó Cái)	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 10"	106° 22' 42"					F-48-57-B-d		
núi Khoán Huyện	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 06"	106° 23' 13"					F-48-57-B-d		
núi Lăng Mỏ	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 01"	106° 22' 08"					F-48-57-B-c		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lương Minh	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 39"	106° 22' 07"					F-48-57-B-c
thôn Ma Hiu	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 11"	106° 20' 25"					F-48-57-B-c
thôn Minh Đán	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 59"	106° 21' 46"					F-48-57-B-c
thôn Mỏ Nhài	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 23"	106° 21' 00"					F-48-57-B-c
thôn Nà Nuầy	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 49' 55"	106° 19' 53"					F-48-57-B-c
núi Nà Rọc	SV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 24"	106° 21' 37"					F-48-57-B-c
bản Nà Tuấy	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 02"	106° 20' 38"					F-48-57-B-c
thôn Nông Lục	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 28"	106° 21' 35"					F-48-57-B-c
đỉnh Nông Lục	KX	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 35"	106° 21' 37"					F-48-57-B-c
suối Phai Lân	TV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn			21° 49' 57"	106° 20' 15"	21° 50' 58"	106° 21' 23"	F-48-57-B-c
hồ Tam Hoa	TV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 29"	106° 20' 20"					F-48-57-B-c
thôn Tiên Hội	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 19"	106° 21' 02"					F-48-57-B-c
suối Tiên Hội	TV	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn			21° 50' 58"	106° 21' 23"	21° 52' 08"	106° 21' 44"	F-48-57-B-c
bản Tộc Mường	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 50' 23"	106° 20' 07"					F-48-57-B-c
thôn Xuân Giao	DC	xã Hưng Vũ	H. Bắc Sơn	21° 51' 24"	106° 21' 26"					F-48-57-B-c
hồ Bắc Mỏ	TV	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 40"	106° 18' 10"					F-48-57-B-a
cầu Gò Nộc	KX	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 55"	106° 19' 24"					F-48-57-B-a
thôn Hữu Vĩnh 1	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 46"	106° 19' 06"					F-48-57-B-a
thôn Hữu Vĩnh 2	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 35"	106° 19' 22"					F-48-57-B-a
thôn Lân Kỉnh	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 52' 44"	106° 19' 13"					F-48-57-B-a
thôn Lân Páng	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 52' 39"	106° 19' 53"					F-48-57-B-a
núi Mỏ Ấng	SV	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 25"	106° 18' 45"					F-48-57-B-a
thôn Nà Hó	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 57"	106° 18' 16"					F-48-57-B-a
thôn Pắc Lũng	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 29"	106° 18' 56"					F-48-57-B-a
thôn Pắc Mỏ	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 38"	106° 18' 02"					F-48-57-B-a
thôn Tá Liếng	DC	xã Hữu Vĩnh	H. Bắc Sơn	21° 53' 47"	106° 18' 29"					F-48-57-B-a
thôn An Ninh 1	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 55' 11"	106° 19' 45"					F-48-57-B-a
thôn An Ninh 2	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 55' 36"	106° 19' 34"					F-48-57-B-a
thôn Bản Đẳng	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 56' 47"	106° 18' 57"					F-48-57-B-a
thôn Bản Liếng	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 55' 07"	106° 17' 49"					F-48-57-B-a
thôn Bản Thi	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 57' 21"	106° 18' 54"					F-48-57-B-a
núi Bó Qua	SV	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 55' 07"	106° 19' 31"					F-48-57-B-a
kuổi Cái	TV	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn			21° 55' 09"	106° 15' 56"	21° 55' 56"	106° 15' 48"	F-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Gỗ	KX	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 55' 09"	106° 19' 52"					F-48-57-B-a
đèo Kéo Ngựa	SV	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 56' 30"	106° 18' 31"					F-48-57-B-a
thôn Lân Luồng	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 55' 52"	106° 20' 24"					F-48-57-B-a
thôn Long Hưng	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 54' 51"	106° 19' 47"					F-48-57-B-a
thôn Minh Quang	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 56' 02"	106° 19' 29"					F-48-57-B-a
thôn Nà Rào	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 54' 56"	106° 19' 10"					F-48-57-B-a
đèo Nàng Tiên	SV	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 57' 02"	106° 19' 16"					F-48-57-B-a
thôn Ngọc Môn	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 56' 34"	106° 17' 47"					F-48-57-B-a
suối Pắc Khuối	TV	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn			21° 55' 06"	106° 17' 39"	21° 55' 56"	106° 16' 45"	F-48-57-B-a
thôn Rạ Lá	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 56' 05"	106° 18' 18"					F-48-57-B-a
đèo Tam Canh	SV	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 55' 33"	106° 20' 10"					F-48-57-B-a
thôn Tân Rã	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 55' 42"	106° 17' 29"					F-48-57-B-a
suối Tân Rã	TV	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn			21° 55' 36"	106° 17' 58"	21° 55' 59"	106° 17' 18"	F-48-57-B-a
thôn Thủy Hội	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 55' 43"	106° 15' 53"					F-48-57-B-a
thôn Tiên Đảo 1	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 54' 37"	106° 19' 37"					F-48-57-B-a
thôn Tiên Đảo 2	DC	xã Long Đồng	H. Bắc Sơn	21° 54' 50"	106° 19' 31"					F-48-57-B-a
đường tỉnh 241	KX	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn			21° 45' 27"	106° 13' 17"	21° 46' 39"	106° 17' 13"	F-48-57-A-d
thôn An Ủy	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 50"	106° 14' 26"					F-48-57-A-d
thôn Độc Máy	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 11"	106° 18' 30"					F-48-57-B-c
bản Đắc Hạ	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 18"	106° 17' 18"					F-48-57-B-c
bản Đắc Trung	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 42"	106° 18' 00"					F-48-57-B-c
thôn Địa Phận	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 30"	106° 16' 48"					F-48-57-B-c
thôn Gia Hòa	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 51"	106° 15' 13"					F-48-57-B-c
núi Kho Lân Đầm	SV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 44' 57"	106° 15' 01"					F-48-57-D-a
bản Lân Páng	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 47' 49"	106° 13' 34"					F-48-57-A-d
thôn Lăng Khả	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 47' 23"	106° 13' 31"					F-48-57-A-d
làng Lấp Liu	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 26"	106° 17' 36"					F-48-57-B-c
thôn Mỹ Ba	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 14"	106° 15' 35"					F-48-57-B-c
thôn Nà Tu	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 46' 03"	106° 16' 08"					F-48-57-B-c
núi Pá Đáy	SV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 57"	106° 13' 35"					F-48-57-A-d
núi Pá Nửa	SV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 44' 41"	106° 14' 32"					F-48-57-C-b
làng Quàn	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 54"	106° 15' 34"					F-48-57-B-c
đèo Tân Thành	SV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 27"	106° 13' 17"					F-48-57-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Tát Úy	SV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 47' 24"	106° 14' 05"					F-48-57-A-d
thôn Thái Bằng 1	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 39"	106° 13' 46"					F-48-57-A-d
thôn Thái Bằng 2	DC	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn	21° 45' 44"	106° 14' 39"					F-48-57-A-d
suối Thái Hòa	TV	xã Nhất Hòa	H. Bắc Sơn			21° 46' 06"	106° 15' 18"	21° 45' 16"	106° 13' 12"	F-48-57-A-d
đèo Bốn Đình	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 41' 54"	106° 18' 00"					F-48-57-D-a
núi Canh Tung	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 07"	106° 19' 10"					F-48-57-D-a
làng Cỏ Ké	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 18"	106° 14' 17"					F-48-57-D-a
suối Cỏ Ké	TV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn			21° 42' 37"	106° 14' 06"	21° 41' 28"	106° 13' 50"	F-48-57-C-b
làng Cỏ Thi	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 17"	106° 15' 54"					F-48-57-D-a
suối Đầy	TV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn			21° 42' 20"	106° 15' 28"	21° 42' 43"	106° 15' 48"	F-48-57-D-a
thôn Đồng Tiến	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 27"	106° 16' 13"			21° 43' 56"	106° 14' 35"	F-48-57-C-b
suối Hoãn	TV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn			21° 44' 08"	106° 15' 34"			F-48-57-D-a
đèo Khưa Lay	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 34"	106° 18' 05"					F-48-57-D-a
làng Lân Giềng	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 34"	106° 16' 55"					F-48-57-D-a
làng Lân Lác	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 41' 57"	106° 16' 39"					F-48-57-D-a
làng Lân Lừa	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 40' 42"	106° 13' 35"					F-48-57-C-b
làng Lân Nặng	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 58"	106° 15' 15"					F-48-57-D-a
thôn Làng Chu	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 54"	106° 16' 19"					F-48-57-D-a
thôn Làng Đầy	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 45' 15"	106° 16' 47"					F-48-57-B-c
thôn Làng Đồng	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 42' 57"	106° 17' 08"					F-48-57-D-a
làng Lầu	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 44' 12"	106° 18' 02"					F-48-57-D-a
làng Mừng Lầu	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 53"	106° 17' 36"					F-48-57-D-a
thôn Nà Niệc	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 02"	106° 15' 30"					F-48-57-D-a
thôn Pá Lét	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 41' 25"	106° 15' 56"					F-48-57-D-a
núi Pá Lét	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 41' 13"	106° 13' 48"					F-48-57-D-a
làng Phù Luồng	DC	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 54"	106° 18' 31"					F-48-57-C-b
núi Tá Han	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 43' 03"	106° 18' 50"					F-48-57-D-a
đèo Ta Hang	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 44' 02"	106° 17' 03"					F-48-57-D-a
núi Vóp	SV	xã Nhất Tiến	H. Bắc Sơn	21° 54' 23"	106° 20' 27"					F-48-57-D-a
thôn Đơn Riệc 2	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 42"	106° 21' 49"					F-48-57-B-a
núi Dục Cúm	SV	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 55' 05"	106° 20' 32"					F-48-57-B-a
làng Lân Đầy	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 28"	106° 21' 29"					F-48-57-B-a
làng Lân Hát	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Nà Lay	SV	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 49"	106° 19' 50"					F-48-57-B-a
thôn Nà Riêng 2	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 30"	106° 20' 19"					F-48-57-B-a
cầu Rá Riêng	KX	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 14"	106° 20' 15"					F-48-57-B-a
núi Sa Môn	SV	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 48"	106° 20' 33"					F-48-57-B-a
thôn Tân Sơn	DC	xã Quỳnh Sơn	H. Bắc Sơn	21° 54' 54"	106° 20' 09"					F-48-57-B-a
thôn Bó Tát	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 49' 07"	106° 14' 24"					F-48-57-A-d
núi Bó Tát	SV	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 49' 21"	106° 14' 30"					F-48-57-A-d
thôn Cầu Hìn	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 50' 45"	106° 15' 40"					F-48-57-B-c
thôn Đơn Úy	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 50' 14"	106° 15' 25"					F-48-57-B-c
thôn Dục Pán	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 50' 24"	106° 14' 53"					F-48-57-A-d
đèo Keng Tiêm	SV	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 48' 49"	106° 13' 23"					F-48-57-A-d
làng Mỏ Rẹ	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 48' 01"	106° 15' 11"					F-48-57-B-c
làng Nà Pán	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 49' 21"	106° 15' 32"					F-48-57-B-c
làng Nà Tử	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 50' 08"	106° 15' 43"					F-48-57-B-c
thôn Nam Hương	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 49' 46"	106° 15' 20"					F-48-57-B-c
suối Nam Hương	TV	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn			21° 50' 47"	106° 16' 16"	21° 49' 26"	106° 15' 27"	F-48-57-B-c
suối Ràng Khảm	TV	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn			21° 49' 16"	106° 15' 23"	21° 47' 35"	106° 14' 16"	F-48-57-B-c
làng Sa Khao	DC	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 48' 54"	106° 15' 18"					F-48-57-B-c
núi Sa Khao	SV	xã Tân Hương	H. Bắc Sơn	21° 48' 37"	106° 14' 37"					F-48-57-A-d
đèo Keng Nghiều	SV	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 31"	106° 16' 28"					F-48-57-B-c
thôn Lán Riều	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 34"	106° 15' 34"					F-48-57-B-c
khau Luồng	SV	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 55"	106° 15' 01"					F-48-57-B-c
thôn Mỏ Đầu	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 46"	106° 16' 38"					F-48-57-B-c
thôn Mỏ Khuyn	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 12"	106° 16' 27"					F-48-57-B-c
thôn Mỏ Pía	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 53' 18"	106° 16' 01"					F-48-57-B-a
thôn Nà Luồng	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 58"	106° 16' 01"					F-48-57-B-c
làng Nà Nậm	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 52' 01"	106° 15' 45"					F-48-57-B-c
thôn Nà Riển	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 51' 19"	106° 16' 04"					F-48-57-B-c
làng Nà Yêu	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 52' 52"	106° 16' 58"					F-48-57-B-a
núi Sa Gieng	SV	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 53' 09"	106° 15' 38"					F-48-57-B-a
thôn Thẩm Luồng	DC	xã Tân Lập	H. Bắc Sơn	21° 52' 19"	106° 16' 33"					F-48-57-B-c
khau Cái	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 44' 28"	106° 12' 35"					F-48-57-C-b
suối Hoan	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn			21° 46' 37"	106° 11' 36"	21° 43' 56"	106° 14' 42"	F-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
núi Hùng Rù suối Khuyết bản Lân Hoài núi Lân Hoài núi Lân Lương suối Mật thôn Nà Gổ thôn Nà Thỉ suối Phàn núi Phia Thín núi Phô Ti thôn Phong Thịnh suối Roòng bản Suối Mật thôn Tân Vũ núi Văn Khánh thôn Yên Thành thôn Bắc Mỏ thôn Bản Hoàng thôn Bình An khởi Bốc đèo Bụt khởi Cái khau Co làng Hoàng Keng thôn Khau Bao thôn Long Bái bản Luồng Phái thôn Minh Sơn thôn Nà Càng bản Nà Lân bản Nà Lới thôn Nà Lung	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn	21° 43' 33"	106° 14' 31"					F-48-57-C-b	
	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn			21° 46' 26"	106° 13' 34"	21° 45' 16"	106° 13' 12"	F-48-57-A-d	
	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn		21° 44' 51"	106° 12' 11"				F-48-57-C-b	
	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn		21° 45' 07"	106° 12' 14"				F-48-57-A-d	
	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn		21° 44' 44"	106° 13' 43"				F-48-57-C-b	
	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn				21° 44' 03"	106° 12' 10"	21° 44' 41"	106° 12' 29"	F-48-57-C-b
	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn		21° 44' 22"	106° 13' 40"				F-48-57-C-b	
	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn		21° 44' 05"	106° 14' 26"				F-48-57-C-b	
	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn				21° 45' 13"	106° 11' 19"	21° 45' 30"	106° 12' 38"	F-48-57-A-d
	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn		21° 45' 05"	106° 13' 11"				F-48-57-A-d	
	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn		21° 45' 32"	106° 10' 05"				F-48-57-A-d	
	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn		21° 45' 31"	106° 12' 54"				F-48-57-A-d	
	TV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn				21° 46' 56"	106° 12' 09"	21° 45' 37"	106° 12' 25"	F-48-57-A-d
	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn		21° 44' 51"	106° 12' 52"				F-48-57-C-b	
	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn		21° 46' 11"	106° 11' 56"				F-48-57-A-d	
	SV	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn		21° 44' 17"	106° 14' 22"				F-48-57-C-b	
	DC	xã Tân Thành	H. Bắc Sơn		21° 44' 55"	106° 13' 12"				F-48-57-C-b	
	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn		21° 50' 37"	106° 07' 24"				F-48-57-A-c	
	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn		21° 50' 57"	106° 08' 24"				F-48-57-A-d	
	DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn		21° 51' 54"	106° 06' 42"				F-48-57-A-c	
TV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn				21° 51' 59"	106° 10' 45"	21° 52' 08"	106° 09' 53"	F-48-57-A-d	
SV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn		21° 50' 44"	106° 09' 43"				F-48-57-A-d		
TV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn				21° 53' 03"	106° 07' 54"	21° 53' 38"	106° 09' 07"	F-48-57-A-b	
SV	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn		21° 51' 16"	106° 06' 54"				F-48-57-A-c		
DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn		21° 52' 19"	106° 10' 26"				F-48-57-A-d		
DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn		21° 53' 01"	106° 10' 25"				F-48-57-A-b		
DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn		21° 50' 48"	106° 08' 37"				F-48-57-A-d		
DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn		21° 52' 11"	106° 06' 55"				F-48-57-A-c		
DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn		21° 50' 51"	106° 07' 14"				F-48-57-A-c		
DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn		21° 52' 24"	106° 09' 29"				F-48-57-A-d		
DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn		21° 52' 15"	106° 08' 40"				F-48-57-A-d		
DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn		21° 51' 51"	106° 08' 50"				F-48-57-A-d		
DC	xã Tân Trí	H. Bắc Sơn		21° 51' 04"	106° 07' 32"				F-48-57-A-d		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Nà Mầu	SV	xã Tân Trĩ	H. Bắc Sơn	21° 52' 15"	106° 09' 47"					F-48-57-A-d
suối Nay	TV	xã Tân Trĩ	H. Bắc Sơn			21° 52' 31"	106° 10' 56"	21° 53' 33"	106° 09' 31"	F-48-57-A-b
suối Nghinh Tường	TV	xã Tân Trĩ	H. Bắc Sơn			21° 48' 42"	106° 07' 10"	21° 49' 35"	106° 06' 20"	F-48-57-A-c
làng Ngoc Lâu	DC	xã Tân Trĩ	H. Bắc Sơn	21° 52' 46"	106° 09' 03"					F-48-57-A-b
thôn Ngoc Lâu	DC	xã Tân Trĩ	H. Bắc Sơn	21° 51' 21"	106° 09' 31"					F-48-57-A-d
suối Phai Mường	TV	xã Tân Trĩ	H. Bắc Sơn			21° 50' 57"	106° 08' 39"	21° 52' 50"	106° 08' 52"	F-48-57-A-d
núi Phia Vồ	SV	xã Tân Trĩ	H. Bắc Sơn	21° 51' 41"	106° 09' 21"					F-48-57-A-d
núi Phò Khạm	SV	xã Tân Trĩ	H. Bắc Sơn	21° 50' 46"	106° 09' 24"					F-48-57-A-d
khau Pía	SV	xã Tân Trĩ	H. Bắc Sơn	21° 50' 51"	106° 09' 49"					F-48-57-A-d
núi Pía Tin	SV	xã Tân Trĩ	H. Bắc Sơn	21° 53' 33"	106° 06' 46"					F-48-57-A-a
khau Piao	SV	xã Tân Trĩ	H. Bắc Sơn	21° 51' 36"	106° 10' 27"					F-48-57-A-d
thôn Pò Đồn	DC	xã Tân Trĩ	H. Bắc Sơn	21° 50' 54"	106° 08' 54"					F-48-57-A-d
thôn Suối Tát	DC	xã Tân Trĩ	H. Bắc Sơn	21° 53' 31"	106° 09' 30"					F-48-57-A-b
thôn Suối Tín	DC	xã Tân Trĩ	H. Bắc Sơn	21° 53' 15"	106° 08' 09"					F-48-57-A-b
núi Tam Tấu	SV	xã Tân Trĩ	H. Bắc Sơn	21° 54' 45"	106° 08' 09"					F-48-57-A-b
suối Tát	TV	xã Tân Trĩ	H. Bắc Sơn			21° 52' 11"	106° 09' 30"	21° 52' 50"	106° 08' 52"	F-48-57-A-b
thôn Thám Phè	DC	xã Tân Trĩ	H. Bắc Sơn	21° 50' 06"	106° 08' 24"					F-48-57-A-d
thôn Thám Si	DC	xã Tân Trĩ	H. Bắc Sơn	21° 49' 21"	106° 05' 48"					F-48-57-A-c
suối Tô	TV	xã Tân Trĩ	H. Bắc Sơn			21° 53' 38"	106° 09' 07"	21° 54' 44"	106° 10' 04"	F-48-57-A-b
núi Trà Cà	SV	xã Tân Trĩ	H. Bắc Sơn	21° 54' 09"	106° 08' 11"					F-48-57-A-b
làng Tuồng Lão	DC	xã Tân Trĩ	H. Bắc Sơn	21° 54' 34"	106° 09' 48"					F-48-57-A-b
khau Vạ	SV	xã Tân Trĩ	H. Bắc Sơn	21° 50' 55"	106° 10' 29"					F-48-57-A-d
thôn Vũ Thảng A	DC	xã Tân Trĩ	H. Bắc Sơn	21° 52' 24"	106° 10' 08"					F-48-57-A-d
thôn Vũ Thảng B	DC	xã Tân Trĩ	H. Bắc Sơn	21° 51' 54"	106° 10' 00"					F-48-57-A-d
thôn Yên Mỹ	DC	xã Tân Trĩ	H. Bắc Sơn	21° 50' 41"	106° 08' 10"					F-48-57-A-d
làng Cốc Pái	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 47' 32"	106° 21' 48"					F-48-57-B-c
đèo Keng Căng	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 46' 44"	106° 22' 01"					F-48-57-B-c
núi Keng Giàn	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 31"	106° 23' 19"					F-48-57-B-d
đèo Keng Nhuội	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 43' 12"	106° 20' 02"					F-48-57-D-a
đèo Khoan Huyền	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 59"	106° 22' 59"					F-48-57-B-d
núi Khoang Cướm	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 47' 58"	106° 23' 20"					F-48-57-B-d
thôn Lân Cà 1	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn							
thôn Lân Cà 2	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Lân Cầm	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 41"	106° 23' 04"					F-48-57-B-d
núi Lân Cầm	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 42"	106° 23' 35"					F-48-57-B-d
làng Lân Đầy	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 44' 11"	106° 20' 46"					F-48-57-D-a
thôn Lân Gà 1	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn							
thôn Lân Gà 2	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn							
thôn Lân Gặt	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 34"	106° 22' 48"					F-48-57-B-d
thôn Lân Hoàn	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 44' 15"	106° 21' 39"					F-48-57-D-a
núi Lân Lức	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 52"	106° 21' 41"					F-48-57-B-c
núi Lân Nà	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 55"	106° 21' 58"					F-48-57-B-c
làng Lân Nằm	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 27"	106° 20' 12"					F-48-57-B-c
núi Lân Nằm	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 15"	106° 21' 06"					F-48-57-B-c
đèo Lân Phi	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 39"	106° 20' 11"					F-48-57-B-c
núi Lân Phi	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 35"	106° 20' 17"					F-48-57-B-c
núi Lân Po	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 54"	106° 20' 42"					F-48-57-B-c
làng Lân Rì	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 43' 52"	106° 20' 40"					F-48-57-D-a
đèo Lân Rươi	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 42"	106° 20' 43"					F-48-57-B-c
núi Lân Rươi	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 38"	106° 20' 45"					F-48-57-B-c
làng Lân Tura	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 44' 42"	106° 21' 07"					F-48-57-D-a
đèo Lân Tura	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 44' 41"	106° 20' 57"					F-48-57-D-a
thôn Làng Huyền	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 35"	106° 21' 16"					F-48-57-B-c
thôn Làng Mỏ	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 48' 00"	106° 21' 54"					F-48-57-B-c
thôn Làng Rộng	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 47' 15"	106° 21' 26"					F-48-57-B-c
thôn Làng Thăm	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 13"	106° 21' 28"					F-48-57-B-c
núi Nàng Tiên	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 45' 26"	106° 21' 54"					F-48-57-B-c
thôn Nuốc Mỏ	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 46' 53"	106° 20' 02"					F-48-57-B-c
làng Pá Khắt	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 46' 40"	106° 19' 24"					F-48-57-B-c
thôn Pá Ó	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 48' 26"	106° 19' 59"					F-48-57-B-c
núi Phai Lác	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 49' 30"	106° 22' 19"					F-48-57-B-c
suối Phai Lầu	TV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn			21° 45' 48"	106° 20' 24"	21° 47' 28"	106° 21' 27"	F-48-57-B-c
hồ Phai Thuồng	TV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 47' 42"	106° 20' 38"					F-48-57-B-c
thôn Thảm Vớt	DC	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 46' 33"	106° 20' 51"					F-48-57-B-c
núi Xa Eng	SV	xã Trấn Yên	H. Bắc Sơn	21° 48' 50"	106° 21' 43"					F-48-57-B-c
thôn Bân Cầm	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 05"	106° 13' 37"					F-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bản Cầm	TV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn			21° 55' 04"	106° 13' 31"	21° 56' 33"	106° 13' 43"	F-48-57-A-b
thôn Bản Khuông	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 53' 47"	106° 11' 27"					F-48-57-A-b
thôn Bản Soong	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 44"	106° 12' 31"					F-48-57-A-b
Khuổi Cay	TV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn			21° 54' 07"	106° 12' 17"	21° 55' 37"	106° 12' 51"	F-48-57-A-b
núi Cò Luông	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 48"	106° 13' 58"					F-48-57-A-b
núi Cúc Vạt	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 56' 04"	106° 13' 30"					F-48-57-A-b
khuai Khá	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 52' 48"	106° 11' 35"					F-48-57-A-b
bản Khau Bao	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 53' 06"	106° 11' 29"					F-48-57-A-b
làng Khuổi Dại	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 56' 07"	106° 14' 14"					F-48-57-A-b
làng Khuổi Tầm	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 56"	106° 11' 21"					F-48-57-A-b
thôn Khuôn	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 54' 12"	106° 11' 19"					F-48-57-A-b
thôn Lọ Riêng	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 39"	106° 13' 01"					F-48-57-A-b
làng Nà Sọc	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 56' 04"	106° 12' 48"					F-48-57-A-b
bản Nà U	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 46"	106° 13' 36"					F-48-57-A-b
núi Pò Cái	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 00"	106° 12' 41"					F-48-57-A-b
núi Pò Luông	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 32"	106° 12' 39"					F-48-57-A-b
núi Quan Mốc	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 57"	106° 12' 33"					F-48-57-A-b
khuai Rằm	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 23"	106° 11' 43"					F-48-57-A-b
suối Vạn Thủy	TV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn			21° 54' 53"	106° 10' 29"	21° 56' 45"	106° 13' 51"	F-48-57-A-b
khuai Xin	SV	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 56' 39"	106° 13' 06"					F-48-57-A-b
làng Xoong Mèo	DC	xã Vạn Thủy	H. Bắc Sơn	21° 55' 51"	106° 11' 55"					F-48-57-A-b
đường tỉnh 241	KX	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn			21° 46' 39"	106° 17' 13"	21° 49' 59"	106° 19' 29"	F-48-57-B-c
thôn Bản Đắc	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 47' 33"	106° 19' 01"					F-48-57-B-c
suối Bản Luán	TV	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn			21° 47' 04"	106° 18' 40"	21° 46' 56"	106° 18' 10"	F-48-57-B-c
thôn Bảo Luán	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 20"	106° 18' 46"					F-48-57-B-c
đèo Kéo Gàn	SV	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 41"	106° 18' 06"					F-48-57-B-c
làng Khau	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 06"	106° 17' 41"					F-48-57-B-c
làng Khiến	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 26"	106° 17' 36"					F-48-57-B-c
thôn Làng Dọc 1	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 48' 42"	106° 17' 17"					F-48-57-B-c
thôn Liên Hương	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 02"	106° 16' 52"					F-48-57-B-c
thôn Liên Lạc 1	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn							
thôn Liên Lạc 2	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn							
suối Nà Khoang	TV	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn			21° 50' 26"	106° 18' 41"	21° 50' 08"	106° 16' 40"	F-48-57-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Nà Lầy	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 50' 25"	106° 18' 26"					F-48-57-B-c
làng Rào	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 09"	106° 17' 21"					F-48-57-B-c
thôn Sông Hòa 1	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn							
thôn Sông Hòa 2	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn							
làng Suối Bốc	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 46' 59"	106° 16' 43"					F-48-57-B-c
thôn Suối Luông	DC	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 47' 03"	106° 18' 51"					F-48-57-B-c
hồ Vũ Lăng	TV	xã Vũ Lăng	H. Bắc Sơn	21° 49' 24"	106° 18' 02"					F-48-57-B-c
đường tỉnh 241	KX	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn			21° 47' 41"	106° 09' 42"	21° 46' 37"	106° 11' 34"	F-48-57-A-d
núi Bó Diệc	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 46"	106° 10' 26"					F-48-57-A-d
núi Cạm Càng	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 48' 00"	106° 08' 47"					F-48-57-A-d
núi Co Báy	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 36"	106° 10' 00"					F-48-57-A-d
suối Hoan	TV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn			21° 47' 39"	106° 10' 38"	21° 47' 13"	106° 11' 07"	F-48-57-A-d
suối Hoan	TV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn			21° 47' 13"	106° 11' 07"	21° 46' 37"	106° 11' 36"	F-48-57-A-d
thôn Kha Hạ	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 36"	106° 11' 55"					F-48-57-A-d
núi Khau Luông	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 46' 55"	106° 12' 50"					F-48-57-A-d
thôn Khuôn Bồng	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 31"	106° 06' 56"					F-48-57-A-c
thôn Lân Kém	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 48' 38"	106° 08' 49"					F-48-57-A-d
núi Lũng Om	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 48' 05"	106° 11' 18"					F-48-57-A-d
núi Lũng Pán	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 48' 21"	106° 06' 54"					F-48-57-A-c
thôn Minh Tiến	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 10"	106° 08' 48"					F-48-57-A-d
thôn Ngã Hai	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 43"	106° 09' 45"					F-48-57-A-d
khuổi Nọi	TV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn			21° 46' 18"	106° 09' 31"	21° 47' 36"	106° 10' 22"	F-48-57-A-d
thôn Quang Thái	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 46' 55"	106° 08' 26"					F-48-57-A-d
thôn Quang Tiến	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 40"	106° 10' 30"					F-48-57-A-d
thôn Thông Nhất	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 48' 13"	106° 08' 11"					F-48-57-A-d
đèo Thông Nhất	SV	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 30"	106° 08' 43"					F-48-57-A-d
thôn Vũ Lâm	DC	xã Vũ Lễ	H. Bắc Sơn	21° 47' 17"	106° 09' 25"					F-48-57-A-d
quốc lộ 1B	KX	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn			21° 50' 41"	106° 12' 39"	21° 52' 39"	106° 12' 47"	F-48-57-A-d
suối Bà Đông	TV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn			21° 51' 58"	106° 13' 15"	21° 52' 52"	106° 14' 29"	F-48-57-A-d
núi Bó Giá	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 24"	106° 14' 32"					F-48-57-A-d
thôn Hồng Sơn	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 05"	106° 12' 41"					F-48-57-A-d
núi Keng Chón (Ceng Chón)	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 25"	106° 14' 01"					F-48-57-A-d
đèo Keng Gà	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 53' 04"	106° 14' 29"					F-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Khưa Mu	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 11"	106° 11' 43"						F-48-57-A-d	
khau Kiềng	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 36"	106° 11' 28"						F-48-57-A-d	
núi Nà Bao	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 48"	106° 14' 09"						F-48-57-A-b	
thôn Nà Danh	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 50"	106° 12' 52"						F-48-57-A-d	
thôn Nà Giá	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 37"	106° 13' 52"						F-48-57-A-b	
thôn Nà Pán	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 19"	106° 12' 51"						F-48-57-A-d	
thôn Nà Quế	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 27"	106° 12' 56"						F-48-57-A-d	
thôn Nà Rộng	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 11"	106° 13' 42"						F-48-57-A-d	
thôn Phúc Tiến	DC	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 51' 16"	106° 12' 31"						F-48-57-A-d	
núi Thẩm Vải	SV	xã Vũ Sơn	H. Bắc Sơn	21° 52' 20"	106° 13' 21"						F-48-57-A-d	
cầu Đông Mạ	KX	TT. Bình Giả	H. Bình Giả	21° 57' 09"	106° 22' 25"						F-48-57-B-a	
làng Lũng Nọi	DC	TT. Bình Giả	H. Bình Giả	21° 57' 11"	106° 22' 25"						F-48-57-B-a	
làng Phai Cam	DC	TT. Bình Giả	H. Bình Giả	21° 57' 39"	106° 21' 54"						F-48-57-B-a	
thôn Bản Khoang	DC	xã Bình La	H. Bình Giả	21° 55' 53"	106° 29' 10"						F-48-57-B-b	
thôn Bản Pát	DC	xã Bình La	H. Bình Giả	21° 55' 19"	106° 30' 46"						F-48-58-A-a	
suối Bản Pì Oà (Bản Pyò)	TV	xã Bình La	H. Bình Giả			21° 56' 22"	106° 28' 57"	21° 56' 08"	106° 29' 31"		F-48-57-B-b	
thôn Bản Pía	DC	xã Bình La	H. Bình Giả	21° 56' 12"	106° 29' 24"						F-48-57-B-b	
suối Bình La	TV	xã Bình La	H. Bình Giả			21° 56' 05"	106° 29' 34"	21° 54' 47"	106° 29' 47"		F-48-57-B-b	
núi Chong Tu	SV	xã Bình La	H. Bình Giả	21° 56' 33"	106° 30' 30"						F-48-58-A-a	
thôn Cốc Phường	DC	xã Bình La	H. Bình Giả	21° 57' 39"	106° 27' 57"						F-48-57-B-b	
suối Cốc Phường	TV	xã Bình La	H. Bình Giả			21° 58' 43"	106° 27' 59"	21° 57' 15"	106° 28' 55"		F-48-57-B-b	
núi Khun Pí Ất (Khun Pliệt)	SV	xã Bình La	H. Bình Giả	21° 55' 02"	106° 29' 02"						F-48-57-B-b	
thôn Khuổi Lương	DC	xã Bình La	H. Bình Giả	21° 57' 03"	106° 28' 57"						F-48-57-B-b	
khau Làng	SV	xã Bình La	H. Bình Giả	21° 55' 34"	106° 31' 52"						F-48-58-A-a	
núi Ma Thái	SV	xã Bình La	H. Bình Giả	21° 55' 17"	106° 32' 14"						F-48-58-A-a	
núi Mây Cửa	SV	xã Bình La	H. Bình Giả	21° 56' 14"	106° 31' 24"						F-48-58-A-a	
suối Nà Văng	TV	xã Bình La	H. Bình Giả			21° 56' 25"	106° 31' 41"	21° 55' 24"	106° 30' 57"		F-48-58-A-a	
suối Nưa Thông	TV	xã Bình La	H. Bình Giả			21° 58' 12"	106° 28' 48"	21° 57' 13"	106° 28' 51"		F-48-57-B-b	
bản Nưa Thông	DC	xã Bình La	H. Bình Giả	21° 57' 49"	106° 29' 13"						F-48-57-B-b	
suối Quan Thu	TV	xã Bình La	H. Bình Giả			21° 56' 29"	106° 30' 58"	21° 54' 49"	106° 29' 48"		F-48-58-A-a	
núi Sam Siêu	SV	xã Bình La	H. Bình Giả	21° 58' 32"	106° 27' 28"						F-48-57-B-b	
suối Trung Thượng	TV	xã Bình La	H. Bình Giả			21° 55' 25"	106° 30' 56"	21° 55' 03"	106° 30' 24"		F-48-58-A-a	
thôn Bản Được	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Giả	21° 59' 08"	106° 15' 31"						F-48-57-B-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Bản Dục	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 02"	106° 16' 26"					F-48-57-B-a
súoi Bản Dục	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 58' 04"	106° 15' 59"	21° 59' 12"	106° 14' 35"	F-48-57-B-a
súoi Bản Dục	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 57' 55"	106° 16' 48"	21° 58' 04"	106° 15' 59"	F-48-57-B-a
khuau Bao	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 26"	106° 12' 24"					F-48-57-A-b
núi Khau Hai	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 57' 14"	106° 17' 24"					F-48-57-B-a
khúoi Kinh	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 56' 45"	106° 13' 51"	21° 58' 33"	106° 13' 30"	F-48-57-A-b
bản Khúc Khuyết	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 38"	106° 13' 44"					F-48-57-A-b
núi Khúoi Cường	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	22° 01' 04"	106° 12' 13"					F-48-45-C-d
bản Khúoi Khieć	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 59' 35"	106° 11' 02"					F-48-57-A-b
thón Khúoi Kinh	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 56' 58"	106° 13' 55"					F-48-57-A-b
thón Khúoi Nhuận	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 57"	106° 12' 41"					F-48-57-A-b
núi Ma Này	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	22° 00' 07"	106° 12' 44"			22° 00' 00"	106° 11' 47"	F-48-45-C-d
súoi Mây Đầy	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 57' 18"	106° 12' 45"					F-48-57-A-b
núi Mây Khoang	SV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 21"	106° 14' 33"					F-48-57-A-b
bản Nà Chĩ	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 56' 45"	106° 15' 12"	21° 58' 36"	106° 13' 52"	F-48-57-A-b
súoi Nà Chĩ	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 58' 21"	106° 12' 11"	21° 58' 55"	106° 12' 37"	F-48-57-A-b
súoi Nà Dát	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia							F-48-57-A-b
bản Nà Lào	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 59' 17"	106° 12' 06"			21° 58' 38"	106° 13' 01"	F-48-57-A-b
khúoi Nhuận	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia							F-48-57-A-b
bản Phiêng Hà	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 17"	106° 12' 47"					F-48-57-A-b
thón Tả Chu	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 59' 14"	106° 14' 30"					F-48-57-A-b
súoi Tả Chu	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			21° 58' 36"	106° 13' 52"	22° 00' 04"	106° 14' 47"	F-48-57-A-b
bản Tả Vàng	DC	xã Hòa Bình	H. Bình Gia	21° 58' 10"	106° 13' 31"					F-48-57-A-b
khúoi Tang	TV	xã Hòa Bình	H. Bình Gia			22° 00' 17"	106° 13' 14"	21° 58' 56"	106° 12' 43"	F-48-57-A-b
thón Bản Cù	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 08' 21"	106° 20' 55"					F-48-45-D-a
súoi Bản Cù	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia			22° 08' 53"	106° 21' 53"	22° 08' 08"	106° 21' 04"	F-48-45-D-a
thón Bằng Giang 1	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 08' 56"	106° 20' 57"					F-48-45-D-a
thón Bằng Giang 2	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 09' 49"	106° 20' 56"					F-48-45-D-a
núi Bó Quan	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 08' 08"	106° 26' 12"					F-48-45-D-a
súoi Cáo Chòm	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia			22° 13' 16"	106° 23' 59"	22° 11' 10"	106° 23' 23"	F-48-45-D
khuau Chỏm	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 11' 56"	106° 23' 28"					F-48-45-D
thón Đới Cấn 1	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 11' 03"	106° 22' 16"					F-48-45-D-a
thón Đới Cấn 2	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 11' 28"	106° 23' 29"					F-48-45-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Kéo Tù	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 13' 21"	106° 23' 28"							F-48-45-D
núi Khuổi Pàn	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 09' 16"	106° 23' 37"							F-48-45-D
núi Kốc Po	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 08' 40"	106° 23' 28"							F-48-45-D
khuổi Lìn	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia			22° 12' 58"	106° 20' 37"	22° 12' 02"	106° 20' 33"			F-48-45-D-a
thôn Nà Lò	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 08' 00"	106° 21' 18"							F-48-45-D-a
thôn Nà Pàn	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 07' 22"	106° 21' 14"							F-48-45-D-c
khuổi Ngào	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia			22° 12' 19"	106° 22' 15"	22° 10' 11"	106° 22' 30"			F-48-45-D-a
núi Phình Lốc	SV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 10' 18"	106° 24' 01"							F-48-45-D
thôn Tân Lập	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 07' 07"	106° 21' 43"							F-48-45-D-c
khuổi Thắm	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia			22° 11' 14"	106° 21' 18"	22° 10' 40"	106° 20' 08"			F-48-45-D-a
thôn Vĩnh Quang	DC	xã Hoa Thám	H. Bình Gia	22° 09' 29"	106° 26' 40"							F-48-45-D
suối Vĩnh Quang	TV	xã Hoa Thám	H. Bình Gia			22° 09' 21"	106° 25' 32"	22° 07' 37"	106° 25' 58"			F-48-45-D
thôn Bản Phán	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 59' 26"	106° 19' 40"							F-48-57-B-a
suối Bản Phán	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia			22° 00' 05"	106° 20' 24"	21° 59' 34"	106° 19' 13"			F-48-57-B-a
đèo Khau Ra	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 59' 19"	106° 20' 16"							F-48-57-B-a
khao Khuổi Hang	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 59' 43"	106° 21' 50"							F-48-57-B-a
núi Khuổi Hò	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	22° 00' 31"	106° 21' 38"							F-48-45-D-c
suối Khuổi Kỳ	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia			21° 57' 02"	106° 20' 52"	21° 57' 02"	106° 21' 34"			F-48-57-B-a
núi Khuổi Luồng	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	22° 00' 53"	106° 21' 41"							F-48-45-D-c
núi Lũng Nhù	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	22° 00' 16"	106° 21' 13"							F-48-45-D-c
bản Nà Cui	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 59' 27"	106° 21' 11"							F-48-57-B-a
bản Nà Rường	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 56' 56"	106° 21' 25"							F-48-57-B-a
thôn Phai Danh	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 59' 21"	106° 22' 23"							F-48-57-B-a
hồ Phai Danh	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 58' 27"	106° 22' 08"							F-48-57-B-a
núi Phia Cùm	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	22° 00' 39"	106° 20' 56"							F-48-45-D-c
bản Phia Không	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 56' 04"	106° 21' 01"							F-48-57-B-a
đèo Phia Không	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 55' 53"	106° 20' 58"							F-48-57-B-a
núi Phia Không	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 56' 08"	106° 21' 28"							F-48-57-B-a
núi Rời	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	22° 00' 09"	106° 22' 22"							F-48-45-D-c
bản Thắm Sáng	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 58' 40"	106° 21' 29"							F-48-57-B-a
suối Thắm Sáng	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia			21° 59' 37"	106° 21' 17"	21° 59' 12"	106° 21' 29"			F-48-57-B-a
thôn Thuận Như	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 58' 18"	106° 21' 33"							F-48-57-B-a
suối Thuận Như	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia			21° 58' 49"	106° 21' 30"	21° 57' 34"	106° 21' 35"			F-48-57-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tổng Chu	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Bình Gia	21° 57' 20"	106° 21' 35"					F-48-57-B-a
đường tỉnh 226	KX	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 04' 21"	22° 08' 05"	106° 23' 58"	106° 24' 01"	F-48-45-D-d
đường tỉnh 231	KX	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 05' 02"	22° 04' 32"	106° 23' 36"	106° 26' 17"	F-48-45-D-d
sông Bắc Giang	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 07' 35"	22° 07' 12"	106° 20' 56"	106° 28' 16"	F-48-45-D-d
suối Bắc Me	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 05' 53"	22° 06' 23"	106° 21' 57"	106° 22' 38"	F-48-45-D-d
suối Cao Lan	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 04' 20"	22° 05' 35"	106° 23' 54"	106° 23' 23"	F-48-45-D-d
suối Cốc Lùng	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 09' 11"	22° 08' 40"	106° 27' 37"	106° 27' 31"	F-48-45-D
khuổi Đắc	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 06' 15"	22° 06' 47"	106° 20' 49"	106° 21' 41"	F-48-45-D
bản Khau Phai	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 08' 43"	106° 28' 34"					F-48-45-D
thôn Khuổi Khuy	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 07' 01"	106° 24' 01"					F-48-45-D-d
khuổi Khuy	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 07' 59"	22° 05' 55"	106° 24' 12"	106° 23' 58"	F-48-45-D-d
thôn Kim Đồng	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 06' 40"	106° 20' 42"					F-48-45-D-c
khuổi Linh	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 07' 53"	22° 06' 25"	106° 24' 47"	106° 25' 13"	F-48-45-D-d
khau Linh	SV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 07' 29"	106° 24' 57"					F-48-45-D-d
thôn Nà Bùn	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 15"	106° 23' 24"					F-48-45-D-d
thôn Nà Cạp	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 04' 03"	106° 25' 55"					F-48-45-D-d
bản Nà Deng	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 04' 49"	106° 24' 53"					F-48-45-D-d
thôn Nà Háng	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 43"	106° 23' 53"					F-48-45-D-d
thôn Nà Kít	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 14"	106° 25' 08"					F-48-45-D-d
thôn Nà Nát	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 50"	106° 23' 00"					F-48-45-D-d
thôn Nà Sía	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 08' 38"	106° 27' 32"					F-48-45-D
bản Nà Sli	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 03"	106° 23' 22"					F-48-45-D-d
thôn Nà Ven	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 46"	106° 23' 20"					F-48-45-D-d
suối Nà Ven	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia			22° 08' 02"	22° 05' 52"	106° 23' 38"	106° 23' 06"	F-48-45-D-d
thôn Nậm Slin	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 04' 30"	106° 23' 52"					F-48-45-D-d
khau Phai	SV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 08' 52"	106° 28' 01"					F-48-45-D
bản Pò Mỹ	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 04"	106° 23' 39"					F-48-45-D-d
bản Quyển	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 06' 40"	106° 26' 50"					F-48-45-D-d
núi Thọ Văn	SV	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 08' 07"	106° 27' 58"					F-48-45-D
bản Văn Can	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 04' 30"	106° 25' 37"					F-48-45-D-d
thôn Văn Mịch	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 26"	106° 23' 20"					F-48-45-D-d
cầu Văn Mịch	KX	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 05' 42"	106° 23' 28"					F-48-45-D-d
thôn Vằng Phia	DC	xã Hồng Phong	H. Bình Gia	22° 07' 04"	106° 27' 05"					F-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Vĩnh Quang	TV	xã Hồng Phong	H. Bình Giả			22° 07' 37"	106° 25' 58"	22° 06' 41"	106° 26' 20"	F-48-45-D-d
thôn Bản Hoay	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Giả	21° 58' 13"	106° 25' 45"					F-48-57-B-b
thôn Bản Huân	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Giả	21° 56' 07"	106° 27' 17"					F-48-57-B-b
suối Bản Huân	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Giả			21° 56' 54"	106° 27' 17"	21° 56' 20"	106° 27' 11"	F-48-57-B-b
thôn Bản Nghiệp	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Giả	21° 55' 25"	106° 27' 22"					F-48-57-B-b
suối Cốc Mực	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Giả			21° 57' 22"	106° 25' 22"	21° 56' 56"	106° 25' 30"	F-48-57-B-b
núi Cốc Sa	SV	xã Hồng Thái	H. Bình Giả	21° 54' 08"	106° 27' 46"					F-48-57-B-b
thôn Cồn Quan	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Giả	21° 55' 08"	106° 28' 20"					F-48-57-B-b
sông Cồn Quan	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Giả			21° 56' 00"	106° 27' 20"	21° 54' 06"	106° 28' 45"	F-48-57-B-b
suối Cồn Tầu Ư (Cồn Tầu)	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Giả			21° 56' 41"	106° 25' 17"	21° 56' 56"	106° 25' 30"	F-48-57-B-b
núi Khuôn Tát	SV	xã Hồng Thái	H. Bình Giả	21° 55' 46"	106° 28' 00"					F-48-57-B-b
bản Mỏ Hấu	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Giả	21° 54' 22"	106° 28' 41"					F-48-57-B-b
thôn Nà Bản	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Giả	21° 56' 52"	106° 26' 07"					F-48-57-B-b
suối Nà Bản	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Giả			21° 57' 57"	106° 26' 19"	21° 56' 47"	106° 26' 12"	F-48-57-B-b
thôn Nà Dẫn	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Giả	21° 54' 09"	106° 28' 39"					F-48-57-B-b
bản Nà Kéo	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Giả	21° 54' 05"	106° 29' 02"					F-48-57-B-b
thôn Nà Khoang	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Giả	21° 54' 43"	106° 28' 18"					F-48-57-B-b
thôn Nà Ngựa	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Giả	21° 56' 25"	106° 26' 28"					F-48-57-B-b
suối Nà Ngựa	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Giả			21° 56' 09"	106° 25' 52"	21° 56' 20"	106° 26' 23"	F-48-57-B-b
bản Nà Om	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Giả	21° 54' 21"	106° 28' 27"					F-48-57-B-b
thôn Nam Tiến	DC	xã Hồng Thái	H. Bình Giả	21° 57' 27"	106° 25' 18"					F-48-57-B-b
suối Phi Phạ	TV	xã Hồng Thái	H. Bình Giả			21° 54' 06"	106° 28' 45"	21° 54' 05"	106° 28' 44"	F-48-57-B-b
núi Pò Thu Kiều	SV	xã Hồng Thái	H. Bình Giả	21° 57' 44"	106° 26' 15"					F-48-57-B-b
khau Quán	SV	xã Hồng Thái	H. Bình Giả	21° 58' 25"	106° 25' 03"					F-48-57-B-b
thôn Bản Chu	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Giả	22° 12' 08"	106° 19' 15"					F-48-57-B-b
khuổi Bường	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Giả			22° 13' 52"	106° 19' 05"	22° 12' 59"	106° 18' 32"	F-48-45-D-a
khuổi Dầy	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Giả			245° 78' 60"	63° 71' 40"	245° 56' 20"	63° 59' 50"	F-48-45-D-a
suối Hưng Đạo	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Giả			22° 14' 46"	106° 15' 47"	22° 11' 27"	106° 19' 39"	F-48-45-D-a
suối Kéo Liêng	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Giả			22° 08' 26"	106° 20' 58"	22° 07' 08"	106° 21' 19"	F-48-45-D-a
khuổi Khiết	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Giả			22° 14' 30"	106° 18' 18"	22° 13' 34"	106° 17' 41"	F-48-45-D-a
thôn Nà Bura	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Giả	22° 12' 59"	106° 18' 32"					F-48-45-D-a
thôn Nà Dạ	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Giả	22° 14' 10"	106° 16' 55"					F-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khuổi Nà Dạ thôn Pác Khiếu thôn Pàn Deng thôn Pàn Siêu đường tỉnh 226 thôn Bản Hồi thôn Bản Tân thôn Bản Tiến suối Cao Lan cầu Cao Lan núi Đồng Ké núi Đồng Nỉm đèo Khau Phụ Khuổi Khem thôn Khuổi Con thôn Khuổi Ổ thôn Nà Khuông thôn Nà Mạ thôn Nà Mươi thôn Nà Nén cầu Nà Thú cầu Nà Toàng thôn Pàn Pên 1 thôn Pàn Pên 2 thôn Phiêng Nura thôn Bản Muống suối Bản Quả Khuổi Cản thôn Cốc Mẩn thôn Đồng Hương bản Khuổi Cản Khuổi Kì	TV	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia			22° 14' 60"	106° 17' 23"	22° 14' 02"	106° 16' 57"	F-48-45-D-a
	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 13' 40"	106° 17' 40"					F-48-45-D-a
	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 11' 12"	106° 19' 27"					F-48-45-D-a
	DC	xã Hưng Đạo	H. Bình Gia	22° 11' 50"	106° 20' 16"					F-48-45-D-a
	KX	xã Minh Khai	H. Bình Gia			21° 59' 30"	106° 23' 31"	22° 04' 21"	106° 23' 58"	F-48-45-D-d
	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 04' 54"	106° 24' 38"					F-48-45-D-d
	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 01' 43"	106° 22' 34"					F-48-45-D-d
	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 02' 56"	106° 24' 34"					F-48-45-D-d
	TV	xã Minh Khai	H. Bình Gia			22° 00' 05"	106° 23' 38"	22° 04' 20"	106° 23' 54"	F-48-45-D-d
	KX	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 00' 05"	106° 23' 39"					F-48-45-D-d
	SV	xã Minh Khai	H. Bình Gia	21° 59' 40"	106° 25' 02"					F-48-57-B-b
	SV	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 01' 30"	106° 22' 05"					F-48-45-D-c
	SV	xã Minh Khai	H. Bình Gia	21° 59' 30"	106° 23' 31"					F-48-57-B-b
	TV	xã Minh Khai	H. Bình Gia			22° 00' 21"	106° 25' 21"	22° 01' 10"	106° 25' 56"	F-48-45-D-d
	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 02' 11"	106° 23' 16"					F-48-45-D-d
	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 01' 47"	106° 24' 15"					F-48-45-D-d
	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 02' 57"	106° 25' 57"					F-48-45-D-d
	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 02' 55"	106° 23' 30"					F-48-45-D-d
	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 04' 11"	106° 23' 52"					F-48-45-D-d
	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 00' 47"	106° 25' 21"					F-48-45-D-d
	KX	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 00' 57"	106° 23' 42"					F-48-45-D-d
	KX	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 03' 26"	106° 23' 43"					F-48-45-D-d
	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 00' 19"	106° 24' 16"					F-48-45-D-d
	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	22° 00' 47"	106° 23' 44"					F-48-45-D-d
	DC	xã Minh Khai	H. Bình Gia	21° 59' 24"	106° 26' 02"					F-48-57-B-b
	DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 58' 32"	106° 18' 35"					F-48-57-B-a
	TV	xã Mông Ân	H. Bình Gia			21° 56' 17"	106° 17' 42"	21° 55' 59"	106° 17' 18"	F-48-57-B-a
TV	xã Mông Ân	H. Bình Gia			21° 59' 27"	106° 16' 53"	21° 59' 46"	106° 15' 58"	F-48-57-B-a	
DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 58' 41"	106° 18' 44"					F-48-57-B-a	
DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 58' 57"	106° 18' 03"					F-48-57-B-a	
DC	xã Mông Ân	H. Bình Gia	21° 59' 56"	106° 15' 55"					F-48-57-B-a	
TV	xã Mông Ân	H. Bình Gia			21° 58' 18"	106° 17' 15"	21° 58' 53"	106° 17' 34"	F-48-57-B-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nà Cam	TV	xã Mông Ân	H. Bình Giả			21° 59' 08"	106° 17' 29"	21° 59' 58"	106° 17' 35"	F-48-57-B-a
thôn Nà Cướm	DC	xã Mông Ân	H. Bình Giả	21° 56' 09"	106° 16' 33"					F-48-57-B-a
suối Nà Cướm	TV	xã Mông Ân	H. Bình Giả			21° 56' 39"	106° 17' 17"	21° 56' 01"	106° 16' 41"	F-48-57-B-a
thôn Nà Vò	DC	xã Mông Ân	H. Bình Giả	21° 58' 24"	106° 18' 44"					F-48-57-B-a
thôn Nà Vường	DC	xã Mông Ân	H. Bình Giả	21° 58' 32"	106° 18' 41"					F-48-57-B-a
bản Quá	DC	xã Mông Ân	H. Bình Giả	21° 56' 03"	106° 17' 17"					F-48-57-B-a
khuổi Quán	TV	xã Mông Ân	H. Bình Giả			21° 57' 47"	106° 17' 51"	21° 58' 53"	106° 17' 38"	F-48-57-B-a
thôn Viên Minh	DC	xã Mông Ân	H. Bình Giả	21° 59' 52"	106° 16' 32"					F-48-57-B-a
suối Bắc Me	TV	xã Quang Trung	H. Bình Giả			22° 03' 05"	106° 22' 20"	22° 05' 53"	106° 21' 57"	F-48-45-D-c
thôn Bản Quán	DC	xã Quang Trung	H. Bình Giả	22° 02' 44"	106° 20' 45"					F-48-45-D-c
suối Bản Quán	TV	xã Quang Trung	H. Bình Giả			22° 02' 42"	106° 20' 26"	22° 03' 26"	106° 19' 59"	F-48-45-D-c
thôn Đình Cam	DC	xã Quang Trung	H. Bình Giả	22° 03' 52"	106° 19' 53"					F-48-45-D-c
suối Đình Cam	TV	xã Quang Trung	H. Bình Giả			22° 03' 26"	106° 19' 59"	22° 05' 30"	106° 21' 36"	F-48-45-D-c
thôn Kéo Giếng	DC	xã Quang Trung	H. Bình Giả	22° 05' 24"	106° 20' 06"					F-48-45-D-c
núi Khau Mạ	SV	xã Quang Trung	H. Bình Giả	22° 03' 56"	106° 20' 52"					F-48-45-D-d
thôn Mò Mè	DC	xã Quang Trung	H. Bình Giả	22° 04' 44"	106° 19' 53"					F-48-45-D-c
thôn Nà Ngần	DC	xã Quang Trung	H. Bình Giả	22° 02' 34"	106° 18' 55"					F-48-45-D-c
suối Nà Ngần	TV	xã Quang Trung	H. Bình Giả			22° 02' 34"	106° 18' 55"	22° 03' 26"	106° 19' 59"	F-48-45-D-c
thôn Nà Tèo	DC	xã Quang Trung	H. Bình Giả	22° 03' 15"	106° 19' 46"					F-48-45-D-c
thôn Nà Tông	DC	xã Quang Trung	H. Bình Giả	22° 04' 01"	106° 21' 26"					F-48-45-D-c
suối Nà Tông	TV	xã Quang Trung	H. Bình Giả			22° 03' 38"	106° 22' 18"	21° 03' 05"	106° 22' 21"	F-48-45-D-c
thôn Pác Giầm	DC	xã Quang Trung	H. Bình Giả	22° 05' 23"	106° 21' 33"					F-48-45-D-c
núi Pò Pán	SV	xã Quang Trung	H. Bình Giả	22° 05' 09"	106° 22' 16"					F-48-45-D-c
núi Tinh Lay	SV	xã Quang Trung	H. Bình Giả	22° 04' 15"	106° 22' 12"					F-48-45-D-c
sông Bắc Giang	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Giả			22° 10' 30"	106° 16' 34"	22° 07' 35"	106° 20' 56"	F-48-45-D-a
núi Cột Cờ	SV	xã Quý Hòa	H. Bình Giả	22° 09' 29"	106° 20' 04"					F-48-45-D-a
suối Hát Lọc	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Giả			22° 10' 12"	106° 17' 44"	22° 10' 07"	106° 17' 24"	F-48-45-D-a
bản Khuổi Là	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Giả	22° 09' 24"	106° 15' 57"					F-48-45-D-a
thôn Khuổi Ngành	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Giả	22° 08' 22"	106° 20' 00"					F-48-45-D-a
bản Khuổi Siăm	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Giả	22° 08' 22"	106° 16' 29"					F-48-45-D-a
bản Khuổi Slang	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Giả	22° 07' 32"	106° 15' 35"					F-48-45-D-a
bản Khuổi Toong	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Giả	22° 08' 21"	106° 17' 17"					F-48-45-D-a
Khuổi Là	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Giả			22° 09' 14"	106° 15' 12"	22° 09' 33"	106° 17' 09"	F-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Liềng khuổi Lũng thôn Nà Kéo thôn Nà Lũng suối Pác Cáp bản Sang Dưới khuổi Slang khuổi Slum khuổi Toong bản Vằng Pưộc khuổi Bùng khuổi Cát bản Cốc Pục khuổi Cơn khuổi Điện khuổi Hẩu núi Kéo Dìn thôn Khuổi Bồng thôn Khuổi Cát bản Khuổi Cơn bản Khuổi Liềng bản Khuổi Mùi thôn Khuổi Nà thôn Khuổi Phung bản Khuổi Tỏi núi Lầu Bạu khuổi Liềng bản Lũng Li núi Lũng Li bản Mây Deng núi Mây Khoang suối Mây Khoang khuổi Mùi	SV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 07' 17"	106° 20' 32"					F48-45-D-c
	SV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 08' 51"	108° 19' 42"					F-48-45-D-a
	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 09' 34"	106° 16' 58"					F-48-45-D-a
	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 09' 15"	106° 18' 18"					F-48-45-D-a
	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 09' 30"	106° 19' 00"	22° 08' 09"	106° 20' 00"	F-48-45-D-a
	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 08' 23"	106° 15' 26"					F-48-45-D-a
	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 07' 48"	106° 15' 27"	22° 09' 14"	106° 15' 12"	F-48-45-D-a
	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 07' 58"	106° 13' 54"	22° 08' 46"	106° 14' 27"	F-48-45-C-b
	TV	xã Quý Hòa	H. Bình Gia			22° 07' 49"	106° 16' 56"	22° 08' 46"	106° 17' 22"	F-48-45-D-a
	DC	xã Quý Hòa	H. Bình Gia	22° 07' 39"	106° 20' 29"					F-48-45-D-a
	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 55' 53"	106° 10' 02"	21° 55' 01"	106° 10' 13"	F-48-57-A-b
	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 56' 41"	108° 10' 05"	21° 57' 46"	106° 10' 42"	F-48-57-A-b
	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 43"	106° 07' 50"					F-48-57-A-b
	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 57' 20"	106° 10' 42"	21° 57' 46"	106° 10' 42"	F-48-57-A-b
	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 55' 03"	106° 09' 41"	21° 55' 01"	106° 10' 13"	F-48-57-A-b
	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 56' 22"	106° 08' 51"	21° 57' 43"	106° 08' 41"	F-48-57-A-b
	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 58' 14"	106° 07' 11"					F-48-57-A-a
	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 55' 03"	106° 10' 15"					F-48-57-A-b
	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 32"	106° 10' 21"					F-48-57-A-b
	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 14"	106° 10' 34"					F-48-57-A-b
	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 56' 00"	106° 08' 47"					F-48-57-A-b
	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 52"	106° 10' 21"					F-48-57-A-b
	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 56' 27"	106° 07' 41"					F-48-57-A-b
	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 58' 08"	106° 08' 28"					F-48-57-A-b
	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 58' 07"	106° 11' 31"					F-48-57-A-b
	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 55' 21"	106° 08' 37"					F-48-57-A-b
	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 54' 50"	106° 08' 01"	21° 56' 22"	106° 08' 51"	F-48-57-A-b
DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 57"	106° 07' 18"					F-48-57-A-a	
TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 56' 41"	106° 06' 46"	21° 57' 43"	106° 08' 41"	F-48-57-A-b	
DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 50"	106° 11' 52"					F-48-57-A-b	
SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 18"	106° 12' 45"					F-48-57-A-b	
TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 57' 21"	106° 11' 13"	21° 57' 36"	106° 11' 58"	F-48-57-A-b	
TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 57' 58"	106° 10' 26"	21° 57' 55"	106° 10' 45"	F-48-57-A-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Nà	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 56' 28"	106° 07' 43"	21° 56' 22"	106° 08' 51"	F-48-57-A-b
thôn Nà Mang	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 58' 28"	106° 10' 43"					F-48-57-A-b
bản Phiêng Hà	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 58' 01"	106° 12' 32"					F-48-57-A-b
suối Phiêng Hà	TV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia			21° 59' 00"	106° 10' 35"	21° 57' 08"	106° 12' 54"	F-48-57-A-b
núi Pía Ká	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 54' 52"	106° 07' 36"					F-48-57-A-b
núi Pò Dầu Siếu	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 55' 49"	106° 09' 47"					F-48-57-A-b
núi Pò Khuổi Lũng	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 55' 26"	106° 09' 35"					F-48-57-A-b
núi Pò Pạ Khieć	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 56' 18"	106° 09' 29"					F-48-57-A-b
núi Pò Tằng Khăng	SV	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 57' 37"	106° 11' 13"					F-48-57-A-b
bản Quang	DC	xã Tân Hòa	H. Bình Gia	21° 58' 20"	106° 08' 31"					F-48-57-A-b
quốc lộ 1B	KX	xã Tân Văn	H. Bình Gia			21° 56' 32"	106° 24' 28"	21° 52' 17"	106° 26' 13"	F-48-57-B-b
thôn Bản Dao	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 18"	106° 25' 44"					F-48-57-B-b
thôn Bản Đáp	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 52' 22"	106° 26' 01"					F-48-57-B-d
cầu Bản Đáp	KX	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 52' 39"	106° 26' 04"					F-48-57-B-b
thôn Bản Năng	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 30"	106° 26' 39"					F-48-57-B-b
suối Cáp	TV	xã Tân Văn	H. Bình Gia			21° 53' 36"	106° 26' 38"	21° 53' 56"	106° 26' 57"	F-48-57-B-b
núi Cốc Phát	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 59"	106° 26' 44"					F-48-57-B-b
thôn Cón Tấu U' (Cón Tấu)	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 56' 09"	106° 25' 01"					F-48-57-B-b
đèo Gạm Nha	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 35"	106° 24' 50"					F-48-57-B-b
thôn Giao Thủy	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 56' 48"	106° 25' 03"					F-48-57-B-b
núi Hìn Khang	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 31"	106° 26' 58"					F-48-57-B-b
thôn Kéo Coong	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 18"	106° 25' 22"					F-48-57-B-b
núi Kéo Rằm	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 34"	106° 25' 39"					F-48-57-B-b
thôn Lán Khinh	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 09"	106° 24' 15"					F-48-57-B-b
núi Mỏ Roòng	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 07"	106° 25' 15"					F-48-57-B-b
thôn Nà Dai	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 18"	106° 26' 30"					F-48-57-B-b
suối Nà Dai	TV	xã Tân Văn	H. Bình Gia			21° 54' 46"	106° 26' 06"	21° 53' 13"	106° 25' 59"	F-48-57-B-b
thôn Nà Đồng	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 36"	106° 26' 08"					F-48-57-B-b
núi Nà Giáo	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 41"	106° 25' 45"					F-48-57-B-b
suối Nà Giáo	TV	xã Tân Văn	H. Bình Gia			21° 53' 56"	106° 26' 57"	21° 54' 23"	106° 27' 25"	F-48-57-B-b
cầu Nà Pái	KX	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 56' 33"	106° 24' 55"					F-48-57-B-b
thôn Nà Pái	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 56' 39"	106° 24' 41"					F-48-57-B-b
cầu Nà Quân	KX	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 26"	106° 26' 13"					F-48-57-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Vược	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 56"	106° 25' 00"					F-48-57-B-b
thôn Pá Péc	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 55' 15"	106° 25' 04"					F-48-57-B-b
núi Phia Giảng	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 54' 52"	106° 24' 14"					F-48-57-B-b
núi Phia Hón	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 19"	106° 25' 19"					F-48-57-B-b
núi Pô Tường	SV	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 55' 00"	106° 25' 42"					F-48-57-B-b
thôn Suối Cáp	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 53' 07"	106° 26' 23"					F-48-57-B-b
thôn Trà Lầu	DC	xã Tân Văn	H. Bình Gia	21° 55' 37"	106° 25' 03"					F-48-57-B-b
quốc lộ 279	KX	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 05' 03"	106° 08' 20"	106° 13' 36"	22° 01' 42"	F-48-57-B-b
thôn Ba Biển	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 31"	106° 10' 53"					F-48-45-C-d
thôn Cặm Tắm	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 01' 36"	106° 12' 45"					F-48-45-C-d
khuổi Cầu	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 05' 20"	106° 10' 17"	22° 04' 01"	106° 10' 07"	F-48-45-C-d
núi Kéo Trào	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 35"	106° 06' 33"					F-48-45-C-c
bản Khuổi Giảng	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 01"	106° 12' 46"					F-48-45-C-d
bản Khuổi Lào	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 04' 10"	106° 13' 01"					F-48-45-C-d
bản Khuổi Luồng	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 02' 22"	106° 12' 18"					F-48-45-C-d
núi Khuổi Ôn	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 02' 22"	106° 13' 56"					F-48-45-C-d
suối Khuổi Sán	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 02' 53"	106° 08' 52"	22° 03' 35"	106° 09' 54"	F-48-45-C-d
thôn Lán Luồng	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 42"	106° 06' 31"					F-48-45-C-d
khuổi Lào	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 04' 07"	106° 13' 00"	22° 02' 55"	106° 12' 48"	F-48-45-C-d
khuổi Lù	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 01' 51"	106° 11' 31"	22° 02' 05"	106° 13' 18"	F-48-45-C-d
khau Lũng Qua	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 52"	106° 07' 38"					F-48-45-C-d
thôn Nà Lặng	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 02' 11"	106° 13' 21"					F-48-45-C-d
thôn Nà Tân	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 04' 31"	106° 08' 16"					F-48-45-C-d
khuổi Nà Tân	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 03' 55"	106° 07' 05"	22° 04' 29"	106° 08' 28"	F-48-45-C-d
khau Slam Lải	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 05' 00"	106° 07' 58"					F-48-45-C-d
khau Tằng	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 04' 26"	106° 09' 54"					F-48-45-C-d
thôn Thạch Lũng	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 53"	106° 07' 20"					F-48-45-C-c
thôn Thảm Khôn	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 02' 59"	106° 09' 20"					F-48-45-C-d
khau Vạt	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 02' 55"	106° 07' 47"					F-48-45-C-d
núi Xa Ngâm Con	SV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 06' 47"	106° 10' 07"					F-48-45-C-d
thôn Yên Hùng	DC	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia	22° 03' 35"	106° 12' 19"					F-48-45-C-d
suối Yên Hùng	TV	xã Thiện Hòa	H. Bình Gia			22° 03' 28"	106° 11' 07"	22° 03' 11"	106° 11' 08"	F-48-45-C-d
thôn Bắc Hòa	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	21° 59' 53"	106° 10' 16"					F-48-57-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bắc Hóa	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			22° 00' 43"	106° 08' 16"	21° 59' 18"	106° 09' 52"	F-48-45-C-d
thôn Bản Thàng	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 00' 13"	106° 08' 04"					F-48-45-C-d
thôn Ca Siều	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 00' 16"	106° 07' 20"					F-48-45-C-c
núi Cột Cờ	SV	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 55"	106° 09' 30"					F-48-45-C-d
khuổi Hẩu	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			21° 58' 06"	106° 08' 41"	21° 59' 18"	106° 09' 52"	F-48-57-A-b
núi Kéo Trào	SV	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 02' 37"	106° 06' 28"					F-48-45-C-c
thôn Khuổi Hẩu	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	21° 58' 51"	106° 09' 18"					F-48-57-A-b
bản Khuổi Khẩu	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 00' 52"	106° 10' 11"					F-48-45-C-d
bản Khuổi Siu	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 02' 17"	106° 07' 12"					F-48-45-C-c
khuổi Kiếc	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			22° 00' 50"	106° 10' 12"	21° 59' 42"	106° 10' 55"	F-48-45-C-d
nậm Lâm Xa	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			21° 59' 10"	106° 06' 60"	21° 58' 58"	106° 09' 17"	F-48-57-A-b
bản Lộ Sao	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 21"	106° 08' 06"					F-48-45-C-d
khau Lũng Qua	SV	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 03' 10"	106° 07' 05"					F-48-45-C-c
thôn Nà Lù	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 30"	106° 06' 39"					F-48-45-C-c
bản Nà Ngà	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 58"	106° 07' 04"					F-48-45-C-c
bản Nha Càng	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	21° 59' 12"	106° 10' 02"					F-48-57-A-b
suối Nhà Càng	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			21° 59' 18"	106° 09' 52"	21° 59' 00"	106° 10' 35"	F-48-57-A-b
núi Pò Vòm	SV	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 43"	106° 10' 13"					F-48-45-C-d
khuổi Siu	TV	xã Thiện Long	H. Bình Gia			22° 02' 60"	106° 07' 14"	22° 01' 59"	106° 06' 57"	F-48-45-C-c
bản Tầu Reng	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 00' 37"	106° 09' 16"					F-48-45-C-d
thôn Tổng Nộc	DC	xã Thiện Long	H. Bình Gia	22° 01' 24"	106° 07' 25"					F-48-45-C-c
quốc lộ 279	KX	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 01' 42"	106° 13' 36"	21° 59' 34"	106° 19' 14"	F-48-45-C-c
thôn Bản Chúc	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 28"	106° 18' 28"					F-48-45-D-c
suối Bản Chúc	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 01' 06"	106° 18' 43"	22° 00' 32"	106° 16' 50"	F-48-45-D-c
khuổi Hấp	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 04' 31"	106° 15' 57"	22° 03' 57"	106° 16' 20"	F-48-45-D-c
bản Khuổi Càn	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 05"	106° 15' 56"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Cườm	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 40"	106° 15' 54"					F-48-45-D-c
bản Khuổi Đắc	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 34"	106° 19' 24"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Hấp	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 04' 01"	106° 16' 07"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Khuy	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 02' 16"	106° 16' 37"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Lù	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 05"	106° 17' 16"					F-48-45-D-c
núi Khuổi Lý	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 03' 03"	106° 13' 22"					F-48-45-C-d
núi Khuổi Mông	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 04' 00"	106° 16' 07"					F-48-45-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Khuổi Y	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 16"	106° 17' 50"							F-48-45-D-c
khuổi Khuy	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 02' 08"	106° 16' 33"	22° 02' 51"	106° 15' 39"			F-48-45-D-c
khuổi Lù	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 01' 21"	106° 17' 02"	22° 00' 25"	106° 16' 54"			F-48-45-D-c
thôn Nà Lốc	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 28"	106° 16' 44"							F-48-45-D-c
thôn Pác Khuông	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 47"	106° 15' 53"							F-48-45-D-c
sông Pác Khuông	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 00' 04"	106° 14' 47"	22° 04' 24"	106° 17' 06"			F-48-45-D-c
cầu Pác Khuông	KX	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 42"	106° 15' 49"							F-48-45-D-c
thôn Pác Là	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 03' 26"	106° 15' 04"							F-48-45-D-c
thôn Pác Luống	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 03' 36"	106° 17' 13"							F-48-45-D-c
suối Pác Luống	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 03' 11"	106° 17' 19"	22° 04' 09"	106° 17' 18"			F-48-45-D-c
núi Pán Cheng	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 02' 34"	106° 18' 16"							F-48-45-D-c
núi Phia Lén	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 04' 20"	106° 14' 24"							F-48-45-C-d
núi Phia Môn	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 57"	106° 16' 28"							F-48-45-D-c
thôn Pò Sẻ	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 00' 50"	106° 15' 00"							F-48-45-C-d
khuổi Sác	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 01"	106° 13' 48"							F-48-45-C-d
núi Thám	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 35"	106° 19' 15"							F-48-45-D-c
khuổi Thán	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 04' 24"	106° 17' 52"							F-48-45-D-c
suối Thiện Hoà	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 01' 41"	106° 13' 33"	22° 00' 43"	106° 15' 08"			F-48-45-C-d
núi Thoáng Bóc	SV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 01' 43"	106° 14' 23"							F-48-45-C-d
thôn Vằng Sầu	DC	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia	22° 02' 49"	106° 14' 09"							F-48-45-C-d
khuổi Y	TV	xã Thiện Thuật	H. Bình Gia			22° 01' 33"	106° 17' 55"	22° 00' 25"	106° 17' 07"			F-48-45-D-c
đường tỉnh 226	KX	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia			21° 57' 10"	106° 22' 31"	21° 59' 30"	106° 24' 28"			F-48-57-B-b
quốc lộ 1B	KX	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia			21° 57' 10"	106° 22' 31"	21° 56' 32"	106° 24' 28"			F-48-57-B-b
núi Độc Cươt	SV	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 55' 35"	106° 23' 56"							F-48-57-B-b
thôn Ngọc Quyển	DC	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 56' 49"	106° 22' 57"							F-48-57-B-b
thôn Ngọc Trí	DC	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 57' 24"	106° 22' 49"							F-48-57-B-b
thôn Pắc Nàng	DC	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 58' 21"	106° 23' 25"							F-48-57-B-b
núi Pắc Sào	SV	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 57' 05"	106° 23' 16"							F-48-57-B-b
thôn Tân Thành	DC	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 56' 30"	106° 23' 41"							F-48-57-B-b
thôn Yên Bình	DC	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia	21° 58' 48"	106° 23' 28"							F-48-57-B-b
suối Yên Bình	TV	xã Tô Hiệu	H. Bình Gia			21° 58' 28"	106° 23' 16"	21° 57' 57"	106° 23' 13"			F-48-57-B-b
sông Bắc Giang	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 13' 17"	106° 13' 57"	22° 10' 30"	106° 16' 34"			F-48-45-D-a
khuổi Chi	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 09' 53"	106° 15' 15"	22° 10' 20"	106° 15' 56"			F-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phân hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Đàng	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 13' 52"	106° 15' 44"	22° 12' 25"	106° 15' 36"	F-48-45-D-a
khau Dại	SV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 11' 25"	106° 15' 27"					F-48-45-D-a
bản Khuổi Đàng	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 57"	106° 15' 40"					F-48-45-D-a
thôn Khuổi Dại	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 10' 55"	106° 15' 22"					F-48-45-D-a
thôn Khuổi Luông	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 00"	106° 14' 37"					F-48-45-C-b
thôn Khuổi Mán	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 30"	106° 13' 46"					F-48-45-C-b
khuổi Mán	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 11' 45"	106° 13' 16"	22° 12' 10"	106° 13' 55"	F-48-45-C-b
núi Phia Báng	SV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 10' 31"	106° 13' 48"					F-48-45-C-b
núi Phia Mạ	SV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 22"	106° 14' 34"					F-48-45-C-b
khuổi Quang	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia					22° 11' 42"	106° 17' 50"	F-48-45-D-a
khuổi Sầu	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia			22° 12' 30"	106° 16' 45"	22° 11' 52"	106° 16' 55"	F-48-45-D-a
bản Soong Phụ	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 50"	106° 14' 28"					F-48-45-C-b
khuổi Tền	TV	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia					22° 13' 00"	106° 15' 18"	F-48-45-D-a
thôn Vằng Mán	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 12' 00"	106° 16' 33"					F-48-45-D-a
thôn Vằng Ún	DC	xã Vĩnh Yên	H. Bình Gia	22° 11' 11"	106° 16' 58"					F-48-45-D-a
thôn Bần Mè	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 04' 53"	106° 17' 20"					F-48-45-D-c
thôn bản Pe	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 48"	106° 13' 37"					F-48-45-C-d
núi Cạm Mảng	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 50"	106° 20' 10"					F-48-45-D-c
núi Đông Lào	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 34"	106° 15' 11"					F-48-45-D-c
khuổi Kép	TV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia					22° 06' 29"	106° 14' 34"	F-48-45-C-d
khuổi Khoan	TV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia			22° 07' 09"	106° 12' 00"	22° 06' 32"	106° 12' 32"	F-48-45-C-d
thôn Khuổi Chặng	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 10"	106° 19' 00"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Cọ	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 59"	106° 19' 17"					F-48-45-D-c
bản Khuổi Kép	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 06"	106° 14' 00"					F-48-45-C-d
bản Khuổi Ma	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 57"	106° 17' 28"					F-48-45-D-c
bản Khuổi Quang	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 31"	106° 18' 15"					F-48-45-D-c
núi Khuổi Quang	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 55"	106° 17' 15"					F-48-45-D-c
thôn Khuổi Sắp	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 07' 15"	106° 12' 19"					F-48-45-C-d
khau Liềng	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 07' 17"	106° 18' 41"					F-48-45-D-c
khuổi Ma	TV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia					22° 06' 51"	106° 18' 15"	F-48-45-D-c
khuổi Nà	TV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia					22° 06' 34"	106° 12' 56"	F-48-45-D-c
bản Nà Lào	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 44"	106° 15' 47"					F-48-45-D-c
bản Nà Pang	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 31"	106° 16' 04"					F-48-45-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Quang thôn Nà Quảng bản Nà Sầm bản Nà Tầm bản Pác Xoong thôn Pò Mằm núi Sa Quang bản Sam Chòi bản Thu Kiều núi Xa Ngâm sông Yên Lỗ khối 1 khối 2 khối 4 khối 8 khối 9 quốc lộ 1A quốc lộ 1A khu Dây Thép đồi Đồn suối Đồng Đăng ga Đồng Đăng khu Ga cửa khẩu Hữu Nghị thôn Kéo Kham núi Khì Héo núi Lán Vải khu Nam Quan bó Siàng khu Vườn Sỏi đường tỉnh 235D thôn Cò Luồng núi Co Mìn	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 20"	106° 16' 04"					F-48-45-D-c
	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 13"	106° 14' 40"					F-48-45-C-d
	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 15"	106° 12' 23"					F-48-45-C-d
	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 16"	106° 15' 13"					F-48-45-D-c
	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 46"	106° 18' 43"					F-48-45-D-c
	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 34"	106° 16' 32"					F-48-45-D-c
	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 07' 19"	106° 17' 56"					F-48-45-D-c
	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 06' 39"	106° 19' 17"					F-48-45-D-c
	DC	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 05' 33"	106° 13' 15"					F-48-45-C-d
	SV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia	22° 07' 11"	106° 11' 02"					F-48-45-C-d
	TV	xã Yên Lỗ	H. Bình Gia			22° 04' 24"	106° 17' 06"	22° 07' 36"	106° 19' 30"	F-48-45-D-c
	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 52' 22"	106° 45' 53"					F-48-58-B+46-D
	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 52' 14"	106° 45' 48"					F-48-58-B+46-D
	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 52' 05"	106° 46' 01"					F-48-58-B+46-D
	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 52' 04"	106° 46' 26"					F-48-58-B+46-D
	DC	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc	21° 52' 12"	106° 46' 17"					F-48-58-B+46-D
	KX	TT. Cao Lộc	H. Cao Lộc			21° 51' 30"	106° 46' 04"	21° 52' 33"	106° 45' 20"	F-48-58-B+46-D
	KX	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc			21° 58' 32"	106° 42' 34"	21° 56' 36"	106° 42' 01"	F-48-58-A
	DC	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 57' 15"	106° 41' 44"					F-48-58-A
	SV	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 57' 56"	106° 42' 05"					F-48-58-A
TV	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc			21° 57' 34"	106° 42' 25"	21° 56' 40"	106° 41' 24"	F-48-58-A	
KX	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 56' 38"	106° 41' 43"					F-48-58-A	
DC	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 56' 33"	106° 41' 42"					F-48-58-A	
KX	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 58' 30"	106° 42' 32"					F-48-58-A	
DC	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 57' 26"	106° 42' 08"					F-48-58-A	
SV	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 57' 35"	106° 41' 51"					F-48-58-A	
SV	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 58' 04"	106° 42' 16"					F-48-58-A	
DC	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 57' 09"	106° 41' 47"					F-48-58-A	
SV	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 58' 14"	106° 42' 16"					F-48-58-A	
DC	TT. Đồng Đăng	H. Cao Lộc	21° 56' 26"	106° 42' 07"					F-48-58-A	
KX	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 58' 12"	106° 42' 47"	21° 59' 27"	106° 45' 00"	F-48-58-A	
DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 16"	106° 43' 22"					F-48-58-A	
SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 37"	106° 43' 15"					F-48-58-A	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Co Mồi	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 57' 29"	106° 43' 01"	21° 57' 34"	106° 42' 28"	F-48-58-A
núi Cốc Chác	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	22° 00' 29"	106° 46' 11"					F-48-58-B+46-D
thôn Cốc Tào	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 01"	106° 44' 51"					F-48-58-A
thôn Cốc Tòng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 32"	106° 44' 27"					F-48-58-A
khuổi Dầy	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			22° 00' 00"	106° 44' 12"	21° 58' 53"	106° 44' 34"	F-48-58-B+46-D
suối Đông Ké	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			22° 00' 00"	106° 44' 12"	21° 58' 53"	106° 44' 34"	F-48-58-B+46-D
bản Già Mọc	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 57"	106° 45' 58"					F-48-58-B+46-D
núi Già Mọc	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 00"	106° 46' 41"					F-48-58-B+46-D
khuổi He	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 58' 49"	106° 43' 31"	21° 58' 34"	106° 43' 47"	F-48-58-A
khau Keo	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 57' 38"	106° 44' 35"					F-48-58-A
thôn Kéo Có	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 12"	106° 43' 54"					F-48-58-A
đồi Khau Siếm	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 56' 56"	106° 42' 57"					F-48-58-A
khau Khê	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	22° 00' 44"	106° 45' 40"					F-48-58-B+46-D
thôn Khòn Háng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 49"	106° 45' 36"					F-48-58-B+46-D
thôn Khòn Kéo	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 06"	106° 44' 53"					F-48-58-A
bản Khuổi Tao	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 57' 31"	106° 43' 50"					F-48-58-A
bản Li Táng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 47"	106° 45' 05"					F-48-58-B+46-D
núi Ma Khoét	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	22° 00' 03"	106° 46' 44"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Ân	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 52"	106° 45' 51"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Hé	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 58' 45"	106° 43' 14"	21° 58' 11"	106° 43' 20"	F-48-58-A
bản Nà Ke	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 58"	106° 44' 20"					F-48-58-A
núi Nà Kéo	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 57' 12"	106° 42' 37"					F-48-58-A
bản Nà Làng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	22° 00' 02"	106° 46' 19"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Pàn	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 02"	106° 43' 05"					F-48-58-A
bản Nà Phầy	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 15"	106° 44' 41"					F-48-58-A
suối Nà Tát	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc			21° 58' 41"	106° 45' 00"	21° 58' 12"	106° 42' 45"	F-48-58-A
bản Pá Deng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 42"	106° 43' 54"					F-48-58-A
núi Pá Tầu	SV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 56' 57"	106° 44' 20"					F-48-58-A
suối Pác Luộc	TV	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc							F-48-58-A
thôn Phạc Táng	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 58' 40"	106° 44' 08"					F-48-58-A
bản Pò Cọc	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 09"	106° 44' 19"					F-48-58-A
thôn Pò Nhung	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	22° 00' 06"	106° 46' 02"					F-48-58-B+46-D
bản Thâm Pha	DC	xã Bảo Lâm	H. Cao Lộc	21° 59' 04"	106° 45' 11"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 54' 59"	106° 39' 30"					F-48-58-A
	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 18"	106° 39' 02"					F-48-58-A
	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 29"	106° 39' 17"					F-48-58-A
	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 27"	106° 40' 00"					F-48-58-A
	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 26"	106° 39' 43"					F-48-58-A
	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 54' 31"	106° 38' 51"					F-48-58-A
	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 46"	106° 38' 26"					F-48-58-A
	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 52' 56"	106° 40' 06"					F-48-58-A
	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 54' 18"	106° 39' 19"					F-48-58-A
	KX	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 52' 44"	106° 39' 21"					F-48-58-A
	SV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 54' 34"	106° 39' 35"					F-48-58-A
	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 44"	106° 37' 51"					F-48-58-A
	TV	xã Bình Trung	H. Cao Lộc			21° 52' 21"	106° 39' 54"	21° 53' 03"	106° 37' 27"	F-48-58-A
	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 53"	106° 39' 10"					F-48-58-A
	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 52' 54"	106° 39' 16"					F-48-58-A
	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 05"	106° 39' 23"					F-48-58-A
	DC	xã Bình Trung	H. Cao Lộc	21° 53' 09"	106° 38' 13"					F-48-58-A
	KX	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc			21° 54' 09"	106° 56' 07"	21° 56' 05"	106° 56' 53"	F-48-58-B+46-D
	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 54' 07"	106° 55' 27"					F-48-58-B+46-D
	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 54' 02"	106° 54' 05"					F-48-58-B+46-D
KX	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 53' 52"	106° 56' 32"					F-48-58-B+46-D	
DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 54' 16"	106° 54' 33"					F-48-58-B+46-D	
TV	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc			21° 58' 14"	106° 53' 18"	21° 58' 15"	106° 54' 16"	F-48-58-B+46-D	
DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 57' 36"	106° 54' 45"					F-48-58-B+46-D	
TV	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc			21° 57' 09"	106° 54' 17"	21° 58' 15"	106° 54' 16"	F-48-58-B+46-D	
TV	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc			21° 54' 04"	106° 52' 59"	21° 54' 39"	106° 52' 32"	F-48-58-B+46-D	
DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 55' 34"	106° 56' 38"					F-48-58-B+46-D	
SV	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 53' 39"	106° 57' 08"					F-48-58-B+46-D	
SV	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 55' 06"	106° 55' 04"					F-48-58-B+46-D	
DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 55' 59"	106° 54' 03"					F-48-58-B+46-D	
DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 54' 01"	106° 55' 47"					F-48-58-B+46-D	
DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 54' 32"	106° 52' 52"					F-48-58-B+46-D	
DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 57' 05"	106° 54' 22"					F-48-58-B+46-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Học	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 56' 26"	106° 53' 01"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Luộc	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 56' 32"	106° 53' 26"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Mạn	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 55' 54"	106° 52' 50"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Năm	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 56' 38"	106° 53' 59"					F-48-58-B+46-D
suối Nà Rảo	TV	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc		21° 56' 39"	106° 55' 29"	21° 56' 38"	106° 54' 20"		F-48-58-B+46-D
thôn Nà Thảm	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 56' 03"	106° 52' 58"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Va	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 57' 15"	106° 54' 24"					F-48-58-B+46-D
núi Ngâm Đắc	SV	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 56' 49"	106° 55' 17"					F-48-58-B+46-D
thôn Pá Cường	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 54' 22"	106° 55' 14"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Cam	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 54' 03"	106° 55' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Cầu	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 54' 02"	106° 56' 58"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Nhung	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 58' 11"	106° 54' 19"					F-48-58-B+46-D
thôn Sông Danh	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 54' 52"	106° 53' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Thâm Luồng	DC	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 54' 17"	106° 56' 28"					F-48-58-B+46-D
núi Tông Trính	SV	xã Cao Lầu	H. Cao Lộc	21° 56' 41"	106° 52' 39"					F-48-58-B+46-D
núi Đông Chấn	SV	xã Công Sơn	H. Cao Lộc	21° 51' 11"	106° 52' 27"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuổi Tao	DC	xã Công Sơn	H. Cao Lộc	21° 52' 46"	106° 54' 55"					F-48-58-B+46-D
thôn Phiêng Luồng	DC	xã Công Sơn	H. Cao Lộc	21° 52' 06"	106° 51' 32"					F-48-58-B+46-D
núi Sam Hào	SV	xã Công Sơn	H. Cao Lộc	21° 51' 57"	106° 51' 38"					F-48-58-B+46-D
khuổi Tao	TV	xã Công Sơn	H. Cao Lộc			21° 51' 40"	106° 54' 16"	21° 51' 45"	106° 52' 54"	F-48-58-B+46-D
quốc lộ 4B	KX	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 48' 49"	106° 50' 36"	21° 51' 17"	106° 47' 21"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Lím	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 26"	106° 49' 23"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Ngà	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 48' 56"	106° 50' 20"					F-48-58-B+46-D
bản Càng Nộc	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 51' 16"	106° 49' 19"					F-48-58-B+46-D
bản Co Sla	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 51' 59"	106° 48' 57"					F-48-58-B+46-D
bản Kéo Chùa	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 48' 56"	106° 50' 24"					F-48-58-B+46-D
núi Khao Táng	SV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 51' 56"	106° 49' 49"					F-48-58-B+46-D
bản Khau Mu	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 48' 54"	106° 50' 11"					F-48-58-B+46-D
bản Khôn Hanh	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 35"	106° 49' 56"					F-48-58-B+46-D
bản Khôn Lướt	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 51"	106° 48' 23"					F-48-58-B+46-D
bản Khôn Sang	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 14"	106° 50' 05"					F-48-58-B+46-D
bản Khuân Rù	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 51' 48"	106° 48' 27"					F-48-58-B+46-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 48' 44"	106° 50' 27"	21° 50' 20"	106° 47' 55"	F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Khuổi Lầy Nọi bản Lầy Thúa núi Luồng Chanh thôn Nà Bó bản Nà Linh thôn Nà Lũng bản Nà Pán suối Nà Pán bản Nà Rào Khuổi Ngà suối Phai Kiệu bản Pò Lìn bản Pò Riêng thôn Quán Hàng thôn Tênh Slung suối Tênh Slung bản Thâm Chằng thôn Bó Khuồng núi Chi Móng thôn Co Liềng bản Co Phường suối Co Riêng Khuổi Hải núi Hắc Mu thôn Khuổi Đưa thôn Khuổi Phầy thôn Nà Tền thôn Pác Bó suối Pác Bó Khuổi Phầy Khuổi Sần bản Sĩ Huân bản Thín Lại	SV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 45"	106° 51' 17"						F-48-58-B+46-D	
	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 06"	106° 49' 56"						F-48-58-B+46-D	
	SV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 51' 00"	106° 48' 58"						F-48-58-B+46-D	
	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 48"	106° 49' 43"						F-48-58-B+46-D	
	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 12"	106° 48' 38"						F-48-58-B+46-D	
	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 40"	106° 49' 38"						F-48-58-B+46-D	
	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 23"	106° 49' 15"						F-48-58-B+46-D	
	TV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 51' 40"	106° 49' 47"	21° 49' 39"	106° 49' 11"		F-48-58-B+46-D	
	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 28"	106° 50' 45"						F-48-58-B+46-D	
	TV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc								F-48-58-B+46-D	
	TV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 50' 41"	106° 51' 26"	21° 48' 59"	106° 49' 56"		F-48-58-B+46-D	
	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 12"	106° 50' 26"			21° 50' 25"	106° 47' 53"		F-48-58-B+46-D	
	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 49' 16"	106° 49' 35"						F-48-58-B+46-D	
	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 31"	106° 48' 20"						F-48-58-B+46-D	
	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 50' 56"	106° 49' 47"						F-48-58-B+46-D	
	TV	xã Gia Cát	H. Cao Lộc			21° 51' 26"	106° 50' 55"	21° 50' 25"	106° 47' 53"		F-48-58-B+46-D	
	DC	xã Gia Cát	H. Cao Lộc	21° 48' 31"	106° 50' 18"						F-48-58-B+46-D	
	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 52"	106° 51' 30"						F-48-58-B+46-D	
	SV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 52' 35"	106° 50' 06"						F-48-58-B+46-D	
	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 54' 00"	106° 52' 47"						F-48-58-B+46-D	
	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 48"	106° 52' 50"						F-48-58-B+46-D	
	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 53' 35"	106° 52' 52"	21° 54' 39"	106° 52' 32"		F-48-58-B+46-D	
	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 52' 24"	106° 52' 33"	21° 53' 37"	106° 52' 51"		F-48-58-B+46-D	
	SV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 54' 17"	106° 50' 54"						F-48-58-B+46-D	
	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 35"	106° 53' 02"						F-48-58-B+46-D	
	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 54' 38"	106° 52' 00"						F-48-58-B+46-D	
	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	106° 50' 29"						F-48-58-B+46-D	
	DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 17"	106° 50' 29"						F-48-58-B+46-D	
TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 52' 41"	106° 50' 46"	21° 53' 29"	106° 50' 22"		F-48-58-B+46-D		
TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 54' 34"	106° 51' 40"	21° 54' 39"	106° 52' 32"		F-48-58-B+46-D		
TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 52' 47"	106° 51' 38"	21° 53' 51"	106° 51' 08"		F-48-58-B+46-D		
DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 08"	106° 50' 03"						F-48-58-B+46-D		
DC	xã Hải Yến	H. Cao Lộc	21° 53' 10"	106° 49' 49"						F-48-58-B+46-D		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Tông Riền	TV	xã Hải Yến	H. Cao Lộc			21° 53' 44"	106° 50' 44"	21° 53' 59"	106° 51' 27"	F-48-58-B+46-D
đường tỉnh 235	KX	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc			21° 53' 16"	106° 49' 31"	21° 52' 26"	106° 47' 03"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Cầm	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 52' 40"	106° 47' 17"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Lành	TV	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc			21° 53' 51"	106° 48' 43"	21° 54' 22"	106° 48' 19"	F-48-58-B+46-D
thôn Chè Lân	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	106° 49' 26"					F-48-58-B+46-D
thôn Co Cam	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 33"	106° 48' 50"					F-48-58-B+46-D
bản Co Chỉ	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 54' 31"	106° 47' 53"					F-48-58-B+46-D
bản Đông Nội	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 15"	106° 49' 03"					F-48-58-B+46-D
thôn Kéo Cặp	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 55"	106° 47' 26"					F-48-58-B+46-D
bản Khâu Song	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 52' 58"	106° 48' 23"					F-48-58-B+46-D
bản Khuân Vạn	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 01"	106° 48' 06"					F-48-58-B+46-D
bản Khuôn Linh	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 52' 32"	106° 47' 55"					F-48-58-B+46-D
suối Lục Lương	TV	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc			21° 54' 22"	106° 48' 19"	21° 54' 37"	106° 48' 19"	F-48-58-B+46-D
bản Nà Bó	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 44"	106° 47' 00"			21° 52' 38"	106° 46' 59"	F-48-58-B+46-D
suối Nà Bó	TV	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc			21° 54' 49"	106° 47' 31"			F-48-58-B+46-D
bản Nà Khác	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 33"	106° 46' 41"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Ngột	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 10"	106° 47' 08"					F-48-58-B+46-D
bản Nặm Dân	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 52' 29"	106° 47' 20"					F-48-58-B+46-D
bản Pán Danh	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 54' 03"	106° 49' 33"					F-48-58-B+46-D
bản Pán Khoang	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 54' 07"	106° 47' 27"					F-48-58-B+46-D
suối Phai Kiệu	TV	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc			21° 52' 36"	106° 49' 15"	21° 51' 59"	106° 48' 37"	F-48-58-B+46-D
bản Phai Tầm	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 11"	106° 48' 46"					F-48-58-B+46-D
núi Sam Pò	SV	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 06"	106° 47' 40"					F-48-58-B+46-D
thôn Tầm Liên	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 52' 34"	106° 48' 49"					F-48-58-B+46-D
bản Thâm Chang	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 51"	106° 48' 15"					F-48-58-B+46-D
bản Thâm Thốc	DC	xã Hòa Cư	H. Cao Lộc	21° 53' 38"	106° 48' 10"					F-48-58-B+46-D
thôn Cón Khoang	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 01"	106° 40' 58"					F-48-58-A
thôn Cón Quyền	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 55' 45"	106° 40' 59"					F-48-58-A
núi Hang Soàng	SV	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 47"	106° 40' 19"					F-48-58-A
thôn Nà Chà	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 55' 53"	106° 40' 37"					F-48-58-A
thôn Nà Lâm	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 32"	106° 40' 54"					F-48-58-A
thôn Nà Luộc	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 16"	106° 39' 52"					F-48-58-A
núi Nà Luông	SV	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 26"	106° 39' 29"					F-48-58-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Pá Phiêng	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 56' 45"	106° 40' 52"					F-48-58-A
thôn Pá Poài (Pá Pải)	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 55' 58"	106° 41' 17"					F-48-58-A
núi Sinh Minh	TV	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc			21° 55' 16"	106° 40' 14"	21° 56' 14"	106° 41' 33"	F-48-58-A
thôn Tênh Chè	DC	xã Hồng Phong	H. Cao Lộc	21° 55' 08"	106° 40' 06"					F-48-58-A
đường tỉnh 234	KX	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc			21° 53' 49"	106° 46' 27"	21° 52' 37"	106° 45' 39"	F-48-58-B+46-D
bản Bó Mạ	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 52' 47"	106° 45' 20"					F-48-58-B+46-D
núi Kéo Phảy	SV	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	106° 46' 17"					F-48-58-B+46-D
thôn Kéo Tào	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 51' 24"	106° 47' 05"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Ca	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 52' 54"	106° 46' 30"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Nùng	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 51' 55"	106° 46' 55"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Phan	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 53' 15"	106° 46' 37"					F-48-58-B+46-D
thôn Phai Luồng	DC	xã Hợp Thành	H. Cao Lộc	21° 52' 59"	106° 45' 53"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Dọn	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 54' 44"	106° 49' 18"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Dọn	TV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc			21° 54' 15"	106° 49' 18"	21° 55' 15"	106° 48' 53"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Giếng	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 56' 12"	106° 51' 23"					F-48-58-B+46-D
bản Bản Héc	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 18"	106° 49' 10"					F-48-58-B+46-D
bản Bản Riền	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 48"	106° 49' 28"					F-48-58-B+46-D
bản Bó Mạ	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 39"	106° 50' 46"					F-48-58-B+46-D
bản Cổ Lương	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 54' 18"	106° 49' 04"					F-48-58-B+46-D
bản Con Tơng	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 13"	106° 48' 42"					F-48-58-B+46-D
nậm Keng	TV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc			21° 55' 48"	106° 50' 55"	21° 57' 13"	106° 50' 56"	F-48-58-B+46-D
núi Khau Bó	SV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 32"	106° 48' 01"					F-48-58-B+46-D
núi Khau Vải	SV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 54"	106° 48' 50"					F-48-58-B+46-D
thôn Lục Hốc	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 56' 01"	106° 51' 03"					F-48-58-B+46-D
thôn Lục Luồng	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 54' 56"	106° 48' 00"					F-48-58-B+46-D
suối Lục Luồng	TV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc			21° 54' 37"	106° 48' 21"	21° 55' 15"	106° 48' 53"	F-48-58-B+46-D
thôn Lục Ngưỡng	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 33"	106° 48' 36"					F-48-58-B+46-D
thôn Lục Tát	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 19"	106° 50' 06"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Mò	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 56' 16"	106° 51' 07"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Tém	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 30"	106° 49' 10"					F-48-58-B+46-D
bản Pán Lại	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 55' 57"	106° 49' 58"					F-48-58-B+46-D
bản Thám Pằng	DC	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 56' 20"	106° 51' 41"					F-48-58-B+46-D
núi Truong Trính	SV	xã Lộc Yên	H. Cao Lộc	21° 56' 41"	106° 52' 39"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 1A	KX	xã Phú Xá	H. Cao Lộc			21° 56' 36"	106° 42' 01"	21° 55' 55"	106° 42' 39"	F-48-58-A
thôn Cồn Bó	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 55' 39"	106° 41' 44"					F-48-58-A
bản Cồn Chang	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 54' 40"	106° 41' 11"					F-48-58-A
bản Cồn Chủ	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 54' 53"	106° 41' 13"					F-48-58-A
thôn Cồn Kện	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 53' 45"	106° 40' 29"					F-48-58-A
bản Cồn Tông	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 55' 52"	106° 42' 00"					F-48-58-A
núi Hang Lạn	SV	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	106° 41' 15"					F-48-58-A
thôn Lộc Hồ	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 54' 30"	106° 40' 55"					F-48-58-A
thôn Nà Slin	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 54' 14"	106° 41' 10"					F-48-58-A
dãy Núi Tém	SV	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 54' 47"	106° 40' 34"					F-48-58-A
thôn Pác Lũng	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 54' 59"	106° 40' 47"					F-48-58-A
suối Pò Bơ	TV	xã Phú Xá	H. Cao Lộc			21° 56' 41"	106° 42' 50"	21° 56' 44"	106° 41' 47"	F-48-58-A
thôn Thảm Mò Biếp	DC	xã Phú Xá	H. Cao Lộc	21° 56' 12"	106° 41' 47"					F-48-58-A
thôn Hang Riêng	DC	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 52' 21"	106° 40' 31"					F-48-58-A-d
thôn Khuổi Mạ	DC	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 52' 29"	106° 42' 18"					F-48-58-A-d
sông Kỳ Cùng	TV	xã Song Giáp	H. Cao Lộc			21° 52' 19"	106° 42' 19"	21° 52' 21"	106° 39' 54"	F-48-58-A-d
khuai Mạ	SV	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 53' 22"	106° 42' 47"					F-48-58-A
núi Mạy Xiéc	SV	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 53' 07"	106° 41' 36"					F-48-58-A
thôn Nà Ngườm	DC	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 53' 04"	106° 41' 17"					F-48-58-A
thôn Nà Tấu	DC	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 52' 14"	106° 41' 24"					F-48-58-A-d
thôn Siam Kha	DC	xã Song Giáp	H. Cao Lộc	21° 53' 04"	106° 40' 45"					F-48-58-A
thôn An Rinh 1	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc							
thôn An Rinh 2	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc							
suối Bản Mới	TV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc			21° 47' 52"	106° 48' 49"	21° 49' 19"	106° 48' 50"	F-48-58-B+46-D
khuai Cà	SV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 49' 05"	106° 47' 52"					F-48-58-B+46-D
bản Choong Là	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 33"	106° 49' 35"					F-48-58-B+46-D
núi Kéo Ái	SV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 47' 55"	106° 48' 35"					F-48-58-B+46-D
bản Khau Trang	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 47' 52"	106° 49' 34"					F-48-58-B+46-D
bản Khòn Trang	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 49' 10"	106° 48' 41"					F-48-58-B+46-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc			21° 48' 44"	106° 50' 27"	21° 50' 20"	106° 47' 55"	F-48-58-B+46-D
hồ Lê Minh	TV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 27"	106° 48' 42"					F-48-58-B+46-D
núi Mè Mải	SV	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 23"	106° 48' 20"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Pính	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 50' 07"	106° 47' 57"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Phố Ngẫu	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 59"	106° 49' 30"					F-48-58-B+46-D
	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 49' 11"	106° 49' 00"					F-48-58-B+46-D
	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 49' 26"	106° 48' 32"					F-48-58-B+46-D
	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 47' 25"	106° 49' 21"					F-48-58-B+46-D
	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 15"	106° 50' 28"					F-48-58-B+46-D
	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 47' 52"	106° 50' 16"					F-48-58-B+46-D
	KX	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 48"	106° 49' 24"					F-48-58-B+46-D
	DC	xã Tân Liên	H. Cao Lộc	21° 48' 57"	106° 48' 50"					F-48-58-B+46-D
	TV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc			21° 46' 38"	106° 39' 04"	21° 46' 44"	106° 39' 55"	F-48-58-A-d
	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 36"	106° 39' 32"					F-48-58-A-d
	SV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 51"	106° 38' 31"					F-48-58-A-d
	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 59"	106° 40' 23"					F-48-58-A-d
	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 43"	106° 42' 12"					F-48-58-A-d
	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 28"	106° 40' 32"					F-48-58-A-d
	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 11"	106° 38' 26"					F-48-58-A-d
	TV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc			21° 46' 44"	106° 39' 55"	21° 46' 25"	106° 40' 37"	F-48-58-A-d
	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 43"	106° 40' 06"					F-48-58-A-d
	TV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc			21° 46' 25"	106° 40' 37"	21° 46' 48"	106° 40' 56"	F-48-58-A-d
	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 47"	106° 40' 40"					F-48-58-A-d
	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 49"	106° 41' 37"					F-48-58-A-d
	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 29"	106° 41' 35"					F-48-58-A-d
	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 09"	106° 42' 13"					F-48-58-A-d
	TV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc			21° 47' 37"	106° 39' 56"	21° 47' 10"	106° 40' 52"	F-48-58-A-d
	KX	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	106° 40' 20"	21° 45' 49"					F-48-58-A-d
	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 46' 37"	106° 39' 45"					F-48-58-A-d
	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 33"	106° 41' 14"					F-48-58-A-d
	DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 44' 41"	106° 39' 40"					F-48-58-C-b
	SV	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 44' 53"	106° 39' 04"					F-48-58-C-b
DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 44' 53"	106° 38' 41"					F-48-58-C-b	
KX	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	106° 40' 33"	21° 46' 24"					F-48-58-A-d	
DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 45' 14"	106° 39' 16"					F-48-58-A-d	
DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 45' 38"	106° 40' 56"					F-48-58-A-d	
DC	xã Tân Thành	H. Cao Lộc	21° 47' 21"	106° 41' 13"					F-48-58-A-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 238	KX	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc			21° 55' 48"	106° 47' 28"	21° 56' 51"	106° 48' 38"	F-48-58-B-46-D
thôn Bản Dầy	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 12"	106° 46' 42"					F-48-58-B-46-D
thôn Bản Mạc	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 50"	106° 47' 26"					F-48-58-B-46-D
suối Bản Phường	TV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc			21° 56' 55"	106° 45' 20"	21° 55' 29"	106° 47' 15"	F-48-58-B-46-D
thôn Bản Rọc	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 57' 22"	106° 46' 47"					F-48-58-B-46-D
suối Bản Rọc	TV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc			21° 57' 19"	106° 46' 51"	21° 56' 58"	106° 48' 23"	F-48-58-B-46-D
bản Chang Khuổi	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 57' 43"	106° 46' 07"					F-48-58-B-46-D
thôn Cồn Quyền	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 12"	106° 46' 14"					F-48-58-B-46-D
thôn Khuôn Cường	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 03"	106° 47' 38"					F-48-58-B-46-D
khau Lầu	SV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 47"	106° 46' 01"					F-48-58-B-46-D
núi Linh Đeng	SV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 57' 43"	106° 47' 00"					F-48-58-B-46-D
bản Mu Ngạp	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 54' 53"	106° 46' 26"					F-48-58-B-46-D
suối Nà Bó	TV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc							
thôn Nà Lệnh	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 41"	106° 47' 21"					F-48-58-B-46-D
suối Nà Lệnh	TV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc			21° 55' 45"	106° 47' 15"	21° 55' 45"	106° 47' 37"	F-48-58-B-46-D
thôn Nà Môn	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 45"	106° 46' 28"					F-48-58-B-46-D
bản Nà Nhàn	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 18"	106° 47' 39"					F-48-58-B-46-D
bản Nà Piao	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 57' 04"	106° 47' 17"					F-48-58-B-46-D
thôn Nà Sia	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 23"	106° 48' 10"					F-48-58-B-46-D
bản Nà Vá	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 04"	106° 46' 11"					F-48-58-B-46-D
bản Phường	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 55' 56"	106° 46' 23"					F-48-58-B-46-D
bản Pò Chả	DC	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 57' 12"	106° 46' 40"					F-48-58-B-46-D
núi Tầm Tường	SV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 58' 03"	106° 45' 59"					F-48-58-B-46-D
khau Vải	SV	xã Thạch Đạn	H. Cao Lộc	21° 56' 37"	106° 45' 14"					F-48-58-B-46-D
bản Bản Lòa	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 53"	106° 51' 51"					F-48-58-B-46-D
bản Bản Nhac	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 23"	106° 50' 11"					F-48-58-B-46-D
thôn Bản Rọi	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 44"	106° 48' 35"					F-48-58-B-46-D
bản Boóc	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 06"	106° 48' 59"					F-48-58-B-46-D
núi Cò Chi	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 20"	106° 51' 55"					F-48-58-B-46-D
thôn Cò Khuất	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 09"	106° 52' 13"					F-48-58-B-46-D
thôn Cồn Phác	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 09"	106° 47' 30"					F-48-58-B-46-D
suối Cồn Phác	TV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc			21° 57' 32"	106° 48' 20"	21° 59' 10"	106° 47' 58"	F-48-58-B-46-D
núi Đông Ké	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 43"	106° 49' 14"					F-48-58-B-46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Hiền	TV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc			21° 58' 17"	106° 51' 20"	21° 57' 19"	106° 50' 35"	F-48-58-B+46-D
núi Kéo Ham, Khuổi Sường	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 17"	106° 51' 20"	21° 58' 17"	106° 51' 20"			F-48-58-B+46-D
núi Kéo Mạy Ồi	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 57"	106° 50' 10"	21° 58' 57"	106° 50' 10"			F-48-58-B+46-D
núi Khau Tắc	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 13"	106° 52' 24"	21° 58' 13"	106° 52' 24"			F-48-58-B+46-D
núi Khau Tắc	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 47"	106° 47' 38"	21° 57' 47"	106° 47' 38"			F-48-58-B+46-D
núi Khôi Uốn	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 46"	106° 52' 32"	21° 58' 46"	106° 52' 32"			F-48-58-B+46-D
núi Khuôn Phụng	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 59"	106° 46' 55"	21° 57' 59"	106° 46' 55"			F-48-58-B+46-D
thôn Nà Làng	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 06"	106° 49' 13"	21° 57' 06"	106° 49' 13"			F-48-58-B+46-D
suối Nà Làng	TV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc			21° 57' 17"	106° 49' 10"	21° 57' 19"	106° 50' 35"	F-48-58-B+46-D
núi Nà Mý	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 48"	106° 51' 20"	21° 58' 48"	106° 51' 20"			F-48-58-B+46-D
bản Nà Phạ	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 48"	106° 51' 10"	21° 57' 48"	106° 51' 10"			F-48-58-B+46-D
thôn Nà Pheo	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 28"	106° 50' 29"	21° 57' 28"	106° 50' 29"			F-48-58-B+46-D
bản Pò Quyền	DC	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 57' 27"	106° 48' 32"	21° 57' 27"	106° 48' 32"			F-48-58-B+46-D
núi Thiên Lập	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 33"	106° 53' 03"	21° 58' 33"	106° 53' 03"			F-48-58-B+46-D
núi Thín Đăm	SV	xã Thanh Lòa	H. Cao Lộc	21° 58' 39"	106° 50' 42"	21° 58' 39"	106° 50' 42"			F-48-58-B+46-D
quốc lộ 1A	KX	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 08"	106° 41' 38"	21° 54' 08"	106° 42' 39"	21° 54' 25"	106° 43' 51"	F-48-58-A
bản Cốc Châu	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 47"	106° 42' 27"	21° 54' 47"	106° 42' 27"			F-48-58-A
bản Cón Cọng	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 57"	106° 41' 49"	21° 54' 57"	106° 41' 49"			F-48-58-A
thôn Cón Pheo	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 46"	106° 43' 18"	21° 54' 46"	106° 43' 18"			F-48-58-A
thôn Cón Tông	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 56' 31"	106° 42' 48"	21° 56' 31"	106° 42' 48"			F-48-58-A
núi Hìn Khao	SV	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 53' 51"	106° 43' 36"	21° 53' 51"	106° 43' 36"			F-48-58-A
núi Khau Ngóm	SV	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 53' 45"	106° 43' 21"	21° 53' 45"	106° 43' 21"			F-48-58-A
thôn Khuổi Khế	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc			21° 55' 41"	106° 42' 14"	21° 55' 21"	106° 42' 21"	F-48-58-A
suối Khuổi Mươi	TV	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 55' 21"	106° 43' 06"	21° 55' 21"	106° 43' 06"			F-48-58-A
thôn Khuổi Mươi	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 40"	106° 43' 46"	21° 54' 40"	106° 43' 46"			F-48-58-A
thôn Nà Hồ	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 53' 29"	106° 41' 48"	21° 53' 29"	106° 41' 48"			F-48-58-A
thôn Nà Lại	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 17"	106° 43' 05"	21° 54' 17"	106° 43' 05"			F-48-58-A
thôn Nà Pàn	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 55' 31"	106° 42' 47"	21° 55' 31"	106° 42' 47"			F-48-58-A
thôn Nà Pải (Nà Pải)	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 27"	106° 43' 45"	21° 54' 27"	106° 43' 45"			F-48-58-A
bản Phai Cãi	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 54' 48"	106° 43' 07"	21° 54' 48"	106° 43' 07"			F-48-58-A
bản Phai Lặng	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 55' 00"	106° 43' 04"	21° 55' 00"	106° 43' 04"			F-48-58-A
thôn Pò Nghiều	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 55' 01"	106° 43' 25"	21° 55' 01"	106° 43' 25"			F-48-58-A
thôn Tam Lung	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc							F-48-58-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Thâm Lồng	DC	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc	21° 55' 11"	106° 43' 07"					F-48-58-A
suối Tổng Hênh	TV	xã Thụy Hùng	H. Cao Lộc			21° 55' 16"	106° 42' 59"	21° 55' 41"	106° 42' 14"	F-48-58-A
thôn Báo Sào	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 52' 52"	106° 42' 30"					F-48-58-A-d
thôn Bản Tân	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 55"	106° 40' 08"					F-48-58-A-d
suối Bản Tân	TV	xã Xuân Long	H. Cao Lộc			21° 48' 08"	106° 40' 18"	21° 49' 08"	106° 40' 19"	F-48-58-A-d
bản Kéo Bang	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 31"	106° 38' 40"					F-48-58-A-d
thôn Khôn Bó	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 49' 38"	106° 41' 38"					F-48-58-A-d
thôn Khôn Chủ	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 59"	106° 41' 11"					F-48-58-A-d
suối Khôn Riễn	TV	xã Xuân Long	H. Cao Lộc			21° 48' 38"	106° 41' 37"	21° 50' 03"	106° 41' 06"	F-48-58-A-d
bản Khuôn Danh	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 50"	106° 41' 41"					F-48-58-A-d
thôn Lục Niềng	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 14"	106° 39' 53"					F-48-58-A-d
thôn Nà Ca	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 39"	106° 40' 32"					F-48-58-A-d
thôn Nà Lìn	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 50' 06"	106° 41' 16"					F-48-58-A-d
suối Nà Lìn	TV	xã Xuân Long	H. Cao Lộc			21° 49' 45"	106° 40' 17"	21° 49' 49"	106° 40' 37"	F-48-58-A-d
bản Nà Mạ	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 48' 40"	106° 40' 01"					F-48-58-A-d
bản Nà Sầu	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 49' 11"	106° 40' 16"					F-48-58-A-d
núi Nhọt Pha	SV	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 47' 58"	106° 41' 46"					F-48-58-A-d
bản Nưa Muồn	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 47' 59"	106° 39' 02"					F-48-58-A-d
khuau Ràng	SV	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 50' 28"	106° 40' 30"					F-48-58-A-d
bản Văn Minh	DC	xã Xuân Long	H. Cao Lộc	21° 49' 59"	106° 40' 44"					F-48-58-A-d
thôn Ba Sơn	DC	xã Xuân Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	107° 00' 59"					F-48-59-A
suối Bản Lễ	TV	xã Xuân Lễ	H. Cao Lộc			21° 53' 26"	106° 58' 52"	21° 54' 10"	106° 58' 49"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Lễ	DC	xã Xuân Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 23"	106° 59' 01"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Ngọa	TV	xã Xuân Lễ	H. Cao Lộc			21° 52' 54"	107° 00' 31"	21° 54' 19"	106° 59' 21"	F-48-58-B+46-D
thôn Bản Ngọa	DC	xã Xuân Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 45"	106° 59' 36"					F-48-58-B+46-D
suối Bản Ranh	TV	xã Xuân Lễ	H. Cao Lộc			21° 52' 28"	106° 56' 30"	21° 53' 56"	106° 57' 50"	F-48-58-B+46-D
thôn Co Chi	DC	xã Xuân Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 41"	107° 00' 13"					F-48-59-A
thôn Co Khuông	DC	xã Xuân Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 18"	106° 58' 28"					F-48-58-B+46-D
suối Co Khuông	TV	xã Xuân Lễ	H. Cao Lộc			21° 52' 25"	106° 57' 45"	21° 53' 26"	106° 58' 52"	F-48-58-B+46-D
bản Cồn Chủ	DC	xã Xuân Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 12"	107° 02' 42"					F-48-59-A
bản Đông Pầu	DC	xã Xuân Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 21"	106° 59' 13"					F-48-58-B+46-D
thôn Khuối Tát	DC	xã Xuân Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 41"	107° 02' 35"					F-48-59-A
bản Lũng Vải	DC	xã Xuân Lễ	H. Cao Lộc	21° 52' 50"	106° 56' 36"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Mò Lèo thôn Nà Rầm bản Nà Sĩa bản Phiêng Hà bản Phiêng Háng núi Pí Ang thôn Pò Mã suối Pò Mã bản Pò Qua thôn Pò Riêng suối Pò Riêng bản Sả Thườn khuổi Tát khuổi Tát thôn Tầu Lìn thôn Thạch Khuỳnh suối Thạch Khuỳnh bản Thâm Cờn khau Pha suối Bản Bầm thôn Kéo Khoác thôn Khuổi Cải bản Lục Then thôn Nà Hào bản Nà Sầy thôn Nà Soong thôn Nà Thà suối Tát Uẩn thôn Tát Uẩn bản Vằng Khoác bản Yên Hạ thôn Yên Thành thôn Yên Thủy 1	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 42"	106° 58' 47"					F-48-58-B+46-D
	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 02"	106° 58' 48"					F-48-58-B+46-D
	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 12"	106° 58' 22"					F-48-58-B+46-D
	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 43"	107° 00' 04"					F-48-59-A
	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 55' 26"	106° 59' 03"					F-48-58-B+46-D
	SV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 56' 00"	106° 58' 54"					F-48-58-B+46-D
	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 16"	107° 02' 17"					F-48-59-A
	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 53' 52"	107° 03' 23"	21° 54' 19"	107° 02' 03"	F-48-59-A
	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 33"	107° 00' 30"					F-48-59-A
	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 22"	107° 01' 59"					F-48-59-A
	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 53' 14"	107° 01' 34"	21° 54' 16"	107° 02' 01"	F-48-59-A
	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 48"	106° 59' 44"					F-48-58-B+46-D
	SV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 59"	107° 03' 04"					F-48-59-A
	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 54' 40"	107° 02' 33"	21° 54' 44"	107° 01' 49"	F-48-58-B+46-D
	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 34"	106° 57' 23"					F-48-59-A
	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 53' 46"	107° 00' 46"					F-48-59-A
	TV	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc			21° 53' 07"	107° 00' 50"	21° 54' 59"	106° 59' 39"	F-48-59-A
	DC	xã Xuất Lễ	H. Cao Lộc	21° 54' 00"	107° 01' 12"					F-48-58-A-d
	SV	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 45' 43"	106° 44' 47"					F-48-58-B+46-D
	TV	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc			21° 48' 04"	106° 46' 50"	21° 49' 08"	106° 46' 39"	F-48-58-B+46-D
DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 48' 44"	106° 45' 36"					F-48-58-B+46-D	
DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 46' 37"	106° 45' 50"					F-48-58-B+46-D	
DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 46' 56"	106° 45' 05"					F-48-58-B+46-D	
DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 47' 50"	106° 45' 50"					F-48-58-B+46-D	
DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 46' 08"	106° 45' 27"					F-48-58-B+46-D	
DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 47' 55"	106° 45' 53"					F-48-58-B+46-D	
DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 47' 28"	106° 44' 34"					F-48-58-A-d	
TV	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc			21° 46' 44"	106° 45' 17"	21° 48' 04"	106° 46' 50"	F-48-58-B+46-D	
DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 46' 32"	106° 46' 34"					F-48-58-B+46-D	
DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 46' 53"	106° 46' 06"					F-48-58-B+46-D	
DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 48' 30"	106° 47' 52"					F-48-58-B+46-D	
DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 49' 17"	106° 45' 47"					F-48-58-B+46-D	
DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 48' 11"	106° 46' 52"					F-48-58-B+46-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Yên Thủy 2	DC	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	21° 47' 19"	106° 46' 48"						F-48-58-B+46-D	
ga Yên Trạch	KX	xã Yên Trạch	H. Cao Lộc	106° 45' 33"	21° 48' 38"						F-48-58-B+46-D	
quốc lộ 1A	KX	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng			21° 33' 33"	106° 28' 15"	21° 35' 02"	106° 30' 51"		F-48-57-D-d	
thôn Cây Hồng	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 16"	106° 29' 23"						F-48-57-D-d	
thôn Đồng Bành	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 29"	106° 30' 16"						F-48-58-C-c	
thôn Lân Bông	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 49"	106° 28' 33"						F-48-57-D-d	
thôn Làng Vặc	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 14"	106° 30' 24"						F-48-58-C-c	
núi Ngủ	SV	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 06"	106° 29' 09"						F-48-57-D-d	
thôn Pha Lác	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 45"	106° 30' 12"						F-48-58-C-c	
thôn Phố Sặt	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 41"	106° 30' 29"						F-48-58-C-c	
núi Sỏi Sậy	SV	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 22"	106° 28' 55"						F-48-57-D-d	
cầu Sông Hoà	KX	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 59"	106° 28' 53"						F-48-57-D-d	
ga Sông Hòa	KX	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 31"	106° 29' 17"						F-48-57-D-d	
cầu Sông Hoà 2	KX	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 55"	106° 28' 46"						F-48-57-D-d	
thôn Trung Mai	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 28"	106° 28' 38"						F-48-57-D-d	
thôn Xóm Nà	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 57"	106° 29' 44"						F-48-57-D-d	
thôn Yên Thịnh	DC	TT. Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 33' 46"	106° 28' 55"						F-48-57-D-d	
đường tỉnh 234 A	KX	TT. Đồng Mô	H. Chi Lăng			21° 39' 06"	106° 34' 03"	21° 39' 49"	106° 35' 22"		F-48-58-C-a	
đèo Bón	SV	TT. Đồng Mô	H. Chi Lăng	21° 40' 01"	106° 34' 36"						F-48-58-C-a	
kh. Chính	DC	TT. Đồng Mô	H. Chi Lăng	21° 39' 32"	106° 34' 30"						F-48-58-C-a	
ga Đồng Mô	KX	TT. Đồng Mô	H. Chi Lăng	21° 39' 11"	106° 34' 42"						F-48-58-C-a	
kh. Ga	DC	TT. Đồng Mô	H. Chi Lăng	21° 39' 09"	106° 34' 35"						F-48-58-C-a	
kh. Hòa Bình	DC	TT. Đồng Mô	H. Chi Lăng	21° 39' 12"	106° 34' 17"						F-48-58-C-a	
thôn Lũng Cút	DC	TT. Đồng Mô	H. Chi Lăng	21° 40' 15"	106° 34' 51"						F-48-58-C-a	
làng Lũng Than	DC	TT. Đồng Mô	H. Chi Lăng	21° 39' 52"	106° 33' 58"						F-48-58-C-a	
làng Mỏ Chảo	DC	TT. Đồng Mô	H. Chi Lăng	21° 39' 46"	106° 34' 55"						F-48-58-C-a	
làng Nà Đon	DC	TT. Đồng Mô	H. Chi Lăng	21° 39' 22"	106° 34' 22"						F-48-58-C-a	
đèo Rộ	SV	TT. Đồng Mô	H. Chi Lăng	21° 39' 53"	106° 33' 49"						F-48-58-C-a	
kh. Thống Nhất	DC	TT. Đồng Mô	H. Chi Lăng	21° 39' 42"	106° 35' 10"						F-48-58-C-a	
thôn Bắc Khánh	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 50"	106° 41' 55"						F-48-58-C-b	
thôn Bắc Phù	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 34"	106° 39' 28"						F-48-58-C-b	
ga Bắc Thủy	KX	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 53"	106° 39' 50"						F-48-58-C-b	
thôn Hàng Cút	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 53"	106° 39' 45"						F-48-58-C-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Khau Lân	SV	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 22"	106° 39' 53"						F-48-58-C-b	
thôn Khòn Phường	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 48"	106° 41' 05"						F-48-58-C-b	
cầu Khun Cùm	KX	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 00"	106° 40' 14"						F-48-58-C-b	
thôn Khuổi Kháo	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 16"	106° 40' 59"						F-48-58-C-b	
núi Lăng Cắc	SV	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 51"	106° 41' 25"						F-48-58-C-b	
bản Lấp Lũng	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 39"	106° 40' 40"						F-48-58-C-b	
bản Mây Tân	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 44"	106° 41' 08"						F-48-58-C-b	
bản Nà Cống	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 24"	106° 40' 08"						F-48-58-C-b	
bản Nà Dạ	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 09"	106° 40' 27"						F-48-58-C-b	
núi Pò Khén	SV	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 02"	106° 41' 01"						F-48-58-C-b	
cầu Sài Hồ 5	KX	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 07"	106° 41' 05"						F-48-58-C-b	
cầu Sài Hồ 6	KX	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 22"	106° 40' 40"						F-48-58-C-b	
bản Thín Khao	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 38"	106° 41' 34"						F-48-58-C-b	
bản Tinh Kéo	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 26"	106° 40' 42"						F-48-58-C-b	
thôn Tổng Cút	DC	xã Bắc Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 39"	106° 39' 20"						F-48-58-C-b	
bản Bó Nam	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 00"	106° 29' 25"						F-48-57-D-b	
đèo Cướm	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 45' 04"	106° 28' 29"						F-48-57-B-d	
núi Đổng Cải	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 45' 16"	106° 29' 30"						F-48-57-B-d	
núi Giã Suồng	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 31"	106° 29' 24"						F-48-57-D-b	
bản Kéo Nhì	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 06"	106° 29' 02"						F-48-57-D-b	
thôn Kéo Nội	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 30"	106° 29' 11"						F-48-57-D-b	
thôn Kéo Phầy	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 03"	106° 29' 54"						F-48-57-D-b	
thôn Kéo Phị	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 31"	106° 29' 40"						F-48-57-D-b	
cầu Kéo Phị	KX	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 23"	106° 29' 34"						F-48-57-D-b	
thôn Khùng Khính	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 26"	106° 29' 16"						F-48-57-D-b	
thôn Làng Chiềng	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 07"	106° 30' 19"						F-48-58-C-a	
thôn Làng Giao	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 42' 46"	106° 29' 50"						F-48-57-D-b	
thôn Làng Tuồng	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 42' 57"	106° 30' 20"						F-48-58-C-a	
núi Lũng Bàu	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 30"	106° 29' 12"						F-48-57-D-b	
đèo Lũng Đầy	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 44' 49"	106° 28' 07"						F-48-57-D-b	
thôn Pá Tào	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 42"	106° 28' 32"						F-48-57-D-b	
bản Tham Trang	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 02"	106° 27' 39"						F-48-57-D-b	
núi Thang Lũng	SV	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 16"	106° 28' 44"						F-48-57-D-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Thông Nọc	DC	xã Bằng Hữu	H. Chi Lăng	21° 43' 50"	106° 30' 06"					F-48-58-C-a
suối Bo Loóng	TV	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng			21° 41' 56"	106° 30' 21"	21° 42' 10"	106° 30' 20"	F-48-58-C-a
thôn Đồng Chùa	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 42' 16"	106° 30' 16"					F-48-58-C-a
thôn Đồng Quan	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 40' 26"	106° 29' 53"					F-48-57-D-b
làng Khau Deng	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 40' 50"	106° 31' 07"					F-48-58-C-a
thôn Khau Tao	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 10"	106° 30' 58"					F-48-58-C-a
thôn Khôn Nưa	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 17"	106° 30' 50"					F-48-58-C-a
thôn Khôn Vạc	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 11"	106° 30' 37"					F-48-58-C-a
thôn Lăng Khoác	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 42' 04"	106° 29' 46"					F-48-57-D-b
núi Lăng Khoác	SV	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 42' 11"	106° 29' 14"					F-48-57-D-b
núi Lăng Lườn	SV	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 40' 55"	106° 29' 10"					F-48-57-D-b
làng Lũng Chè	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 42' 17"	106° 28' 14"					F-48-57-D-b
làng Lũng Khéo	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 18"	106° 27' 51"					F-48-57-D-b
làng Lũng Khút	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 30"	106° 29' 15"					F-48-57-D-b
làng Lũng Vai	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 41"	106° 28' 21"					F-48-57-D-b
núi Lũng Xóm	SV	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 41"	106° 29' 33"					F-48-57-D-b
thôn Nà Canh	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 42' 03"	106° 30' 24"					F-48-58-C-a
làng Nà Pe	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 40' 59"	106° 30' 49"					F-48-58-C-a
làng Nùng Găm	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 38"	106° 27' 52"					F-48-57-D-b
thôn Phai Xá	DC	xã Bằng Mạc	H. Chi Lăng	21° 41' 26"	106° 31' 38"					F-48-58-C-a
cầu Ái Chi Lăng	KX	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 59"	106° 32' 37"					F-48-58-C-c
thôn Ba Đán	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 21"	106° 31' 27"					F-48-58-C-c
thôn Bãi Hào	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 47"	106° 32' 30"					F-48-58-C-c
đập Bãi Hào	KX	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 55"	106° 32' 47"					F-48-58-C-c
dãy Cai Kinh	SV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 45"	106° 30' 33"					F-48-58-C-c
cầu Chi Lăng	KX	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 28"	106° 31' 14"					F-48-58-C-c
ga Chi Lăng	KX	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 09"	106° 31' 54"					F-48-58-C-c
làng Cốc Mìn	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 37' 02"	106° 32' 47"					F-48-58-C-c
đèo Com Nắm	SV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 42"	106° 32' 33"					F-48-58-C-c
thôn Đồng Đình	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 26"	106° 31' 48"					F-48-58-C-c
thôn Đồng Hoà	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 07"	106° 31' 19"					F-48-58-C-c
thôn Đồng Ngẫu	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 38"	106° 31' 37"					F-48-58-C-c
đèo Lân Li	SV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 07"	106° 31' 19"					F-48-58-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Làng Càng	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 38"	106° 31' 32"					F-48-58-C-c
làng Làng Đă	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 41"	106° 31' 45"					F-48-58-C-c
thôn làng Đồn	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 34"	106° 31' 54"					F-48-58-C-c
thôn Làng Nghĩa	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 55"	106° 31' 25"					F-48-58-C-c
làng Linh Ba	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 34' 51"	106° 30' 55"					F-48-58-C-c
làng Nà Nồng	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 40"	106° 32' 24"					F-48-58-C-c
thôn Quán Bàu	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 10"	106° 31' 35"					F-48-58-C-c
thôn Quán Thanh	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 56"	106° 32' 16"					F-48-58-C-c
núi Quỳ Môn Quan	SV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 37' 05"	106° 32' 30"					F-48-58-C-c
làng Thành Kho	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 30"	106° 31' 06"			21° 37' 18"	106° 32' 25"	F-48-58-C-c
sông Thương	TV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng			21° 34' 56"	106° 30' 39"			F-48-58-C-c
thôn Xóm Mới A	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 36' 17"	106° 32' 18"					F-48-58-C-c
thôn Xóm Mới B	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 35' 55"	106° 32' 42"					F-48-58-C-c
đèo Cầm	SV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 41' 56"	106° 42' 43"					F-48-58-C-b
làng Cốc Có	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 42' 31"	106° 45' 30"					F-48-58-D-a
đèo Đông Lèn	SV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 42' 23"	106° 42' 36"					F-48-58-C-b
bản Khau Phụng	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 41' 57"	106° 44' 17"					F-48-58-C-b
bản Khau Phin	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 43' 04"	106° 44' 19"					F-48-58-C-b
thôn Làng Thành	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 44' 15"	106° 45' 12"					F-48-58-D-a
thôn Nà Cài	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 42' 02"	106° 44' 03"					F-48-58-C-b
thôn Nà Dạ	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 43' 12"	106° 44' 46"					F-48-58-C-b
suối Nà Dạ	TV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng			21° 43' 43"	106° 45' 08"	21° 43' 54"	106° 45' 32"	F-48-58-D-a
thôn Nà Hà	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 44' 59"	106° 46' 03"					F-48-58-B
suối Nà Hà	TV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng			21° 44' 04"	106° 45' 32"	21° 44' 11"	106° 45' 43"	F-48-58-D-a
thôn Nà Lâm	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 43' 53"	106° 45' 41"					F-48-58-D-a
suối Nà Lâm	TV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng			21° 42' 55"	106° 47' 05"	21° 44' 11"	106° 45' 43"	F-48-58-D-a
làng Nà Mẩn	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 44' 34"	106° 45' 58"					F-48-58-D-a
làng Nà Nhạn	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 44' 45"	106° 45' 53"					F-48-58-D-a
làng Nà Nhì	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 43' 08"	106° 45' 43"					F-48-58-D-a
thôn Nà Pát	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 43' 08"	106° 45' 43"					F-48-58-D-a
suối Nà Pát	TV	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 43' 43"	106° 45' 36"					F-48-58-D-a
thôn Nà Tinh	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng			21° 41' 29"	106° 45' 41"	21° 44' 04"	106° 45' 32"	F-48-58-D-a
làng Pắc Có	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 44' 53"	106° 44' 21"					F-48-58-C-b
	DC	xã Chi Lăng	H. Chi Lăng	21° 42' 41"	106° 45' 35"					F-48-58-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Pắc Đét	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 22"	106° 46' 44"					F-48-58-D-a
thôn Pắc Ma	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 43' 39"	106° 46' 16"					F-48-58-D-a
làng Pò Đen	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 44' 50"	106° 46' 04"					F-48-58-D-a
bản Pò Lèn	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 41' 42"	106° 44' 06"					F-48-58-C-b
làng Pò Luyện	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 41' 50"	106° 45' 36"					F-48-58-D-a
bản Thai Đăng	DC	xã Chiến Thắng	H. Chi Lăng	21° 42' 02"	106° 43' 29"					F-48-58-C-b
quốc lộ 279	KX	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng			21° 45' 06"	106° 32' 33"	21° 42' 14"	106° 32' 51"	F-48-58-C-a
làng Bó Chinh	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 16"	106° 34' 31"					F-48-58-C-a
làng Bó Lầu	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 45' 01"	106° 32' 43"					F-48-58-A-c
đèo Ca	SV	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 27"	106° 33' 27"					F-48-58-C-a
suối Cầu Bồng	TV	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng			21° 43' 06"	106° 33' 12"	21° 45' 00"	106° 33' 15"	F-48-58-C-a
thôn Cầu Bồng	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 29"	106° 32' 28"					F-48-58-C-a
làng Đầu Cầu	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 07"	106° 32' 29"					F-48-58-C-a
làng Đông Deng	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 25"	106° 31' 08"					F-48-58-C-a
thôn Đông Pầu	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 42' 24"	106° 32' 56"					F-48-58-C-a
đèo Khau Chơong	SV	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 45"	106° 31' 01"					F-48-58-C-a
bản Khôn Nưa	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 45' 01"	106° 33' 06"					F-48-58-A-c
làng Khôn Tầu Ư' (Khôn Tầu)	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 45' 05"	106° 32' 54"					F-48-58-A-c
thôn Làng Độc	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 48"	106° 32' 57"					F-48-58-C-a
thôn Làng Giang	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 08"	106° 32' 59"					F-48-58-C-a
thôn Làng Mỏ	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 09"	106° 32' 09"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Mản	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 42' 52"	106° 31' 45"					F-48-58-C-a
làng Lũng Mát	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 37"	106° 31' 27"					F-48-58-C-a
làng Lũng Nghiêu	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 20"	106° 34' 05"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Nưa	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 41"	106° 33' 41"					F-48-58-C-a
làng Lũng Pì	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 39"	106° 34' 16"					F-48-58-C-a
đèo Lũng Quan	SV	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 09"	106° 33' 58"					F-48-58-C-a
làng Mỏ Tạo	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 48"	106° 32' 25"					F-48-58-C-a
làng Nả Chùa	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 12"	106° 32' 15"					F-48-58-C-a
thôn Nả Mản	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 03"	106° 31' 37"					F-48-58-C-a
thôn Nam Nội Ngoại	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 42' 36"	106° 33' 15"					F-48-58-C-a
thôn Nam Nội Trong	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 42' 53"	106° 33' 22"					F-48-58-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hang Nậm Tộc	SV	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 45' 05"	106° 33' 27"					F-48-58-A-c
thôn Phai Đeng	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 57"	106° 32' 46"					F-48-58-C-a
làng Phai Lầy	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 13"	106° 31' 42"					F-48-58-C-a
làng Phảng	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 43' 40"	106° 32' 29"					F-48-58-C-a
làng Phúc Lũng	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 45' 01"	106° 32' 55"					F-48-58-C-a
làng Tân Hấu	DC	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 50"	106° 33' 31"					F-48-58-C-a
đập Vải Cà	KX	xã Gia Lộc	H. Chi Lăng	21° 44' 48"	106° 32' 20"					F-48-58-C-a
làng Bó Đin	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 41' 11"	106° 31' 40"					F-48-58-C-a
đèo Bó Đin	SV	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng			21° 41' 04"	106° 31' 21"	21° 39' 47"	106° 31' 36"	F-48-58-C-a
đền Châu Mười	KX	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 39' 52"	106° 33' 22"					F-48-58-C-a
thôn Đơn Xa	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 51"	106° 31' 33"					F-48-58-C-a
làng Kẹm Càng	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 26"	106° 32' 10"					F-48-58-C-a
làng Khôn Đông	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 40"	106° 31' 31"					F-48-58-C-a
làng Khôn Ngai	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 43"	106° 33' 16"					F-48-58-C-a
thôn Làng Càng 1	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 41' 13"	106° 32' 26"					F-48-58-C-a
thôn Làng Càng 2	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 58"	106° 32' 41"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Do	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 39' 10"	106° 32' 29"					F-48-58-C-a
làng Lũng Hà	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 23"	106° 32' 50"					F-48-58-C-a
làng Lũng Mòng	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 39' 30"	106° 32' 48"					F-48-58-C-a
làng Lũng Nghiều	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 02"	106° 32' 35"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Tung	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 39' 53"	106° 31' 30"					F-48-58-C-a
thôn Mỏ Ba	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 39' 52"	106° 33' 32"					F-48-58-C-a
thôn Mỏ Cống	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 28"	106° 32' 36"					F-48-58-C-a
suối Nà Lá	TV	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng			21° 41' 15"	106° 32' 55"	21° 40' 48"	106° 33' 03"	F-48-58-C-a
thôn Pa Ràng	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 25"	106° 31' 05"					F-48-58-C-a
làng Phố Cùm	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 12"	106° 31' 14"					F-48-58-C-a
thôn Tung Cản	DC	xã Hòa Bình	H. Chi Lăng	21° 40' 53"	106° 33' 10"					F-48-58-C-a
làng Bó Luồng	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 34' 05"	106° 43' 57"					F-48-58-C-d
suối Co Bơ	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 36' 01"	106° 46' 01"	21° 35' 41"	106° 45' 46"	F-48-58-D-c
làng Co Gạo	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 35' 23"	106° 43' 40"					F-48-58-C-d
làng Co Hương	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 37"	106° 42' 30"					F-48-58-C-b
suối Cường Nộc	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 38' 31"	106° 46' 03"	21° 37' 41"	106° 43' 54"	F-48-58-D-a
khuai Giáo	SV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 33' 43"	106° 42' 36"					F-48-58-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu Gioa	SV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 38' 38"	106° 45' 38"					F-48-58-D-a
khu Hương	SV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 17"	106° 44' 36"					F-48-58-C-d
làng Kéo Nà	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 35' 16"	106° 42' 17"					F-48-58-C-d
suối Lít	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 38' 22"	106° 41' 55"	21° 37' 46"	106° 41' 04"	F-48-58-C-b
làng Lũng Ngàn	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 34' 21"	106° 43' 31"					F-48-58-C-d
khu Lý	SV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 38' 11"	106° 43' 44"					F-48-58-C-b
thôn Mè Thịnh	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 36' 29"	106° 44' 43"					F-48-58-C-d
thôn Nà Lìa	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 34' 30"	106° 44' 10"					F-48-58-C-d
làng Nà Thần	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 36' 57"	106° 45' 10"					F-48-58-D-c
làng Nà Thặng	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 16"	106° 45' 54"					F-48-58-D-c
suối Ó	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 36' 17"	106° 43' 08"	21° 36' 20"	106° 43' 18"	F-48-58-C-d
làng Pá La	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 38' 04"	106° 42' 59"					F-48-58-C-b
làng Pá Phèo	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 46"	106° 44' 01"					F-48-58-C-b
làng Phai Rinh	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 36' 05"	106° 43' 05"					F-48-58-C-d
suối Phục	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 39' 00"	106° 44' 46"	21° 39' 51"	106° 43' 14"	F-48-58-C-b
làng Quán Chiếu	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 35' 28"	106° 43' 46"					F-48-58-C-d
khu Rạn	SV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 02"	106° 42' 43"					F-48-58-C-d
làng Suối Cầu	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 34' 08"	106° 43' 14"					F-48-58-C-d
làng Suối Dầm	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 08"	106° 43' 15"					F-48-58-C-d
thôn Suối Mạ A	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 38' 56"	106° 44' 31"					F-48-58-C-b
thôn Suối Mạ B	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 35' 28"	106° 42' 51"					F-48-58-C-d
thôn Suối Mỏ	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 35' 33"	106° 44' 44"					F-48-58-C-d
làng Suối Sạn	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 38' 00"	106° 46' 07"					F-48-58-D-a
làng Suối Thấu	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 37' 12"	106° 45' 43"					F-48-58-D-c
làng Suối Vằm	DC	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng	21° 36' 15"	106° 43' 19"					F-48-58-C-d
suối Thấu	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 36' 48"	106° 45' 00"	21° 37' 23"	106° 46' 02"	F-48-58-C-d
suối Xà	TV	xã Hữu Kiên	H. Chi Lăng			21° 34' 00"	106° 43' 48"	21° 36' 17"	106° 43' 08"	F-48-58-C-d
thôn Bắc Phiêng	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 18"	106° 42' 15"					F-48-58-C-b
suối Bắc Phiêng	TV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 08"	106° 41' 22"			21° 40' 32"	106° 42' 12"	F-48-58-C-b
làng Bắc Rọc	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 57"	106° 42' 43"					F-48-58-C-b
đèo Cầm	SV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng			21° 40' 27"	106° 41' 30"	21° 38' 54"	106° 39' 15"	F-48-58-C-b
suối Cầm Thù	TV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng							F-48-58-C-b
thôn Co Lái	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 11"	106° 42' 08"					F-48-58-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Có Lái	TV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng			20° 40' 53"	106° 42' 10"	21° 40' 32"	106° 41' 59"	F-48-58-C-b
làng Có Lị	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 36"	106° 41' 36"					F-48-58-C-b
làng Co Mườì	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 08"	106° 40' 21"					F-48-58-C-b
làng Dọc Lát	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 11"	106° 39' 48"					F-48-58-C-b
thôn Hà Nam	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 12"	106° 40' 11"					F-48-58-C-b
làng Kéo Gà	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 23"	106° 39' 46"					F-48-58-C-b
đèo Kéo Lèo	SV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 45"	106° 42' 59"					F-48-58-C-b
làng Khau Xoong	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 05"	106° 39' 23"					F-48-58-C-b
núi Khuôn Kén	SV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 28"	106° 39' 05"					F-48-58-C-b
làng Nà Chuối	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 06"	106° 41' 33"					F-48-58-C-b
suối Nà Chuối	TV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng			21° 40' 21"	106° 41' 37"	21° 41' 30"	106° 41' 23"	F-48-58-C-b
làng Nà Kham	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 02"	106° 41' 10"					F-48-58-C-b
làng Nà Lá	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 27"	106° 41' 25"					F-48-58-C-b
làng Nà Lầm	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 20"	106° 42' 16"					F-48-58-C-b
làng Nà Mỏ	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 21"	106° 40' 14"					F-48-58-C-b
làng Rọ Bo	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 20"	106° 41' 11"					F-48-58-C-b
làng Rọ Cút	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 50"	106° 41' 00"					F-48-58-C-b
làng Rọc Sèn	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 51"	106° 40' 31"					F-48-58-C-b
núi Tam Tấu	SV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 35"	106° 39' 44"					F-48-58-C-b
làng Thầm Nặc	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 06"	106° 39' 23"					F-48-58-C-b
làng Trung Khin	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 53"	106° 42' 39"					F-48-58-C-b
suối Trung Khin	TV	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng			21° 41' 21"	106° 43' 21"	21° 40' 31"	106° 42' 12"	F-48-58-C-b
làng Tung Hòn	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 48"	106° 40' 30"					F-48-58-C-b
làng Vĩnh Tinh	DC	xã Lâm Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 31"	106° 42' 07"					F-48-58-C-b
thôn Bản Lầm	DC	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 41' 04"	106° 44' 36"					F-48-58-C-b
khau Dầm	SV	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 31"	106° 45' 01"					F-48-58-D-a
thôn Hợp Đường	DC	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 36"	106° 44' 00"					F-48-58-C-b
núi Mạy Thang	SV	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 39"	106° 44' 11"					F-48-58-C-b
bản Nư	DC	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 23"	106° 44' 10"					F-48-58-C-b
thôn Thiên Cầm	DC	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng	21° 40' 24"	106° 45' 13"					F-48-58-D-a
suối Vạn Tùng	TV	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng			21° 40' 05"	106° 44' 30"	21° 40' 37"	106° 44' 01"	F-48-58-C-b
suối Vằng Hỷ	TV	xã Liên Sơn	H. Chi Lăng			21° 41' 00"	106° 44' 43"	21° 41' 27"	106° 45' 32"	F-48-58-D-a
quốc lộ 1A	KX	xã Mai Sao	H. Chi Lăng			21° 40' 33"	106° 35' 59"	21° 41' 27"	106° 37' 35"	F-48-58-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm				Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
làng Đồn Điền	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 21"	106° 36' 59"						F-48-58-C-a	
làng Đồng Chùa	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 10"	106° 37' 18"						F-48-58-C-a	
Khu du lịch Hang Gió	KX	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 43' 30"	106° 36' 29"						F-48-58-C-a	
làng Hoà Mục	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 40' 42"	106° 36' 58"						F-48-58-C-a	
làng Khôn Chơng	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 11"	106° 37' 32"						F-48-58-C-b	
thôn Khôn Rẻ	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 43' 02"	106° 37' 24"						F-48-58-C-a	
làng Khôn Ván	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 42' 24"	106° 37' 34"						F-48-58-C-b	
thôn Lạng Nấc	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 22"	106° 36' 45"						F-48-58-C-a	
cầu Lạng Nấc	KX	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 18"	106° 36' 40"						F-48-58-C-a	
làng Lũng Khồm	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 43' 20"	106° 36' 37"						F-48-58-C-a	
làng Nà Bềng	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 40' 59"	106° 36' 41"						F-48-58-C-a	
làng Nà Lâm	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 24"	106° 37' 20"						F-48-58-C-a	
thôn Nà Lốc	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 33"	106° 36' 46"						F-48-58-C-a	
thôn Nà Mùm	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 44' 02"	106° 36' 53"						F-48-58-C-a	
thôn Nà Sèn	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 40' 21"	106° 36' 23"						F-48-58-C-a	
thôn Sao Hạ	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 42' 55"	106° 36' 36"						F-48-58-C-a	
thôn Sao Thượng A	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 43' 30"	106° 36' 57"						F-48-58-C-a	
thôn Sao Thượng B	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 43' 44"	106° 36' 49"						F-48-58-C-a	
làng Thống Ngựa	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 40' 44"	106° 36' 12"						F-48-58-C-a	
sông Thương	TV	xã Mai Sao	H. Chi Lăng			21° 40' 31"	106° 36' 01"	21° 41' 22"	106° 37' 36"		F-48-58-C-a	
thôn Tín Đèo	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 44' 06"	106° 37' 38"						F-48-58-C-b	
làng Toóng Cóm	DC	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 41' 41"	106° 36' 40"						F-48-58-C-a	
cầu Vằng Kheo	KX	xã Mai Sao	H. Chi Lăng	21° 36' 11"	106° 37' 18"						F-48-58-C-a	
quốc lộ 1A	KX	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng			21° 41' 18"	106° 37' 37"	21° 42' 00"	106° 40' 20"		F-48-58-C-b	
đèo Kéo Gà	SV	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 40' 40"	106° 39' 58"						F-48-58-C-b	
làng Khau Lếch	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 40' 01"	106° 38' 31"						F-48-58-C-b	
làng Khôn Khai	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 42' 04"	106° 39' 56"						F-48-58-C-b	
làng Khôn Lầu	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 56"	106° 39' 44"						F-48-58-C-b	
làng Khôn Sào	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 48"	106° 39' 50"						F-48-58-C-b	
thôn Khun Khoan	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 42' 05"	106° 38' 51"						F-48-58-C-b	
thôn Khun Khuông	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 40' 13"	106° 38' 35"						F-48-58-C-b	
thôn Khun Lồng	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 34"	106° 39' 36"						F-48-58-C-b	
thôn Khun Tiếm	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 20"	106° 38' 50"						F-48-58-C-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Làng Chiềng thôn Lạng Giai cầu Lạng Giai thôn Nà Khòn làng Nà Phiệt thôn Pa Lái sông Thương làng Bờ Ái suối Cái thôn Cú Na làng Dục Kít núi Dục Nghiến làng Đin Đeng thôn Đồng Ghè thôn Đồng Mỏ đèo Hoan núi Khao Đăm làng Khuôn Dầu núi Khuôn Mạt thôn Làng Hạ thôn Làng Háng thôn Làng Mùn thôn Làng Thượng khau Lầu suối Lịt thôn Lũng Châu làng Nà Cai làng Nà Ké làng Nà Mỏ núi Nà Mỏ làng Nà Xoong suối Pác Piếng làng Suối Bốc	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 39"	106° 37' 44"					F-48-58-C-b
	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 51"	106° 39' 29"					F-48-58-C-b
	KX	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 58"	106° 39' 48"					F-48-58-C-b
	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 28"	106° 37' 47"					F-48-58-C-b
	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 42' 05"	106° 39' 02"					F-48-58-C-b
	DC	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng	21° 41' 46"	106° 38' 34"					F-48-58-C-b
	TV	xã Nhân Lý	H. Chi Lăng			21° 41' 22"	106° 37' 36"	21° 42' 02"	106° 40' 14"	F-48-58-C-b
	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 01"	106° 35' 20"					F-48-58-C-c
	TV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng			21° 37' 02"	106° 40' 43"	21° 36' 25"	106° 42' 09"	F-48-58-C-d
	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 11"	106° 39' 58"					F-48-58-C-d
	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 49"	106° 38' 56"					F-48-58-C-b
	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 22"	106° 36' 38"					F-48-58-C-c
	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 39' 36"	106° 37' 44"					F-48-58-C-b
	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 21"	106° 35' 25"					F-48-58-C-c
	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 00"	106° 37' 55"					F-48-58-C-b
	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 12"	106° 38' 11"					F-48-58-C-d
	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 00"	106° 34' 47"					F-48-58-C-c
	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 11"	106° 36' 24"					F-48-58-C-c
	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 33"	106° 37' 50"					F-48-58-C-d
	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 34"	106° 35' 42"					F-48-58-C-c
DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 27"	106° 37' 06"					F-48-58-C-a	
DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 57"	106° 38' 03"					F-48-58-C-b	
DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 54"	106° 36' 07"					F-48-58-C-c	
DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 15"	106° 40' 31"					F-48-58-C-d	
SV	xã Quan Sơn				21° 37' 51"	106° 41' 08"	21° 36' 19"	106° 39' 22"	F-48-58-C-d	
TV	xã Quan Sơn								F-48-58-C-a	
DC	xã Quan Sơn			21° 38' 21"	106° 36' 35"				F-48-58-C-b	
DC	xã Quan Sơn			21° 38' 35"	106° 38' 15"				F-48-58-C-b	
DC	xã Quan Sơn			21° 38' 02"	106° 37' 34"				F-48-58-C-b	
DC	xã Quan Sơn			21° 37' 48"	106° 38' 36"				F-48-58-C-b	
SV	xã Quan Sơn			21° 37' 15"	106° 37' 28"				F-48-58-C-d	
DC	xã Quan Sơn			21° 37' 15"	106° 36' 38"				F-48-58-C-c	
TV	xã Quan Sơn					21° 38' 31"	106° 36' 15"	21° 37' 31"	106° 36' 57"	F-48-58-C-a
DC	xã Quan Sơn			21° 36' 15"	106° 41' 16"				F-48-58-C-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Suối Cái	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 05"	106° 41' 35"					F-48-58-C-d
làng Suối Mu	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 22"	106° 38' 14"					F-48-58-C-b
núi Thái Hoà	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 18"	106° 34' 05"					F-48-58-C-c
đèo Trang	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 11"	106° 34' 42"					F-48-58-C-c
núi Tu Lũng	SV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 37' 16"	106° 34' 58"					F-48-58-C-c
cầu Tu Lũng	KX	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 36' 52"	106° 35' 16"					F-48-58-C-c
làng Tung Pha	DC	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng	21° 38' 39"	106° 38' 43"					F-48-58-C-b
suối Vực Ngườm	TV	xã Quan Sơn	H. Chi Lăng			21° 37' 45"	106° 37' 47"	21° 36' 00"	106° 35' 13"	F-48-58-C-c
quốc lộ 1A	KX	xã Quang Lang	H. Chi Lăng			21° 37' 04"	106° 32' 51"	21° 40' 22"	106° 36' 17"	F-48-58-C-c
thôn Chằm Pháng	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 42"	106° 33' 41"					F-48-58-C-a
làng Cón Phiang	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 37' 13"	106° 32' 51"					F-48-58-C-c
suối Dọc Trang	TV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng			21° 37' 11"	106° 34' 50"	21° 38' 15"	106° 33' 54"	F-48-58-C-a
làng Đan Chuông	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 34"	106° 34' 30"					F-48-58-C-a
thôn Đông Mỏ	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 44"	106° 34' 35"					F-48-58-C-a
thôn Khuôn Áng	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 39' 02"	106° 35' 38"					F-48-58-C-a
suối Khuôn Áng	TV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng			21° 39' 05"	106° 35' 38"	21° 39' 34"	106° 35' 10"	F-48-58-C-a
đèo Khuôn Bạc	SV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 37' 42"	106° 35' 48"					F-48-58-C-a
thôn Khuôn Phang	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 39' 07"	106° 34' 59"					F-48-58-C-a
thôn Khuôn Thúng	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 13"	106° 33' 58"					F-48-58-C-a
thôn Làng Cóc	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 39' 58"	106° 35' 45"					F-48-58-C-a
thôn Làng Đàng	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 39' 28"	106° 35' 43"					F-48-58-C-a
cầu Làng Đàng	KX	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 39' 37"	106° 35' 35"					F-48-58-C-a
thôn Làng Thành	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 37' 21"	106° 33' 13"					F-48-58-C-c
đèo Lũng Táng	SV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 56"	106° 33' 39"					F-48-58-C-a
thôn Mỏ Đá	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 40' 23"	106° 35' 49"					F-48-58-C-a
làng Nà Pa	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 26"	106° 33' 55"					F-48-58-C-a
thôn Núi Đá	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 54"	106° 33' 55"					F-48-58-C-a
đèo Quao	SV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 37' 03"	106° 34' 20"					F-48-58-C-c
thôn Than Muội	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 37' 58"	106° 33' 00"					F-48-58-C-a
sông Thương	TV	xã Quang Lang	H. Chi Lăng			21° 40' 31"	106° 36' 01"	21° 37' 04"	106° 32' 34"	F-48-58-C-a
làng Trung	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 23"	106° 34' 28"					F-48-58-C-a
làng Yên Quang	DC	xã Quang Lang	H. Chi Lăng	21° 38' 03"	106° 33' 59"					F-48-58-C-a
thôn Chợ Hoàng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 00"	106° 32' 41"					F-48-58-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Cồn Khê	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 01"	106° 34' 02"					F-48-58-C-a
làng Cồn Pằng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 59"	106° 33' 07"					F-48-58-C-a
làng Khôn Lân	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 54"	106° 34' 03"					F-48-58-C-a
thôn Khôn Nghiêng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 19"	106° 34' 16"					F-48-58-C-a
thôn Khôn Sầu	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 15"	106° 34' 10"					F-48-58-C-a
thôn Làng Nong	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 40' 59"	106° 34' 24"					F-48-58-C-a
thôn Làng Ca	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 31"	106° 34' 57"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Luông	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 32"	106° 35' 07"					F-48-58-C-a
thôn Lũng Tằng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 57"	106° 34' 15"					F-48-58-C-a
làng Nà Ang	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 05"	106° 34' 22"					F-48-58-C-a
thôn Nà Hoàng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 07"	106° 32' 53"					F-48-58-C-a
làng Nà Lũng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 42' 12"	106° 35' 12"					F-48-58-C-a
thôn Nà Nura	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 41"	106° 33' 34"					F-48-58-C-a
thôn Nà Sầu	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 24"	106° 34' 16"					F-48-58-C-a
thôn Quán Hàng	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 02"	106° 34' 13"					F-48-58-C-a
suối Tông Nọt	TV	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng			21° 42' 25"	106° 33' 41"	21° 41' 20"	106° 32' 53"	F-48-58-C-a
thôn Tông Nọt	DC	xã Thượng Cường	H. Chi Lăng	21° 41' 32"	106° 33' 02"					F-48-58-C-a
thôn Cồ Hồng	DC	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 44' 47"	106° 47' 46"					F-48-58-D-a
thôn Hang Vải	DC	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 47' 34"	106° 48' 54"					F-48-58-B
núi Kéo Phạ	SV	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 45' 04"	106° 49' 10"					F-48-58-B
núi Kéo Sao	SV	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 45' 55"	106° 49' 28"					F-48-58-B
thôn Khau Trung	DC	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 46' 41"	106° 48' 47"					F-48-58-B
thôn Khôn Nạo	DC	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 45' 58"	106° 48' 46"					F-48-58-B
thôn Làng Giồng	DC	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 45' 54"	106° 48' 06"					F-48-58-B
làng Mây Tập	DC	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 43' 43"	106° 47' 54"					F-48-58-B
suối Nà Hà	TV	xã Văn An	H. Chi Lăng			21° 45' 43"	106° 46' 49"	21° 45' 10"	106° 46' 09"	F-48-58-D-a
thôn Nà Pằng	DC	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 44' 21"	106° 47' 50"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Thưa	DC	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 47' 21"	106° 48' 44"					F-48-58-D-a
suối Nà Thưa	TV	xã Văn An	H. Chi Lăng			21° 43' 04"	106° 48' 01"	21° 47' 52"	106° 48' 49"	F-48-58-B
thôn Phai Mò	DC	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 46' 48"	106° 48' 05"					F-48-58-B
núi Phiêng Sang	SV	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 45' 16"	106° 49' 36"					F-48-58-B
thôn Tá Riêng	DC	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 46' 10"	106° 47' 44"					F-48-58-B
thôn Tá Sắn	DC	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 45' 29"	106° 46' 20"					F-48-58-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tấn Long	DC	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 46' 41"	106° 48' 36"					F-48-58-D-a
thôn Tấn Minh	DC	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 45' 24"	106° 48' 21"					F-48-58-B
khau Tàu	SV	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 46' 57"	106° 49' 20"					F-48-58-B
núi Téng Chén	SV	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 47' 17"	106° 48' 11"					F-48-58-B
thôn Tùng Mẩn	DC	xã Văn An	H. Chi Lăng	21° 45' 58"	106° 46' 50"					F-48-58-B
núi Bó	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 46"	106° 28' 41"					F-48-57-D-b
núi Bó Nội	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 09"	106° 29' 29"					F-48-57-D-b
núi Cải	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 23"	106° 28' 39"					F-48-57-D-b
làng Chang	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 05"	106° 26' 34"					F-48-57-D-b
làng Chọc Chạy	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 17"	106° 30' 47"					F-48-58-C-a
núi Chùa	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 53"	106° 27' 58"					F-48-57-D-b
núi Cốc Bay	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 17"	106° 29' 17"					F-48-57-D-b
đèo Cốc Chũ	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 25"	106° 27' 58"					F-48-57-D-b
núi Cốc Khê	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 42"	106° 26' 54"					F-48-57-D-b
núi Cốc Phầy	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 10"	106° 28' 01"					F-48-57-D-b
núi Cốc Thuốt	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 21"	106° 28' 15"					F-48-57-D-b
làng Đông	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 51"	106° 28' 00"					F-48-57-D-b
thôn Đông Khao	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 03"	106° 29' 52"					F-48-58-C-a
núi Đưng Hìn	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 26"	106° 27' 45"					F-48-57-D-b
làng Gia	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 05"	106° 27' 36"					F-48-57-D-b
núi Hàm Rồng	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 19"	106° 27' 22"					F-48-57-D-b
làng Hoàng Sơn	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 37"	106° 30' 14"					F-48-58-C-a
thôn Khun Đút	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 36"	106° 26' 45"					F-48-57-D-b
làng Lá Già	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 37' 31"	106° 26' 38"					F-48-57-D-b
làng Lân Man	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 11"	106° 25' 36"					F-48-57-D-b
thôn Làng Đăm	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 59"	106° 26' 49"					F-48-57-D-b
thôn Làng Hao	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 29"	106° 26' 14"					F-48-57-D-b
thôn Làng Thượng	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 05"	106° 29' 34"					F-48-57-D-b
làng Lũng Chao	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 09"	106° 30' 09"					F-48-58-C-a
núi Lũng Đắc	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 19"	106° 28' 21"					F-48-57-D-b
thôn Lũng Luồng	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 41' 07"	106° 28' 52"					F-48-57-D-b
đèo Lũng Luồng	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 37"	106° 28' 45"					F-48-57-D-b
núi Lũng Luồng	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 55"	106° 29' 10"					F-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 52"	106° 27' 55"					F-48-57-D-b
	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 24"	106° 28' 36"					F-48-57-D-b
	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 20"	106° 28' 19"					F-48-57-D-b
	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 24"	106° 28' 09"					F-48-57-D-b
	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 51"	106° 26' 35"					F-48-57-D-b
	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 23"	106° 27' 09"					F-48-57-D-b
	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 32"	106° 28' 11"					F-48-57-D-b
	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 47"	106° 31' 01"					F-48-58-C-a
	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 14"	106° 27' 34"					F-48-57-D-b
	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 10"	106° 27' 41"					F-48-57-D-b
	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 11"	106° 28' 34"					F-48-57-D-b
	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 37' 47"	106° 27' 06"					F-48-57-D-b
	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 33"	106° 29' 04"					F-48-57-D-b
	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 59"	106° 28' 20"					F-48-57-D-b
	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 51"	106° 28' 26"					F-48-57-D-b
	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 38' 46"	106° 28' 58"					F-48-57-D-b
	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 45"	106° 30' 01"					F-48-58-C-a
	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 39"	106° 29' 22"					F-48-57-D-b
	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 12"	106° 27' 52"					F-48-57-D-b
	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 50"	106° 30' 35"					F-48-58-C-a
	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 13"	106° 29' 08"					F-48-57-D-b
	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 31"	106° 26' 10"					F-48-57-D-b
	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 39"	106° 27' 21"					F-48-57-D-b
	TV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng			21° 38' 55"	106° 26' 37"	21° 37' 54"	106° 26' 29"	F-48-57-D
	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 02"	106° 27' 00"					F-48-57-D-b
	DC	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 42"	106° 29' 00"					F-48-57-D-b
	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 40' 19"	106° 27' 11"					F-48-57-D-b
	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 53"	106° 28' 21"					F-48-57-D-b
	SV	xã Vạn Linh	H. Chi Lăng	21° 39' 21"	106° 26' 31"					F-48-57-D-b
	KX	xã Vạn Thủy	H. Chi Lăng			21° 43' 12"	106° 41' 19"	21° 46' 40"	106° 44' 20"	F-48-57-D-b
	DC	xã Vạn Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 29"	106° 42' 46"					F-48-58-C-b
	DC	xã Vạn Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 14"	106° 43' 47"					F-48-58-C-b
	DC	xã Vạn Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 02"	106° 43' 48"					F-48-58-A-d
	KX	xã Vạn Thủy	H. Chi Lăng							F-48-58-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Bó Rươi	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 03"	106° 44' 27"					F-48-58-A-d
làng Cò Hiền	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 56"	106° 43' 35"					F-48-58-A-d
làng Cón Kheng	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 45' 10"	106° 42' 42"					F-48-58-A-d
làng Khau Chè	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 19"	106° 42' 52"					F-48-58-A-d
đèo Khau Phạ	SV	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 01"	106° 42' 46"					F-48-58-C-b
làng Nà Cam	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 25"	106° 43' 19"					F-48-58-A-d
làng Nà Khum	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 51"	106° 43' 51"					F-48-58-C-b
thôn Nà Lừu	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 45' 15"	106° 43' 13"					F-48-58-C-b
làng Nà Moong	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 45' 44"	106° 42' 51"					F-48-58-A-d
làng Nà Pá	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 08"	106° 43' 11"					F-48-58-A-d
thôn Nà Pát	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 45' 45"	106° 43' 29"					F-48-58-A-d
thôn Nà Phước	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 14"	106° 44' 01"					F-48-58-A-d
làng Nà Tài	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 03"	106° 44' 42"					F-48-58-A-d
làng Nà Táng	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 46' 16"	106° 44' 18"					F-48-58-A-d
khau Pính	SV	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 34"	106° 44' 01"					F-48-58-C-b
cầu Sài Hồ 1	KX	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 44' 08"	106° 42' 13"					F-48-58-C-b
cầu Sài Hồ 4	KX	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 20"	106° 41' 32"					F-48-58-C-b
thôn Tinh Lũng	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 42' 38"	106° 42' 55"					F-48-58-C-b
làng Viên Sái	DC	xã Văn Thủy	H. Chi Lăng	21° 43' 27"	106° 41' 37"					F-48-58-C-b
làng Bó Bẩn	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 15"	106° 28' 11"					F-48-57-D-d
làng Bó Loạc	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 41"	106° 28' 57"					F-48-57-D-d
núi Bó Mỏ	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 57"	106° 28' 43"					F-48-57-D-b
núi Bó Mù	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 40"	106° 27' 14"					F-48-57-D-d
làng Canh Tổng	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 32"	106° 28' 19"					F-48-57-D-d
làng Đèo Tuồng	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 21"	106° 29' 08"					F-48-57-D-b
làng Đín Đeng	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 35' 27"	106° 28' 14"					F-48-57-D-d
làng Đồng Tiến	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 57"	106° 29' 20"					F-48-57-D-b
thôn Giáp Thượng 1	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 20"	106° 29' 38"					F-48-57-D-b
thôn Giáp Thượng 2	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 40"	106° 29' 03"					F-48-57-D-b
làng Góc Hương	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 18"	106° 28' 57"					F-48-57-D-d
núi Keng Vài	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 04"	106° 27' 10"					F-48-57-D-d
làng Lán Khuyết	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 40' 23"	106° 26' 11"					F-48-57-D-b
làng Lán Tám	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 46"	106° 27' 07"					F-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Lũng Áng	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 12"	106° 29' 21"					F-48-57-D-d
làng Lũng Nọi	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 13"	106° 31' 25"					F-48-58-C-a
làng Lũng Tát	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 54"	106° 28' 35"					F-48-57-D-d
núi Lũng Vải	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 43"	106° 29' 28"					F-48-57-D-b
thôn Nà Cà 1	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 58"	106° 30' 39"					F-48-58-C-a
thôn Nà Cà 2	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 44"	106° 31' 10"					F-48-58-C-a
làng Nà Mèo	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 24"	106° 28' 26"					F-48-57-D-d
suối Nà Tang	TV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng			21° 37' 12"	106° 29' 55"	21° 35' 53"	106° 28' 32"	F-48-57-D-d
thôn Nam Lân 1	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 35"	106° 29' 07"					F-48-57-D-d
thôn Nam Lân 2	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 35' 36"	106° 28' 23"					F-48-57-D-d
làng Nặm Tà	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 16"	106° 29' 44"					F-48-57-D-b
núi Nặm Tà	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 38' 04"	106° 29' 50"					F-48-57-D-b
suối Nặm Tà	TV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng			21° 37' 43"	106° 29' 25"	21° 38' 29"	106° 29' 42"	F-48-57-D-b
núi Pa Mìn	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 34' 25"	106° 26' 48"					F-48-57-D-d
núi Sa Sây	SV	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 35' 22"	106° 28' 55"					F-48-57-D-d
thôn Thạch Lương	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 13"	106° 30' 07"					F-48-58-C-c
thôn Thần Lăng	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 36' 36"	106° 27' 38"					F-48-57-D-d
thôn Trung Tâm	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 23"	106° 29' 26"					F-48-57-D-d
làng Tùng Nau	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 18"	106° 27' 42"					F-48-57-D-d
làng Xa Cút	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 27"	106° 28' 27"					F-48-57-D-d
làng Xiếc	DC	xã Y Tịch	H. Chi Lăng	21° 37' 44"	106° 29' 15"					F-48-57-D-b
khu 1	DC	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 47"	107° 05' 52"					F-48-59-C-c
khu 2	DC	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 59"	107° 05' 43"					F-48-59-C-c
khu 3	DC	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 21"	107° 05' 15"					F-48-59-C-c
quốc lộ 31	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập			21° 33' 18"	107° 06' 25"	21° 32' 33"	107° 05' 26"	F-48-59-C-c
quốc lộ 4B	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập			21° 32' 31"	107° 06' 14"	21° 33' 27"	107° 05' 07"	F-48-59-C-c
suối Đình Lập	TV	TT. Đình Lập	H. Đình Lập			21° 32' 47"	107° 06' 08"	21° 32' 58"	107° 04' 43"	F-48-59-C-c
cầu Đình Lập 1	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 06"	107° 05' 32"					F-48-59-C-c
cầu Đình Lập 2	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 53"	107° 05' 42"					F-48-59-C-c
cầu Đình Lập 3	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 52"	107° 05' 53"					F-48-59-C-c
núi Khuổi In	SV	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 57"	107° 06' 00"					F-48-59-C-c
sông Lục Nam	TV	TT. Đình Lập	H. Đình Lập			21° 32' 35"	107° 06' 16"	21° 32' 37"	107° 05' 07"	F-48-59-C-c
cầu Nà Phéo	KX	TT. Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 19"	107° 05' 22"					F-48-59-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu 1 Khu 2 Khu 3 Khu 4 Khu 5 Khu 6 cầu 20 cầu 21 quốc lộ 31	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 48"	107° 02' 36"					F-48-71-A-a
	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 51"	107° 01' 54"					F-48-71-A-a
	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 53"	107° 01' 16"					F-48-71-A-a
	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 54"	107° 01' 13"					F-48-71-A-a
	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 35"	107° 01' 05"					F-48-71-A-a
	DC	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 00"	107° 01' 22"					F-48-71-A-a
	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 26"	107° 01' 00"					F-48-71-A-a
	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 27' 40"	107° 01' 09"					F-48-71-A-a
	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập			21° 29' 28"	107° 02' 34"	21° 27' 16"	107° 00' 44"	F-48-71-A-a
	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập							F-48-71-A-a
công ty CP chè Thái Bình - Lạng Sơn	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 58"	107° 01' 23"					F-48-71-A-a
	TV	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập			21° 28' 15"	107° 00' 53"	21° 28' 34"	107° 00' 57"	F-48-71-A-a
	TV	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập			21° 27' 25"	107° 00' 47"	21° 27' 34"	107° 00' 57"	F-48-71-A-a
	TV	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập			21° 28' 52"	107° 02' 33"	21° 28' 59"	107° 01' 10"	F-48-71-A-a
	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 29' 02"	107° 01' 28"					F-48-71-A-a
	SV	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 29' 30"	107° 01' 07"					F-48-71-A-a
	SV	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 03"	107° 01' 46"					F-48-71-A-a
	KX	TT. Nông trường Thái Bình	H. Đình Lập	21° 25' 52"	107° 12' 37"					F-48-71-A-b
	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 13"	107° 14' 56"					F-48-71-B-a
	KX	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 05"	107° 14' 59"					F-48-71-B-a
núi Khau Pha thôn Khe Cây cầu Khe Cây bản Khe Hà suối Khe Hà thôn Khe Lím thôn Khe Mò cầu Khe Mò thôn Khe Pác suối Khe Pác thôn Khe Trôi suối Khe Trôi thôn Khe Váp	SV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 54"	107° 11' 24"					F-48-71-A-b
	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 25' 20"	107° 12' 50"					F-48-71-A-b
	KX	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 25' 26"	107° 13' 13"					F-48-71-A-b
	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 23' 23"	107° 10' 55"					F-48-71-A-b
	TV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 23' 08"	107° 14' 35"	21° 24' 23"	107° 15' 44"	F-48-71-A-b
	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 17"	107° 14' 46"					F-48-71-A-b
	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 46"	107° 14' 15"					F-48-71-A-b
	KX	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 55"	107° 14' 02"					F-48-71-A-b
	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 37"	107° 13' 41"					F-48-71-A-b
	TV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 23' 24"	107° 11' 15"	21° 23' 24"	107° 10' 20"	F-48-71-A-b
thôn Khe Trôi suối Khe Trôi thôn Khe Váp	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 11"	107° 12' 23"					F-48-71-A-b
	TV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 24' 12"	107° 12' 34"	21° 24' 55"	107° 14' 02"	F-48-71-A-b
thôn Khe Váp	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập	21° 24' 03"	107° 10' 45"					F-48-71-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
	TV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 22' 38"	107° 10' 16"	21° 22' 06"	107° 10' 25"	F-48-71-A-b
	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 25' 36"	107° 13' 01"			F-48-71-A-b
	DC	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập			21° 25' 19"	107° 13' 29"			F-48-71-A-b
	TV	xã Bắc Lãng	H. Đình Lập					21° 26' 00"	107° 12' 38"	F-48-71-A-b
	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 39' 24"	107° 20' 29"			F-48-59-D
	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 43' 33"	107° 16' 12"			F-48-59-D
	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 37' 47"	107° 15' 14"			F-48-59-D
	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 40' 54"	107° 17' 24"			F-48-59-D
	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 41' 10"	107° 18' 30"			F-48-59-D
	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập					21° 40' 17"	107° 19' 43"	F-48-59-D
	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 40' 25"	107° 16' 00"	21° 42' 32"	107° 15' 13"	F-48-59-D
	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 43' 09"	107° 15' 09"			F-48-59-D
	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 40' 09"	107° 19' 15"			F-48-59-D
	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập					21° 38' 33"	107° 21' 31"	F-48-59-D
	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 39' 01"	107° 16' 42"		107° 19' 43"	F-48-59-D
	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 37' 53"	107° 15' 53"			F-48-59-D
	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 37' 15"	107° 19' 41"			F-48-59-D
	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập					21° 36' 27"	107° 19' 15"	F-48-59-D
	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 44' 19"	107° 17' 33"		107° 18' 44"	F-48-59-D
	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 39' 05"	107° 21' 31"			F-48-59-D
	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 39' 33"	107° 19' 21"			F-48-59-D
	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 40' 15"	106° 18' 02"			F-48-59-D
	KX	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 39' 13"	107° 17' 33"			F-48-59-D
	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập					21° 37' 47"	107° 19' 35"	F-48-59-D
	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 38' 53"	107° 19' 05"		107° 15' 55"	F-48-59-D
	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập					21° 40' 51"	107° 17' 31"	F-48-59-D
	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 40' 18"	107° 17' 41"		107° 14' 31"	F-48-59-D
	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 38' 57"	107° 16' 04"			F-48-59-D
	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 37' 26"	107° 15' 30"			F-48-59-D
	DC	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 36' 42"	107° 19' 44"			F-48-59-D
	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập			21° 36' 30"	107° 18' 35"			F-48-59-D
	SV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập					21° 42' 03"	107° 18' 20"	F-48-59-D
	TV	xã Bắc Xa	H. Đình Lập					21° 41' 06"	107° 18' 22"	F-48-59-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Tân Lầu	DC	xã Bắc Xá	H. Đình Lập	21° 38' 32"	107° 16' 02"							F-48-59-D
thôn Táp Tỉnh	DC	xã Bắc Xá	H. Đình Lập	21° 41' 32"	107° 17' 16"							F-48-59-D
suối Táp Tỉnh	TV	xã Bắc Xá	H. Đình Lập			21° 43' 38"	107° 15' 58"	21° 40' 51"	107° 17' 31"			F-48-59-D
quốc lộ 31	KX	xã Bình Xá	H. Đình Lập			21° 44' 01"	107° 11' 50"	21° 34' 09"	107° 07' 56"			F-48-59-C
thôn Bản Chất	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 42' 50"	107° 10' 22"							F-48-59-C
thôn Bản Mọi	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 37' 58"	107° 07' 44"							F-48-59-C
suối Bản Mọi	TV	xã Bình Xá	H. Đình Lập			21° 37' 55"	107° 08' 05"	21° 38' 24"	107° 08' 40"			F-48-59-C
khuai Bang	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	20° 49' 56"	107° 10' 11"							F-48-59-C
suối Cón Cà	TV	xã Bình Xá	H. Đình Lập			107° 10' 11"						F-48-59-C
làng Cón Khưa	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 35' 18"	107° 07' 55"							F-48-59-C
cầu Cón Khưa	KX	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 35' 15"	107° 07' 58"							F-48-59-C-d
thôn Cón Phiêng	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 38' 36"	107° 06' 44"							F-48-59-C-d
suối Cón Phiêng	TV	xã Bình Xá	H. Đình Lập									F-48-59-C
núi Hua Phụ	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 38' 31"	107° 05' 24"	21° 38' 35"	107° 06' 35"	21° 39' 49"	107° 07' 56"			F-48-59-C
núi Kéo Kham	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 35' 25"	107° 06' 12"							F-48-59-C
núi Kéo Vèo	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 42' 04"	107° 09' 29"							F-48-59-C-c
núi Khau Háy	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 37' 56"	107° 10' 10"							F-48-59-C
suối Khuổi Coong	TV	xã Bình Xá	H. Đình Lập			21° 34' 15"	107° 08' 57"	21° 35' 44"	107° 08' 47"			F-48-59-C
suối Khuổi Giảo	TV	xã Bình Xá	H. Đình Lập			21° 42' 13"	107° 14' 09"	21° 42' 31"	107° 12' 21"			F-48-59-C
núi Khuổi Ngòi	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 40' 11"	107° 06' 12"							F-48-59-C
núi Khuổi O	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 41' 28"	107° 07' 46"							F-48-59-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Bình Xá	H. Đình Lập			21° 38' 35"	107° 10' 25"	21° 40' 37"	107° 05' 53"			F-48-59-C
bản Lâm Trường 1	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 39' 41"	107° 09' 07"							F-48-59-C
núi Mây Sừng	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 37' 60"	107° 05' 51"							F-48-59-C
núi Mu	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 40' 03"	107° 06' 07"							F-48-59-C
suối Nà Bó	TV	xã Bình Xá	H. Đình Lập			21° 36' 33"	107° 06' 09"	21° 35' 54"	107° 08' 22"			F-48-59-C
cầu Nà Khuông	KX	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 35' 52"	107° 08' 26"							F-48-59-C-d
thôn Nà Lâm	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 42' 26"	107° 11' 05"							F-48-59-C
suối Nà Lâm	TV	xã Bình Xá	H. Đình Lập			21° 42' 31"	107° 12' 21"	21° 43' 04"	107° 09' 44"			F-48-59-C
thôn Nà Loòng	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 38' 15"	107° 08' 51"							F-48-59-C
suối Nà Loòng	TV	xã Bình Xá	H. Đình Lập			21° 38' 24"	107° 08' 40"	21° 39' 30"	107° 08' 57"			F-48-59-C
thôn Nà Lừa	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 37' 21"	107° 09' 02"							F-48-59-C-d
suối Nà Lừa	TV	xã Bình Xá	H. Đình Lập			21° 36' 49"	107° 08' 33"	21° 38' 04"	107° 08' 59"			F-48-59-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Nà Lừa	KX	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 37' 01"	107° 08' 37"					F-48-59-C-d
bản Nà Nghiều	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 35' 58"	107° 08' 19"					F-48-59-C-d
sưởi Nà Nghiều	TV	xã Bình Xá	H. Đình Lập			21° 35' 44"	107° 08' 47"	21° 35' 51"	107° 08' 26"	F-48-59-C
cầu Nà Phạ	KX	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 36' 47"	107° 08' 30"					F-48-59-C-d
bản Nạ Phạ	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 36' 39"	107° 08' 28"					F-48-59-C-d
bản Nà Sang	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 37' 40"	107° 08' 43"					F-48-59-C
núi Niu Lục Duốc	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 39' 41"	107° 07' 02"					F-48-59-C
thôn Pán Mò	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 35' 33"	107° 08' 13"					F-48-59-C-d
cầu Pán Mò 2	KX	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 35' 42"	107° 08' 19"					F-48-59-C-d
thôn Pò Háng	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 39' 41"	107° 09' 30"					F-48-59-C
thôn Pò Mát	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 34' 53"	107° 07' 46"					F-48-59-C-d
thôn Pò Phát	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 39' 57"	107° 07' 51"					F-48-59-C
núi Pò Phi Suồng	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 44' 14"	107° 11' 21"					F-48-59-C
núi Pò Toong Pục	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 43' 21"	107° 12' 36"					F-48-59-C
khuai Sam chom	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 36' 51"	107° 06' 23"					F-48-59-C
núi Slam Siếu	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 41' 27"	107° 06' 48"					F-48-59-C
thôn Tiên Phi	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 35' 48"	107° 08' 13"					F-48-59-C-d
thôn Trung tâm Lâm Nghiệp 2	DC	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 36' 22"	107° 08' 40"					F-48-59-C-d
khuai Vuông	SV	xã Bình Xá	H. Đình Lập	21° 34' 41"	107° 07' 03"					F-48-59-C-c
quốc lộ 4B	KX	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			20° 58' 39"	107° 08' 09"	21° 25' 52"	107° 12' 37"	F-48-71-A-b
núi Kéo Tầm	SV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 30' 14"	107° 11' 46"					F-48-59-C-d
núi Khau Láng	SV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 28' 58"	107° 12' 30"					F-48-71-A-b
sưởi Khe Cay	TV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			21° 28' 26"	107° 10' 01"	21° 28' 26"	107° 10' 01"	F-48-71-A-b
thôn Khe Cù	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 28"	107° 10' 36"					F-48-71-A-b
sưởi Khe Cù	TV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			21° 27' 38"	107° 10' 38"	21° 26' 44"	107° 09' 36"	F-48-71-A-b
cầu Khe Cù	KX	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 38"	107° 10' 38"					F-48-71-A-b
thôn Khe Điang	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 28' 48"	107° 09' 29"					F-48-71-A-b
thôn Khe Luồng	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 42"	107° 11' 30"					F-48-71-A-b
sưởi Khe Luồng	TV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			21° 29' 41"	107° 10' 56"	21° 27' 11"	107° 11' 33"	F-48-71-A-b
cầu Khe Mù	KX	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 02"	107° 11' 13"					F-48-71-A-b
cầu Khe Mùn	KX	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 28' 19"	107° 10' 01"					F-48-71-A-b
sưởi Khe Pắn	TV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			21° 29' 54"	107° 12' 41"	21° 26' 25"	107° 12' 24"	F-48-71-A-b
thôn Khe Pắn Giữa	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 29' 50"	107° 12' 28"					F-48-71-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Mào Bao	SV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 29' 06"	107° 10' 29"					F-48-71-A-b
núi Mò Á	SV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 28' 30"	107° 08' 10"					F-48-71-A-b
thôn Nà Háng	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 07"	107° 11' 26"					F-48-71-A-b
thôn Nà Loỏng	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 27' 04"	107° 11' 08"					F-48-71-A-b
thôn Nà Nát	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 26' 21"	107° 12' 17"					F-48-71-A-b
thôn Nà Van	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 29' 15"	107° 09' 04"					F-48-71-A-b
cầu Nà Van	KX	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 29' 21"	107° 09' 07"					F-48-71-A-b
thôn Nà Ý	DC	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 26' 49"	107° 11' 38"					F-48-71-A-b
suối Nam Luồng	TV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập			21° 30' 27"	107° 08' 36"	21° 26' 01"	107° 12' 38"	F-48-71-A-b
núi Tầm Muồng	SV	xã Châu Sơn	H. Đình Lập	21° 26' 40"	107° 08' 46"					F-48-71-A-b
quốc lộ 4B	KX	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 31' 10"	107° 05' 13"	21° 31' 34"	107° 07' 14"	20° 58' 39"	107° 08' 10"	F-48-59-C-d
thôn Bản Chuồn	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập							F-48-59-C-c
suối Bản Chuồn	TV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập			21° 30' 51"	107° 05' 33"	21° 31' 30"	107° 05' 02"	F-48-59-C-c
suối Bản Pe	TV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập			21° 29' 26"	107° 05' 14"	21° 28' 33"	107° 06' 47"	F-48-71-A-a
thôn Bản Pía	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 29' 05"	107° 06' 02"					F-48-71-A-a
bản Bản Xum	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 28' 34"	107° 04' 50"					F-48-71-A-a
núi Cạm Sác	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 31' 17"	107° 06' 52"					F-48-59-C-c
núi Chom Luồng	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 30' 18"	107° 04' 57"					F-48-59-C-c
thôn Đồng Khoang	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 30' 39"	107° 06' 22"					F-48-59-C-c
suối Đồng Khoang	TV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập			21° 30' 27"	107° 06' 24"	21° 27' 19"	107° 06' 35"	F-48-59-C-c; F-48-71-A-b
khau Kéo Phức	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 31' 19"	107° 06' 17"					F-48-59-C-c
thôn Khe Bó	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 29' 45"	107° 07' 16"					F-48-71-A-a
suối Khe Bó	TV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập			21° 29' 52"	107° 06' 56"	21° 29' 52"	107° 06' 58"	F-48-71-A-a
bản Khe Luồng	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 29' 28"	107° 03' 33"					F-48-71-A-a
sông Lục Nam	TV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập			21° 28' 52"	107° 02' 32"	21° 27' 09"	107° 03' 53"	F-48-71-A-a
núi Mào Lài	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 29' 45"	107° 07' 39"					F-48-71-A-b
bản Nà Cà	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 28' 36"	107° 02' 56"					F-48-71-A-a
khau Phi Sương	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 31' 30"	107° 07' 35"					F-48-59-C-d
núi Pò Diễm	SV	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 29' 10"	107° 02' 57"					F-48-71-A-a
thôn Quang Hoà	DC	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 30' 33"	107° 08' 04"					F-48-59-C-d
cầu Quang Hoà	KX	xã Cường Lợi	H. Đình Lập	21° 30' 57"	107° 07' 49"					F-48-59-C-d
quốc lộ 31	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 34' 18"	107° 03' 11"	21° 34' 12"	107° 08' 10"	F-48-59-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
quốc lộ 4B	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập									
	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 35' 29"	107° 03' 17"						F-48-59-C-c	
	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 01"	107° 04' 27"						F-48-59-C-c	
	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 13"	107° 04' 16"						F-48-59-C-c	
	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 06"	107° 04' 29"						F-48-59-C-c	
	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 19"	107° 02' 59"						F-48-59-C-c	
	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 35' 51"	107° 01' 31"	21° 35' 29"	107° 03' 09"		F-48-59-C-c	
	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 50"	107° 04' 55"						F-48-59-C-c	
	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 34' 59"	107° 04' 35"						F-48-59-C-c	
	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 37' 47"	107° 03' 44"						F-48-59-C	
	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 36' 23"	107° 02' 02"						F-48-59-C-c	
	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 36' 27"	107° 02' 07"						F-48-59-C-c	
	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 52"	107° 02' 20"			21° 33' 47"	107° 02' 28"	21° 32' 11"	107° 04' 22"	F-48-59-C-c
	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập									F-48-59-C-c
	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 36' 01"	107° 05' 10"							F-48-59-C-c
	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 28"	107° 03' 05"							F-48-59-C-c
	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 33' 00"	107° 06' 25"	21° 32' 47"	107° 06' 07"			F-48-59-C-c
	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 38' 50"	107° 03' 31"							F-48-59-C
	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 04"	107° 06' 45"							F-48-59-C-c
	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 23"	107° 06' 54"							F-48-59-C-c
	KX	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 33' 23"	107° 06' 59"							F-48-59-C-c
	SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 31' 19"	107° 04' 19"							F-48-59-C-c
	DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 32' 41"	107° 04' 15"							F-48-59-C-c
	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 34' 48"	107° 05' 11"	21° 35' 19"	107° 04' 08"			F-48-59-C-c
	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 38' 36"	107° 00' 14"	21° 32' 35"	107° 06' 16"			F-48-59-C-c
	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 36' 19"	107° 05' 34"	21° 34' 25"	107° 04' 11"			F-48-59-C-c
	TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 32' 25"	107° 07' 09"	21° 32' 35"	107° 06' 16"			F-48-59-C-c
SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập	21° 35' 22"	107° 05' 29"							F-48-59-C-c	
TV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			21° 36' 54"	107° 02' 44"	21° 35' 38"	107° 03' 01"			F-48-59-C	
DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập			107° 03' 31"						F-48-59-C-c	
SV	xã Đình Lập	H. Đình Lập			107° 04' 21"						F-48-59-C-c	
DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập			107° 03' 23"						F-48-59-C-c	
DC	xã Đình Lập	H. Đình Lập			107° 02' 58"						F-48-59-C-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Nà Pá	KX	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 35' 40"	107° 03' 01"					F-48-59-C-c
núi Nà Tằng	SV	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 32' 13"	107° 05' 51"					F-48-59-C-c
suối Nà Tằng	TV	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập			21° 31' 47"	107° 05' 57"	21° 31' 57"	107° 04' 31"	F-48-59-C-c
khuổi Nhương	TV	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập			21° 35' 02"	107° 01' 54"	21° 33' 47"	107° 02' 28"	F-48-59-C-c
núi Phạ Lác	SV	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 33' 56"	107° 03' 09"					F-48-59-C
thôn Phật Chỉ	DC	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 32' 28"	107° 06' 24"					F-48-59-C-c
thôn Pò Khoang	DC	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 40' 27"	107° 04' 06"					F-48-59-C-c
thôn Pò Tấu	DC	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 31' 17"	107° 03' 43"					F-48-59-C-c
cầu Pò Tấu	KX	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 31' 15"	107° 03' 37"					F-48-59-C-c
bản Pò Vánh	DC	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 32' 21"	107° 06' 21"					F-48-59-C-c
khau Sam Chom	SV	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 37' 20"	107° 05' 29"					F-48-59-C-c
khuổi Sáy	TV	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập			21° 33' 15"	107° 06' 52"	21° 32' 35"	107° 06' 16"	F-48-59-C-c
núi Sum Ngàn	SV	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 36' 10"	107° 06' 09"					F-48-59-C-c
thôn Tả Hòn	DC	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 35' 03"	107° 03' 50"					F-48-59-C-c
cầu Tả Hòn	KX	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 35' 02"	107° 03' 55"					F-48-59-C-c
khau Úc	SV	xã Đinh Lập	H. Đinh Lập	21° 32' 06"	107° 03' 34"					F-48-59-C-c
sông Đồng Quy	TV	xã Đồng Thắng	H. Đinh Lập			21° 27' 19"	107° 06' 35"	21° 25' 02"	107° 07' 14"	F-48-71-A-a
núi Khe Buông	SV	xã Đồng Thắng	H. Đinh Lập	21° 26' 20"	107° 06' 08"					F-48-71-A-a
núi Khe Dầu	SV	xã Đồng Thắng	H. Đinh Lập	21° 24' 58"	107° 10' 33"					F-48-71-A-b
thôn Khe Lạn	DC	xã Đồng Thắng	H. Đinh Lập	21° 24' 19"	107° 08' 46"					F-48-71-A-b
suối Khe Lạn	TV	xã Đồng Thắng	H. Đinh Lập			21° 24' 10"	107° 08' 38"	21° 22' 55"	107° 08' 00"	F-48-71-A-b
thôn Nà Ngỏ	DC	xã Đồng Thắng	H. Đinh Lập	21° 26' 41"	107° 06' 40"					F-48-71-A-a
thôn Nà Quan	DC	xã Đồng Thắng	H. Đinh Lập	21° 24' 49"	107° 07' 23"					F-48-71-A-a
thôn Nà Soong	DC	xã Đồng Thắng	H. Đinh Lập	21° 25' 06"	107° 07' 07"					F-48-71-A-a
bản Pắc Coóc	DC	xã Đồng Thắng	H. Đinh Lập	21° 23' 04"	107° 08' 02"					F-48-71-A-b
thôn Pắc Dầu	DC	xã Đồng Thắng	H. Đinh Lập	21° 23' 54"	107° 06' 54"					F-48-71-A-a
núi Pắc Dầu	SV	xã Đồng Thắng	H. Đinh Lập	21° 24' 03"	107° 06' 05"					F-48-71-A-a
thôn Bản Chạp	DC	xã Kiên Mộc	H. Đinh Lập	21° 39' 08"	107° 11' 52"					F-48-59-C
thôn Bản Có	DC	xã Kiên Mộc	H. Đinh Lập	21° 35' 49"	107° 11' 28"					F-48-59-C-d
suối Bản Có	TV	xã Kiên Mộc	H. Đinh Lập			21° 35' 24"	107° 11' 37"	21° 37' 02"	107° 11' 36"	F-48-59-C-d
thôn Bản Hang	DC	xã Kiên Mộc	H. Đinh Lập	21° 36' 58"	107° 11' 29"					F-48-59-C-d
thôn Bản Lự	DC	xã Kiên Mộc	H. Đinh Lập	21° 37' 50"	107° 13' 60"					F-48-59-C
thôn Bản Mục	DC	xã Kiên Mộc	H. Đinh Lập	21° 35' 10"	107° 12' 55"					F-48-59-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bản Mực	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 35' 08"	107° 13' 40"	21° 35' 10"	107° 11' 49"	F-48-59-C-d
thôn Bản Phục	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 37' 13"	107° 11' 19"					F-48-59-C-d
thôn Bản Pía	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 37' 57"	107° 10' 52"					F-48-59-C
thôn Bản Táng	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 35' 41"	107° 14' 15"					F-48-59-C-d
suối Bản Táng	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 35' 53"	107° 14' 12"	21° 37' 47"	107° 13' 28"	F-48-59-C-d
bản Bản Tùm	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 34' 01"	107° 11' 22"					F-48-59-C-d
khe Bùng	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 34' 03"	107° 10' 28"	21° 34' 55"	107° 10' 56"	F-48-59-C-d
thôn Hín Đăm	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 33' 43"	107° 09' 13"					F-48-59-C-d
suối Khau Cát	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 41' 27"	107° 13' 16"	21° 38' 30"	107° 10' 59"	F-48-59-C
bản Khau Diu	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 36' 47"	107° 12' 01"					F-48-59-C-d
núi Khau Láng	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	20° 35' 56"	107° 12' 20"					F-48-59-C-d
núi Khau Mè	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 38' 26"	107° 10' 09"					F-48-59-C
núi Khau Sao	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 33' 14"	107° 08' 24"					F-48-59-C-d
thôn Khe Bùng	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 33' 54"	107° 10' 05"					F-48-59-C-d
thôn Khe Luồng	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 31' 58"	107° 10' 31"					F-48-59-C-d
suối Khe Luồng	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 31' 05"	107° 12' 05"	21° 30' 23"	107° 11' 08"	F-48-59-C-d
suối Khe Moong	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 33' 54"	107° 11' 59"	21° 35' 10"	107° 11' 49"	F-48-59-C-d
núi Khuổi Luồng	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 41' 32"	107° 13' 26"					F-48-59-C
núi Khuổi Luồng	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 37' 15"	107° 14' 20"					F-48-59-C
núi Khuổi Mỏ	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập			21° 37' 46"	107° 14' 31"	21° 38' 35"	107° 10' 25"	F-48-59-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 31' 06"	107° 11' 44"					F-48-59-C-d
núi Mòng Vài	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 37' 38"	107° 12' 57"					F-48-59-C
thôn Pác Thút	DC	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 31' 29"	107° 10' 44"					F-48-59-C-d
núi Quang Hoà	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 40' 49"	107° 12' 15"					F-48-59-C
khau Sung Khôn	SV	xã Kiên Mộc	H. Đình Lập	21° 24' 57"	107° 03' 08"					F-48-71-A-a
thôn Bản Lạn	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 22' 03"	107° 01' 08"					F-48-71-A-c
bản Bình Lâm	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 23' 21"	107° 04' 54"					F-48-71-A-c
bản Bình Thắng	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 27' 00"	107° 01' 41"					F-48-71-A-a
núi Cao Lương	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 26' 23"	107° 03' 34"					F-48-71-A-a
núi Cao Pháy	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 21' 08"	107° 02' 46"	21° 22' 23"	107° 01' 41"	F-48-71-A-a
khuổi Chim	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập							F-48-71-A-c
núi Cốc Mươi	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 21"	107° 02' 12"					F-48-71-A-c
khuổi Dăm	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 24' 12"	107° 00' 07"	21° 25' 34"	107° 01' 18"	F-48-71-A-a
khau Đông Sao	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 27' 41"	107° 02' 01"					F-48-71-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Giảng	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 22' 35"	106° 59' 47"					F-48-70-B-b
núi Khao Tân	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 24' 37"	106° 59' 25"					F-48-70-B-b
núi Khau Cải	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 25' 11"	107° 02' 09"					F-48-71-A-a
bản Khe Buồng	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 26' 22"	107° 05' 20"					F-48-71-A-a
sườn Khe Buồng	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 25' 58"	107° 05' 04"	21° 25' 03"	107° 03' 53"	F-48-71-A-a
thôn Khe Ca	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 26"	107° 01' 38"					F-48-71-A-c
thôn Khe Chim	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 32"	107° 02' 21"					F-48-71-A-c
thôn Khe Dăm	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 25' 45"	107° 01' 02"					F-48-71-A-a
thôn Khe Lâm	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 24' 16"	107° 04' 45"					F-48-71-A-a
thôn Khe Sen	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 26"	107° 04' 07"					F-48-71-A-c
sườn Khe Sen	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 21' 52"	107° 04' 11"	21° 22' 15"	107° 04' 32"	F-48-71-A-c
thôn Khe Xiéc	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 23' 25"	106° 59' 48"					F-48-70-B-b
khuổi Lâm	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập							F-48-71-A-a
khuổi Lấp	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 24' 28"	107° 05' 11"	21° 24' 29"	107° 04' 37"	F-48-71-A-a
sông Lục Nam	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 27' 21"	107° 02' 02"	21° 26' 12"	107° 01' 34"	F-48-71-A-a
khuổi Mười	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 27' 09"	107° 03' 53"	21° 23' 24"	106° 59' 07"	F-48-71-A-a
thôn Nà Cút	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập			21° 21' 05"	107° 02' 14"	21° 21' 20"	107° 01' 46"	F-48-71-A-c
khau Nà Đình	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 25' 32"	107° 03' 56"					F-48-71-A-a
bản Nà Khu	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 02"	107° 00' 19"					F-48-71-A-c
thôn Pá Pháy	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 25' 49"	107° 03' 57"					F-48-71-A-a
thôn Pác Vắn	DC	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 21' 37"	107° 00' 14"					F-48-71-A-c
khau Pá Khả	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 22' 53"	107° 01' 34"					F-48-71-A-a
núi Pá Lở	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 20' 34"	107° 00' 57"					F-48-71-A-c
núi Pò Phầy	SV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 26' 37"	107° 00' 37"					F-48-71-A-a
khuổi Soong	TV	xã Lâm Ca	H. Đình Lập	21° 25' 41"	107° 00' 25"					F-48-71-A-a
quốc lộ 31	KX	xã Thái Bình	H. Đình Lập			21° 25' 58"	107° 00' 19"	21° 25' 41"	107° 01' 13"	F-48-71-A-a
thôn Bản Chu	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập			21° 31' 19"	107° 03' 11"	21° 29' 28"	107° 02' 34"	F-48-59-C-c
thôn Bản Mực	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 26' 53"	106° 58' 44"					F-48-70-B-b
thôn Bản Piềng	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 00"	106° 59' 54"					F-48-70-B-b
sườn Đông Mỏ	TV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 29' 15"	106° 58' 33"					F-48-70-B-d
núi Khau Cút	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập			21° 33' 23"	107° 00' 46"	21° 32' 50"	107° 01' 30"	F-48-59-C-c
núi Khau O	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 31' 54"	107° 00' 51"					F-48-59-C-c
núi Khau Trạng	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 46"	107° 00' 06"					F-48-71-A-a
	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 31' 36"	107° 02' 17"					F-48-59-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu					
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
thôn Khe Cháy	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 30' 40"	107° 02' 19"		21° 30' 59"	107° 01' 14"	21° 30' 39"	107° 02' 23"	F-48-59-C-c
suối Khe Cháy	TV	xã Thái Bình	H. Đình Lập								F-48-59-C-c
cầu Khe Cháy	KX	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 30' 33"	107° 02' 29"						F-48-59-C-c
suối Khe Đa	TV	xã Thái Bình	H. Đình Lập				21° 31' 29"	107° 01' 15"	21° 30' 59"	107° 01' 45"	F-48-59-C-c
thôn Khe Đa 1	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập								
thôn Khe Đa 2	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập								
thôn Khe Hìn	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập								
núi Khe Hìn	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 26' 39"	106° 54' 31"						F-48-70-B-b
thôn Khe Sán	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 27' 33"	106° 57' 50"						F-48-70-B-b
bản Khuổi Chọc	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 33' 25"	107° 00' 42"						F-48-59-C-c
bản Khuổi Cọ	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 31' 42"	107° 00' 04"						F-48-59-C-c
núi Khuổi Tàn	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 27' 59"	106° 55' 23"						F-48-70-B-b
sông Lục Nam	TV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 32' 30"	107° 01' 44"		21° 31' 17"	107° 03' 12"	21° 29' 27"	107° 02' 35"	F-48-59-C-c
khau Mào Lạnh	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 29' 40"	107° 01' 25"						F-48-71-A-a
khau Mào Tầm	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 34' 08"	107° 01' 09"						F-48-59-C-c
bản Nà Hìn	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 27' 53"	106° 57' 34"						F-48-70-B-b
bản Nà Luông	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 30' 44"	107° 02' 53"						F-48-59-C-c
bản Nà Phai	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 28' 58"	106° 58' 07"						F-48-70-B-b
bản Nà Vàng	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 26' 04"	106° 57' 11"						F-48-70-B-b
hồ Pắc Làng	TV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 29' 24"	107° 00' 38"						F-48-71-A-a
cầu Pắc Vằng	KX	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 30' 59"	107° 02' 52"						F-48-59-C-c
khau Phai Sáo	SV	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 27' 32"	107° 00' 03"						F-48-71-A-a
thôn Vằng Chọc	DC	xã Thái Bình	H. Đình Lập	21° 31' 18"	107° 01' 30"						F-48-59-C-c
quốc lộ 1A	KX	TT. Hữu Lũng	H. Hữu Lũng				21° 30' 55"	106° 21' 15"	21° 29' 58"	106° 19' 50"	F-48-57-D-c
khau Cầu Mười	DC	TT. Hữu Lũng	H. Hữu Lũng	21° 30' 37"	106° 20' 02"						F-48-57-D-c
khau Na Đầu	DC	TT. Hữu Lũng	H. Hữu Lũng	21° 30' 53"	106° 20' 31"						F-48-57-D-c
khau Tân Mỹ	DC	TT. Hữu Lũng	H. Hữu Lũng	21° 30' 34"	106° 21' 25"						F-48-57-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng				21° 32' 38"	106° 22' 31"	21° 33' 21"	106° 26' 02"	F-48-57-D-d
thôn Ba Nàng	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 46"	106° 22' 56"						F-48-57-D-d
núi Cao Bằng	SV	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 33' 38"	106° 23' 46"						F-48-57-D-d
núi Chùa Am	SV	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 16"	106° 23' 31"						F-48-57-D-d
thôn Đa Đồ	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 31' 19"	106° 23' 35"						F-48-57-D-d
thôn Đoàn Kết	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 09"	106° 25' 09"						F-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Ngẫu	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 33' 04"	106° 24' 04"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Thuốc	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 31"	106° 23' 21"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Trảnh	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 28"	106° 25' 52"					F-48-57-D-d
làng Giãn	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 33' 04"	106° 24' 43"					F-48-57-D-d
thôn Hồng Châu	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 13"	106° 24' 09"					F-48-57-D-d
thôn Làng Bền	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 31' 45"	106° 23' 34"					F-48-57-D-d
đèo Lừa	SV	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 33' 35"	106° 24' 22"					F-48-57-D-d
sông Thương	TV	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng			21° 31' 00"	106° 23' 17"	21° 32' 49"	106° 25' 54"	F-48-57-D-d
thôn Văn Tảo	DC	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 32' 27"	106° 25' 19"					F-48-57-D-d
núi Xá Vện	SV	xã Cai Kinh	H. Hữu Lũng	21° 33' 20"	106° 24' 24"					F-48-57-D-d
thôn Ao Lão	DC	xã Đò Lương	H. Hữu Lũng	21° 31' 02"	106° 17' 19"					F-48-57-D-c
rừng Bãi Lạc	KX	xã Đò Lương	H. Hữu Lũng	21° 29' 39"	106° 17' 24"					F-48-69-B-a
thôn Bàn Mới	DC	xã Đò Lương	H. Hữu Lũng	21° 30' 15"	106° 17' 13"					F-48-57-D-c
thôn Cốc Lùng	DC	xã Đò Lương	H. Hữu Lũng	21° 31' 13"	106° 15' 51"					F-48-57-D-c
núi Cột Cờ	SV	xã Đò Lương	H. Hữu Lũng	21° 29' 32"	106° 17' 10"					F-48-69-B-a
thôn Đồng Mỹ	DC	xã Đò Lương	H. Hữu Lũng	21° 30' 30"	106° 16' 23"					F-48-57-D-c
thôn Gióng	DC	xã Đò Lương	H. Hữu Lũng	21° 30' 31"	106° 14' 37"					F-48-57-C-d
thôn Lương	DC	xã Đò Lương	H. Hữu Lũng	21° 29' 57"	106° 15' 09"					F-48-69-B-a
thôn Phú Đò	DC	xã Đò Lương	H. Hữu Lũng	21° 30' 05"	106° 16' 45"					F-48-57-D-c
thôn Suối Trảng	DC	xã Đò Lương	H. Hữu Lũng	21° 30' 55"	106° 16' 06"					F-48-57-D-c
suối Trảng	TV	xã Đò Lương	H. Hữu Lũng			21° 31' 13"	106° 16' 19"	21° 30' 47"	106° 15' 55"	F-48-57-D-c
thôn Vận	DC	xã Đò Lương	H. Hữu Lũng	21° 31' 23"	106° 16' 29"					F-48-57-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng			21° 30' 55"	106° 21' 15"	21° 32' 37"	106° 22' 36"	F-48-57-D-d
thôn Bãi Vàng	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 32' 25"	106° 20' 40"					F-48-57-D-c
thôn Bến Kim	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 31' 08"	106° 22' 57"					F-48-57-D-d
làng Cây Chầy	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 32' 05"	106° 22' 51"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Heo	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 31' 55"	106° 20' 30"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Lai	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 32' 38"	106° 21' 29"					F-48-57-D-c
thôn Góc Me	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 32' 55"	106° 22' 09"					F-48-57-D-c
thôn Làng Cản	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 31' 24"	106° 22' 16"					F-48-57-D-c
thôn Làng Ngọc	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 31' 24"	106° 21' 16"					F-48-57-D-c
núi Nón	SV	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 31' 14"	106° 21' 02"					F-48-57-D-c
đèo Phiêu	SV	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 33' 24"	106° 22' 12"					F-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Rừng Dong	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 30' 55"	106° 21' 36"					F-48-57-D-c
thôn Sậy Hạ	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 29' 52"	106° 21' 47"					F-48-69-B-a
thôn Sậy Thượng	DC	xã Đồng Tân	H. Hữu Lũng	21° 30' 11"	106° 22' 02"					F-48-57-D-c
làng Ba Trăm	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 30' 45"	106° 12' 59"					F-48-57-C-d
trại Cao	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 22"	106° 10' 26"					F-48-57-C-d
hồ Chiến thắng	TV	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 49"	106° 10' 45"					F-48-57-C-d
mường Chiến Thắng	TV	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng			21° 30' 46"	106° 12' 24"	21° 30' 55"	106° 10' 49"	F-48-57-C-d
làng Công Sự	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 13"	106° 10' 33"					F-48-57-C-d
thôn Địa Phận	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 15"	106° 12' 28"					F-48-57-C-d
suối Lán Bạc	TV	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng			21° 31' 14"	106° 11' 28"	21° 30' 52"	106° 10' 40"	F-48-57-C-d
thôn Lán Châm - Đèo Cáo	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 55"	106° 11' 14"					F-48-57-C-d
thôn Lán Luồng	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 06"	106° 12' 07"					F-48-57-C-d
thôn Láng Cà	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 30' 21"	106° 12' 47"					F-48-57-C-d
thôn Láng Già	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 30' 25"	106° 11' 58"					F-48-57-C-d
thôn Láng Quặng	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 30' 47"	106° 11' 12"					F-48-57-C-d
thôn Liên Phương	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 30' 32"	106° 12' 47"					F-48-57-C-d
thôn Mỏ Ám	DC	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 15"	106° 10' 49"					F-48-57-C-d
suối Mỏ Hương	TV	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng			21° 31' 53"	106° 10' 41"	21° 31' 21"	106° 10' 41"	F-48-57-C-d
trại giam Ngọc Lý 1	KX	xã Đồng Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 12"	106° 12' 53"					F-48-57-C-d
thôn Đồng Già	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 24"	106° 23' 40"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Sơn	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 39"	106° 24' 07"					F-48-57-D-d
làng Già Thọ	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 10"	106° 22' 28"					F-48-69-B-b
làng Nà Lặng	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 37"	106° 22' 57"					F-48-69-B-b
làng Nà Tầm	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 41"	106° 24' 27"					F-48-57-D-d
thôn Nà Vĩ	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 09"	106° 23' 03"					F-48-57-D-d
thôn Phố Vĩ	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 40"	106° 22' 39"					F-48-69-B-b
thôn Sơn Hồ	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 56"	106° 22' 47"					F-48-69-B-b
thôn Tầm Nhâm	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 13"	106° 23' 46"					F-48-57-D-d
thôn Tân Hoa	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 29"	106° 21' 58"					F-48-69-B-a
sông Thương	TV	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng							F-48-57-D-d
thôn Trại Nhạn	DC	xã Hồ Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 07"	106° 22' 51"					F-48-57-D-d
núi Bến Ngạn	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 35' 42"	106° 16' 43"					F-48-69-B-b
núi Canh Thang	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 21"	106° 18' 29"					F-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đồng Lốc	DC	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 20"	106° 17' 32"					F-48-57-D-c
núi Hút Tre	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 28"	106° 20' 18"					F-48-57-D-a
đèo Kênh Thang	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 31"	106° 18' 17"					F-48-57-D-c
núi Kha	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 55"	106° 19' 01"					F-48-57-D-a
núi Lái Xe	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 40"	106° 17' 42"					F-48-57-D-c
đèo Lán Càng	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 18"	106° 19' 02"					F-48-57-D-a
núi Lán Càng	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 17"	106° 19' 14"					F-48-57-D-a
núi Lán De	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 40"	106° 17' 17"					F-48-57-D-a
núi Lán Đò	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 45"	106° 19' 56"					F-48-57-D-a
núi Lán Rươi	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 09"	106° 18' 21"					F-48-57-D-a
núi Ngang	SV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 44"	106° 16' 07"					F-48-57-D-a
thôn Non Hương	DC	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 14"	106° 17' 57"					F-48-57-D-c
thôn Tô Hiệu	DC	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 49"	106° 16' 33"					F-48-57-D-c
thôn Trảng	DC	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 38"	106° 17' 06"	21° 35' 00"	106° 16' 31"	21° 34' 56"	106° 16' 35"	F-48-57-D-c
sông Trung	TV	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng							F-48-57-D-c
thôn Vĩnh Yên	DC	xã Hòa Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 12"	106° 17' 12"					
quốc lộ 1A	KX	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng			21° 33' 14"	106° 28' 49"	21° 31' 25"	106° 29' 52"	F-48-57-D-d
suối Cây Đu	TV	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 28"	106° 28' 37"					F-48-57-D-d
xóm Cây Hồng	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 53"	106° 26' 43"					F-48-57-D-d
thôn Chấm Non	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 48"	106° 27' 43"					F-48-57-D-d
thôn Chín Sáu	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 42"	106° 27' 03"					F-48-57-D-d
thôn Chín Tư	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 37"	106° 28' 51"					F-48-57-D-d
núi Đèo Bụt	SV	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 53"	106° 29' 45"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Luống	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 31"	106° 28' 06"					F-48-57-D-d
xóm Góc Đa	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 32' 12"	106° 29' 45"					F-48-57-D-d
núi Khau Hồ	SV	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng			21° 32' 55"	106° 29' 49"	21° 32' 41"	106° 30' 27"	F-48-58-C-c
suối Luộc	TV	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 30"	106° 27' 11"					F-48-57-D-d
thôn Rừng Cắm	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 20"	106° 28' 17"					F-48-57-D-d
thôn Tam Hợp	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 05"	106° 28' 58"					F-48-57-D-d
thôn Tảng Mật	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 16"	106° 29' 47"					F-48-57-D-d
xóm Thịnh Hòa	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng			21° 33' 25"	106° 28' 15"	21° 32' 47"	106° 25' 54"	F-48-57-D-d
sông Thương	TV	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng							F-48-57-D-d
thôn Việt Thắng	DC	xã Hòa Lạc	H. Hữu Lũng	21° 33' 17"	106° 27' 42"					F-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Áng	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 34"	106° 28' 45"					F-48-57-D-d
xóm Ao Ca	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 09"	106° 26' 26"					F-48-57-D-d
xóm Ao Lợn	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 15"	106° 27' 20"					F-48-57-D-d
xóm Ao Trượng	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 57"	106° 27' 25"					F-48-57-D-d
đèo Bà	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 39"	106° 26' 32"					F-48-57-D-d
xóm Ba Khe	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 38"	106° 27' 10"					F-48-69-B-b
núi Cây Đào	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 15"	106° 29' 49"					F-48-57-D-d
thôn Đèo Bả	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 38"	106° 26' 17"					F-48-57-D-d
xóm Đồng Giản	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 20"	106° 27' 35"					F-48-57-D-d
xóm Đồng Lâm	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 06"	106° 26' 47"					F-48-57-D-d
xóm Đồng Ngang	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 28"	106° 27' 46"					F-48-57-D-d
núi Đồng Sung	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 41"	106° 29' 09"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Tiến	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 20"	106° 27' 01"					F-48-57-D-d
thôn Đồng Trọng	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 14"	106° 26' 38"					F-48-57-D-d
núi Gia Cò	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 48"	106° 28' 41"					F-48-57-D-d
xóm Góc Phường	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 54"	106° 26' 23"					F-48-57-D-d
đồi Góc Thị	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 35"	106° 29' 13"					F-48-69-B-b
thôn Hồ Mười	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 19"	106° 29' 35"					F-48-57-D-d
thôn Hồ Quyết	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 27' 56"	106° 28' 06"					F-48-57-D-d
thôn Hoà Bình	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 50"	106° 28' 00"					F-48-69-B-b
núi Khuôn Pính	SV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 14"	106° 28' 48"					F-48-57-D-d
đập Khuôn Pính	KX	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 29"	106° 28' 18"					F-48-57-D-d
xóm Làng Chảo	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 54"	106° 26' 56"					F-48-69-B-b
xóm Liên Ninh	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 51"	106° 27' 35"					F-48-69-B-b
xóm Minh Cường	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 21"	106° 27' 19"					F-48-57-D-d
súi Nghè	TV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng			21° 29' 60"	106° 22' 19"	21° 29' 28"	106° 27' 17"	F-48-69-B-b
xóm Ngọn Súoi	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 25"	106° 28' 36"					F-48-69-B-b
thôn Súoi Trà	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 29"	106° 29' 06"					F-48-69-B-b
súi Trà	TV	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng			21° 32' 02"	106° 28' 45"	21° 31' 11"	106° 29' 00"	F-48-57-D-d
thôn Trại Dạ	DC	xã Hòa Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 26"	106° 27' 46"					F-48-57-D-d
núi Bảo Đài	SV	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 25' 00"	106° 21' 00"					F-48-69-B-b
súi Cát	TV	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng			21° 27' 46"	106° 22' 23"	21° 28' 01"	106° 21' 29"	F-48-69-B-a
thôn Cốc Lũng	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 28' 05"	106° 23' 13"					F-48-69-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Đất Đỏ	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 26' 38"	106° 23' 03"							F-48-69-B-b
xóm Hồ Tông	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 24' 26"	106° 20' 37"							F-48-69-B-a
xóm Hồ Trì	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 24' 46"	106° 19' 57"							F-48-69-B-a
thôn Hồ Vất	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 28' 04"	106° 23' 49"							F-48-69-B-b
thôn Lán Thán	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 27' 30"	106° 22' 25"							F-48-69-B-b
xóm Mờ Cửa	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 24' 58"	106° 20' 13"							F-48-69-B-a
thôn Phú Hòa	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 25' 53"	106° 23' 20"							F-48-69-B-b
thôn Suối Ngang	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 27' 08"	106° 21' 44"							F-48-69-B-a
xóm Tử Xuyên	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 27' 24"	106° 22' 54"							F-48-69-B-b
thôn Vạn Thắng	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 25' 22"	106° 22' 37"							F-48-69-B-b
ga Voi Xỏ	KX	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 26' 26"	106° 20' 04"							F-48-69-B-a
suối Xe Điều	TV	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng			21° 24' 20"	106° 20' 55"	21° 26' 26"	106° 19' 46"			F-48-69-B-a
thôn Xóm Chùa	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 28' 28"	106° 22' 23"							F-48-69-B-a
thôn Xóm Mới	DC	xã Hòa Thắng	H. Hữu Lũng	21° 26' 53"	106° 21' 55"							F-48-69-B-a
thôn Ao Bải	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 23"	106° 22' 46"							F-48-57-D-b
thôn Ba Lặng	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 58"	106° 22' 37"							F-48-57-D-b
núi Buồng Hiếu	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 43"	106° 22' 36"							F-48-57-D-b
đèo Căng	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 16"	106° 23' 14"							F-48-57-D-a
núi Canh Tay	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 31"	106° 21' 16"							F-48-57-D-a
núi Canh Trung	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 34"	106° 21' 32"							F-48-57-D-a
núi Chưng Hồng	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 11"	106° 23' 15"							F-48-57-D-b
làng Cửa Chùa	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 24"	106° 22' 45"							F-48-57-D-b
suối Đồng Dưới	TV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng			21° 37' 50"	106° 22' 12"	21° 37' 59"	106° 23' 08"			F-48-57-D-a
làng Gò Mon	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 08"	106° 22' 29"							F-48-57-D-a
núi Khau Kinh	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 20"	106° 23' 39"							F-48-57-D-b
núi Lán Bương	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 10"	106° 22' 50"							F-48-57-D-b
làng Lán Cát	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 44' 40"	106° 22' 36"							F-48-57-D-b
thôn Lán Châu	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 44' 03"	106° 22' 46"							F-48-57-D-b
làng Lán Chục Tang	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 04"	106° 22' 47"							F-48-57-D-b
thôn Lán Cốc	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 39' 54"	106° 24' 40"							F-48-57-D-b
thôn Lán Đật	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 58"	106° 22' 36"							F-48-57-D-a
đèo Lán Đật	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 02"	106° 20' 26"							F-48-57-D-a
làng Lán Hắng	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 31"	106° 24' 49"							F-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Lân Hỷ Ngoài	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 28"	106° 21' 44"					F-48-57-D-a
làng Lân Hỷ Trong	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 11"	106° 21' 09"					F-48-57-D-a
làng Lân Rằm	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 43' 41"	106° 23' 05"					F-48-57-D-b
núi Lân Sóc	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 39' 48"	106° 21' 15"					F-48-57-D-a
thôn Làng Bền	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 51"	106° 22' 37"					F-48-57-D-b
thôn Làng Cướm	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 41' 48"	106° 22' 27"					F-48-57-D-a
thôn Làng Que	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 24"	106° 22' 19"					F-48-57-D-a
đèo Lối Hùm	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 42' 35"	106° 21' 25"					F-48-57-D-a
thôn Nà Nọc	DC	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 15"	106° 24' 43"					F-48-57-D-b
đèo Nà Nọc	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 16"	106° 24' 42"					F-48-57-D-b
đèo Quáo	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 40' 52"	106° 23' 31"					F-48-57-D-b
đèo Trá	SV	xã Hữu Liên	H. Hữu Lũng	21° 39' 39"	106° 21' 45"					F-48-57-D-a
đồi Cây Thị	SV	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 14"	106° 19' 24"					F-48-69-B-a
thôn Chim	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 21"	106° 21' 32"					F-48-69-B-a
thôn Chùa	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 27"	106° 21' 52"					F-48-69-B-a
xóm Đồng Sậy	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 02"	106° 20' 06"					F-48-69-B-a
thôn Hẩu	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 27' 23"	106° 21' 02"					F-48-69-B-a
xóm Keo	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 13"	106° 20' 46"					F-48-69-B-a
thôn Mới	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 26' 58"	106° 19' 03"					F-48-69-B-a
trại Nào Tiú	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 27' 19"	106° 20' 31"					F-48-69-B-a
sông Thương	TV	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng			21° 27' 08"	106° 18' 36"	21° 29' 08"	106° 21' 48"	F-48-69-B-a
đồi Tranh Vẽ	SV	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 28' 50"	106° 21' 19"					F-48-69-B-a
xóm Xa	DC	xã Minh Hòa	H. Hữu Lũng	21° 27' 03"	106° 20' 27"					F-48-69-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng			21° 26' 47"	106° 17' 26"	21° 29' 35"	106° 20' 06"	F-48-69-B-a
thôn Bến Lường	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 27' 10"	106° 17' 32"					F-48-69-B-a
thôn Có Ngoài	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 15"	106° 19' 48"					F-48-69-B-a
thôn Có Trong	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 51"	106° 19' 01"					F-48-69-B-a
thôn Coóc Mỏ	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 22"	106° 19' 33"					F-48-69-B-a
xóm Điện	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 42"	106° 19' 34"					F-48-69-B-a
thôn Hồ Mười	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 56"	106° 18' 25"					F-48-57-D-c
rừng Hồ Rỗng	KX	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 38"	106° 17' 06"					F-48-69-B-a
trường Lâm Nghiệp	KX	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 27' 58"	106° 17' 39"					F-48-69-B-a
đèo Lỗ Hòm	SV	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 39"	106° 19' 02"					F-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đồi Lò Ngòi	SV	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 29' 02"	106° 19' 35"					F-48-89-B-a
xóm Lót	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 37"	106° 18' 46"					F-48-89-B-a
thôn Lót - Bò Cáo	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 27' 55"	106° 18' 45"					F-48-89-B-a
cầu Luồng	KX	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 26' 47"	106° 17' 26"					F-48-89-B-a
núi Tiên	SV	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 30' 35"	106° 17' 44"					F-48-57-D-c
thôn Văn Miếu	DC	xã Minh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 28' 21"	106° 17' 54"					F-48-89-B-a
thôn Bến Cát	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 52"	106° 16' 25"					F-48-57-D-c
thôn Bến Cón	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 12"	106° 15' 45"					F-48-57-D-c
núi Con Ngỗng	SV	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 06"	106° 15' 32"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Bé	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 18"	106° 17' 46"					F-48-57-D-c
xóm Đồng Càng	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 38"	106° 16' 34"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Lão	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 34' 05"	106° 16' 52"					F-48-57-D-c
xóm Đồng Phúc	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 17"	106° 17' 20"					F-48-57-D-c
thôn Hồ Vạng	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 33"	106° 17' 28"					F-48-57-D-c
núi Một	SV	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 36"	106° 17' 24"					F-48-57-D-c
xóm Tân Tiến	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 32"	106° 17' 05"	21° 35' 00"	106° 16' 31"	21° 33' 07"	106° 17' 53"	F-48-57-D-c
sông Trung	TV	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 54"	106° 16' 50"					F-48-57-D-c
xóm Vũng Dưng	DC	xã Minh Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 32"	106° 19' 19"					F-48-57-D-c
thôn Duyên Tiến	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 08"	106° 20' 07"					F-48-57-D-c
núi Đá Ngăn	SV	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 29"	106° 19' 45"					F-48-57-D-c
thôn Đoàn Kết	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 25"	106° 17' 59"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Hương	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 33' 06"	106° 19' 27"					F-48-57-D-c
núi Lân Hoàn	SV	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 50"	106° 20' 24"					F-48-57-D-c
núi Mỏ Phát	SV	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 57"	106° 19' 47"					F-48-57-D-c
núi Một	SV	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 01"	106° 19' 57"					F-48-57-D-c
thôn Tân Hoa	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 31' 27"	106° 20' 04"					F-48-57-D-c
thôn Tân Hương	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 39"	106° 18' 44"					F-48-57-D-c
thôn Tân Tạo	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 13"	106° 18' 36"					F-48-57-D-c
thôn Tân Thịnh	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 51"	106° 17' 46"					F-48-57-D-c
thôn Trại Diêm	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng			21° 33' 07"	106° 17' 53"	21° 32' 31"	106° 20' 04"	F-48-57-D-c
sông Trung	TV	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 32' 45"	106° 20' 01"					F-48-57-D-c
thôn Tự Nhiên	DC	xã Nhật Tiến	H. Hữu Lũng	21° 37' 56"	106° 12' 39"					F-48-57-D-c
thôn Bầm	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng							F-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bờ Lính	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 54"	106° 12' 14"					F-48-57-C-b
thôn Bồng	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 46"	106° 13' 10"					F-48-57-C-b
xóm Đồng Thia	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 24"	106° 11' 49"					F-48-57-C-d
xóm Hang Cao	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 31"	106° 11' 35"					F-48-57-C-b
thôn Kép	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 28"	106° 13' 39"					F-48-57-C-d
xóm Kép	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 50"	106° 13' 23"					F-48-57-C-b
núi Lân Vằn	SV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 49"	106° 12' 03"					F-48-57-C-b
hồ Lân Vằn	TV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 50"	106° 12' 21"					F-48-57-C-b
muông Lân Vằn	TV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng		21° 37' 35"	106° 14' 44"	21° 38' 41"	106° 12' 13"		F-48-57-C-b
núi Lướt	SV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 03"	106° 12' 47"					F-48-57-C-b
xóm Mắc Cây	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 18"	106° 12' 17"					F-48-57-C-b
núi Mỏ Nghiến	SV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 13"	106° 12' 17"					F-48-57-C-d
núi Nấm Cơm	SV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 37' 40"	106° 12' 06"					F-48-57-C-b
suối Nấm Cơm	TV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng			21° 37' 24"	106° 11' 43"	21° 38' 17"	106° 12' 26"	F-48-57-C-b
suối Niu	TV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 33"	106° 11' 57"	21° 37' 39"	106° 12' 58"	21° 37' 37"	106° 13' 43"	F-48-57-C-b
thôn Rầy	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 38' 51"	106° 13' 47"					F-48-57-C-b
thôn Trắng	DC	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng			21° 38' 41"	106° 11' 23"	21° 37' 30"	106° 13' 43"	F-48-57-C-b
sông Trung	TV	xã Quyết Thắng	H. Hữu Lũng	21° 29' 53"	106° 20' 09"					F-48-69-B-a
thôn Dốc Mới 1	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 34"	106° 20' 31"					F-48-69-B-a
thôn Dốc Mới 2	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 27"	106° 20' 32"					F-48-69-B-a
thôn En	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 46"	106° 20' 21"					F-48-69-B-a
xóm Mới	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 37"	106° 21' 24"					F-48-69-B-a
thôn Na Hoa	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 08"	106° 21' 09"					F-48-69-B-a
thôn Ngòi Na	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng	21° 29' 57"	106° 20' 52"					F-48-69-B-a
thôn Trường Sơn	DC	xã Sơn Hà	H. Hữu Lũng			21° 35' 15"	106° 14' 16"	21° 34' 54"	106° 13' 56"	F-48-57-C-d
suối Chùa	TV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 00"	106° 13' 13"					F-48-57-C-d
thôn Đá Mài	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 53"	106° 14' 26"					F-48-57-C-d
núi Đèo Thập	SV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 00"	106° 13' 56"					F-48-57-C-d
xóm Đồng Cạn	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 30"	106° 14' 05"					F-48-57-C-d
thôn Đồng Mạ	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 21"	106° 13' 20"					F-48-57-C-d
thôn Đồng Sinh	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng			21° 35' 28"	106° 13' 10"	21° 35' 25"	106° 14' 10"	F-48-57-C-d
suối Đục	TV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 34' 45"	106° 14' 30"					F-48-57-C-d
xóm Hàn	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng							F-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hợp Thành	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 22"	106° 14' 22"					F-48-57-C-d
đèo Lân Cản	SV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 24"	106° 15' 44"					F-48-57-D-c
núi Lân Cản	SV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 09"	106° 16' 02"					F-48-57-D-c
thôn Lân Mơ	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 34' 54"	106° 15' 01"					F-48-57-D-c
núi Lân Nửa	SV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 34"	106° 15' 57"					F-48-57-D-c
núi Lân Vài	SV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 34"	106° 15' 40"					F-48-57-D-c
thôn Lân Vầu	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 34' 39"	106° 14' 53"					F-48-57-C-d
suối Ô Ô	TV	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng			21° 35' 16"	106° 12' 38"	21° 35' 28"	106° 13' 10"	F-48-57-C-d
thôn Tân Châu	DC	xã Tân Lập	H. Hữu Lũng	21° 35' 07"	106° 14' 22"					F-48-57-C-d
thôn Ao Kham	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 58"	106° 25' 13"					F-48-69-B-b
làng Ao Máng	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 50"	106° 25' 44"					F-48-69-B-b
thôn Bắc Lệ	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 30' 41"	106° 25' 50"					F-48-57-D-d
đèo Bần Bĩa	SV	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 31' 11"	106° 26' 00"					F-48-57-D-d
làng Cầu	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 48"	106° 25' 24"					F-48-69-B-b
làng Cầu Con	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 30' 10"	106° 25' 07"					F-48-57-D-d
thôn Cây Sấu	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 15"	106° 26' 23"					F-48-69-B-b
thôn Đồng Cầy	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 28' 58"	106° 24' 52"					F-48-69-B-b
làng Giầu Sang	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 30' 34"	106° 24' 41"					F-48-57-D-d
làng Góc Có	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 30' 43"	106° 25' 47"					F-48-57-D-d
thôn Góc Gạo	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 30' 32"	106° 25' 30"					F-48-57-D-d
suối Khuôn Nghè	TV	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng			21° 29' 06"	106° 27' 04"	21° 27' 05"	107° 26' 53"	F-48-69-B-b
thôn Lăng Cống	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 51"	106° 25' 53"					F-48-69-B-b
thôn Lăng Ngọn	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 14"	106° 24' 37"					F-48-69-B-b
làng Lào Cai	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 28' 33"	106° 24' 54"					F-48-69-B-b
thôn Tân Phú	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 28' 57"	106° 26' 28"					F-48-69-B-b
suối Vĩ	TV	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng			21° 26' 40"	106° 24' 50"	21° 28' 26"	106° 24' 27"	F-48-69-B-b
thôn Vườn Chè	DC	xã Tân Thành	H. Hữu Lũng	21° 29' 55"	106° 24' 47"					F-48-69-B-b
thôn Bàng	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 33' 55"	106° 13' 33"					F-48-57-C-d
thôn Diên Dưới	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 32' 30"	106° 12' 58"					F-48-57-C-d
thôn Diên Giữa	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 32' 33"	106° 12' 39"					F-48-57-C-d
thôn Diên Trên	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 32' 25"	106° 12' 08"					F-48-57-C-d
suối Giao Thủy	TV	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng			21° 32' 07"	106° 11' 44"	21° 32' 46"	106° 12' 20"	F-48-57-C-d
thôn Lay 1	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 42"	106° 13' 07"					F-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lay 2	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 49"	106° 13' 41"					F-48-57-C-d
núi Môt	SV	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 47"	106° 13' 57"					F-48-57-C-d
thôn Na Đàn	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 33' 19"	106° 12' 57"					F-48-57-C-d
thôn Niêng	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 32' 46"	106° 14' 00"					F-48-57-C-d
xóm Quýt	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 31' 18"	106° 13' 09"					F-48-57-C-d
xóm Xa Khao	DC	xã Thanh Sơn	H. Hữu Lũng	21° 33' 30"	106° 13' 30"					F-48-57-C-d
suối Cái	TV	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng			21° 33' 54"	106° 10' 22"	21° 34' 31"	106° 11' 21"	F-48-57-C-d
làng Chung Tiến	DC	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 34' 11"	106° 11' 15"					F-48-57-C-d
hồ Đắp Đề	TV	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 34' 49"	106° 11' 06"					F-48-57-C-d
làng Đèo Cáo	DC	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 33' 10"	106° 10' 50"					F-48-57-C-d
suối Đục	TV	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng			21° 34' 49"	106° 11' 41"	21° 34' 37"	106° 12' 35"	F-48-57-C-d
làng Góc Tám	DC	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 34' 56"	106° 11' 56"					F-48-57-C-d
làng Lân	DC	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 33' 39"	106° 11' 09"					F-48-57-C-d
thôn Làng Trang	DC	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 34' 27"	106° 11' 03"					F-48-57-C-d
đèo Ông Đồng	SV	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 34' 11"	106° 10' 01"					F-48-57-C-d
thôn Quyết Thắng	DC	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 34' 54"	106° 11' 42"					F-48-57-C-d
thôn Quyết Tiến	DC	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 35' 16"	106° 12' 04"					F-48-57-C-d
đập Sáp	KX	xã Thiện Kỳ	H. Hữu Lũng	21° 34' 53"	106° 11' 06"					F-48-57-C-d
thôn Cáo	DC	xã Văn Nam	H. Hữu Lũng	21° 31' 17"	106° 13' 34"					F-48-57-C-d
suối Đập	TV	xã Văn Nam	H. Hữu Lũng			21° 31' 35"	106° 14' 30"	21° 30' 58"	106° 14' 37"	F-48-57-C-d
thôn Hét	DC	xã Văn Nam	H. Hữu Lũng	21° 32' 14"	106° 14' 40"					F-48-57-C-d
núi Lăng Hét	SV	xã Văn Nam	H. Hữu Lũng	21° 33' 04"	106° 14' 33"					F-48-57-C-d
suối Mỏ Đình	TV	xã Văn Nam	H. Hữu Lũng			21° 32' 06"	106° 14' 01"	21° 32' 18"	106° 14' 25"	F-48-57-C-d
thôn Phổng	DC	xã Văn Nam	H. Hữu Lũng	21° 31' 52"	106° 14' 09"					F-48-57-C-d
thôn Thuyền	DC	xã Văn Nam	H. Hữu Lũng	21° 32' 39"	106° 14' 34"					F-48-57-C-d
núi Châu Bấu	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 48"	106° 14' 13"					F-48-57-C-b
núi Con Cá	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 21"	106° 14' 24"					F-48-57-C-d
núi Đĩa Suối	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 40"	106° 13' 42"					F-48-57-C-d
thôn Đồng Bura	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 49"	106° 16' 04"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Bụt	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 13"	106° 15' 52"					F-48-57-D-c
thôn Đồng Xa	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 41"	106° 14' 41"					F-48-57-C-d
núi Hang Trại	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 16"	106° 15' 30"					F-48-57-D-a
thôn Hồng Gạo	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 13"	106° 14' 44"					F-48-57-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn La 1	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 38' 29"	106° 15' 09"					F-48-57-D-a
đèo Lân Dỏ	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 17"	106° 16' 27"					F-48-57-D-a
núi Lân Dù	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 40' 00"	106° 15' 48"					F-48-57-D-a
núi Lân Kiêng	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 40' 25"	106° 15' 27"					F-48-57-D-a
đèo Lân Nửa	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 35' 54"	106° 15' 48"					F-48-57-D-c
núi Lân Rì	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 07"	106° 17' 28"					F-48-57-D-a
đèo Lân Vẹ	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 59"	106° 16' 55"					F-48-57-D-a
núi Lân Vẹ	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 52"	106° 16' 54"					F-48-57-D-a
thôn Làng Tráng	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 50"	106° 14' 17"					F-48-57-C-d
đèo Máng Lợn	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 06"	106° 16' 06"					F-48-57-D-a
núi Mỏ Còm	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 39' 50"	106° 17' 30"					F-48-57-D-a
làng Nĩ	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 48"	106° 15' 13"					F-48-57-D-c
thôn Quý Xã	DC	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 37' 41"	106° 15' 38"					F-48-57-D-a
đèo Thập	SV	xã Yên Bình	H. Hữu Lũng	21° 36' 03"	106° 15' 09"					F-48-57-D-c
thôn Bãi Danh	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 24"	106° 24' 34"					F-48-57-D-d
đèo Cá	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 55"	106° 25' 50"					F-48-57-D-d
núi Càng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 31"	106° 25' 15"					F-48-57-D-d
thôn Chúc Bảy	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 31"	106° 23' 57"					F-48-57-D-d
núi Chung Nấu	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 37' 15"	106° 23' 49"					F-48-57-D-d
núi Cửa Ngòi	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 13"	106° 25' 02"					F-48-57-D-d
đèo Đàng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 33' 59"	106° 25' 57"					F-48-57-D-d
thôn Đàng	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 41"	106° 23' 16"					F-48-57-D-d
núi Địa Nhãn	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 56"	106° 24' 22"					F-48-57-D-d
núi Đò	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 18"	106° 22' 55"					F-48-57-D-d
núi Đồng Hút	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 38"	106° 26' 01"					F-48-57-D-d
núi Đồng Quyển	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 17"	106° 23' 48"					F-48-57-D-d
núi Gò Ngượng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 03"	106° 25' 47"					F-48-57-D-d
thôn Hạ	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 13"	106° 23' 12"					F-48-57-D-d
núi Hang Cửi	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 02"	106° 22' 55"					F-48-57-D-d
núi Hang Đá Mài	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 24"	106° 25' 23"					F-48-57-D-d
núi Hang Hồng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 14"	106° 24' 09"					F-48-57-D-d
thôn Lân Nong	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 37' 37"	106° 25' 38"					F-48-57-D-b
xóm Lân Rì	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 05"	106° 26' 21"					F-48-57-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Lân Thuồng	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 52"	106° 25' 39"					F-48-57-D-d
núi Lân Ván	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 33"	106° 26' 17"					F-48-57-D-d
núi Lãng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 01"	106° 23' 55"					F-48-57-D-d
thôn Lôi	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 49"	106° 25' 21"					F-48-57-D-d
đèo Lôi	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 43"	106° 26' 10"					F-48-57-D-d
núi Lược	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 43"	106° 23' 12"					F-48-57-D-d
núi Luỹ	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 21"	106° 23' 36"					F-48-57-D-d
núi Mỏ	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 44"	106° 25' 46"					F-48-57-D-d
núi Mỏ Kẹt	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 51"	106° 24' 47"					F-48-57-D-d
núi Mỏ Phúc	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 47"	106° 22' 33"					F-48-57-D-d
núi Mỏ Một	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 57"	106° 26' 18"					F-48-57-D-d
núi Nà	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 14"	106° 24' 24"					F-48-57-D-d
núi Nhà Mạt	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 55"	106° 24' 00"					F-48-57-D-d
núi Nhà Tanh	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 36"	106° 23' 40"					F-48-57-D-d
núi Nong Đờ	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 53"	106° 22' 42"					F-48-57-D-d
thôn Nong Thâm	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 36"	106° 22' 18"					F-48-57-D-d
núi Ót Cà	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 47"	106° 25' 44"					F-48-57-D-d
núi Phương Hoàng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 36' 16"	106° 23' 42"					F-48-57-D-d
núi Rừng Ma	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 57"	106° 25' 18"					F-48-57-D-d
núi Thác Trại	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 52"	106° 24' 35"					F-48-57-D-d
núi Thông	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 47"	106° 24' 13"					F-48-57-D-d
núi Trầm Sỏi	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 56"	106° 24' 16"					F-48-57-D-d
xóm Trong	DC	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 34' 25"	106° 25' 41"					F-48-57-D-d
núi Trục Bầy	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 14"	106° 23' 46"					F-48-57-D-d
núi Vọng	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 26"	106° 24' 18"					F-48-57-D-d
núi Vực Mìn	SV	xã Yên Sơn	H. Hữu Lũng	21° 35' 29"	106° 24' 54"					F-48-57-D-d
làng Ao Cả	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 47"	106° 23' 01"					F-48-57-D-b
núi Ao Dầm	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 53"	106° 23' 35"					F-48-57-D-b
đèo Bụt	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 38' 20"	106° 21' 16"					F-48-57-D-a
núi Cây Găng	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 13"	106° 22' 59"					F-48-57-D-d
làng Cây Khế	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 36' 27"	106° 20' 51"					F-48-57-D-c
núi Cây Lầu	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 42"	106° 22' 37"					F-48-57-D-b
thôn Chùa	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 12"	106° 20' 24"					F-48-57-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Chùa Coong làng Cốc Trong thôn Diên núi Đàn Bò thôn Đồng Áng núi Đồng Là Mát thôn Gạo Ngoài thôn Gạo Trong làng Giảng thôn Gò Mắm núi Hang Đào núi Lân Ba Mìn núi Lân Đù núi Lân Lầy núi Lân Luồng núi Lân Mạ núi Lân Mỏ Mạ đèo Lân Nghé núi Lân Nọc núi Mỏ Mạ đèo Trá núi Ao Khanh thôn Ao Sen núi Ao Sen núi Bà Kỳ núi Bà Thịnh làng Cây Hồng thôn Cây Hồng - Mỏ Tỏi thôn Chục Quan núi Đất Sét núi Đẻ núi Đồng Mát làng Đồng Yên	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 36"	106° 21' 43"					F-48-57-D-a
	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 38' 38"	106° 24' 08"					F-48-57-D-b
	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 32"	106° 21' 01"					F-48-57-D-a
	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 22"	106° 22' 43"					F-48-57-D-b
	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 06"	106° 22' 06"					F-48-57-D-c
	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 36' 07"	106° 18' 52"					F-48-57-D-c
	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng							
	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng							
	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 44"	106° 21' 54"					F-48-57-D-a
	DC	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 22"	106° 21' 27"					F-48-57-D-c
	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 37"	106° 23' 25"					F-48-57-D-b
	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 38' 33"	106° 21' 25"					F-48-57-D-a
	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 38' 39"	106° 20' 44"					F-48-57-D-a
	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 39' 04"	106° 22' 13"					F-48-57-D-c
	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 23"	106° 19' 26"					F-48-57-D-a
	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 38' 26"	106° 20' 57"					F-48-57-D-c
	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 36' 43"	106° 21' 16"					F-48-57-D-c
	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 39' 35"	106° 22' 08"					F-48-57-D-a
	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 37' 48"	106° 21' 43"					F-48-57-D-c
	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 36' 16"	106° 21' 28"					F-48-57-D-c
	SV	xã Yên Thịnh	H. Hữu Lũng	21° 39' 39"	106° 21' 45"					F-48-57-D-a
	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 30"	106° 20' 27"					F-48-57-D-c
	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 58"	106° 21' 34"					F-48-57-D-c
	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 53"	106° 21' 46"					F-48-57-D-c
	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 35' 08"	106° 21' 40"					F-48-57-D-c
	SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 58"	106° 20' 47"					F-48-57-D-c
	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 46"	106° 20' 50"					F-48-57-D-c
	DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 50"	106° 20' 13"					F-48-57-D-c
DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 35' 36"	106° 21' 58"					F-48-57-D-c	
SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 52"	106° 19' 44"					F-48-57-D-c	
SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 19"	106° 19' 58"					F-48-57-D-c	
SV	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 35' 24"	106° 18' 34"					F-48-57-D-c	
DC	xã Yên Vượng	H. Hữu Lũng	21° 34' 44"	106° 21' 30"					F-48-57-D-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
làng Góc Sau	DC	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 35"	106° 22' 00"					F-48-57-D-c
núi Hàm Rồng	SV	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 25"	106° 21' 03"					F-48-57-D-c
núi Hang Hùm	SV	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 40"	106° 21' 52"					F-48-57-D-c
thôn Lâm Hạ	DC	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 42"	106° 21' 07"					F-48-57-D-c
thôn Lâm Thượng	DC	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 59"	106° 21' 14"					F-48-57-D-c
núi Lâm Trám	SV	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 30"	106° 19' 37"					F-48-57-D-c
núi Lân Mỏ Tỏi	SV	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 35' 06"	106° 19' 59"					F-48-57-D-c
núi Một	SV	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 22"	106° 22' 14"					F-48-57-D-c
núi Năm Ngọn	SV	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 41"	106° 20' 26"					F-48-57-D-c
núi Trá Diêm	SV	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 34' 33"	106° 21' 17"					F-48-57-D-c
núi Tục Tạng	SV	xã Yên Vương	H. Hữu Lũng	21° 33' 46"	106° 20' 56"					F-48-57-D-c
đường tỉnh 236	KX	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình			21° 45' 44"	106° 55' 42"	21° 45' 36"	106° 55' 16"	F-48-58-B+46-D
quốc lộ 4B	KX	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình			21° 46' 16"	106° 54' 23"	21° 44' 59"	106° 55' 44"	F-48-58-B+46-D
thôn Bán Kho	DC	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình	21° 45' 12"	106° 55' 29"					F-48-58-D-b
thôn Chọc Vàng	DC	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình	21° 44' 42"	106° 55' 42"					F-48-58-D-b
thôn Phiêng Quán	DC	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình	21° 46' 11"	106° 54' 33"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Mực	DC	TT. Lộc Bình	H. Lộc Bình	21° 46' 49"	106° 55' 05"					F-48-58-B+46-D
khu 4	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 47"	106° 58' 16"					F-48-58-D-b
khu 5	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 38"	106° 58' 04"					F-48-58-D-b
khu 6	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 19"	106° 58' 11"					F-48-58-D-b
khu 7	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 34"	106° 58' 21"					F-48-58-D-b
khu 9	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 14"	106° 58' 25"					F-48-58-D-b
quốc lộ 4B	KX	TT. Na Dương	H. Lộc Bình							
bản Nà Cáy	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 19"	106° 58' 08"					F-48-58-D-b
hồ Nà Cáy	TV	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 40' 59"	106° 57' 54"					F-48-58-D-b
bản Nà Đười	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 48"	106° 58' 46"					F-48-58-D-b
mỏ than Na Dương	KX	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 42' 13"	106° 58' 06"					F-48-58-D-b
thôn Nà Phài	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 16"	106° 57' 06"					F-48-58-D-b
bản Nà Săn	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 40' 46"	106° 58' 36"					F-48-58-D-b
núi Nà Săn	SV	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 40' 48"	106° 58' 15"					F-48-58-D-b
bản Nà Táp	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 23"	106° 57' 20"					F-48-58-D-b
súi Pác Hán	TV	TT. Na Dương	H. Lộc Bình			21° 40' 38"	106° 59' 21"	21° 40' 41"	106° 58' 41"	F-48-58-D-b
kuổi Phục	TV	TT. Na Dương	H. Lộc Bình			21° 42' 11"	106° 58' 15"	21° 42' 34"	106° 57' 11"	F-48-58-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Sơn Hà	DC	TT. Na Dương	H. Lộc Bình	21° 41' 57"	106° 57' 01"					F-48-58-D-b
làng Ao Lai	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 30' 41"	106° 53' 08"					F-48-58-D-d
thôn Co Hồng	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 24"	106° 56' 06"					F-48-58-D-d
làng Cốc Ngà	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 30' 59"	106° 54' 12"					F-48-58-D-d
suối Cốc Sầu	TV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình			21° 36' 07"	106° 57' 12"	21° 36' 02"	106° 57' 45"	F-48-58-D-b
thôn Đông Lợi	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 10"	106° 57' 23"					F-48-58-D-d
núi Đông Mùn	SV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 59"	106° 58' 29"					F-48-58-D-d
thôn Đông Sung	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 31' 59"	106° 53' 22"					F-48-58-D-d
thôn Khau Kheo	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 35' 52"	106° 55' 58"					F-48-58-D-d
làng Khuổi Cháu	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 31' 01"	106° 52' 21"					F-48-58-D-c
thôn Khuổi Danh	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 03"	106° 54' 49"					F-48-58-D-d
thôn Khuổi Han	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 31' 29"	106° 57' 53"					F-48-58-D-d
thôn Khuổi Lợi	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 02"	106° 55' 03"					F-48-58-D-d
thôn Khuổi Pu	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 15"	106° 52' 42"					F-48-58-D-d
làng Khuổi Sôm	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 37"	106° 55' 43"					F-48-58-D-d
thôn Khuổi Thuận	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 33' 16"	106° 55' 45"					F-48-58-D-d
suối Nà Cà	TV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình			21° 34' 04"	106° 56' 42"	21° 34' 21"	106° 56' 55"	F-48-58-D-d
làng Nà Chục	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 59"	106° 53' 06"					F-48-58-D-d
thôn Phạ Thác	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 51"	106° 57' 19"					F-48-58-D-d
làng Phay Phai	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 21"	106° 53' 08"					F-48-58-D-d
thôn Pía Lài	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 19"	106° 58' 38"					F-48-58-D-d
thôn Quang Khao	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 34' 58"	106° 53' 49"					F-48-58-D-d
làng Soong Tài	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 50"	106° 52' 48"					F-48-58-D-d
suối Soong Tài	TV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình			21° 32' 33"	106° 52' 54"	21° 32' 22"	106° 53' 25"	F-48-58-D-d
làng Suối Vịt	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 32' 24"	106° 53' 20"					F-48-58-D-d
núi Tà Chửi Húi	SV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 33' 09"	106° 53' 26"					F-48-58-D-d
làng Thau Long	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 35' 07"	106° 55' 08"					F-48-58-D-d
khuổi Thuận	TV	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình			21° 32' 24"	106° 56' 18"	21° 32' 36"	106° 55' 59"	F-48-58-D-d
làng Vàng Li	DC	xã Ái Quốc	H. Lộc Bình	21° 35' 34"	106° 57' 45"					F-48-58-D-d
đường tỉnh 237A	KX	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình			21° 50' 04"	106° 53' 38"	21° 48' 24"	106° 51' 60"	F-48-58-B+46-D
núi Hua Lê	SV	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình	21° 49' 29"	106° 54' 06"					F-48-58-B+46-D
bản Kéo Mật	DC	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình	21° 48' 14"	106° 52' 28"					F-48-58-B+46-D
thôn Khòn Khoang	DC	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình	21° 48' 03"	106° 51' 31"					F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Ngần	DC	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình	21° 48' 29"	106° 51' 60"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Pục	DC	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình	21° 47' 52"	106° 51' 29"					F-48-58-B+46-D
Khuổi Tằng	TV	xã Bằng Khánh	H. Lộc Bình			21° 49' 07"	106° 53' 32"	21° 48' 10"	106° 51' 31"	F-48-58-B+46-D
đường tỉnh 237C	KX	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình			21° 46' 31"	106° 53' 08"	21° 47' 08"	106° 54' 03"	F-48-58-B+46-D
sườn Cầu 20	TV	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình			21° 48' 02"	106° 55' 18"	21° 46' 13"	106° 54' 03"	F-48-58-B+46-D
bản Háng Cầu	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 46' 50"	106° 54' 33"					F-48-58-B+46-D
núi Hu Sía	SV	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 47' 28"	106° 55' 14"					F-48-58-B+46-D
bản Khôn Miện	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 46' 28"	106° 54' 22"					F-48-58-B+46-D
bản Khôn Quốc	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 47' 29"	106° 54' 18"					F-48-58-B+46-D
sườn Khôn Thống	TV	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình			21° 46' 48"	106° 55' 17"	21° 46' 03"	106° 54' 36"	F-48-58-B+46-D
bản Khôn Vạn	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 48' 02"	106° 55' 18"					F-48-58-B+46-D
sông Kỳ Cung	TV	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình			21° 46' 31"	106° 53' 08"	21° 46' 09"	106° 54' 12"	F-48-58-B+46-D
bản Lăng Xé	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 46' 50"	106° 53' 57"					F-48-58-B+46-D
thôn Phiêng Quân	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 46' 26"	106° 53' 42"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Mần	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 47' 24"	106° 53' 57"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Vén	DC	xã Đồng Bục	H. Lộc Bình	21° 47' 13"	106° 54' 16"					F-48-58-B+46-D
quốc lộ 4B	KX	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình			21° 43' 20"	106° 56' 56"	21° 42' 26"	106° 57' 08"	F-48-58-D-d
thôn Bản Nùng	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 42"	106° 54' 32"					F-48-58-D-b
thôn Bản Pẹt	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 42' 09"	106° 55' 25"					F-48-58-D-b
bản Chặng Cảnh	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 29"	106° 56' 12"					F-48-58-D-b
bản Cốc Pục	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 23"	106° 56' 15"					F-48-58-D-d
bản Cốc Sầu	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 35' 47"	106° 57' 04"					F-48-58-D-d
thôn Hua Cầu	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 54"	106° 55' 58"					F-48-58-D-b
núi Keo Hách	SV	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 07"	106° 56' 42"					F-48-58-D-d
sườn Khau Phầy	TV	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình			21° 41' 50"	106° 52' 54"	21° 41' 31"	106° 55' 21"	F-48-58-D-b
bản Khương Mỏ	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 19"	106° 55' 30"					F-48-58-D-b
bản Khôn Cát	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 41"	106° 57' 34"					F-48-58-D-b
thôn Khôn Phạc	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 19"	106° 55' 57"					F-48-58-D-b
làng Khuổi Luồng	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 41' 08"	106° 55' 41"					F-48-58-D-b
bản Nà Khoang	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 43' 14"	106° 57' 05"					F-48-58-D-b
bản Nà Lầu	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 54"	106° 57' 13"					F-48-58-D-b
sườn Nà Lầu	TV	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình			2° 13' 79"	106° 57' 36"	21° 37' 49"	106° 56' 33"	F-48-58-D-b
thôn Nà Miện	DC	xã Đồng Quan	H. Lộc Bình	21° 42' 46"	106° 57' 13"					F-48-58-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Sài	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 17"	106° 55' 54"					F-48-58-D-b
thôn Nà Toàn	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 50"	106° 55' 45"					F-48-58-D-b
thôn Phá Lạn	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 38"	106° 55' 25"					F-48-58-D-b
thôn Phiêng Ết	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 41' 12"	106° 55' 06"					F-48-58-D-b
bản San	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 43"	106° 55' 33"					F-48-58-D-b
thôn Soong Sài	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 49"	106° 56' 14"					F-48-58-D-b
suối Tả San	TV	xã Đông Quan	H. Lộc Bình			21° 42' 46"	106° 55' 38"	21° 37' 49"	106° 56' 33"	F-48-58-D-b
thôn Thông Máy	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 42' 20"	106° 55' 28"					F-48-58-D-b
thôn Thông Niếng	DC	xã Đông Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 27"	106° 55' 32"					F-48-58-D-b
bản Chuải	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 42' 48"	106° 50' 04"					F-48-58-D-a
bản Đốc	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 44' 07"	106° 49' 46"					F-48-58-D-a
bản Hả	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 42' 46"	106° 48' 39"					F-48-58-D-a
suối Nà Hán	TV	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình			21° 43' 00"	106° 48' 42"	21° 43' 52"	106° 50' 26"	F-48-58-D-a
thôn Nà Kẹt	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 42' 35"	106° 50' 01"					F-48-58-D-a
thôn Nà Lái	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 43' 42"	106° 50' 26"					F-48-58-D-a
suối Nà Nong	TV	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình			21° 42' 15"	106° 50' 14"	21° 42' 38"	106° 50' 01"	F-48-58-D-a
thôn Tầm Pục	DC	xã Hiệp Hạ	H. Lộc Bình	21° 44' 03"	106° 50' 28"					F-48-58-D-a
bản Hoi	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 44' 58"	106° 56' 46"					F-48-58-D-b
bản Khiếng	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 57"	106° 57' 33"					F-48-58-B+46-D
bản Khôn Thống	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 50"	106° 56' 52"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Lẹp	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 12"	106° 57' 01"					F-48-58-B+46-D
bản Pắc Khiếng	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 45' 19"	106° 57' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Phiêng Pháy	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 47' 02"	106° 57' 26"					F-48-58-B+46-D
núi Pò Pòi	SV	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 45' 56"	106° 56' 08"					F-48-58-B+46-D
bản Quang	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 46"	106° 55' 50"					F-48-58-B+46-D
bản Ry	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 34"	106° 56' 35"					F-48-58-B+46-D
bản Tầm Lóc	DC	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 45' 42"	106° 56' 40"					F-48-58-B+46-D
khu Truần	SV	xã Hữu Khánh	H. Lộc Bình	21° 46' 12"	106° 57' 30"					F-48-58-B+46-D
thôn Suối Lồng	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 26"	106° 47' 21"					F-48-58-D-c
núi Ba Voi	SV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 34' 18"	106° 47' 23"					F-48-58-D-c
suối Cậm	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 34' 26"	106° 49' 39"	21° 33' 48"	106° 49' 36"	F-48-58-D-c
bản Co Lái	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 53"	106° 50' 41"					F-48-58-D-a
bản Đông Khuyển	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 46"	106° 46' 37"					F-48-58-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Đông Mò	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 54"	106° 49' 23"							F-48-58-D-a
bản Hìn Ôn	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 29"	106° 48' 03"							F-48-58-D-a
suối Hìn Ôn	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 38' 42"	106° 46' 56"	21° 38' 36"	106° 48' 48"			F-48-58-D-a
bản Khau Trang	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 56"	106° 47' 47"							F-48-58-D-a
bản Khuổi Đì	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 33"	106° 45' 30"							F-48-58-D-a
khau Lài	SV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 57"	106° 47' 26"							F-48-58-D-a
suối Lông	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 37' 30"	106° 48' 40"	21° 38' 05"	106° 49' 43"			F-48-58-D-a
khau Ma	SV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 43"	106° 46' 01"							F-48-58-D-a
suối Mí	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 37' 30"	106° 47' 42"	21° 38' 02"	106° 48' 08"			F-48-58-D-a
bản Mò Năn	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 25"	106° 48' 03"							F-48-58-D-a
bản Nà Ấng	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 18"	106° 48' 22"							F-48-58-D-c
bản Nà Cà	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 41"	106° 49' 42"							F-48-58-D-a
bản Nà Chán	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 42"	106° 47' 02"							F-48-58-D-a
bản Nà Kháo	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 33"	106° 46' 23"							F-48-58-D-a
bản Nà Khưp	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 59"	106° 49' 04"							F-48-58-D-a
bản Nà Lèo	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 30"	106° 47' 56"							F-48-58-D-a
bản Nà Mừ	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 24"	106° 49' 29"							F-48-58-D-a
bản Nà Táng	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 40' 51"	106° 48' 44"							F-48-58-D-a
bản Nà Thàn	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 29"	106° 47' 16"							F-48-58-D-a
bản Nà Xá	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 03"	106° 46' 48"							F-48-58-D-a
suối Ngà	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 34' 18"	106° 47' 51"	21° 34' 00"	106° 48' 06"			F-48-58-D-c
bản Pác Cáp	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 13"	106° 47' 41"							F-48-58-D-a
bản Pác Lông	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 27"	106° 48' 43"							F-48-58-D-c
thôn Phai Báy	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 38' 46"	106° 46' 29"							F-48-58-D-a
bản Phai Ma	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 36' 51"	106° 48' 09"							F-48-58-D-c
bản Pò Mò	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 45"	106° 47' 31"							F-48-58-D-a
bản Suối Giòa	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 27"	106° 50' 40"							F-48-58-D-a
bản Suối Ma	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 04"	106° 45' 58"							F-48-58-D-a
bản Suối Mèng	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 41' 08"	106° 46' 14"							F-48-58-D-a
thôn Suối Mì	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 36"	106° 47' 55"							F-48-58-D-a
bản Thẩm Dày	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 40' 25"	106° 46' 28"							F-48-58-D-a
khuổi Thông	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 38' 48"	106° 49' 22"	21° 38' 05"	106° 49' 43"			F-48-58-D-a
khau Trang	SV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 37' 19"	106° 47' 53"							F-48-58-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
suối Vằm	TV	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình			21° 40' 54"	106° 46' 28"	21° 41' 20"	106° 46' 03"	F-48-58-D-a		
bản Vằng Phàu	DC	xã Hữu Lân	H. Lộc Bình	21° 39' 28"	106° 48' 26"					F-48-58-D-a		
sông Bản Thín	TV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình			21° 45' 18"	107° 01' 54"	21° 45' 02"	107° 00' 01"	F-48-59-A		
bản Càng	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 44' 56"	106° 59' 17"					F-48-58-D-b		
bản Chu	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 44' 55"	106° 59' 51"					F-48-58-D-b		
núi Đông SLiêng	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 45' 05"	107° 02' 12"					F-48-59-A		
núi Khau Láng	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 43' 59"	107° 02' 01"					F-48-59-C		
núi Khau Phòng	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 43' 42"	107° 02' 41"					F-48-59-C		
thôn Khôn Mỏ	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 44' 07"	106° 59' 11"					F-48-58-D-b		
bản Khôn Mu	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 45' 21"	107° 00' 08"					F-48-59-A		
sông Kỳ Cung	TV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình			21° 45' 01"	106° 59' 32"	21° 44' 40"	107° 00' 00"	F-48-58-D-b		
núi Mào Nho	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 43' 14"	107° 02' 31"					F-48-59-C		
bản Nặm Lê	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 44' 55"	107° 01' 12"					F-48-59-C		
núi Ngùm Sưa	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 45' 47"	107° 00' 20"					F-48-59-A		
bản Pắc Pé	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 46' 29"	107° 00' 12"					F-48-59-A		
bản Pò Loóng	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 44' 30"	107° 01' 17"					F-48-59-C		
bản Pò Ngòa	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 43' 37"	107° 02' 34"					F-48-59-C		
núi Pò Tùm	SV	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 45' 22"	107° 01' 31"					F-48-59-A		
bản Tầm Chá	DC	xã Khuất Xá	H. Lộc Bình	21° 45' 13"	107° 00' 41"					F-48-59-A		
quốc lộ 4B	KX	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình			21° 38' 54"	106° 59' 59"	21° 40' 40"	106° 58' 42"	F-48-58-D-b		
hồ Bản Chành	TV	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 39' 42"	106° 56' 35"					F-48-58-D-b		
bản Chành	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 40' 19"	106° 56' 39"					F-48-58-D-b		
khau Chay	SV	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	22° 29' 43"	107° 01' 38"					F-48-59-C-c		
bản Cổng Táng	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 35' 48"	107° 00' 20"					F-48-59-C-c		
thôn Chung Khoai	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 38' 56"	106° 57' 25"					F-48-58-D-b		
thôn Già Nàng	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 39' 57"	106° 57' 59"					F-48-58-D-b		
bản Kéo Cọ	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 39' 08"	106° 59' 54"					F-48-58-D-b		
thôn Kéo Pải	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 39' 14"	106° 59' 38"					F-48-58-D-b		
cầu Kéo Pải	KX	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 39' 10"	106° 59' 38"					F-48-58-D-b		
suối Khau Khảo	TV	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình			21° 35' 03"	106° 59' 09"	21° 36' 32"	106° 58' 24"	F-48-58-D-d		
bản Khau Mốc	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 38' 49"	106° 59' 00"					F-48-58-D-b		
bản Khuổi Thó	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 39' 51"	106° 59' 02"					F-48-58-D-b		
thôn Khuổi Tà	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 34' 19"	106° 57' 44"					F-48-58-D-d		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Khuổi Thỏ	KX	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 39' 45"	106° 59' 00"					F-48-58-D-b
bản Mây Cường	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 34' 30"	106° 58' 58"					F-48-58-D-d
suối Mây Cường	TV	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình			21° 32' 60"	106° 59' 00"	21° 34' 57"	106° 58' 34"	F-48-58-D-d
bản Mây Pháy	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 33' 17"	106° 58' 12"					F-48-58-D-d
làng Mường	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 35' 39"	106° 58' 31"					F-48-58-D-d
bản Nà Bó	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 37' 57"	106° 58' 38"					F-48-58-D-b
núi Nà Chai	SV	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 40' 03"	106° 59' 42"					F-48-58-D-b
thôn Nà Mu	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 35' 50"	106° 59' 48"					F-48-58-D-d
bản Nà Nhe	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	22° 28' 59"	107° 00' 51"					F-48-59-C-c
bản Nà Ninh	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 36' 32"	106° 58' 24"					F-48-58-D-d
thôn Nà Phi	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 40' 19"	106° 57' 11"					F-48-58-D-b
bản Nà Pú	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 39' 56"	106° 57' 02"					F-48-58-D-b
bản Nà Tà	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 36' 58"	106° 58' 39"					F-48-58-D-d
thôn Nà U	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 40' 13"	106° 58' 55"					F-48-58-D-b
bản Nà Xóm	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 33' 17"	106° 59' 18"					F-48-58-D-d
bản Phai Púng	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 38' 27"	106° 59' 00"					F-48-58-D-b
bản Phai Vài	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 38' 01"	106° 58' 53"					F-48-58-D-b
Khuổi Tà	TV	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình			21° 34' 23"	106° 57' 28"	21° 35' 11"	106° 58' 08"	F-48-58-D-d
suối Tà Làng	TV	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình			21° 36' 24"	106° 59' 34"	21° 36' 41"	106° 59' 04"	F-48-58-D-d
bản Tấu Ké	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 37' 23"	106° 59' 56"					F-48-58-D-d
núi Vài Hai	SV	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 40' 30"	106° 57' 34"					F-48-58-D-b
bản Xong Hồ	DC	xã Lợi Bắc	H. Lộc Bình	21° 39' 23"	106° 56' 33"					F-48-58-D-b
bản Già	DC	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình	21° 45' 22"	106° 55' 03"					F-48-58-B+46-D
bản Khuổi Thút	DC	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình	21° 45' 23"	106° 53' 02"					F-48-58-B+46-D
suối Lũng	TV	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình			21° 44' 23"	106° 53' 55"	21° 45' 00"	106° 54' 15"	F-48-58-D-b
bản Pò Lèn	DC	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình	21° 45' 42"	106° 54' 33"					F-48-58-D-b
bản Thét	DC	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình	21° 44' 53"	106° 55' 24"					F-48-58-D-b
Khuổi Thút	TV	xã Lục Thôn	H. Lộc Bình			21° 45' 16"	106° 53' 12"	21° 46' 05"	106° 53' 20"	F-48-58-B+46-D
suối Bản Khoai	TV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình			21° 49' 08"	106° 58' 39"	21° 48' 08"	106° 58' 47"	F-48-58-B+46-D
núi Kéo Quảng	SV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 50' 48"	106° 55' 46"					F-48-58-B+46-D
bản Khuổi Tằng	DC	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình	21° 50' 26"	106° 53' 53"					F-48-58-B+46-D
suối Lấp Pía	TV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình			21° 49' 46"	106° 58' 17"	21° 49' 08"	106° 58' 39"	F-48-58-B+46-D
Khuổi Lầy	TV	xã Mẫu Sơn	H. Lộc Bình			21° 50' 19"	106° 52' 41"	21° 49' 31"	106° 52' 21"	F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Long Đầu	TV	xã Mậu Sơn	H. Lộc Bình			21° 49' 22"	106° 59' 38"	21° 48' 35"	106° 59' 27"	F-48-58-B+46-D
khu du lịch Mậu Sơn	KX	xã Mậu Sơn	H. Lộc Bình	21° 50' 49"	106° 54' 12"					F-48-58-B+46-D
núi Phya Mè	SV	xã Mậu Sơn	H. Lộc Bình	21° 50' 30"	106° 58' 42"					F-48-58-B+46-D
núi Pò Kim Ngân	SV	xã Mậu Sơn	H. Lộc Bình	21° 49' 28"	107° 00' 32"					F-48-58-B+46-D
khuổi Tằng	TV	xã Mậu Sơn	H. Lộc Bình			21° 50' 16"	106° 54' 25"	21° 49' 57"	106° 53' 45"	F-48-59-A
bản Thám Seo	DC	xã Mậu Sơn	H. Lộc Bình	21° 47' 56"	106° 55' 28"					F-48-58-B+46-D
núi Yên Mạ	SV	xã Mậu Sơn	H. Lộc Bình	21° 50' 23"	106° 53' 25"					F-48-58-B+46-D
thôn Bó Tằng	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 42' 50"	106° 47' 42"					F-48-58-D-a
thôn Cốc Lại	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 42' 05"	106° 47' 36"					F-48-58-D-a
núi Khau Phầy	SV	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 40' 50"	106° 52' 00"					F-48-58-D-a
thôn Khau Vài	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 41' 13"	106° 50' 08"					F-48-58-D-a
bản Khuôn Sầm	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 42' 26"	106° 50' 51"					F-48-58-D-a
suối Khuôn Sầm	TV	xã Minh Phát	H. Lộc Bình			21° 42' 25"	106° 50' 47"	21° 42' 54"	106° 50' 51"	F-48-58-D-a
thôn Nà Đẳng	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 42' 30"	106° 48' 17"					F-48-58-D-a
thôn Nà Hao	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 40' 18"	106° 51' 18"					F-48-58-D-a
thôn Nà Nong	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 41' 36"	106° 50' 26"					F-48-58-D-a
suối Nà Nong	TV	xã Minh Phát	H. Lộc Bình			21° 41' 17"	106° 50' 11"	21° 41' 40"	106° 50' 23"	F-48-58-D-a
bản Nà Tằng (Lùng Thàng)	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 41' 03"	106° 51' 10"					F-48-58-D-a
thôn Nà Thi	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 42' 01"	106° 49' 32"					F-48-58-D-a
suối Nà Thi	TV	xã Minh Phát	H. Lộc Bình			21° 41' 17"	106° 49' 09"	21° 42' 08"	106° 49' 44"	F-48-58-D-a
thôn Tắc Uẩn	DC	xã Minh Phát	H. Lộc Bình	21° 41' 59"	106° 51' 10"					F-48-58-D-a
núi Chạ Trăm	SV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 40' 54"	106° 52' 50"					F-48-58-D-b
thôn Cốc Sầu	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 45"	106° 51' 40"					F-48-58-D-a
núi Cốc Sầu	SV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 45"	106° 51' 19"					F-48-58-D-a
suối Khau Đầy	TV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình			21° 40' 26"	106° 52' 52"	21° 40' 21"	106° 53' 05"	F-48-58-D-b
núi Khau Giảng	SV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 35' 47"	106° 52' 47"					F-48-58-D-d
núi Khau Tỏa	SV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 38"	106° 50' 44"					F-48-58-D-a
bản Khỉ Cây	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 26"	106° 52' 55"					F-48-58-D-b
thôn Khôn Mùn	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 48"	106° 53' 20"					F-48-58-D-b
bản Khuổi Mản	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 40"	106° 52' 21"					F-48-58-D-a
bản Kim Cang	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 09"	106° 52' 20"					F-48-58-D-a
bản Mạy Danh	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 21"	106° 54' 55"					F-48-58-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Bân	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 00"	106° 53' 37"					F-48-58-D-b
thôn Nà Bè	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 35' 38"	106° 53' 11"					F-48-58-D-d
bản Nà Inh	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 17"	106° 52' 48"					F-48-58-D-d
bản Nà Lông	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 37' 37"	106° 52' 35"					F-48-58-D-b
thôn Nà Pá	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 53"	106° 54' 33"					F-48-58-D-b
bản Nà Phiêng	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 14"	106° 54' 53"					F-48-58-D-d
thôn Nà Sả	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 10"	106° 55' 00"					F-48-58-D-b
bản Nà Sả	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 35' 40"	106° 54' 26"					F-48-58-D-d
bản Nà Tàn	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 35' 21"	106° 53' 13"					F-48-58-D-d
thôn Nà Thay	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 07"	106° 54' 05"					F-48-58-D-b
thôn Nà Tò	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 16"	106° 53' 43"					F-48-58-D-d
thôn Nà Tùng	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 07"	106° 53' 32"					F-48-58-D-b
thôn Pác Cáp	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 22"	106° 54' 38"					F-48-58-D-d
bản Pác Vải	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 39' 33"	106° 54' 13"					F-48-58-D-b
suối Phác Cáp	TV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình			21° 36' 07"	106° 53' 26"	21° 36' 15"	106° 55' 00"	F-48-58-D-d
bản Phai Diệu	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 49"	106° 54' 28"					F-48-58-D-b
thôn Phai Mạt	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 17"	106° 52' 53"					F-48-58-D-b
suối Phai Mạt	TV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình			21° 38' 30"	106° 51' 58"	21° 38' 24"	106° 52' 27"	F-48-58-D-a
suối Song Luồng	TV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình			21° 35' 07"	106° 55' 57"	21° 35' 20"	106° 56' 22"	F-48-58-D-d
bản Suối Lạn	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 22"	106° 51' 07"					F-48-58-D-a
suối Thông Lốc	TV	xã Nam Quan	H. Lộc Bình			21° 39' 39"	106° 54' 01"	21° 39' 08"	106° 53' 56"	F-48-58-D-b
bản Tó	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 38' 30"	106° 53' 41"					F-48-58-D-b
bản Vằng Luồng	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 36' 55"	106° 55' 51"					F-48-58-D-d
thôn Nà Chi	DC	xã Nam Quan	H. Lộc Bình	21° 45' 29"	106° 51' 43"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Vàng	DC	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 45' 59"	106° 52' 08"					F-48-58-B+46-D
núi Nộc Chắp	SV	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 46' 02"	106° 52' 58"					F-48-58-B+46-D
thôn Phiêng Vẹ	DC	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 46' 11"	106° 52' 15"					F-48-58-B+46-D
bản Tầm Cát	DC	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 46' 26"	106° 52' 57"					F-48-58-B+46-D
bản Tầm Khuổi	DC	xã Như Khuê	H. Lộc Bình	21° 45' 59"	106° 52' 24"					F-48-58-B+46-D
suối Tầm Khuổi	TV	xã Như Khuê	H. Lộc Bình			21° 45' 12"	106° 51' 48"	21° 46' 35"	106° 52' 28"	F-48-58-B+46-D
thôn Nà Mò	DC	xã Nhượng Bạ	H. Lộc Bình	21° 43' 46"	106° 53' 17"					F-48-58-D-b
thôn Nà Pán	DC	xã Nhượng Bạ	H. Lộc Bình	21° 44' 04"	106° 51' 56"					F-48-58-D-a
thôn Pò Mạ	DC	xã Nhượng Bạ	H. Lộc Bình	21° 42' 32"	106° 51' 41"					F-48-58-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Roc	DC	xã Nhượng Bản	H. Lộc Bình	21° 42' 44"	106° 51' 47"					F-48-58-D-a
khuất Thuốt	TV	xã Nhượng Bản	H. Lộc Bình			21° 43' 56"	106° 53' 17"	21° 44' 27"	106° 53' 26"	F-48-58-D-b
thôn Chốc Pháo	DC	xã Quan Bản	H. Lộc Bình	21° 42' 58"	106° 55' 26"					F-48-58-D-b
khuất Cút	TV	xã Quan Bản	H. Lộc Bình			21° 43' 17"	106° 57' 03"	21° 44' 04"	106° 56' 42"	F-48-58-D-b
thôn Khau Phầy	DC	xã Quan Bản	H. Lộc Bình	21° 42' 49"	106° 52' 42"					F-48-58-D-b
thôn Khôn Mò	DC	xã Quan Bản	H. Lộc Bình	21° 44' 20"	106° 56' 29"					F-48-58-D-b
thôn Lũng Va	DC	xã Quan Bản	H. Lộc Bình	21° 43' 37"	106° 55' 41"					F-48-58-D-b
thôn Nà Ái	DC	xã Quan Bản	H. Lộc Bình	21° 43' 09"	106° 55' 38"					F-48-58-D-b
thôn Nà Pè	DC	xã Quan Bản	H. Lộc Bình	21° 43' 08"	106° 53' 42"					F-48-58-D-b
suối Nà Pè	TV	xã Quan Bản	H. Lộc Bình			21° 43' 17"	106° 54' 15"	21° 43' 06"	106° 55' 28"	F-48-58-D-b
bản Pò Nghiêu	DC	xã Quan Bản	H. Lộc Bình	21° 42' 51"	106° 55' 53"					F-48-58-D-b
suối Tà San	TV	xã Quan Bản	H. Lộc Bình			21° 37' 49"	106° 56' 33"	21° 44' 21"	106° 55' 28"	F-48-58-D-b
thôn Tổng Mìn	DC	xã Quan Bản	H. Lộc Bình	21° 43' 50"	106° 55' 11"					F-48-58-D-b
khu 1	DC	xã Sần Viên	H. Lộc Bình	21° 41' 53"	106° 59' 21"					F-48-58-D-b
suối Bản Choong	TV	xã Sần Viên	H. Lộc Bình			21° 39' 54"	107° 00' 54"	21° 41' 21"	107° 00' 01"	F-48-59-C
bản Co Cai	DC	xã Sần Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 52"	107° 01' 24"					F-48-59-C
suối Co Cai	TV	xã Sần Viên	H. Lộc Bình			21° 42' 52"	107° 02' 27"	21° 42' 48"	107° 01' 12"	F-48-59-C
bản Co Ồi	DC	xã Sần Viên	H. Lộc Bình	21° 41' 53"	107° 02' 33"					F-48-59-C
bản Cón Lau	DC	xã Sần Viên	H. Lộc Bình	21° 40' 30"	107° 02' 44"					F-48-59-C
núi Ha Táp	SV	xã Sần Viên	H. Lộc Bình	21° 39' 48"	107° 00' 21"					F-48-59-C
núi Kéo Phén	SV	xã Sần Viên	H. Lộc Bình	21° 41' 12"	107° 03' 14"					F-48-59-C
núi Khau Ca	SV	xã Sần Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 58"	107° 02' 56"					F-48-59-C
bản Khôn Cháo	DC	xã Sần Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 40"	107° 00' 04"					F-48-59-C
thôn Khôn Cháo	DC	xã Sần Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 59"	106° 59' 40"					F-48-58-D-b
thôn Khôn Quanh	DC	xã Sần Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 51"	106° 59' 18"					F-48-58-D-b
thôn Khôn Xé	DC	xã Sần Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 13"	106° 59' 23"					F-48-58-D-b
suối Khôn Xé	TV	xã Sần Viên	H. Lộc Bình			21° 42' 17"	106° 59' 13"	21° 42' 17"	106° 58' 26"	F-48-58-D-b
bản Măng	DC	xã Sần Viên	H. Lộc Bình	21° 40' 46"	107° 01' 03"					F-48-59-C
núi Nà Bon	SV	xã Sần Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 38"	107° 01' 21"					F-48-59-C
bản Nà Chao	DC	xã Sần Viên	H. Lộc Bình	21° 43' 11"	107° 00' 15"					F-48-59-C
bản Nà Dìn	DC	xã Sần Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 31"	107° 00' 53"					F-48-59-C
mỏ than Nà Dương	KX	xã Sần Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 07"	106° 58' 44"					F-48-58-D-b
bản Nà Khoang	DC	xã Sần Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 53"	107° 01' 33"					F-48-59-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Làng	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 19"	107° 01' 45"	21° 37' 50"	107° 02' 16"	21° 38' 50"	107° 01' 40"	F-48-59-C
suối Nà Làng	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình							F-48-59-C
núi Nà Liên	SV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 40' 49"	107° 03' 19"					F-48-59-C
bản Nà Mò	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 41' 52"	107° 02' 08"					F-48-59-C
suối Nà Mò	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình			21° 40' 37"	107° 01' 44"	21° 41' 58"	107° 01' 59"	F-48-59-C
núi Nà Ngần	SV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 15"	107° 02' 12"					F-48-59-C
suối Nà Phầy	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình			21° 38' 50"	107° 01' 40"	21° 39' 53"	107° 00' 28"	F-48-59-C
bản Nà Thăm	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 41' 41"	107° 01' 14"					F-48-59-C
bản Nà Tiu	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 38' 18"	107° 02' 30"					F-48-59-C
núi Pàn Phi	SV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 39' 01"	107° 02' 30"					F-48-59-C
bản Pò Nháng	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 40' 46"	107° 02' 55"					F-48-59-C
suối Pò Nháng	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình			21° 40' 44"	107° 02' 54"	21° 41' 30"	107° 01' 59"	F-48-59-C
thôn Pò Sáy	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 37"	106° 58' 59"					F-48-58-D-b
hồ Tà Keo	TV	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 26"	106° 59' 48"					F-48-59-C
bản Tà Lạn	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 39' 41"	107° 02' 50"					F-48-59-C
thôn Tổng Danh	DC	xã Sàn Viên	H. Lộc Bình	21° 42' 54"	106° 58' 58"					F-48-58-D-b
suối Bản Chất	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 43' 04"	107° 09' 44"	21° 44' 13"	107° 09' 10"	F-48-59-C
suối Bản Lông	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 44' 31"	107° 08' 28"	21° 45' 07"	107° 07' 59"	F-48-59-A
khau Chu	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 12"	107° 06' 08"					F-48-59-C
bản Co Lướt	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 44' 24"	107° 06' 47"					F-48-59-C
bản Cón Cầm	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 32"	107° 07' 33"					F-48-59-C
bản Cón Chảo	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 33"	107° 07' 16"					F-48-59-C
bản Cón Chè	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 42' 55"	107° 08' 55"					F-48-59-C
bản Cón Cuồng	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 32"	107° 06' 43"					F-48-59-C
bản Cón Tông	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 23"	107° 07' 46"					F-48-59-C
núi Hua Trang	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 46' 52"	107° 06' 54"					F-48-59-A
núi Kéo Lạnh	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 44' 32"	107° 06' 54"					F-48-59-C
bản Lông	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 44' 11"	107° 09' 15"					F-48-59-C
khau Luồng	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 49"	107° 10' 22"					F-48-59-C
bản Nà Càng	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 46' 28"	107° 06' 46"					F-48-59-A
sông Nà Càng	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 45' 01"	107° 08' 02"	21° 45' 25"	107° 07' 22"	F-48-59-A
suối Nà Khoang	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 45' 14"	107° 09' 32"	21° 45' 22"	107° 07' 33"	F-48-59-A
thôn Nà Ó	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 49"	107° 06' 12"					F-48-59-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
súoi Pắc Cát	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 42' 18"	107° 09' 00"	21° 44' 13"	107° 06' 18"	F-48-59-C
núi Phất Khâu	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 42' 18"	107° 08' 04"					F-48-59-C
bản Pò Bó	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 51"	107° 09' 25"					F-48-59-C
núi Pò Đông Luồng	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 44' 38"	107° 10' 50"					F-48-59-C
núi Pò Khuổi	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 42' 14"	107° 07' 31"					F-48-59-C
thôn Pò Nám	DC	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 53"	107° 06' 50"					F-48-59-C
khau Quyềng	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 13"	107° 09' 05"					F-48-59-C
khau Sĩa	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 43' 23"	107° 09' 56"					F-48-59-C
súoi Tả Lồng	TV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình			21° 44' 31"	107° 08' 28"	21° 44' 20"	107° 09' 45"	F-48-59-C
núi Tích Sơn	SV	xã Tam Gia	H. Lộc Bình	21° 45' 09"	107° 09' 18"					F-48-59-A
bản Bó Luồng	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 44' 34"	107° 04' 53"					F-48-59-C
bản Cầm Dài	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 43' 41"	107° 04' 07"					F-48-59-C
súoi Cầu Tầm	TV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 44' 49"	107° 05' 21"	21° 44' 30"	107° 02' 54"	F-48-59-C
bản Hu	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 41' 43"	107° 04' 34"					F-48-59-C
núi Hua Trang	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 45' 20"	107° 03' 52"					F-48-59-A
khau Kề	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 45' 53"	106° 07' 40"					F-48-59-A
súoi Khảo Chuông	TV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 44' 13"	107° 06' 18"	21° 44' 49"	107° 05' 21"	F-48-59-C
bản Khuổi Lý	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 44' 41"	107° 03' 31"					F-48-59-C
súoi Khuổi Mườì	TV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 41' 02"	107° 03' 54"	21° 41' 42"	107° 04' 40"	F-48-59-C
súoi Khuổi Phắc	TV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 42' 51"	107° 05' 15"	21° 42' 32"	107° 04' 39"	F-48-59-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình			21° 40' 37"	107° 05' 55"	21° 43' 25"	107° 03' 05"	F-48-59-C
núi Mỏ Sành	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 43' 25"	107° 05' 19"					F-48-59-C
khau Mỹ	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 45' 21"	107° 04' 58"					F-48-59-A
núi Nà Dây	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 42' 19"	107° 03' 15"					F-48-59-C
bản Nà Dừa	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 44' 42"	107° 04' 13"					F-48-59-C
thôn Nà Lầu	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 44' 31"	107° 05' 50"					F-48-59-C
núi Nà Siểm	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 42' 02"	107° 03' 43"					F-48-59-C
đèo Ông Đống	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 34' 11"	106° 10' 01"					F-48-57-C-d
bản Pò Bàu	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 44' 43"	107° 05' 24"					F-48-59-C
bản Pò Chong	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 41' 28"	107° 05' 14"					F-48-59-C
núi Pò Co Lầu	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 44' 17"	107° 05' 46"					F-48-59-C
núi Pò Ka Lại	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 41' 39"	107° 06' 40"					F-48-59-C
bản Quyềng	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 42' 37"	107° 04' 35"					F-48-59-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Sinh Minh	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 41' 14"	107° 04' 10"					F-48-59-C
núi Sùng SLắc	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 42' 53"	107° 05' 52"					F-48-59-C
bản Tầm Hân	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 43' 14"	107° 04' 29"					F-48-59-C
bản Tầm Pát	DC	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 43' 15"	107° 03' 44"					F-48-59-C
núi Tân Lũng	SV	xã Tĩnh Bắc	H. Lộc Bình	21° 41' 34"	107° 06' 05"					F-48-59-C
đường tỉnh 237B	KX	xã Tú Đoàn	H. Lộc Bình			21° 45' 49"	106° 59' 33"	21° 45' 51"	106° 57' 39"	F-48-58-B+46-D
quốc lộ 4B	KX	xã Tú Đoàn	H. Lộc Bình			21° 44' 03"	106° 56' 21"	21° 44' 47"	106° 55' 54"	F-48-58-D-b
bản Cáo	DC	xã Tú Đoàn	H. Lộc Bình	21° 44' 30"	106° 55' 45"					F-48-58-D-b
khuổi Khoai	TV	xã Tú Đoàn	H. Lộc Bình			21° 46' 32"	106° 59' 04"	21° 45' 30"	106° 58' 57"	F-48-58-B+46-D
bản Khôn Mới	DC	xã Tú Đoàn	H. Lộc Bình	21° 45' 40"	106° 59' 15"					F-48-58-B+46-D
bản Khôn Trang	DC	xã Tú Đoàn	H. Lộc Bình	21° 45' 20"	106° 57' 38"					F-48-58-B+46-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Tú Đoàn	H. Lộc Bình			21° 45' 41"	106° 57' 32"	21° 44' 52"	106° 59' 22"	F-48-58-B+46-D
bản Mới A	DC	xã Tú Đoàn	H. Lộc Bình	21° 44' 02"	106° 58' 55"					F-48-58-D-b
bản Nà Già	DC	xã Tú Đoàn	H. Lộc Bình	21° 43' 30"	107° 00' 27"					F-48-59-C-c
bản Phai Sen	DC	xã Tú Đoàn	H. Lộc Bình	21° 45' 05"	106° 57' 50"					F-48-58-B+46-D
hồ Phai Sen	TV	xã Tú Đoàn	H. Lộc Bình	21° 44' 53"	106° 57' 53"					F-48-58-D-b
thôn Pò Coóc	DC	xã Tú Đoàn	H. Lộc Bình	21° 44' 40"	106° 56' 39"					F-48-58-D-b
bản Pò Khưa	DC	xã Tú Đoàn	H. Lộc Bình	21° 45' 47"	106° 58' 38"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Mới	DC	xã Tú Đoàn	H. Lộc Bình	21° 45' 30"	106° 57' 39"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Ngòa	DC	xã Tú Đoàn	H. Lộc Bình	21° 46' 08"	106° 58' 45"					F-48-58-B+46-D
bản Pò Qua	DC	xã Tú Đoàn	H. Lộc Bình	21° 45' 39"	106° 58' 18"					F-48-58-B+46-D
bản Pong Cẩu	DC	xã Tú Đoàn	H. Lộc Bình	21° 45' 19"	106° 58' 58"					F-48-58-B+46-D
bản Quấn	DC	xã Tú Đoàn	H. Lộc Bình	21° 45' 06"	106° 58' 42"					F-48-58-B+46-D
bản Quyển	DC	xã Tú Đoàn	H. Lộc Bình	21° 45' 11"	106° 58' 48"					F-48-58-B+46-D
thôn Rinh Chùa	DC	xã Tú Đoàn	H. Lộc Bình	21° 44' 58"	106° 58' 15"					F-48-58-D-b
bản Sĩ Nghiều	DC	xã Tú Đoàn	H. Lộc Bình	21° 45' 35"	106° 58' 32"					F-48-58-B+46-D
bản Tầu	DC	xã Tú Đoàn	H. Lộc Bình	21° 44' 35"	106° 57' 16"					F-48-58-D-b
bản Thông Mạ	DC	xã Tú Đoàn	H. Lộc Bình	21° 43' 56"	107° 00' 29"					F-48-58-D-b
đường tỉnh 237B	KX	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 46' 34"	107° 05' 11"	21° 47' 16"	107° 02' 58"	F-48-59-C-c
sông Bản Thín	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 45' 42"	107° 06' 52"	21° 45' 35"	107° 07' 23"	21° 45' 18"	107° 01' 53"	F-48-59-A
bản Cón Nưa	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 47' 17"	107° 02' 29"					F-48-59-A
bản Giếng	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình							F-48-59-A
khuai Hai	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 46' 32"	107° 04' 20"					F-48-59-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
Đã được phân loại	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 46' 03"	107° 02' 15"	21° 45' 57"	107° 03' 22"	F-48-59-A	
	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 47' 30"	107° 06' 12"					F-48-59-A	
	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 47' 00"	107° 02' 54"					F-48-59-A	
	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 45' 11"	107° 07' 23"	21° 45' 25"	107° 06' 53"	21° 45' 35"	107° 07' 23"	F-48-59-A	
	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 45' 56"	107° 01' 37"					F-48-59-A	
	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 47' 26"	107° 02' 57"	21° 47' 18"	107° 04' 25"	F-48-59-A	
	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 46' 31"	107° 01' 26"					F-48-59-A	
	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 47' 16"	107° 03' 03"					F-48-59-A	
	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 46' 56"	107° 02' 47"	21° 47' 00"	107° 04' 15"	F-48-59-A	
	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 48' 03"	107° 04' 33"					F-48-59-A	
	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 46' 39"	107° 05' 17"					F-48-59-A	
	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 46' 55"	107° 01' 34"	21° 46' 02"	107° 00' 57"	F-48-59-A	
	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 46' 37"	107° 05' 31"					F-48-59-A	
	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 48' 12"	107° 04' 16"					F-48-59-A	
	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 45' 49"	107° 06' 33"					F-48-59-A	
	SV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 45' 51"	107° 03' 46"					F-48-59-A	
	TV	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình			21° 47' 17"	107° 02' 07"	21° 46' 48"	107° 01' 21"	F-48-59-A	
	DC	xã Tú Mịch	H. Lộc Bình	21° 48' 07"	107° 03' 29"					F-48-59-A	
	SV	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 54"	106° 49' 54"					F-48-58-B*46-D	
	khau Chôm	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 37"	106° 50' 13"					F-48-58-B*46-D	
	thôn Cón Cầu	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 46' 46"	106° 50' 28"					F-48-58-B*46-D	
	thôn Cón Chả	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 28"	106° 50' 58"					F-48-58-B*46-D	
	suối Đông Pháy	TV	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình			21° 45' 45"	106° 51' 04"	21° 47' 10"	106° 50' 47"	F-48-58-B*46-D
	thôn Khau Mu	DC	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 44"	106° 50' 13"					F-48-58-B*46-D
	khau Lồi	SV	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 46' 14"	106° 51' 42"					F-48-58-B*46-D
	thôn Nà Đông	DC	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 24"	106° 50' 02"					F-48-58-B*46-D
	thôn Nà Pàm	DC	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 24"	106° 51' 47"					F-48-58-B*46-D
	thôn Nà Rạo	DC	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 46' 22"	106° 50' 25"					F-48-58-B*46-D
thôn Ôn Cựu	DC	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 10"	106° 50' 58"					F-48-58-B*46-D	
núi Pá Danh	SV	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 46' 31"	106° 51' 41"					F-48-58-B*46-D	
bản Pò Lót	DC	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 38"	106° 50' 44"					F-48-58-B*46-D	
bản Pò Phát	DC	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 27"	106° 50' 09"					F-48-58-B*46-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Sám Leo	DC	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 51"	106° 50' 34"					F-48-58-B+46-D
thôn Thâm Quang	DC	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 47' 03"	106° 52' 09"					F-48-58-B+46-D
khuai Thín	SV	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 46' 48"	106° 51' 44"					F-48-58-B+46-D
khuai Vàng	SV	xã Văn Mộng	H. Lộc Bình	21° 45' 47"	106° 51' 16"					F-48-58-B+46-D
thôn Bản Lậu	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 36' 56"	106° 52' 17"					F-48-58-D-c
thôn Bản Pét	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 33' 53"	106° 51' 47"					F-48-58-D-c
thôn Bản Ría	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 16"	106° 51' 09"					F-48-58-D-c
thôn Cốc Nhạn	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 41"	106° 51' 50"					F-48-58-D-c
bản Đèo Ai	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 33' 53"	106° 50' 55"					F-48-58-D-c
thôn Hang Ủ	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 36' 21"	106° 52' 03"					F-48-58-D-c
thôn Khuổi Lũng	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 58"	106° 52' 03"					F-48-58-D-c
bản Khuổi Thuởng	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 36' 31"	106° 50' 14"					F-48-58-D-c
suối Mảnh	TV	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình			21° 32' 51"	106° 51' 23"	21° 32' 27"	106° 51' 01"	F-48-58-D-c
suối Nà Mềng	TV	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình			21° 32' 25"	106° 51' 25"	21° 32' 27"	106° 51' 01"	F-48-58-D-c
bản Nà Năng	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 29"	106° 51' 36"					F-48-58-D-c
thôn Pắc Đông	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 35' 42"	106° 52' 08"					F-48-58-D-c
thôn Pắc Sán	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 35' 39"	106° 51' 34"					F-48-58-D-c
bản Pò Chùa	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 22"	106° 51' 22"					F-48-58-D-c
thôn Pò Đồn	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 34' 06"	106° 51' 12"					F-48-58-D-c
bản Pò Pao	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 33' 24"	106° 51' 46"					F-48-58-D-c
thôn Suối Mảnh	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 32' 56"	106° 51' 20"					F-48-58-D-c
thôn Thái Nhi	DC	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình	21° 35' 12"	106° 51' 29"					F-48-58-D-c
sông Thái Nhi	TV	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình			21° 35' 42"	106° 51' 23"	21° 33' 40"	106° 50' 11"	F-48-58-D-c
khuổi Thuởng	TV	xã Xuân Dương	H. Lộc Bình			21° 37' 29"	106° 50' 05"	21° 35' 42"	106° 51' 23"	F-48-58-D-c
thôn Kéo Hìn	DC	xã Xuân Lễ	H. Lộc Bình	21° 48' 47"	106° 51' 34"					F-48-58-B+46-D
bản Lầy	DC	xã Xuân Lễ	H. Lộc Bình	21° 48' 43"	106° 51' 04"					F-48-58-B+46-D
khuổi Lầy	TV	xã Xuân Lễ	H. Lộc Bình			21° 49' 31"	106° 52' 21"	21° 48' 41"	106° 51' 14"	F-48-58-B+46-D
khuổi Nọi	TV	xã Xuân Lễ	H. Lộc Bình			21° 49' 59"	106° 51' 52"	21° 48' 41"	106° 51' 14"	F-48-58-B+46-D
thôn Phiêng Phúc	DC	xã Xuân Lễ	H. Lộc Bình	21° 47' 59"	106° 50' 44"					F-48-58-B+46-D
quốc lộ 4B	KX	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình							F-48-58-B+46-D
thôn Bản Mãn	DC	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình	21° 47' 41"	106° 53' 30"					F-48-58-B+46-D
bản Hang Vải	DC	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình	21° 47' 54"	106° 52' 43"					F-48-58-B+46-D
suối Lăng Ca	TV	xã Xuân Mãn	H. Lộc Bình			21° 49' 11"	106° 54' 18"	21° 47' 55"	106° 53' 38"	F-48-58-B+46-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Măn	TV	xã Xuân Măn	H. Lộc Bình			21° 48' 44"	106° 53' 37"	21° 47' 34"	106° 53' 19"	F-48-58-B+46-D
bản Nà Chĩa	DC	xã Xuân Măn	H. Lộc Bình	21° 47' 07"	106° 53' 24"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Hai	DC	xã Xuân Măn	H. Lộc Bình	21° 47' 49"	106° 53' 24"					F-48-58-B+46-D
thôn Pò Là	DC	xã Xuân Măn	H. Lộc Bình	21° 47' 18"	106° 53' 27"					F-48-58-B+46-D
khuổi Shi	TV	xã Xuân Măn	H. Lộc Bình			21° 49' 19"	106° 54' 47"	21° 47' 55"	106° 53' 38"	F-48-58-B+46-D
bản Bẻ	DC	xã Xuân Tỉnh	H. Lộc Bình	21° 44' 41"	106° 50' 20"					F-48-58-D-a
bản Bó Tạng	DC	xã Xuân Tỉnh	H. Lộc Bình	21° 44' 52"	106° 50' 39"					F-48-58-D-a
thôn Coóc Bẻ	DC	xã Xuân Tỉnh	H. Lộc Bình	21° 44' 26"	106° 50' 59"					F-48-58-D-a
thôn Kéo Thiêng	DC	xã Xuân Tỉnh	H. Lộc Bình	21° 44' 42"	106° 51' 24"					F-48-58-D-a
thôn Khôn Nà	DC	xã Xuân Tỉnh	H. Lộc Bình	21° 44' 44"	106° 51' 04"					F-48-58-D-a
Khuổi Kinh	SV	xã Xuân Tỉnh	H. Lộc Bình	21° 45' 12"	106° 50' 00"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Mạ	DC	xã Xuân Tỉnh	H. Lộc Bình	21° 45' 05"	106° 51' 13"					F-48-58-B+46-D
bản Nà Tầm	DC	xã Xuân Tỉnh	H. Lộc Bình	21° 45' 25"	106° 50' 36"					F-48-58-B+46-D
thôn Nà Tu	DC	xã Xuân Tỉnh	H. Lộc Bình	21° 44' 41"	106° 50' 49"					F-48-58-D-a
suối Vằng Pục	TV	xã Xuân Tỉnh	H. Lộc Bình			21° 44' 11"	106° 50' 41"	21° 44' 40"	106° 51' 25"	F-48-58-D-a
đường tỉnh 236	KX	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình			21° 47' 49"	106° 59' 59"	21° 47' 11"	106° 58' 19"	F-48-58-B+46-D
Khuổi Chán	SV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 53"	107° 01' 34"					F-48-59-A
bản Chi Ma	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 55"	107° 01' 15"					F-48-59-A
cửa khẩu Chi Ma	KX	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 49' 04"	107° 01' 50"					F-48-59-A
bản Cốc Nhạn	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 39"	107° 00' 59"					F-48-59-A
bản Khoái	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 47' 18"	106° 58' 37"					F-48-58-B+46-D
bản Long Đầu	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 49' 22"	106° 59' 47"					F-48-58-B+46-D
suối Long Đầu	TV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình			21° 48' 35"	106° 59' 31"	21° 47' 34"	106° 59' 59"	F-48-59-A
thôn Nà Phát	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 15"	107° 02' 10"					F-48-59-A
thôn Nà Tàu	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 46' 59"	106° 59' 10"					F-48-58-B+46-D
đập Nà Tàu	TV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 46' 56"	106° 59' 13"					F-48-58-B+46-D
bản Pác Mạ	DC	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 46' 58"	107° 00' 39"					F-48-59-A
suối Pắc Và	TV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình			21° 49' 37"	107° 00' 58"	21° 47' 57"	107° 02' 19"	F-48-59-A
suối Pẩn Pé	TV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình			21° 48' 46"	107° 00' 25"	21° 46' 31"	107° 00' 09"	F-48-59-A
suối Phai Lạn	TV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình			21° 47' 57"	107° 00' 41"	21° 46' 37"	107° 00' 42"	F-48-59-A
núi Pò Co Giản	SV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 42"	107° 01' 42"					F-48-59-A
núi Pò Tầm	SV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 27"	107° 01' 25"					F-48-59-A
núi Pò Vín Và	SV	xã Yên Khoái	H. Lộc Bình	21° 48' 48"	107° 02' 30"					F-48-59-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
khu 1	DC	T.T. Thất Khê	H. Trảng Định	22° 15' 28"	106° 28' 08"						F-48-45-B	
khu 2	DC	T.T. Thất Khê	H. Trảng Định	22° 15' 22"	106° 28' 25"						F-48-45-B	
khu 3	DC	T.T. Thất Khê	H. Trảng Định	22° 15' 22"	106° 28' 13"						F-48-45-B	
khu 4	DC	T.T. Thất Khê	H. Trảng Định	22° 15' 10"	106° 28' 27"						F-48-45-B	
khu 5	DC	T.T. Thất Khê	H. Trảng Định	22° 15' 38"	106° 27' 52"						F-48-45-B	
khuối Âu	TV	xã Bắc Ái	H. Trảng Định		22° 14' 34"	106° 20' 31"	22° 15' 02"	106° 19' 06"			F-48-45-D-a	
thôn Cốc Sầy	DC	xã Bắc Ái	H. Trảng Định	22° 12' 25"	106° 24' 52"						F-48-45-D	
thôn Khau Luông	DC	xã Bắc Ái	H. Trảng Định	22° 14' 17"	106° 20' 22"						F-48-45-D-a	
thôn Khuối Âu	DC	xã Bắc Ái	H. Trảng Định	22° 14' 41"	106° 19' 37"						F-48-45-D-a	
bản Khuối Tô	DC	xã Bắc Ái	H. Trảng Định	22° 10' 34"	106° 25' 21"						F-48-45-D	
thôn Khuối Vai	DC	xã Bắc Ái	H. Trảng Định	22° 12' 03"	106° 25' 08"						F-48-45-D	
núi Lục Cước	SV	xã Bắc Ái	H. Trảng Định	22° 11' 13"	106° 24' 50"						F-48-45-D	
khuối Mốc	SV	xã Bắc Ái	H. Trảng Định	22° 12' 05"	106° 25' 51"						F-48-45-B-c	
núi Pò Đồng	SV	xã Bắc Ái	H. Trảng Định	22° 15' 09"	106° 18' 51"						F-48-45-A-b	
bản Cẩm Tiên	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 23' 01"	106° 12' 32"						F-48-45-A-b	
bản Chòm Tang	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 24' 12"	106° 11' 47"						F-48-45-A-b	
suối Chòm Tang	TV	xã Cao Minh	H. Trảng Định		22° 23' 56"	106° 11' 30"	22° 23' 13"	106° 12' 55"			F-48-45-A-b	
thôn Kéo Danh	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 23' 14"	106° 12' 54"						F-48-45-A-b	
bản Khuối Già	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 21' 57"	106° 14' 30"						F-48-45-A-d	
bản Khuối Héo	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 21' 09"	106° 13' 46"						F-48-45-A-d	
bản Khuối Lài	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 20' 56"	106° 15' 38"						F-48-45-B-c	
bản Khuối Léch	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 22' 55"	106° 11' 56"						F-48-45-A-b	
thôn Khuối Nập	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 20' 45"	106° 14' 30"						F-48-45-A-d	
bản Khuối Pục	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 21' 36"	106° 13' 22"						F-48-45-A-d	
thôn Khuối Tô	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 22' 41"	106° 13' 45"						F-48-45-A-b	
thôn Khuối Vai	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 20' 07"	106° 15' 41"						F-48-45-B-c	
khuối Lài	TV	xã Cao Minh	H. Trảng Định		22° 20' 53"	106° 15' 39"	22° 20' 20"	106° 16' 25"			F-48-45-B-c	
khuối Lâm	TV	xã Cao Minh	H. Trảng Định		22° 21' 05"	106° 13' 37"	22° 20' 24"	106° 14' 48"			F-48-45-A-d	
khuối Léch	TV	xã Cao Minh	H. Trảng Định		22° 23' 23"	106° 11' 13"	22° 23' 13"	106° 12' 55"			F-48-45-A-b	
bản Pắc Môn	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 20' 20"	106° 16' 03"						F-48-45-B-c	
khu Pò Chỉnh	SV	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 20' 27"	106° 15' 16"						F-48-45-B-c	
khu Pú	SV	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 21' 04"	106° 13' 43"						F-48-45-A-d	
khuối Pục	TV	xã Cao Minh	H. Trảng Định		22° 21' 47"	106° 13' 17"	22° 22' 40"	106° 13' 53"			F-48-45-A-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Vàng Can	DC	xã Cao Minh	H. Trảng Định	22° 20' 53"	106° 16' 22"					F-48-45-B-c
khuổi Ai	TV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định			22° 18' 43"	106° 23' 16"	22° 18' 38"	106° 25' 06"	F-48-45-B
quốc lộ 4A	KX	xã Chi Lăng	H. Trảng Định			22° 18' 16"	106° 27' 28"	22° 15' 43"	106° 27' 52"	F-48-45-B
sông Bắc Khê	TV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định			22° 16' 59"	106° 25' 33"	22° 15' 36"	106° 27' 49"	F-48-45-B
thôn Bàn Mây	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 17' 21"	106° 26' 07"					F-48-45-B
cầu Bông Lau	KX	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 17' 35"	106° 27' 29"					F-48-45-B
bản Chang	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 16' 20"	106° 27' 53"					F-48-45-B
súi Chì	TV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 17' 29"	106° 27' 15"					F-48-45-B
thôn Cốc Cườm	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 15' 45"	106° 27' 59"					F-48-45-B
pò Dầu Khi	SV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 15' 53"	106° 26' 25"					F-48-45-B
thôn Đầu Linh	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 16' 17"	106° 27' 35"					F-48-45-B
thôn Đổng Khọt	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 16' 25"	106° 28' 14"					F-48-45-B
thôn Đổng Liu	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 16' 26"	106° 26' 45"					F-48-45-B
núi Đuốc Tắt	SV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 16' 15"	106° 26' 29"					F-48-45-B
thôn Hang Đổng	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 15' 54"	106° 27' 49"					F-48-45-B
thôn Kéo Quang	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 16' 58"	106° 27' 37"					F-48-45-B
núi Khuổi Bao	SV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 17' 53"	106° 24' 03"					F-48-45-B
đập Khuổi Hin	KX	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 17' 24"	106° 27' 17"					F-48-45-B
đập Khuổi Nghìn	KX	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 16' 40"	106° 28' 03"					F-48-45-B
núi Lũng Nào	SV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 17' 56"	106° 27' 33"					F-48-45-B
khau Luông	SV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 16' 33"	106° 25' 42"					F-48-45-B
thôn Nà Cáy	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 16' 09"	106° 27' 56"					F-48-45-B
thôn Nà Chát	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 17' 07"	106° 26' 01"					F-48-45-B
thôn Nà Khura	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 16' 47"	106° 26' 33"					F-48-45-B
thôn Nà Pàng	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 18' 15"	106° 25' 20"					F-48-45-B
thôn Nà Puộc	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 16' 06"	106° 27' 31"					F-48-45-B
khuổi Ngán	TV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định			22° 16' 20"	106° 28' 24"	22° 16' 07"	106° 28' 03"	F-48-45-B
khuổi Nghìn	TV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định			22° 17' 42"	106° 27' 59"	22° 16' 14"	106° 27' 46"	F-48-45-B
khuổi Ổ	TV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định			22° 18' 36"	106° 26' 16"	22° 16' 47"	106° 26' 40"	F-48-45-B
súi Pác Cáp	TV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định			22° 15' 40"	106° 27' 59"	22° 16' 07"	106° 28' 03"	F-48-45-B
bản Tạm	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 17' 03"	106° 26' 38"					F-48-45-B
sông Thả Cáo	TV	xã Chi Lăng	H. Trảng Định			22° 18' 38"	106° 25' 06"	22° 17' 08"	106° 26' 07"	F-48-45-B
thôn Xe Lán	DC	xã Chi Lăng	H. Trảng Định	22° 16' 27"	106° 27' 37"					F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 4A	KX	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 21' 43"	106° 28' 22"	22° 20' 21"	106° 28' 59"	F-48-45-B
khuổi Bó	TV	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 21' 49"	106° 24' 33"	22° 21' 17"	106° 23' 39"	F-48-45-B
khau Bóc	SV	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 18' 32"	106° 27' 19"					F-48-45-B
đèo Bông Lau	SV	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 20' 29"	106° 26' 56"					F-48-45-B
bản Ca	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 21' 51"	106° 23' 06"					F-48-45-B
bản Chang	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 20' 04"	106° 23' 17"					F-48-45-B
thôn Cốc Tòng	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 20' 35"	106° 25' 09"					F-48-45-B
khuổi Dạ	TV	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 19' 36"	106° 23' 41"	22° 19' 55"	106° 24' 37"	F-48-45-B
khuổi Đàng	TV	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 20' 03"	106° 22' 09"	22° 21' 05"	106° 23' 46"	F-48-45-B
núi Đồng Siám	SV	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 21' 11"	106° 21' 57"					F-48-45-B
bản Già Ngàn	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 19' 36"	106° 26' 05"					F-48-45-B
khau Khuổi Ai	SV	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 18' 54"	106° 23' 04"					F-48-45-B
thôn Khuổi Dạ	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 19' 33"	106° 22' 52"					F-48-45-B
thôn Khuổi Đàng	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 20' 47"	106° 23' 52"					F-48-45-B
thôn Khuổi Khuông	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 20' 53"	106° 21' 58"					F-48-45-B
thôn Khuổi Nà	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 19' 12"	106° 26' 31"					F-48-45-B
bản Khuổi Phạ	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 19' 41"	106° 23' 19"					F-48-45-B
khuổi Khuông	TV	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 20' 58"	106° 21' 54"	22° 21' 20"	106° 23' 32"	F-48-45-B
thôn Lũng Phầy	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 21' 20"	106° 26' 14"					F-48-45-B
khuổi Mông	TV	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 20' 45"	106° 22' 22"	22° 21' 15"	106° 23' 34"	F-48-45-B
bản Nà Cạo	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 21' 19"	106° 23' 13"					F-48-45-B
thôn Nà Quán	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 20' 56"	106° 23' 53"					F-48-45-B
thôn Pác Bó	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 21' 54"	106° 24' 30"					F-48-45-B
khuổi Phưong	TV	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 19' 10"	106° 23' 39"	22° 19' 21"	106° 24' 53"	F-48-45-B
khau Piao	SV	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 20' 22"	106° 26' 43"					F-48-45-B
suối Thà Cạo	TV	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 21' 56"	106° 23' 01"	22° 18' 40"	106° 25' 06"	F-48-45-B
thôn Thà Lừa	DC	xã Chí Minh	H. Trảng Định	22° 19' 55"	106° 24' 36"					F-48-45-B
khuổi Tung	TV	xã Chí Minh	H. Trảng Định			22° 19' 50"	106° 22' 28"	22° 20' 47"	106° 24' 01"	F-48-45-B
suối Năm An	TV	xã Đại Đồng	H. Trảng Định			22° 16' 41"	108° 31' 52"	22° 14' 39"	106° 28' 54"	F-48-45-B
đường tỉnh 228A	KX	xã Đại Đồng	H. Trảng Định			22° 16' 39"	106° 31' 54"	22° 15' 17"	106° 28' 39"	F-48-46-A
đường tỉnh 4A	KX	xã Đại Đồng	H. Trảng Định			22° 15' 18"	106° 28' 36"	22° 14' 14"	106° 30' 02"	F-48-45-D
thôn Cáp Kê	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 14' 49"	106° 28' 41"					F-48-45-D
suối Cốc Phát	TV	xã Đại Đồng	H. Trảng Định			22° 17' 13"	106° 29' 41"	22° 14' 52"	106° 28' 37"	F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hang Mạ	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 00"	106° 28' 41"					F-48-45-B
thôn Khắc Deng	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 14' 37"	106° 29' 29"					F-48-45-D
thôn Khau Ngủ	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 17' 05"	106° 28' 42"					F-48-45-B
thôn Khôn Cà	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 14' 16"	106° 29' 19"					F-48-45-D
bản Khuổi Mu	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 14"	106° 31' 03"					F-48-46-A
bản Mạ	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 14' 27"	106° 29' 40"					F-48-45-D
khau Mi	SV	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 21"	106° 31' 54"					F-48-46-A
bản Mới	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 20"	106° 28' 31"					F-48-45-B
thôn Nà Cạn	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 31"	106° 28' 34"					F-48-45-B
thôn Nà Khuất	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 44"	106° 29' 16"					F-48-45-B
thôn Nà Nghiều	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 43"	106° 28' 10"					F-48-45-B
thôn Nà Phái	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 02"	106° 29' 10"					F-48-45-B
bản Nà Phiêng	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 27"	106° 31' 05"					F-48-46-A
thôn Nà Phuc	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 16"	106° 29' 23"					F-48-45-B
thôn Nà Trại	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 18"	106° 28' 51"					F-48-45-B
thôn Nà Vài	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 51"	106° 28' 55"					F-48-45-B
khuổi Nặm	TV	xã Đại Đồng	H. Trảng Định		22° 16' 19"	106° 30' 02"	22° 15' 30"	106° 30' 00"		F-48-46-A
đập Nặm Quăng	KX	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 58"	106° 29' 37"					F-48-45-B
bản Pác Cam	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 30"	106° 31' 38"					F-48-46-A
suối Pác Chác	TV	xã Đại Đồng	H. Trảng Định			106° 28' 08"	22° 15' 38"	106° 27' 59"		F-48-45-B
bản Phiêng Luông	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 14"	106° 30' 12"					F-48-46-A
thôn Pò Bó	DC	xã Đại Đồng	H. Trảng Định	22° 14' 45"	106° 29' 40"					F-48-45-D
thôn Bản Bàu	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 12' 53"	106° 40' 04"					F-48-46-C
thôn Bản Chang	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 14' 55"	106° 37' 39"					F-48-46-C
thôn Bản Chè	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 14' 47"	106° 37' 56"					F-48-46-C
thôn Bản Deng	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 13' 46"	106° 36' 58"					F-48-46-C
thôn Bản Kéo	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 15' 09"	106° 39' 18"					F-48-46-A
thôn Bản Pheng	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 13' 34"	106° 36' 42"					F-48-46-C
thôn Bản Pung	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 15' 38"	106° 39' 43"					F-48-46-A
suối Bản Pung	TV	xã Đảo Viên	H. Trảng Định			106° 38' 22"	22° 16' 08"	106° 40' 15"		F-48-46-A
thôn Bản Tao	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 12' 39"	106° 38' 47"					F-48-46-C
thôn Cáo Vài	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 14' 12"	106° 41' 11"					F-48-46-C
bản Co Ca	DC	xã Đảo Viên	H. Trảng Định	22° 10' 39"	106° 38' 23"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cường Luông	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 11' 31"	106° 38' 18"					F-48-46-C
núi Kéo Chẽ	SV	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 13' 48"	106° 40' 59"					F-48-46-C
thôn Khuổi Cọ	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 11' 50"	106° 38' 03"					F-48-46-C
suối Khuổi Cọ	TV	xã Đào Viên	H. Trảng Định			22° 12' 12"	106° 38' 12"	22° 11' 35"	106° 38' 28"	F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Đào Viên	H. Trảng Định			22° 11' 06"	106° 38' 04"	22° 13' 15"	106° 42' 01"	F-48-46-C
Khuổi Lạn	TV	xã Đào Viên	H. Trảng Định			22° 14' 04"	106° 41' 37"	22° 13' 04"	106° 41' 40"	F-48-46-C
bản Nà Coóc	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 12' 08"	106° 40' 07"					F-48-46-C
thôn Nà Khoang	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 16' 31"	106° 41' 07"					F-48-46-A
thôn Nà Nặm	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 11' 41"	106° 39' 19"					F-48-46-C
thôn Nà Ồi	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 13' 08"	106° 40' 39"					F-48-46-C
thôn Pác Lạn	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 12' 44"	106° 41' 41"					F-48-46-C
thôn Phiêng Piào	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 13' 15"	106° 37' 18"					F-48-46-C
thôn Phiêng Slinh	DC	xã Đào Viên	H. Trảng Định	22° 15' 06"	106° 38' 52"					F-48-46-A
suối Slam Ngâm	TV	xã Đào Viên	H. Trảng Định			22° 14' 47"	106° 40' 09"	22° 12' 24"	106° 40' 09"	F-48-46-C
Khuai Cà	SV	xã Đẻ Thám	H. Trảng Định	22° 11' 43"	106° 26' 48"					F-48-45-D
bản Cẩu	DC	xã Đẻ Thám	H. Trảng Định	22° 14' 25"	106° 27' 41"					F-48-45-D
thôn Cốc Lùng	DC	xã Đẻ Thám	H. Trảng Định	22° 10' 23"	106° 27' 33"					F-48-45-D
thôn Cốc Tảo	DC	xã Đẻ Thám	H. Trảng Định	22° 15' 30"	106° 27' 21"					F-48-45-B
núi Đông Mù	SV	xã Đẻ Thám	H. Trảng Định	22° 12' 50"	106° 25' 48"					F-48-45-D
thôn Đông Ngà	DC	xã Đẻ Thám	H. Trảng Định	22° 15' 22"	106° 27' 35"					F-48-45-B
núi Hìn Tằng	SV	xã Đẻ Thám	H. Trảng Định	22° 11' 59"	106° 27' 53"					F-48-45-D
thôn Kéo Lầy	DC	xã Đẻ Thám	H. Trảng Định	22° 14' 56"	106° 28' 09"					F-48-45-D
thôn Khau Cà	DC	xã Đẻ Thám	H. Trảng Định	22° 11' 55"	106° 26' 12"					F-48-45-D
suối Khau Cà	TV	xã Đẻ Thám	H. Trảng Định			22° 12' 18"	106° 25' 50"	22° 11' 20"	106° 27' 01"	F-48-45-D
thôn Linh Đeng	DC	xã Đẻ Thám	H. Trảng Định	22° 15' 28"	106° 27' 56"					F-48-45-D
thôn Lũng Khẩu	DC	xã Đẻ Thám	H. Trảng Định	22° 14' 13"	106° 25' 44"					F-48-45-D
thôn Nà Ao 1	DC	xã Đẻ Thám	H. Trảng Định							F-48-45-B
thôn Nà Ao 2	DC	xã Đẻ Thám	H. Trảng Định							F-48-45-B
thôn Nà Cầm	DC	xã Đẻ Thám	H. Trảng Định	22° 13' 39"	106° 25' 35"					F-48-45-D
thôn Nà Lầu	DC	xã Đẻ Thám	H. Trảng Định	22° 15' 48"	106° 27' 21"					F-48-45-B
thôn Nà Pài	DC	xã Đẻ Thám	H. Trảng Định	22° 14' 46"	106° 27' 52"					F-48-45-D
Khuổi Nhung	TV	xã Đẻ Thám	H. Trảng Định			22° 13' 28"	106° 24' 14"	22° 13' 43"	106° 24' 49"	F-48-45-D
thôn Pác Luông	DC	xã Đẻ Thám	H. Trảng Định	22° 15' 05"	106° 28' 20"					F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Pò Có bản Quyền núi Sam Sao thôn Bản Áng thôn Bản Niềng khuổi Bon khuai Bon khuai Chả suối Đoàn Kết khuổi Đồng khuổi Háo khuai Khiếc khuai Khin khuổi Khin khuai Khít thôn Nà Bắc bản Nà Cài bản Nà Cạm thôn Nà Coóc bản Nà Cuối bản Nà Hén bản Nà Nhàn thôn Nà Phệt thôn Nà Sian bản Nà Siéo bản Nà SLin bản Nà Suồng thôn Nà Ún bản Nà Vàng suối Nậm Chằng thôn Nậm Chằng khuổi Nuồng bầu Pác Heng	DC	xã Đề Thám	H. Trảng Định	22° 12' 53"	106° 28' 09"					F-48-45-D
	DC	xã Đề Thám	H. Trảng Định	22° 13' 55"	106° 28' 38"					F-48-45-D
	SV	xã Đề Thám	H. Trảng Định	22° 11' 07"	106° 28' 13"					F-48-45-D
	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 25' 37"	106° 15' 14"					F-48-45-B-a
	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 24' 51"	106° 13' 22"					F-48-45-A-b
	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định		22° 21' 45"	22° 21' 45"	106° 14' 56"	22° 21' 45"	106° 16' 05"	F-48-45-B-c
	SV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 22' 02"	106° 15' 00"					F-48-45-B-c
	SV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 24' 02"	106° 14' 29"					F-48-45-A-b
	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 26' 07"	106° 12' 41"	22° 22' 43"	106° 16' 18"	F-48-45-A-b
	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 23' 11"	106° 14' 20"	22° 23' 51"	106° 14' 59"	F-48-45-A-b
	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 25' 48"	106° 15' 27"	22° 25' 35"	106° 15' 14"	F-48-45-B-a
	SV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 25' 09"	106° 12' 27"					F-48-45-A-b
	SV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 23' 21"	106° 16' 33"					F-48-45-B-a
	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 23' 53"	106° 15' 42"	22° 23' 29"	106° 15' 25"	F-48-45-B-a
	SV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 22' 07"	106° 16' 52"					F-48-45-B-c
	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 21' 24"	106° 16' 33"					F-48-45-B-c
	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 23' 31"	106° 15' 18"					F-48-45-B-a
	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 22' 36"	106° 16' 12"					F-48-45-B-a
	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 25' 21"	106° 13' 08"					F-48-45-A-b
	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 21' 47"	106° 16' 10"					F-48-45-B-c
DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 24' 04"	106° 13' 24"					F-48-45-A-b	
DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 24' 40"	106° 14' 55"					F-48-45-A-b	
DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 22' 03"	106° 15' 55"					F-48-45-B-c	
DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 23' 56"	106° 14' 58"					F-48-45-A-b	
DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 22' 08"	106° 15' 42"					F-48-45-B-c	
DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 21' 20"	106° 16' 10"					F-48-45-B-c	
DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 24' 07"	106° 14' 06"					F-48-45-A-b	
DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 22' 37"	106° 15' 14"					F-48-45-B-a	
DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 20' 58"	106° 16' 50"					F-48-45-B-c	
TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định		22° 23' 16"	22° 23' 16"	106° 12' 57"	22° 24' 56"	106° 13' 30"	F-48-45-A-b	
DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 23' 42"	106° 13' 29"					F-48-45-A-b	
TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định		22° 22' 05"	22° 22' 05"	106° 14' 42"	22° 22' 04"	106° 15' 46"	F-48-45-B-c	
KX	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 22' 08"	106° 15' 46"					F-48-45-B-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Pác Khín	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 23' 05"	106° 15' 45"							F-48-45-B-a
bản Pác Lạ	DC	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định	22° 25' 55"	106° 12' 19"							F-48-45-A-b
khuổi Phụ	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 22' 39"	106° 16' 47"	22° 22' 43"	106° 16' 18"			F-48-45-B-a
khuổi Sấy	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 25' 50"	106° 13' 35"	22° 25' 16"	106° 13' 43"			F-48-45-A-b
khuổi SLuông	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 22' 59"	106° 13' 57"	22° 24' 54"	106° 14' 18"			F-48-45-A-b
khuổi Vàng	TV	xã Đoàn Kết	H. Trảng Định			22° 21' 01"	106° 16' 57"	22° 20' 48"	106° 16' 30"			F-48-45-B-c
thôn Bản Chang	DC	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 17' 23"	106° 32' 29"							F-48-46-A
đồi Cài	SV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 19' 30"	106° 31' 21"							F-48-46-A
nậm Chà	TV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định			22° 20' 22"	106° 34' 04"	22° 19' 39"	106° 32' 31"			F-48-46-A
núi Co Lũng Lín	SV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 20' 23"	106° 36' 34"							F-48-46-A
núi Đồn Cao Môn	SV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 19' 40"	106° 36' 56"							F-48-46-A
suối Đuốc Quang	TV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định			22° 20' 11"	106° 36' 53"	22° 19' 55"	106° 36' 08"			F-48-46-A
suối Khau Sầm	TV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định			22° 19' 55"	106° 36' 08"	22° 18' 54"	106° 32' 22"			F-48-46-A
bản Khuổi Nọi	DC	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 19' 46"	106° 35' 29"							F-48-46-A
thôn Kim Lý	DC	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 17' 52"	106° 32' 37"							F-48-46-A
suối Kỳ Nà	TV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định			22° 20' 45"	106° 31' 55"	22° 18' 54"	106° 32' 30"			F-48-46-A
khuổi Mườì	SV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 20' 57"	106° 33' 12"							F-48-46-A
thôn Nà Đon	DC	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 16' 55"	106° 32' 29"							F-48-46-A
núi Nà Ké	SV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 19' 36"	106° 36' 14"							F-48-46-A
bản Nà Ké	DC	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 18' 57"	106° 33' 24"							F-48-46-A
thôn Nà Leng	DC	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 19' 00"	106° 33' 44"							F-48-46-A
suối Nặm Ân	TV	xã Đội Cấn	H. Trảng Định			22° 18' 54"	106° 32' 22"	22° 16' 41"	106° 31' 52"			F-48-46-A
bản Nặm Chà	DC	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 20' 26"	106° 33' 55"							F-48-46-A
thôn Nặm Khoang	DC	xã Đội Cấn	H. Trảng Định	22° 19' 36"	106° 32' 25"							F-48-46-A
sông Bắc Khê	TV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định			22° 14' 28"	106° 28' 42"	22° 13' 52"	106° 29' 24"			F-48-45-D
thôn Bản Coong	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 12' 19"	106° 29' 23"							F-48-45-D
thôn Bản Piềng	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 13' 11"	106° 28' 47"							F-48-45-D
thôn Bản Phường	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 10' 26"	106° 28' 38"							F-48-45-D
bản Báu	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 13' 09"	106° 29' 25"							F-48-45-D
bản Chu	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 13' 37"	106° 29' 04"							F-48-45-D
thôn Cốc Càng	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 12' 36"	106° 28' 29"							F-48-45-D
khuổi Deng	SV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 11' 21"	106° 27' 53"							F-48-45-D
núi Đông Ba	SV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 13' 07"	106° 27' 23"							F-48-45-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đông Mần	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 12' 42"	106° 29' 30"					F-48-45-D
núi Hua Vải	SV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 11' 40"	106° 28' 40"					F-48-45-D
sông Kỳ Cùng	TV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định			22° 13' 52"	106° 29' 24"	22° 12' 02"	106° 30' 24"	F-48-45-D
núi Mạ Quỳnh	SV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 13' 28"	106° 27' 25"					F-48-45-D
thôn Nà Cà	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 14' 12"	106° 28' 21"					F-48-45-D
thôn Nà Chùa	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 14' 11"	106° 28' 40"					F-48-45-D
thôn Nà Khoang	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 12' 41"	106° 30' 03"					F-48-46-C
khuau Nam	SV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 11' 34"	106° 27' 35"					F-48-45-D
núi Pic Khát	SV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 12' 34"	106° 26' 25"					F-48-45-D
khuổi Piêng	TV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định			22° 12' 35"	106° 26' 58"	22° 12' 42"	106° 29' 09"	F-48-45-D
khuổi Phường	TV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định			22° 11' 44"	106° 27' 53"	22° 10' 46"	106° 29' 30"	F-48-45-D
khuổi Sắng	TV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định			22° 10' 48"	106° 28' 24"	22° 09' 49"	106° 29' 19"	F-48-45-D
thôn Thà Tô	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định							F-48-45-D
thôn Thẩm Lương	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 13' 19"	106° 29' 25"					F-48-45-D
hồ Thẩm Lương	TV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 14' 33"	106° 28' 07"					F-48-45-D
thôn Vải Pải	DC	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 14' 20"	106° 27' 53"					F-48-45-D
khuau Khách	SV	xã Hùng Sơn	H. Trảng Định	22° 12' 22"	106° 29' 51"					F-48-46-C
quốc lộ 4A	KX	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 11' 53"	106° 31' 44"					F-48-46-C
sông Bắc Giang	TV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định			22° 12' 57"	106° 30' 56"	22° 10' 25"	106° 32' 23"	F-48-46-C
thôn Bàn Nhàn	DC	xã Hùng Việt	H. Trảng Định			22° 08' 39"	106° 30' 14"	22° 11' 44"	106° 30' 34"	F-48-45-D
thôn Bàn Tết	DC	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 11' 41"	106° 31' 05"					F-48-46-C
suối Đồng Đeng	TV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 10' 50"	106° 30' 40"					F-48-46-C
thôn Hát Khòn	DC	xã Hùng Việt	H. Trảng Định			22° 12' 09"	106° 31' 42"	22° 12' 00"	106° 30' 41"	F-48-46-C
đèo Khách	SV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 10' 42"	106° 31' 50"					F-48-46-C
khuổi Khách	TV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 11' 11"	106° 31' 21"					F-48-46-C
khuau Khòn	SV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định			22° 11' 35"	106° 31' 59"	22° 11' 10"	106° 31' 14"	F-48-46-C
thôn Khuổi Khòn	DC	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 10' 14"	106° 31' 37"					F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 10' 06"	106° 31' 22"					F-48-46-C
suối Pác Mạ	TV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định			22° 12' 02"	106° 30' 24"	22° 10' 24"	106° 32' 11"	F-48-46-C
thôn Phác Giảng	DC	xã Hùng Việt	H. Trảng Định			22° 10' 38"	106° 33' 00"	22° 10' 43"	106° 32' 11"	F-48-46-C
thôn Phiêng Chuông	DC	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 11' 29"	106° 30' 41"					F-48-46-C
thôn Pò Ca	DC	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 10' 48"	106° 29' 44"					F-48-45-D
khuổi Sắng	TV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 12' 26"	106° 31' 02"					F-48-46-C
						22° 09' 49"	106° 29' 19"	22° 09' 52"	106° 29' 33"	F-48-45-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Tét đường tỉnh 228C quốc lộ 4A thôn Bản Đuốc thôn Bản Nầm thôn Bản Phiêng thôn Bản Sắn thôn Bản Sùng thôn Bản Táp thôn Bản Trại cầu Bản Trại bản Bon khuổi Bóc núi Cước Đeng suối Hang Chà đèo Kéo Dầy núi Khòn Kéo thôn Khuổi Bóc sông Kỳ Cùng suối Nà Bó thôn Nà Kéo thôn Nà Sắn bản Nà Trà suối Nậm Đàng bản Pác Pán thôn Pò Lôi khuổi Báy khuổi Cao núi Chông Mu khuổi Hảo thôn Khuổi Báy A thôn Khuổi Báy B thôn Khuổi Hảo	SV	xã Hùng Việt	H. Trảng Định	22° 09' 42"	106° 30' 24"					F-48-46-C
	KX	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định			22° 12' 28"	106° 33' 04"	22° 13' 13"	106° 30' 57"	F-48-46-C
	KX	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định				106° 30' 02"	22° 12' 57"	106° 30' 56"	F-48-46-C
	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 14' 24"	106° 30' 23"					F-48-46-C
	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 13' 20"	106° 31' 10"					F-48-46-C
	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 13' 48"	106° 32' 20"					F-48-46-C
	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 14' 05"	106° 31' 36"					F-48-46-C
	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 14' 13"	106° 31' 05"					F-48-46-C
	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 12' 30"	106° 33' 18"					F-48-46-C
	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 14' 06"	106° 29' 48"					F-48-45-D
	KX	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 14' 14"	106° 30' 11"					F-48-46-C
	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 13' 07"	106° 32' 42"					F-48-46-C
	TV	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định			22° 15' 13"	106° 31' 32"	22° 14' 10"	106° 32' 03"	F-48-46-C
	SV	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 13' 32"	106° 31' 41"					F-48-46-C
	TV	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định			22° 15' 05"	106° 31' 06"	22° 14' 28"	106° 31' 14"	F-48-46-C
	SV	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 12' 57"	106° 30' 56"					F-48-46-C
	SV	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 13' 28"	106° 30' 12"					F-48-46-C
	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 14' 13"	106° 32' 04"					F-48-46-C
	TV	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định			22° 13' 52"	106° 29' 24"	22° 12' 00"	106° 33' 32"	F-48-46-C
	TV	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định			22° 15' 13"	106° 32' 19"	22° 14' 13"	106° 32' 22"	F-48-46-C
	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 13' 60"	106° 31' 57"					F-48-46-C
	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 12' 27"	106° 33' 01"					F-48-46-C
	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 14' 35"	106° 30' 58"					F-48-46-C
	TV	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định			22° 15' 14"	106° 32' 33"	22° 14' 29"	106° 32' 41"	F-48-46-C
	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 13' 22"	106° 32' 23"					F-48-46-C
	DC	xã Kháng Chiến	H. Trảng Định	22° 14' 21"	106° 32' 27"					F-48-46-C
TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 25' 03"	106° 16' 03"	22° 24' 47"	106° 15' 16"	F-48-45-B-a	
TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 24' 13"	106° 16' 52"	22° 22' 56"	106° 17' 05"	F-48-45-B-a	
SV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 26' 33"	106° 16' 23"	22° 25' 55"	106° 15' 56"	F-48-45-A-b	
TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định							F-48-45-B-a	
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định								
DC	xã Khánh Long									

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Khuổi Phụ A	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định							
thôn Khuổi Phụ B	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định							
thôn Khuổi Sáy	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 28' 31"	106° 13' 32"					F-48-45-A-b
bản Khuổi Sàng	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 28' 27"	106° 14' 38"					F-48-45-A-b
bản Mạ Thái	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 24' 52"	106° 17' 57"					F-48-45-B-a
suối Mạ Thái	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 24' 58"	106° 16' 11"	22° 24' 32"	106° 18' 07"	22° 24' 07"	106° 18' 17"	F-48-45-B-a
bản Nà Cà	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 25' 15"	106° 17' 53"					F-48-45-B-a
bản Nà Đăm	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 26' 32"	106° 13' 58"	22° 25' 07"	106° 14' 09"	F-48-45-B-a
khuổi Nuông	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 23' 54"	106° 18' 06"					F-48-45-A-b
bản Phán Mẩn	DC	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 24' 31"	106° 19' 01"					F-48-45-B-a
núi Phán Mẩn	SV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 24' 22"	106° 18' 37"	22° 22' 39"	106° 16' 47"	F-48-45-B-a
khuổi Phụ	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 23' 50"	106° 17' 15"	22° 23' 20"	106° 17' 43"	F-48-45-B-a
suối Phụ Nọi	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 27' 07"	106° 14' 25"	22° 25' 55"	106° 14' 56"	F-48-45-A-b
khuổi Sả	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định			22° 27' 07"	106° 13' 44"	22° 25' 50"	106° 13' 35"	F-48-45-A-b
khuổi Sáy	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 25' 18"	106° 16' 29"			22° 24' 06"	106° 18' 02"	F-48-45-B-a
núi Slam Cốc	SV	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 24' 12"	106° 16' 58"					F-48-45-B-a
suối Tắt Lóng	TV	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 18' 58"	106° 22' 21"					F-48-45-B-a
khuổi Tèo	SV	xã Khánh Long	H. Trảng Định	22° 15' 20"	106° 24' 26"					F-48-45-B-c
núi Bó Nọc	SV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 60"	106° 23' 36"					F-48-45-B
khuổi Cà	SV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 48"	106° 21' 28"					F-48-45-B
núi Chồn Nọc	SV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định			22° 13' 52"	106° 22' 14"	22° 15' 11"	106° 21' 24"	F-48-45-D
thôn Co Vài	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định							F-48-45-B
khuổi Cò Vài	TV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 55"	106° 23' 03"					F-48-45-B
bản Kéo Bềng	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 13' 19"	106° 22' 16"					F-48-45-D-a
thôn Kéo Vàng	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 24"	106° 23' 13"					F-48-45-B
thôn Khuổi Kệt	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 54"	106° 25' 15"					F-48-45-B
thôn Khuổi Sô	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 15' 39"	106° 23' 30"					F-48-45-B
thôn Khuổi Suối	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định			22° 15' 48"	106° 21' 37"	22° 16' 15"	106° 22' 31"	F-48-45-B
khuổi Mải	TV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định			22° 15' 26"	106° 22' 53"	22° 16' 15"	106° 22' 31"	F-48-45-B
nà Múc	TV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 17' 24"	106° 24' 33"					F-48-45-B
khuổi Mười	SV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 14' 39"	106° 22' 58"					F-48-45-D
thôn Nà Múc	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 49"	106° 23' 38"					F-48-45-B
thôn Nà Siêng	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định							F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Soong	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 32"	106° 24' 39"					F-48-45-B
bản Nà Táng	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 58"	106° 23' 40"					F-48-45-B
thôn Nà Thà	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 49"	106° 22' 35"					F-48-45-B
thôn Pác Đồng	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 50"	106° 24' 25"					F-48-45-B
thôn Pàn Đào	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 20"	106° 22' 35"					F-48-45-B
núi Pán Van	SV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 17' 24"	106° 23' 07"					F-48-45-B
khởi Sô	TV	xã Kim Đồng	H. Trảng Định			22° 15' 04"	106° 24' 17"	22° 15' 41"	106° 24' 58"	F-48-45-B
thôn Vằng Chạo	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 17' 46"	106° 22' 22"					F-48-45-B
thôn Ven Đin	DC	xã Kim Đồng	H. Trảng Định	22° 16' 51"	106° 25' 10"					F-48-45-B
đường tỉnh 228	KX	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định			22° 21' 19"	106° 31' 15"	22° 22' 29"	106° 34' 47"	F-48-46-A
thôn Bản Đảo	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 56"	106° 33' 28"					F-48-46-A
thôn Bản Di	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 24' 48"	106° 33' 06"					F-48-46-A
thôn Bản Pệt	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 45"	106° 32' 06"					F-48-46-A
thôn Bản Phạc	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 25"	106° 32' 43"					F-48-46-A
thôn Bản Sái	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 47"	106° 31' 14"					F-48-46-A
suối Bản Săng	TV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định			22° 23' 32"	106° 32' 39"	22° 22' 33"	106° 33' 06"	F-48-46-A
suối Bản Sần	TV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định			22° 20' 19"	106° 28' 25"	22° 21' 21"	106° 28' 55"	F-48-45-B
thôn Bản Tôn	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 43"	106° 30' 02"					F-48-46-A
thôn Bó Luông	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 48"	106° 32' 56"					F-48-46-A
hồ Cao Lan	TV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 30"	106° 29' 01"					F-48-45-B
máng Cao Lan	TV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 59"	106° 30' 30"					F-48-46-A
núi Cầu Nóc	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 24' 20"	106° 31' 33"					F-48-46-A
thôn Cỏ Slin	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 21"	106° 31' 33"					F-48-46-A
thôn Cốc Phia	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 06"	106° 32' 04"					F-48-46-A
núi Đản Đeng	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 24' 58"	106° 32' 19"					F-48-46-A
khau Đang	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 44"	106° 33' 29"					F-48-46-A
thôn Hang Đồng	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 56"	106° 32' 50"					F-48-46-A
đập Hua Khao	KX	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 52"	106° 32' 58"					F-48-46-A
đèo Keng Pên	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 25' 17"	106° 33' 02"					F-48-46-A
đèo Keng Va	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 27"	106° 34' 49"					F-48-46-A
núi Kéo Cờm	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 19"	106° 29' 32"					F-48-45-B
phía Khao	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 24' 14"	106° 32' 36"					F-48-46-A
phía Khoang	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 19"	106° 34' 02"					F-48-46-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Long Thịnh	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 32"	106° 31' 29"					F-48-46-A
núi Lũng Cừ	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 56"	106° 32' 53"					F-48-46-A
núi Lũng Hìn	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 17"	106° 35' 03"					F-48-46-A
núi Lũng Lin	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 14"	106° 34' 25"					F-48-46-A
núi Lũng Nọt	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 24' 02"	106° 34' 09"					F-48-46-A
núi Lũng Pán	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 32"	106° 29' 11"					F-48-45-B
thôn Lũng Toòng	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 48"	106° 32' 08"					F-48-46-A
thôn Lũng Xá	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 40"	106° 30' 10"					F-48-46-A
núi Lũng Xác	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 24' 44"	106° 33' 34"					F-48-46-A
phía Mi	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 37"	106° 33' 01"					F-48-46-A
thôn Nà Bang	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 43"	106° 31' 34"					F-48-46-A
thôn Nà Nura	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 37"	106° 34' 26"					F-48-46-A
thôn Nà Pàn	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 03"	106° 31' 21"					F-48-46-A
thôn Pác Bó	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 38"	106° 32' 36"					F-48-46-A
thôn Phía Siếc	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 30"	106° 33' 38"					F-48-46-A
suối Phía Siếc	TV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định			22° 25' 06"	106° 33' 16"	22° 23' 08"	106° 33' 57"	F-48-46-A
bản Pò Chà	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 02"	106° 33' 55"					F-48-46-A
thôn Pò Chà	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 34"	106° 30' 40"					F-48-46-A
thôn Pò Chàng	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 01"	106° 31' 33"					F-48-46-A
thôn Pò Chàng	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 10"	106° 30' 58"					F-48-46-A
thôn Pò Háng	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 45"	106° 30' 58"					F-48-46-A
phía Pú Ni	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 09"	106° 32' 31"					F-48-46-A
bản Siản	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 46"	106° 29' 18"					F-48-46-A
Khuai Siếm	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 22' 05"	106° 33' 39"					F-48-45-B
thôn Thăm Ho	DC	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 21' 28"	106° 30' 47"					F-48-46-A
núi Toòng	SV	xã Quốc Khánh	H. Trảng Định	22° 23' 19"	106° 31' 43"					F-48-46-A
núi Ba Xá	SV	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 10' 49"	106° 33' 16"					F-48-46-A
thôn Bản Sào	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 11' 06"	106° 34' 45"					F-48-46-C
thôn Bản Xồm	TV	xã Quốc Việt	H. Trảng Định			22° 13' 33"	106° 36' 28"	22° 13' 01"	106° 34' 51"	F-48-46-C
Khuổi Cầm	TV	xã Quốc Việt	H. Trảng Định			22° 10' 21"	106° 33' 50"	22° 11' 07"	106° 34' 59"	F-48-46-C
bản Háng Cáu	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 11' 16"	106° 36' 26"					F-48-46-C
thôn Kéo Phảy	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 13' 19"	106° 34' 45"					F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Quốc Việt	H. Trảng Định			22° 12' 00"	106° 33' 32"	22° 11' 06"	106° 38' 04"	F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Ca thôn Nà Dài thôn Nà Deng bản Nà Làng thôn Nà Linh thôn Nà Nạ bản Nà Nhữ bản Nà Pò thôn Nà Sáng thôn Nà Siura thôn Pác Nặm thôn Phạc Pù thôn Phiêng Lặng thôn Phiêng Mẩn thôn Phiêng Mỏ khuổi Piac thôn Pò Chả bản Pò Lạn thôn Pò Mẩn suối Trung Thành thôn Bản Chang thôn Bản Cọ suối Bản Cọ thôn Bản Khén thôn Bản Kiếng thôn Bản Sắng suối Chung Slan bản Đon Chang bản Khuổi Nhàn thôn Nà Cuối thôn Nà Lặng bản Nà Ngoà thôn Nà Púng	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 13' 01"	106° 34' 39"					F-48-46-C
	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 12' 27"	106° 34' 46"					F-48-46-C
	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 11' 24"	106° 34' 12"					F-48-46-C
	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 10' 54"	106° 35' 02"					F-48-46-C
	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 11' 01"	106° 35' 44"					F-48-46-C
	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 11' 36"	106° 36' 14"					F-48-46-C
	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 13' 29"	106° 35' 16"					F-48-46-C
	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 12' 02"	106° 35' 57"					F-48-46-C
	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 12' 59"	106° 35' 19"					F-48-46-C
	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 10' 56"	106° 35' 14"					F-48-46-C
	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 12' 14"	106° 35' 15"					F-48-46-C
	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 11' 56"	106° 35' 31"					F-48-46-C
	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 12' 06"	106° 35' 27"					F-48-46-C
	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 10' 58"	106° 36' 40"					F-48-46-C
	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 10' 35"	106° 37' 11"					F-48-46-C
	TV	xã Quốc Việt	H. Trảng Định			22° 09' 49"	106° 35' 22"	22° 10' 29"	106° 36' 20"	F-48-46-C
	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 12' 10"	106° 34' 11"					F-48-46-C
	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 11' 40"	106° 35' 34"					F-48-46-C
	DC	xã Quốc Việt	H. Trảng Định	22° 10' 48"	106° 35' 35"					F-48-46-C
	TV	xã Quốc Việt	H. Trảng Định			22° 13' 32"	106° 34' 53"	22° 11' 49"	106° 36' 04"	F-48-46-C
	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 17' 59"	106° 36' 57"					F-48-46-A
	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 17' 33"	106° 39' 18"					F-48-46-A
	TV	xã Tân Minh	H. Trảng Định			22° 17' 50"	106° 39' 25"	22° 15' 50"	106° 38' 40"	F-48-46-A
	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 17' 38"	106° 36' 32"					F-48-46-A
	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 18' 03"	106° 36' 06"					F-48-46-A
	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 16' 11"	106° 37' 39"					F-48-46-A
TV	xã Tân Minh	H. Trảng Định			22° 19' 06"	106° 36' 53"	22° 19' 35"	106° 36' 23"	F-48-46-A	
DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 16' 43"	106° 36' 19"					F-48-46-A	
DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 16' 32"	106° 36' 47"					F-48-46-A	
DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 15' 44"	106° 38' 00"					F-48-46-A	
DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 17' 14"	106° 38' 31"					F-48-46-A	
DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 18' 59"	106° 37' 47"					F-48-46-A	
DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 18' 47"	106° 37' 52"					F-48-46-A	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
suối Nà Púng thôn Pò Khảo bản Pò Lạ núi Pò Lạ bản Pò Seo thôn Thâm Cồng suối Thâm Cồng khuổi Bi Ấp (Biáp) thôn Áng Mò sông Bắc Khê bản Cạm Phệt bản Châu khuổi Cù thôn Khoay cầu Khuổi Cù thôn Khuổi Kiền thôn Khuổi Sli cầu Khuổi Sliêng khau Khuổi Suồn khuổi Kiền khau Nà Háo thôn Nà Háo suối Nà Mán bản Nà Thia bản Pác Đào khau Phạ bản Phiêng Kim thôn Pò Cại khau Pò Kiền bản Pò Nộc bản Pò Ôm khuổi Rào	TV	xã Tân Minh	H. Trảng Định			22° 19' 10"	106° 38' 04"	22° 16' 20"	106° 36' 35"	F-48-46-A		
	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 16' 21"	106° 38' 25"					F-48-46-A		
	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 18' 44"	106° 35' 51"					F-48-46-A		
	SV	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 19' 30"	106° 37' 02"					F-48-46-A		
	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 17' 24"	106° 38' 59"					F-48-46-A		
	DC	xã Tân Minh	H. Trảng Định	22° 16' 33"	106° 39' 26"					F-48-46-A		
	TV	xã Tân Minh	H. Trảng Định			22° 17' 07"	106° 39' 60"	22° 15' 50"	106° 38' 40"	F-48-46-A		
	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định			22° 16' 51"	106° 19' 52"	22° 17' 07"	106° 20' 08"	F-48-45-B-c		
	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 18' 33"	106° 19' 13"			22° 20' 17"	106° 16' 45"	22° 17' 36"	106° 21' 53"	F-48-45-B-c
	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định								F-48-45-B-c	
	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 20' 47"	106° 20' 52"						F-48-45-B-c	
	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 19' 05"	106° 18' 14"						F-48-45-B-c	
	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định								F-48-45-B-c	
	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định								F-48-45-B-c	
	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 16' 02"	106° 19' 20"			22° 20' 38"	106° 20' 42"	22° 20' 06"	106° 19' 58"	F-48-45-B-c
	KX	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 18' 27"	106° 19' 30"			22° 16' 14"	106° 18' 13"	22° 18' 02"	106° 18' 42"	F-48-45-B-c
	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 18' 44"	106° 21' 14"							F-48-45-B-c
	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 19' 30"	106° 18' 27"							F-48-45-B-c
	KX	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 18' 17"	106° 19' 52"							F-48-45-B-c
	SV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 19' 42"	106° 19' 31"							F-48-45-B-c
	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định			22° 19' 08"	106° 21' 28"	22° 17' 52"	106° 20' 51"			F-48-45-B-c
	SV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 19' 11"	106° 19' 41"							F-48-45-B-c
	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 18' 18"	106° 19' 51"							F-48-45-B-c
	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định			22° 15' 59"	106° 19' 21"	22° 16' 51"	106° 19' 52"			F-48-45-B-c
	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 20' 27"	106° 20' 16"							F-48-45-B-c
	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 20' 10"	106° 16' 54"							F-48-45-B-c
	SV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 19' 09"	106° 21' 04"							F-48-45-B-c
	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 18' 45"	106° 19' 05"							F-48-45-B-c
DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 19' 59"	106° 17' 41"							F-48-45-B-c	
SV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 19' 37"	106° 20' 15"							F-48-45-B-c	
DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 17' 58"	106° 20' 44"							F-48-45-B-c	
DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 20' 09"	106° 19' 42"			22° 19' 05"	106° 16' 40"	22° 20' 12"	106° 16' 44"	F-48-45-B-c	
TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định									F-48-45-B-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)				
Khu SLiêm	SV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 20' 51"	106° 17' 33"							F-48-45-B-c	
	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định			22° 19' 10"	106° 20' 36"			22° 18' 12"	106° 19' 53"	F-48-45-B-c	
	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định			22° 20' 42"	106° 19' 06"			22° 18' 25"	106° 19' 31"	F-48-45-B-c	
	TV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định			22° 20' 58"	106° 18' 17"			22° 18' 44"	106° 18' 56"	F-48-45-B-c	
	DC	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 17' 36"	106° 20' 51"							F-48-45-B-c	
	SV	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 20' 10"	106° 17' 14"							F-48-45-B-c	
	KX	xã Tân Tiến	H. Trảng Định	22° 17' 31"	106° 21' 40"							F-48-45-B-c	
	TV	xã Tân Yên	H. Trảng Định			22° 20' 23"	106° 16' 32"			22° 20' 17"	106° 16' 45"	F-48-45-B-c	
	TV	xã Tân Yên	H. Trảng Định			22° 17' 15"	106° 16' 55"			22° 18' 42"	106° 16' 17"	F-48-45-B-c	
	SV	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 17' 59"	106° 16' 10"							F-48-45-B-c	
	TV	xã Tân Yên	H. Trảng Định			22° 19' 46"	106° 13' 48"			22° 19' 38"	106° 14' 27"	F-48-45-A-d	
	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 15' 45"	106° 15' 01"							F-48-45-A-c	
	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 19' 11"	106° 15' 09"							F-48-45-B-c	
	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 17' 18"	106° 15' 47"							F-48-45-B-c	
	SV	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 18' 46"	106° 15' 40"							F-48-45-B-c	
	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 16' 25"	106° 15' 17"							F-48-45-B-c	
	TV	xã Tân Yên	H. Trảng Định			22° 16' 22"	106° 16' 45"			22° 17' 08"	106° 16' 60"	F-48-45-B-c	
	khau Khem	SV	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 17' 22"	106° 13' 20"							F-48-45-A-d
	thôn Khuối Chửn	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 18' 44"	106° 13' 55"							F-48-45-A-d
	bản Khuối Khuyết	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 19' 44"	106° 13' 34"							F-48-45-A-d
bản Khuối Mán	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 18' 21"	106° 15' 09"							F-48-45-B-c	
bản Khuối Pén	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 20' 02"	106° 13' 46"							F-48-45-A-d	
núi Khuối Vài	SV	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 19' 15"	106° 15' 57"							F-48-45-B-c	
khau Luông	SV	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 16' 52"	106° 16' 28"							F-48-45-B-c	
Khuối Mán	TV	xã Tân Yên	H. Trảng Định			22° 17' 15"	106° 13' 34"			22° 18' 12"	106° 15' 18"	F-48-45-A-d	
	TV	xã Tân Yên	H. Trảng Định			22° 18' 12"	106° 15' 18"			22° 18' 42"	106° 16' 17"	F-48-45-B-c	
	SV	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 17' 45"	106° 17' 13"							F-48-45-B-c	
	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 19' 52"	106° 14' 25"							F-48-45-A-d	
	TV	xã Tân Yên	H. Trảng Định			22° 18' 29"	106° 13' 28"			22° 18' 35"	106° 14' 22"	F-48-45-A-d	
	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 17' 00"	106° 16' 58"							F-48-45-B-c	
	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 18' 27"	106° 16' 24"							F-48-45-B-c	
	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 18' 46"	106° 16' 17"							F-48-45-B-c	
	thôn Pác Đing	DC	xã Tân Yên	22° 18' 09"	106° 15' 15"							F-48-45-B-c	
	thôn Pác Mười	DC	xã Tân Yên										F-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Pác Mươi	TV	xã Tân Yên	H. Trảng Định			22° 16' 48"	106° 15' 23"	22° 18' 01"	106° 15' 14"	F-48-45-B-c
khau Phác	SV	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 15' 51"	106° 15' 56"					F-48-45-B-c
thôn Phai Khao	DC	xã Tân Yên	H. Trảng Định	22° 17' 30"	106° 16' 51"					F-48-45-B-c
đường tỉnh 228	KX	xã Trí Phương	H. Trảng Định			22° 17' 19"	106° 28' 35"	22° 21' 19"	106° 31' 15"	F-48-45-B
bản Kỳ	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 19' 39"	106° 30' 44"					F-48-46-A
suối Bần Bó	TV	xã Trí Phương	H. Trảng Định			22° 20' 05"	106° 27' 06"	22° 18' 47"	106° 27' 44"	F-48-45-B
bản Bó	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 60"	106° 27' 35"					F-48-45-B
núi Cốc Phia	SV	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 19' 00"	106° 29' 28"					F-48-45-B
suối Cốc Phia	TV	xã Trí Phương	H. Trảng Định			22° 19' 25"	106° 28' 45"	22° 18' 35"	106° 28' 06"	F-48-45-B
bản Cốc Slôm	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 25"	106° 28' 27"					F-48-45-B
bản Đổng	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 19' 52"	106° 30' 53"					F-48-46-A
núi Đuốc Deng	SV	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 20' 08"	106° 28' 18"					F-48-45-B
khuổi Giảng	TV	xã Trí Phương	H. Trảng Định			22° 18' 31"	106° 29' 46"	22° 17' 17"	106° 28' 32"	F-48-45-B
bản Háng Deng	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 20' 45"	106° 30' 54"					F-48-46-A
thôn Kéo Quăn	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 19' 12"	106° 29' 53"					F-48-45-B
bản Kéo Tàu	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 13"	106° 29' 47"					F-48-45-B
núi Khau Cồng	SV	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 19' 26"	106° 27' 34"					F-48-45-B
thôn Lũng Sàng	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 20' 27"	106° 27' 50"					F-48-45-B
khuổi Nà Chảo	TV	xã Trí Phương	H. Trảng Định			22° 17' 31"	106° 30' 18"	22° 17' 24"	106° 29' 49"	F-48-46-A
thôn Nà Han	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 47"	106° 30' 02"					F-48-46-A
thôn Nà Mè	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 07"	106° 29' 02"					F-48-45-B
bản Nà Pài	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 19' 49"	106° 30' 32"					F-48-46-A
thôn Nà Pháy	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 51"	106° 28' 50"					F-48-45-B
bản Nà Tồn	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 20' 31"	106° 30' 43"					F-48-46-A
thôn Nà Văn	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 31"	106° 28' 53"					F-48-45-B
bản Ne	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 52"	106° 29' 50"					F-48-45-B
bản Pá Lầu	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 36"	106° 30' 21"					F-48-46-A
bản Phác	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 22"	106° 28' 41"					F-48-45-B
bản Phai Sào	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 20' 53"	106° 30' 50"					F-48-46-A
bản Pò Chiêm	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 20' 52"	106° 31' 13"					F-48-46-A
thôn Rộc Mạ	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 15"	106° 29' 23"					F-48-45-B
khuổi Sao	TV	xã Trí Phương	H. Trảng Định			22° 18' 47"	106° 27' 44"	22° 18' 08"	106° 27' 41"	F-48-45-B
núi Sào Vài	SV	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 32"	106° 31' 22"					F-48-46-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Slooc	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 20' 03"	106° 30' 36"					F-48-46-A
thôn Tàng Chang	DC	xã Trí Phương	H. Trảng Định	22° 18' 26"	106° 30' 08"					F-48-46-A
suối Thi Nắng	TV	xã Trí Phương	H. Trảng Định			22° 19' 58"	106° 28' 16"	22° 18' 47"	106° 27' 44"	F-48-45-B
đường tỉnh 229	KX	xã Trung Thành	H. Trảng Định			22° 13' 35"	106° 35' 04"	22° 14' 51"	106° 36' 04"	F-48-46-C
thôn Bàn Siễn	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 15' 11"	106° 35' 02"					F-48-46-A
suối Bàn Vải	TV	xã Trung Thành	H. Trảng Định			22° 14' 52"	106° 34' 07"	22° 13' 25"	106° 33' 52"	F-48-46-C
thôn Bàn Vén	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 14' 40"	106° 35' 59"					F-48-46-C
bản Coóc	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 14' 45"	106° 36' 15"					F-48-46-C
bản Đồng Pênh	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 14' 56"	106° 36' 39"					F-48-46-C
thôn Khuổi Khin	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 15' 25"	106° 33' 19"					F-48-46-A
bản Khuổi Mì	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 16' 26"	106° 34' 17"					F-48-46-A
bản Nà Lạn	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 17' 28"	106° 34' 26"					F-48-46-A
thôn Nà Lý	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 13' 59"	106° 34' 22"					F-48-46-C
thôn Nà Pục	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 14' 48"	106° 35' 08"					F-48-46-C
thôn Pác Pâu	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 14' 51"	106° 36' 04"					F-48-46-C
bản Piêng	DC	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 15' 53"	106° 36' 26"					F-48-46-A
suối Trung Thành	TV	xã Trung Thành	H. Trảng Định	22° 21' 47"	106° 17' 17"	22° 15' 48"	106° 36' 26"	22° 13' 32"	106° 34' 57"	F-48-46-C
khuai Bắc	SV	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định			22° 22' 11"	106° 18' 05"	22° 21' 60"	106° 18' 50"	F-48-45-B-c
khuổi Cạ	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 24' 40"	106° 19' 39"					F-48-45-B-c
thôn Đồng Sào	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định			22° 24' 46"	106° 19' 38"	22° 23' 10"	106° 19' 13"	F-48-45-B-a
suối Đồng Sào	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định			22° 24' 05"	106° 19' 59"	22° 22' 48"	106° 19' 26"	F-48-45-B-a
khuổi Hai	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định							F-48-45-B-a
thôn Khuổi Chang	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 23' 55"	106° 19' 01"					F-48-45-B-a
thôn Khuổi Hai	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 23' 19"	106° 20' 17"					F-48-45-B-a
bản Khuổi Sớm	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 21' 38"	106° 19' 33"					F-48-45-B-c
thôn Khuổi Suồn	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 21' 15"	106° 19' 34"					F-48-45-B-c
núi Khuổi Suồng	SV	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 23' 03"	106° 18' 29"					F-48-45-B-a
thôn Pác Đáp	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 22' 03"	106° 19' 57"					F-48-45-B-c
bản Pác Piêng	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 21' 15"	106° 18' 22"					F-48-45-B-c
thôn Pác Quang	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 22' 09"	106° 19' 12"					F-48-45-B-c
khuai Phạ	SV	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 22' 11"	106° 20' 53"					F-48-45-B-a
thôn Phiêng Han	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 22' 39"	106° 19' 22"					F-48-45-B-a
thôn Phiêng Sầu	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 21' 47"	106° 18' 49"					F-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Piàng thôn Pò Lầu khuổi Suồn khu 1 khu 2 khu 3 khu 4 quốc lộ 4A	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định			22° 22' 05"	106° 17' 29"	22° 21' 48"	106° 17' 53"	F-48-45-B-c
	DC	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định	22° 21' 33"	106° 18' 37"					F-48-45-B-c
	TV	xã Vĩnh Tiến	H. Trảng Định			22° 21' 56"	106° 19' 42"	22° 20' 42"	106° 19' 09"	F-48-45-B-c
	DC	TT. Na Sầm	H. Văn Lãng	22° 03' 15"	106° 36' 47"					F-48-46-C
	DC	TT. Na Sầm	H. Văn Lãng	22° 03' 25"	106° 36' 49"					F-48-46-C
	DC	TT. Na Sầm	H. Văn Lãng	22° 03' 05"	106° 36' 52"					F-48-46-C
	DC	TT. Na Sầm	H. Văn Lãng	22° 03' 33"	106° 36' 59"					F-48-46-C
	KX	TT. Na Sầm	H. Văn Lãng			22° 03' 41"	106° 36' 31"	22° 02' 50"	106° 37' 02"	F-48-46-C
	DC	TT. Na Sầm	H. Văn Lãng	22° 03' 38"	106° 36' 54"					F-48-46-C
	TV	xã An Hùng	H. Văn Lãng			22° 04' 09"	106° 38' 09"	22° 05' 32"	106° 37' 53"	F-48-46-C
suối Bàn Dừa thôn Bàn Già thôn Bàn Léch thôn Bàn Rùa thôn Hu Ngoại thôn Hu Trong	DC	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 06' 10"	106° 38' 18"					F-48-46-C
	DC	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 05' 29"	106° 35' 58"					F-48-46-C
	DC	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 05' 31"	106° 37' 48"					F-48-46-C
	DC	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 04' 15"	106° 36' 51"					F-48-46-C
	DC	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 04' 57"	106° 36' 36"					F-48-46-C
	TV	xã An Hùng	H. Văn Lãng			22° 05' 58"	106° 37' 15"	22° 04' 43"	106° 36' 41"	F-48-46-C
	TV	xã An Hùng	H. Văn Lãng			22° 05' 59"	106° 36' 23"	22° 05' 30"	106° 35' 49"	F-48-46-C
	TV	xã An Hùng	H. Văn Lãng			22° 05' 49"	106° 36' 40"	22° 05' 27"	106° 35' 25"	F-48-46-C
	SV	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 05' 21"	106° 38' 30"					F-48-46-C
	SV	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 03' 49"	106° 38' 16"					F-48-46-C
núi Yên Mạ núi Béo thôn Co Liên thôn Cốc Hắt thôn Cốc Pục suối Cốc Pục thôn Cồn Sù suối Cồn Sù núi Kéo Ai thôn Khuổi Hoi	SV	xã An Hùng	H. Văn Lãng	22° 05' 57"	106° 36' 55"					F-48-46-C
	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 06' 28"	106° 32' 31"					F-48-46-C
	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 06' 51"	106° 31' 18"					F-48-46-C
	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 07' 22"	106° 29' 18"					F-48-45-D-d
	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 05' 49"	106° 31' 08"					F-48-46-C
	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 04' 07"	106° 30' 39"	22° 06' 09"	106° 30' 25"	F-48-46-C
	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 06' 58"	106° 30' 45"					F-48-46-C
	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 05' 07"	106° 31' 18"	22° 06' 56"	106° 31' 14"	F-48-46-C
	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 08' 38"	106° 31' 54"					F-48-46-C
	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 08' 04"	106° 31' 36"					F-48-46-C
núi Kim Kang suối Nà Hìn thôn Nà Sòm	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 07' 02"	106° 28' 16"					F-48-45-D-d
	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 08' 12"	106° 31' 03"	22° 08' 36"	106° 30' 09"	F-48-46-C
	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 08' 08"	106° 29' 43"					F-48-45-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nậm Sù núi Pải Luồng thôn Phiêng Luồng suối Phiêng Luồng núi Pò Mốc Chiếp núi Pò Sơ Hân (Pò Shan) thôn Và Quang khuổi Van khuổi Xá đường tỉnh 231 suối Bàn An thôn Bàn Cáp thôn Bàn Pục thôn Bình Lập núi Bò Diêm thôn Cốc Nhắng suối Cón Pheng (Kón Pheng) thôn Cương Quyết bản Hu Kiều suối Hua Kiều núi Khôn Chả bản Khôn Máng núi Khuôn Đẳng suối Khuôn Loồng thôn Kón Pheng thôn Mây Sao suối Nà Giáo cầu Nà Giáo thôn Nậm Bao suối Nậm Bao cầu Nậm Bao thôn Phai Nà bản Pò Danh	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 07' 13"	106° 30' 41"					F-48-46-C
	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 08' 07"	106° 28' 43"					F-48-45-D
	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 06' 07"	106° 28' 46"					F-48-45-D-d
	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 06' 15"	106° 29' 42"	22° 05' 41"	106° 28' 59"	F-48-45-D-d
	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 05' 20"	106° 30' 37"					F-48-46-C
	SV	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 09' 02"	106° 29' 26"					F-48-45-D
	DC	xã Bắc La	H. Văn Lãng	22° 06' 27"	106° 30' 29"					F-48-46-C
	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 06' 28"	106° 29' 35"	22° 07' 39"	106° 29' 35"	F-48-46-C
	TV	xã Bắc La	H. Văn Lãng			22° 06' 11"	106° 28' 34"	22° 07' 10"	106° 28' 44"	F-48-45-D-d
	KX	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng			22° 02' 24"	106° 28' 52"	22° 02' 05"	106° 29' 55"	F-48-45-D-d
	TV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng			22° 01' 58"	106° 31' 36"	22° 02' 45"	106° 31' 50"	F-48-46-C
	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 01' 59"	106° 30' 35"					F-48-46-C
	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 01' 23"	106° 31' 30"					F-48-46-C
	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 02' 56"	106° 30' 32"					F-48-46-C
	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	21° 58' 55"	106° 30' 21"					F-48-58-A-a
	SV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	21° 59' 41"	106° 30' 17"					F-48-58-A-a
	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng			21° 58' 48"	106° 28' 31"	21° 59' 30"	106° 29' 30"	F-48-57-B-b
	TV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 00' 18"	106° 29' 52"					F-48-45-D-d
	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	21° 58' 57"	106° 29' 32"					F-48-57-B-b
	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng			21° 58' 33"	106° 28' 29"	21° 59' 30"	106° 29' 30"	F-48-57-B-b
	TV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 02' 01"	106° 31' 55"					F-48-46-C
	SV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 02' 03"	106° 31' 10"					F-48-46-C
	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 01' 01"	106° 32' 06"					F-48-46-C
	SV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng			21° 59' 07"	106° 31' 51"	21° 59' 58"	106° 31' 12"	F-48-46-C
	TV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng							F-48-58-A-a
	DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	21° 59' 12"	10629'02					F-48-57-B-b
DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 02' 42"	106° 31' 40"					F-48-46-C	
TV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng			22° 02' 38"	106° 30' 21"	22° 02' 16"	106° 29' 33"	F-48-45-D-d	
KX	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 02' 04"	106° 30' 38"					F-48-46-C	
DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 02' 01"	106° 29' 05"					F-48-45-D-d	
TV	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng			22° 02' 16"	106° 29' 33"	22° 02' 35"	106° 29' 33"	F-48-45-D-d	
KX	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 02' 02"	106° 29' 27"					F-48-45-D-d	
DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	22° 01' 02"	106° 30' 06"					F-48-46-C	
DC	xã Gia Miễn	H. Văn Lãng	21° 59' 57"	106° 29' 39"					F-48-57-B-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Pò Mánh	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 01' 37"	106° 32' 09"					F-48-46-C
thôn Quảng Sơn	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 00' 13"	106° 30' 40"					F-48-46-C
núi Sĩ Chu	SV	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	22° 02' 19"	106° 28' 37"					F-48-45-D-d
suối Tà Phảng	TV	xã Gia Miến	H. Văn Lãng			22° 00' 11"	106° 30' 39"	22° 01' 21"	106° 31' 33"	F-48-46-C
bản Tát Dầm	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	21° 59' 22"	106° 29' 30"					F-48-57-B-b
bản Thảm Phia	DC	xã Gia Miến	H. Văn Lãng	21° 58' 48"	106° 28' 55"					F-48-57-B-b
suối Bắc Châu	TV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng			21° 55' 48"	106° 36' 58"	21° 56' 59"	106° 37' 31"	F-48-58-A
bản Bản Đắc	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 42"	106° 37' 54"					F-48-58-A
thôn Bó Châu	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 49"	106° 37' 24"					F-48-58-A-a
bản Bó Lào	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 02"	106° 37' 23"					F-48-58-A
bản Càn Nong	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 33"	106° 37' 43"					F-48-58-A
núi Càng Nộc	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 35"	106° 37' 19"					F-48-58-A
bản Cồn Lạn	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 17"	106° 37' 54"					F-48-58-A-a
bản Hang Lẻ	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 53"	106° 37' 34"					F-48-58-A
núi Hang Nơ	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 58' 07"	106° 37' 51"					F-48-58-A
bản Kéo Cà	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 19"	106° 37' 10"					F-48-58-A-a
thôn Khẩu Pạ	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 55' 13"	106° 38' 29"					F-48-58-A
núi Khau Tằng	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 55' 27"	106° 38' 31"					F-48-58-A
núi Lăng Ca	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 55' 40"	106° 39' 27"					F-48-58-A
thôn Nà Lùng	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 28"	106° 37' 48"					F-48-58-A
thôn Nà Pàn	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 13"	106° 38' 02"					F-48-58-A
đập Nà Pàn	KX	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 05"	106° 37' 59"					F-48-58-A
bản Pác Háy	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 41"	106° 37' 44"					F-48-58-A
bản Phắc Lạng	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 08"	106° 38' 01"					F-48-58-A
bản Phú Lầu	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 57' 12"	106° 37' 47"					F-48-58-A
bản Pò Bám	DC	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 07"	106° 37' 52"					F-48-58-A
núi Quan Viên	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 11"	106° 38' 18"					F-48-58-A
núi Soong Phây	SV	xã Hoàng Văn Thụ	H. Văn Lãng	21° 56' 37"	106° 38' 43"					F-48-58-A
khuổi Siăn	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 01' 17"	106° 38' 49"	22° 01' 29"	106° 37' 54"	F-48-58-A
thôn Bản Lẻ	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 34"	106° 36' 30"					F-48-46-C
thôn Bản Ô	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	21° 59' 55"	106° 36' 43"					F-48-46-C
suối Bản Tích	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng			22° 03' 55"	106° 38' 01"	22° 03' 33"	106° 36' 44"	F-48-58-A-a
bản Cáp Kề	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 26"	106° 37' 32"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Cốc Hắt	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 00' 20"	106° 37' 39"							F-48-46-C
suối Cốc Hắt	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng					22° 00' 17"	106° 37' 09"	22° 01' 13"	106° 37' 19"	F-48-46-C
bản Cồn Nọc	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 25"	106° 37' 44"							F-48-46-C
suối Hoàng Việt	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng					22° 01' 29"	106° 37' 54"	22° 02' 27"	106° 36' 01"	F-48-46-C
núi Kéo Nà Cà	SV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 38"	106° 38' 36"							F-48-46-C
bản Khơi Đa	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 49"	106° 38' 18"							F-48-46-C
thôn Khun Pênh	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 20"	106° 36' 36"							F-48-46-C
thôn Khun Siam	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 41"	106° 37' 14"							F-48-46-C
bản Khuôn Chu	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 53"	106° 37' 40"							F-48-46-C
suối Khuôn Liền	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng					22° 00' 42"	106° 37' 32"	22° 01' 13"	106° 37' 19"	F-48-46-C
sông Kỳ Cùng	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng					21° 59' 13"	106° 35' 45"	22° 03' 04"	106° 36' 31"	F-48-46-C
bản Lũng Cầu	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	21° 59' 14"	106° 39' 45"							F-48-58-A
suối Lũng Cùng	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng					22° 03' 30"	106° 38' 42"	22° 02' 15"	106° 37' 09"	F-48-46-C
thôn Nà Áng	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 42"	106° 36' 50"							F-48-46-C
bản Nà Công	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 35"	106° 38' 01"							F-48-46-C
thôn Nà Khách	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 03' 32"	106° 38' 07"							F-48-46-C
đập Nà Khách	TV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 03' 14"	106° 38' 00"							F-48-46-C
thôn Nà Mạt	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 53"	106° 37' 19"							F-48-46-C
thôn Nà Phai	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 10"	106° 36' 27"							F-48-46-C
thôn Nà Quỳnh	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 00' 26"	106° 35' 46"							F-48-46-C
bản Pác Đón	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 18"	106° 36' 18"							F-48-46-C
núi Pò Lầm Chếp	SV	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 03' 04"	106° 38' 33"							F-48-46-C
thôn Pò Pheo	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 31"	106° 37' 22"							F-48-46-C
thôn Tả Phạc	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 00' 37"	106° 35' 02"							F-48-46-C
bản Tênh Đồn	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 02' 28"	106° 36' 24"							F-48-46-C
bản Tổng Chảo	DC	xã Hoàng Việt	H. Văn Lãng	22° 01' 06"	106° 38' 14"							F-48-46-C
thôn Bản Bềng	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 04' 07"	106° 28' 43"							F-48-45-D-d
thôn Bản Kìa	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 03' 01"	106° 28' 58"							F-48-45-D-d
thôn Bản Miếng	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 03' 29"	106° 28' 49"							F-48-45-D-d
thôn Bình Dân	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 02' 40"	106° 27' 55"							F-48-45-D-d
nậm Bú	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng					22° 03' 55"	106° 27' 27"	22° 05' 17"	106° 28' 55"	F-48-45-D-d
thôn Co Tào	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 05' 24"	106° 27' 41"							F-48-45-D-d
thôn Cốc Mạn	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 03' 58"	106° 26' 52"							F-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Cốc Mạn	SV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 04' 38"	106° 26' 56"					F-48-45-D-d
thôn Đông Chang	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 04' 31"	106° 29' 42"					F-48-45-D-d
thôn Háng Van	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 02' 49"	106° 28' 43"					F-48-45-D-d
suối Hội Hoan	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 03' 08"	106° 29' 07"	22° 05' 41"	106° 28' 59"	F-48-45-D-d
bản Khau Quan	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 05' 15"	106° 27' 35"					F-48-45-D-d
khuổi Khem	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 03' 50"	106° 26' 51"	22° 05' 58"	106° 26' 45"	F-48-45-D-d
khuổi Khem	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 03' 50"	106° 26' 51"	22° 03' 17"	106° 27' 20"	F-48-45-D-d
thôn Khuổi Rào	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 05' 23"	106° 26' 44"					F-48-45-D-d
suối Khuôn Nghiều	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 04' 54"	106° 29' 42"					F-48-45-D-d
thôn Phiêng Liệt	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	22° 03' 31"	106° 28' 04"					F-48-45-D-d
bản Thẩm Bè	DC	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 03' 26"	106° 27' 48"	22° 03' 48"	106° 28' 25"	F-48-45-D-d
suối Thẩm Bè	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng			22° 04' 38"	106° 27' 03"	22° 06' 11"	106° 28' 34"	F-48-45-D-d
khuổi Toọc	TV	xã Hội Hoan	H. Văn Lãng	21° 57' 46"	106° 36' 27"					F-48-58-A-a
thôn Bàn Nhung	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 59' 35"	106° 37' 19"					F-48-58-A-a
bản Cốc Hắt	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 57' 14"	106° 36' 23"					F-48-58-A-a
bản Keng Vài	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng			21° 55' 00"	106° 35' 58"	21° 59' 13"	106° 35' 45"	F-48-58-A-a
sông Kỳ Cùng	TV	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng			21° 58' 02"	106° 37' 09"	21° 58' 55"	106° 37' 01"	F-48-58-A-a
suối Lầu Cáy	TV	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng							F-48-58-A-a
thôn Lũng Đúc	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 56' 59"	106° 35' 52"					F-48-58-A-a
thôn Lũng Mươi	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 58' 34"	106° 36' 53"					F-48-58-A-a
bản Lũng Vài	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 58' 20"	106° 36' 15"					F-48-58-A-a
thôn Nà Tao	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 56' 12"	106° 36' 18"					F-48-58-A-a
thôn Pác Bó	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 56' 22"	106° 36' 09"					F-48-58-A-a
thôn Pác Sàng	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 56' 43"	106° 36' 09"					F-48-58-A-a
bản Quang Pải	DC	xã Hồng Thái	H. Văn Lãng	21° 58' 59"	106° 37' 03"					F-48-58-A-a
thôn Bàn Van	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 02' 21"	106° 28' 02"					F-48-45-D-d
thôn Bình Độ	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 00' 21"	106° 27' 37"					F-48-45-D-d
thôn Đồng Tâm	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 01' 50"	106° 28' 05"					F-48-45-D-d
suối Hín Ngùm	TV	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng			22° 00' 35"	106° 28' 35"	22° 01' 18"	106° 28' 09"	F-48-45-D-d
thôn Hòa Lạc	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 01' 22"	106° 27' 45"					F-48-45-D-d
núi Mây Van	SV	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 02' 21"	106° 27' 14"					F-48-45-D-d
thôn Năm Hép	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 02' 11"	106° 27' 04"					F-48-45-D-d
núi Sam Chòi	SV	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 01' 37"	106° 26' 06"					F-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
khau SLin thôn Tác Chiến suối Tát Đeng thôn Cồn Luồng thôn Cồn Tàu Ư' (Cồn Tàu) núi Kéo Cà núi Kéo Hua Cầu thôn Khun Phung sông Kỳ Cùng suối Lọ Cài thôn Lương Thác núi Nà Hóc đường tỉnh 232 quốc lộ 4A thôn Bàn Lãng thôn Bó Củng suối Cầu Tầm suối Kéo An thôn Kéo Van thôn Khuôn Rooc suối Khuôn Rooc sông Kỳ Cùng thôn Nà Chà suối Nà Chà bản Nà Chuông thôn Nà Cườm cầu Nà Sầm thôn Phiêng Khoang thôn Pò Lầu cầu Tầm thôn Thanh Hào đường tỉnh 233 quốc lộ 4A	SV	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	22° 00' 49"	106° 26' 49"					F-48-45-D-d	
	DC	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng	21° 59' 48"	106° 27' 42"						F-48-57-B-b
	TV	xã Nam Lạ	H. Văn Lãng			22° 00' 43"	106° 27' 55"	22° 02' 29"	106° 28' 02"		F-48-45-D-d
	DC	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 54' 56"	106° 37' 05"						F-48-58-A
	DC	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 54' 44"	106° 36' 48"						F-48-58-A
	SV	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 55' 28"	106° 36' 46"						F-48-58-A
	SV	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 55' 20"	106° 37' 44"						F-48-58-A
	DC	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 54' 49"	106° 37' 44"						F-48-58-A
	TV	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng			21° 53' 03"	106° 37' 27"	21° 53' 00"	106° 37' 23"		F-48-58-A
	TV	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng			21° 55' 02"	106° 37' 05"	21° 54' 42"	106° 36' 28"		F-48-58-A
	DC	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 54' 15"	106° 36' 25"						F-48-58-A
	SV	xã Nhạc Kỳ	H. Văn Lãng	21° 54' 59"	106° 36' 12"						F-48-58-A
	KX	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			220° 03' 25"	106° 36' 37"	220° 02' 08"	106° 34' 44"		F-48-46-C
	KX	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			220° 05' 18"	106° 35' 21"	220° 03' 39"	106° 36' 31"		F-48-46-C
	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 04' 37"	106° 35' 07"						F-48-46-C
	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 05' 13"	106° 35' 23"						F-48-46-C
	TV	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			22° 03' 13"	106° 34' 33"	22° 04' 03"	106° 35' 01"		F-48-46-C
	TV	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			22° 02' 10"	106° 34' 37"	22° 03' 21"	106° 35' 02"		F-48-46-C
	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 22"	106° 35' 11"						F-48-46-C
	DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 04' 08"	106° 34' 47"						F-48-46-C
TV	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			22° 04' 00"	106° 34' 07"	22° 04' 03"	106° 35' 01"		F-48-46-C	
TV	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			22° 02' 27"	106° 35' 59"	22° 05' 10"	106° 35' 07"		F-48-46-C	
DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 14"	106° 36' 19"						F-48-46-C	
TV	xã Tân Lang	H. Văn Lãng			22° 02' 50"	106° 35' 23"	22° 03' 17"	106° 36' 24"		F-48-46-C	
DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 02' 16"	106° 34' 41"						F-48-46-C	
DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 35"	106° 36' 24"						F-48-46-C	
DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	220° 03' 25"	106° 36' 37"						F-48-46-C	
KX	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 43"	106° 35' 39"						F-48-46-C	
DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 35"	106° 35' 27"						F-48-46-C	
DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 03' 35"	106° 35' 27"						F-48-46-C	
KX	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	220° 04' 03"	106° 35' 03"						F-48-46-C	
DC	xã Tân Lang	H. Văn Lãng	22° 04' 34"	106° 35' 36"						F-48-46-C	
KX	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 57' 08"	106° 41' 01"	21° 58' 38"	106° 40' 27"		F-48-58-A	
KX	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			22° 01' 01"	106° 38' 15"	21° 57' 14"	106° 41' 30"		F-48-46-C	
KX	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng									

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Cắc Cào	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 16"	106° 40' 03"							F-48-58-A
lũng Canh Phòng	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 02"	106° 40' 50"							F-48-58-A
núi Cầu Tập	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 49"	106° 40' 43"							F-48-58-A
bản Chang	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 42"	106° 39' 16"							F-48-58-A
suối Cốc Linh	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 58' 29"	106° 38' 37"	21° 59' 21"	106° 39' 18"			F-48-58-A
thôn Cốc Linh	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 00"	106° 38' 56"							F-48-58-A
bản Cốc Mặn	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 56' 11"	106° 38' 60"							F-48-58-A
thôn Cốc Nam	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 32"	106° 41' 20"							F-48-58-A
núi Đồi 05	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 10"	106° 41' 02"							F-48-58-A
bản Háng Mới	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 58"	106° 39' 23"							F-48-58-A
suối Háng Pài	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 57' 43"	106° 40' 38"	21° 58' 50"	106° 39' 56"			F-48-58-A
núi Hang Sòng	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 56' 30"	106° 40' 19"							F-48-58-A
núi Hìn Cón	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 13"	106° 40' 52"							F-48-58-A
núi Kéo Cước	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 27"	106° 40' 19"							F-48-58-A
suối Khau Chặm	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 57' 21"	106° 39' 04"	21° 58' 17"	106° 39' 45"			F-48-58-A
lũng Khơ Đa	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 34"	106° 41' 07"							F-48-58-A
đồi Khôn Lũng	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 31"	106° 38' 31"							F-48-58-A
bản Khura Đa	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 15"	106° 41' 12"							F-48-58-A
thôn Khun Chặm	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 52"	106° 38' 47"							F-48-58-A
thôn Khun Lũng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 59"	106° 38' 12"							F-48-58-A
thôn Khun Lý	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 38"	106° 39' 36"							F-48-58-A
suối Khun Lý	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 57' 48"	106° 39' 53"	21° 58' 17"	106° 39' 45"			F-48-58-A
núi Lũng Cầu	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 35"	106° 39' 58"							F-48-58-A
núi Lũng Chang	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 55"	106° 39' 41"							F-48-58-A
núi Lũng Lừa	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 39"	106° 39' 40"							F-48-58-A
núi Lũng Vải	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 18"	106° 41' 24"							F-48-58-A
bản Ma Mèo	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 38"	106° 40' 25"							F-48-58-A
bản Nà Chò	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 32"	106° 38' 05"							F-48-46-C
thôn Nà Dẩn	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 25"	106° 40' 19"							F-48-58-A
bản Nà Đeng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 22"	106° 39' 57"							F-48-58-A
thôn Nà Kéo	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 51"	106° 38' 23"							F-48-46-C
suối Nà Leng	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			22° 00' 00"	106° 38' 25"	22° 00' 59"	106° 38' 14"			F-48-46-C
thôn Nà Leng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 55"	106° 38' 43"							F-48-58-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nà Loỏng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 10"	106° 40' 28"					F-48-58-A
thôn Nà Mò	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 06"	106° 40' 19"					F-48-58-A
bản Nà Nọi	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 28"	106° 39' 09"					F-48-58-A
bản Nà Pò	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 56' 30"	106° 40' 06"					F-48-58-A
bản Nà Pục	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 11"	106° 39' 33"					F-48-58-A
bản Nà Sả	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 13"	106° 38' 49"					F-48-46-C
bản Nà Tô	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 36"	106° 40' 16"					F-48-58-A
bản Nà Ún	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 15"	106° 38' 14"					F-48-46-C
bản Nghiều Ngọa	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 56' 48"	106° 39' 56"					F-48-58-A
sưoi Pá Phiêng	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 57' 14"	106° 40' 48"	21° 57' 43"	106° 40' 38"	F-48-58-A
núi Pá Thang	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 43"	106° 40' 13"					F-48-58-A
sưoi Pác Kẹt	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 59' 40"	106° 38' 10"	22° 00' 00"	106° 38' 25"	F-48-58-A
núi Pác Linh	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 56' 58"	106° 38' 34"					F-48-58-A
sưoi Pác Lùng	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 58' 50"	106° 39' 56"	21° 59' 21"	106° 39' 18"	F-48-58-A
bản Pác Luổng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 05"	106° 38' 57"					F-48-46-C
thôn Pò Cại	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 03"	106° 39' 12"					F-48-58-A
thôn Pò Chải	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 01"	106° 40' 07"					F-48-58-A
sưoi Pò Chải	TV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng			21° 56' 30"	106° 40' 04"	21° 58' 07"	106° 40' 14"	F-48-58-A
bản Pò Lầy	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 21"	106° 39' 43"					F-48-58-A
núi Pò Luổng	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 51"	106° 40' 34"					F-48-58-A
bản Pò Phần	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 09"	106° 39' 17"					F-48-58-A
thôn Tà Lài	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 48"	106° 40' 17"					F-48-58-A
đài tưởng niệm LS Tân Mỹ	KX	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 57' 57"	106° 41' 41"					F-48-58-A
bản Thăm Chạng	DC	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 09"	106° 37' 46"					F-48-46-C
lũng Ti Bản	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 59' 22"	106° 40' 12"					F-48-58-A
núi Toong Chinh	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	22° 00' 37"	106° 39' 19"					F-48-46-C
đồi Vằng Kếng	SV	xã Tân Mỹ	H. Văn Lãng	21° 58' 53"	106° 39' 19"					F-48-58-A
sưoi Khuôn Khê	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng			22° 04' 31"	106° 31' 11"	22° 04' 48"	106° 31' 54"	F-48-46-C
thôn Bản Cấn	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 25"	106° 33' 18"					F-48-46-C
sưoi Bản Cấn	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng			22° 04' 20"	106° 32' 57"	22° 03' 57"	106° 33' 37"	F-48-46-C
thôn Bản Đang	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 49"	106° 31' 53"					F-48-46-C
thôn Bản Giồng	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 48"	106° 33' 41"					F-48-46-C
sưoi Bản Giồng	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng			22° 05' 03"	106° 33' 24"	22° 04' 01"	106° 33' 58"	F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bản Sao	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 05' 57"	106° 31' 42"	22° 03' 41"	106° 33' 14"	22° 03' 57"	106° 33' 37"	F-48-46-C
núi Cây Thơm	SV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 25"	106° 33' 34"					F-48-46-C
bản Giã Đa	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 03' 56"	106° 31' 00"					F-48-46-C
núi Hang Mây Sao	SV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 56"	106° 33' 10"					F-48-46-C
bản Kéo Phai	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 03' 40"	106° 33' 28"					F-48-46-C
núi Khuổi Xá	SV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 03' 50"	106° 32' 03"					F-48-46-C
bản Khuôn Dương	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 05' 30"	106° 33' 21"	22° 05' 58"	106° 32' 19"	22° 04' 24"	106° 32' 38"	F-48-46-C
bản Khuôn Sầu	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng							F-48-46-C
suối Khuôn Su	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 03' 51"	106° 34' 02"					F-48-46-C
thôn Nà Luông	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 05' 21"	106° 32' 20"					F-48-46-C
thôn Nà Mẩn	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 26"	106° 32' 49"					F-48-46-C
bản Nà Quặt	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 05' 58"	106° 32' 38"					F-48-46-C
thôn Nà Siăng	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 04' 04"	106° 33' 60"					F-48-46-C
bản Pác Sao	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng			22° 03' 38"	106° 31' 14"	22° 03' 44"	106° 32' 05"	F-48-46-C
suối Pác Sao	TV	xã Tân Tác	H. Văn Lãng							F-48-46-C
bản Phạ	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 03' 22"	106° 33' 37"					F-48-46-C
bản Tâm	DC	xã Tân Tác	H. Văn Lãng	22° 13' 17"	106° 32' 20"					F-48-46-C
thôn Bản Đuốc	DC	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 01' 46"	106° 39' 30"					F-48-46-C
suối Bản Đuốc	TV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng			22° 02' 03"	106° 40' 00"	22° 01' 46"	106° 39' 07"	F-48-46-C
thôn Bản Thầu	DC	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 40"	106° 39' 52"					F-48-46-C
lũng Cầu Tập	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	21° 59' 59"	106° 40' 33"					F-48-58-A
núi Chắp Chiu	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 45"	106° 37' 46"					F-48-46-C
núi Đình Pùn	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 01' 28"	106° 42' 17"					F-48-46-C
suối Đàng Phường	TV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng			22° 01' 52"	106° 40' 06"	22° 01' 18"	106° 39' 15"	F-48-46-C
núi Khau Khú	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 02' 45"	106° 39' 36"					F-48-46-C
đồi Khau Ngầu	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 03' 17"	106° 41' 43"					F-48-46-C
đồi Khau Phưóc	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 01' 50"	106° 42' 20"					F-48-46-C
Khuổi Lầy	TV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng			22° 02' 20"	106° 38' 56"	22° 01' 37"	106° 38' 52"	F-48-46-C
suối Nà Cuối	TV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng			22° 02' 41"	106° 39' 53"	22° 01' 46"	106° 39' 07"	F-48-46-C
thôn Nà Han	DC	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 01' 12"	106° 40' 51"					F-48-46-C
thôn Nà Lầu	DC	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 33"	106° 40' 40"					F-48-46-C
suối Nà Ngòa	TV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng			22° 01' 35"	106° 41' 00"	22° 01' 18"	106° 39' 15"	F-48-46-C
thôn Nà Tông	DC	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 01' 19"	106° 40' 11"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Phia Cẩn Séc	SV	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 23"	106° 41' 05"					F-48-46-C
cửa khẩu Tân Thanh	KX	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 14"	106° 40' 51"					F-48-46-C
Khu KT Tân Thanh	KX	xã Tân Thanh	H. Văn Lãng	22° 00' 20"	106° 40' 33"					F-48-46-C
khuyết Cạn	TV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 09' 24"	106° 33' 48"	22° 09' 36"	106° 33' 17"	F-48-46-C
quốc lộ 4A	KX	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 10' 25"	106° 32' 23"	22° 07' 57"	106° 34' 53"	F-48-46-C
thôn Bản Quan	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 09' 57"	106° 32' 28"					F-48-46-C
cầu Bản Quan	KX	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 09' 31"	106° 33' 01"					F-48-46-C
thôn Bó Mìn	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 08' 51"	106° 34' 50"					F-48-46-C
khuyết Chàng	TV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 08' 15"	106° 32' 23"	22° 09' 15"	106° 33' 01"	F-48-46-C
thôn Khôn Búm	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 09' 24"	106° 33' 58"					F-48-46-C
sông Kỳ Củng	TV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 07' 42"	106° 33' 54"	22° 10' 25"	106° 32' 19"	F-48-46-C
khau Léch	SV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 10' 20"	106° 33' 12"					F-48-46-C
thôn Nà Cạn	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 09' 24"	106° 33' 06"					F-48-46-C
cầu Nà Cạn	KX	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 09' 38"	106° 32' 52"					F-48-46-C
thôn Nà Là	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 07' 60"	106° 33' 47"					F-48-46-C
thôn Nà Lặng	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 08' 49"	106° 33' 16"					F-48-46-C
bản Nà Pía (Nà Pĩa)	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 08' 22"	106° 34' 57"					F-48-46-C
bản Nà Tèo	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 08' 32"	106° 34' 12"					F-48-46-C
suối Pá Báy	TV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 08' 38"	106° 35' 23"	22° 08' 17"	106° 34' 08"	F-48-46-C
thôn Pá Mỹ	DC	xã Tân Việt	H. Văn Lãng	22° 07' 47"	106° 33' 36"					F-48-46-C
suối Phai Ne	TV	xã Tân Việt	H. Văn Lãng			22° 08' 52"	106° 32' 17"	22° 09' 49"	106° 32' 42"	F-48-46-C
đường tỉnh 232	KX	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 02' 08"	106° 34' 44"	22° 00' 35"	106° 34' 36"	F-48-46-C
thôn Bản Đon	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 25"	106° 33' 15"					F-48-46-C
thôn Bản Mìn	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 28"	106° 33' 47"					F-48-46-C
suối Bản Nam	TV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 00' 04"	106° 32' 56"	22° 00' 58"	106° 35' 02"	F-48-46-C
thôn Cốc Pầu	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 03' 24"	106° 33' 02"					F-48-46-C
núi Đồng Sián	SV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 60"	106° 34' 46"					F-48-46-C
đèo Hang Phạ	SV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 03' 10"	106° 33' 31"					F-48-46-C
suối Kéo An	TV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 13"	106° 34' 25"	22° 01' 32"	106° 34' 04"	22° 03' 06"	106° 34' 32"	F-48-46-C
đèo Khoang Tổng	SV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 01' 26"	106° 33' 46"					F-48-46-C
thôn Khun Búng	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 01' 33"	106° 33' 51"	22° 00' 23"	106° 33' 37"	F-48-46-C
suối Khuôn Búng	TV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 00' 58"	106° 35' 02"	22° 02' 27"	106° 35' 59"	F-48-46-C
sông Kỳ Củng	TV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng							F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng							Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu			Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
bản Nà Mềng	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 38"	106° 32' 27"						F-48-46-C
thôn Nặm Tấu	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 58"	106° 34' 27"						F-48-46-C
cầu Nặm Tấu	KX	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 03' 08"	106° 34' 33"						F-48-46-C
thôn Pác Ca	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 01' 45"	106° 35' 33"						F-48-46-C
núi Phia Sli	SV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 01' 11"	106° 34' 19"						F-48-46-C
bản Pò Cuối	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 00' 26"	106° 33' 38"						F-48-46-C
suối Tà Phang	TV	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng			22° 01' 30"	22° 03' 06"	106° 32' 29"		106° 34' 32"	F-48-46-C
thôn Tả Phang	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 01' 49"	106° 33' 03"						F-48-46-C
thôn Tinh Bó	DC	xã Thành Hòa	H. Văn Lãng	22° 02' 58"	106° 32' 18"						F-48-46-C
thôn Bản Cầu	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 59"	106° 41' 31"						F-48-46-C
bản Bản Tát	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 06' 15"	106° 39' 59"						F-48-46-C
bản Cón Phia	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 17"	106° 41' 47"						F-48-46-C
bản Cón Sưng	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 03' 55"	106° 40' 06"						F-48-46-C
thôn Đẳng Van	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 56"	106° 39' 41"						F-48-46-C
thôn Đon Trang	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 13"	106° 41' 15"						F-48-46-C
thôn Khau Khú	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 03' 44"	106° 40' 01"						F-48-46-C
núi Khôn Năm	SV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 06' 28"	106° 39' 45"						F-48-46-C
suối Khuổi Chạt	TV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng			22° 04' 01"	22° 04' 28"	106° 38' 41"		106° 39' 35"	F-48-46-C
núi Lũng Luông	SV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 43"	106° 41' 31"						F-48-46-C
bản Mầm Mềng	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 03' 35"	106° 41' 03"						F-48-46-C
thôn Nà Cà	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 03' 56"	106° 38' 51"						F-48-46-C
thôn Nà Han	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 57"	106° 40' 02"						F-48-46-C
thôn Nà Liên	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 28"	106° 38' 52"						F-48-46-C
thôn Nà Phán	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 22"	106° 41' 08"						F-48-46-C
bản Nà Phưong	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 36"	106° 42' 04"						F-48-46-C
bản Nà Po	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 13"	106° 39' 57"						F-48-46-C
đập Nà Sường	KX	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 18"	106° 40' 54"						F-48-46-C
cầu Nà Va	KX	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 20"	106° 40' 02"						F-48-46-C
thôn Nà Vạc	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 03' 25"	106° 40' 53"						F-48-46-C
bản Nà Xôm	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 33"	106° 38' 55"						F-48-46-C
suối Nặm Niếng	TV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng			22° 02' 50"	22° 04' 50"	106° 40' 42"		106° 41' 20"	F-48-46-C
thôn Pá Chi	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 53"	106° 41' 57"						F-48-46-C
thôn Pác Cú	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 32"	106° 40' 40"						F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Pàn Phước	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 37"	106° 41' 15"					F-48-46-C
thôn Pó Bùn	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 37"	106° 41' 50"					F-48-46-C
núi Pó Ngầm	SV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 01"	106° 42' 06"					F-48-46-C
núi Pó Soong	SV	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 53"	106° 40' 35"					F-48-46-C
bản Slam Kha	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 04' 17"	106° 38' 57"					F-48-46-C
thôn Tằng Cạo	DC	xã Thanh Long	H. Văn Lãng	22° 05' 35"	106° 39' 27"					F-48-46-C
thôn Bản Pịa	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 14"	106° 37' 07"					F-48-46-C
thôn Bản Tả	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 15"	106° 40' 05"					F-48-46-C
suối Bản Tát	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 06' 26"	106° 40' 08"	22° 07' 01"	106° 39' 56"	F-48-46-C
bản Co Luồng	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 08' 07"	106° 40' 07"					F-48-46-C
núi Cốc Lãng	SV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 28"	106° 37' 12"					F-48-46-C
thôn Cồn Ngòi	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 16"	106° 40' 52"					F-48-46-C
suối Khuổi Sáng	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 08' 10"	106° 40' 49"	22° 08' 22"	106° 40' 30"	F-48-46-C
thôn Khuổi Thảm	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 00"	106° 37' 44"					F-48-46-C
bản Nà Chanh	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 16"	106° 38' 19"					F-48-46-C
thôn Nà Hình	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 08' 07"	106° 41' 10"					F-48-46-C
thôn Nà Luồng	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 06' 44"	106° 41' 07"					F-48-46-C
suối Nà Luồng	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 06' 10"	106° 40' 27"	22° 08' 10"	106° 40' 49"	F-48-46-C
thôn Nà Mới	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 06' 30"	106° 37' 29"					F-48-46-C
thôn Nà So	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 06' 24"	106° 40' 59"					F-48-46-C
đập Nà Van	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 06' 20"	106° 40' 43"					F-48-46-C
suối Pá Cáy	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 07' 43"	106° 39' 13"	22° 07' 38"	106° 39' 30"	F-48-46-C
thôn Pác Cáy	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 35"	106° 39' 29"					F-48-46-C
suối Pác Chanh	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 49"	106° 40' 60"	22° 06' 28"	106° 38' 35"	22° 07' 17"	106° 39' 00"	F-48-46-C
bản Pó Mu	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 24"	106° 38' 36"					F-48-46-C
thôn Pó Phèo	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 06' 12"	106° 37' 08"	22° 07' 18"	106° 38' 27"	F-48-46-C
suối Thảm Pằng	TV	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 15"	106° 37' 28"					F-48-46-C
thôn Thảm Pằng	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng	22° 07' 34"	106° 39' 08"					F-48-46-C
thôn Thảm Sầm	DC	xã Thụy Hùng	H. Văn Lãng			22° 07' 40"	106° 35' 45"	22° 09' 58"	106° 36' 53"	F-48-46-C
đường tỉnh 229	KX	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 08' 24"	106° 36' 38"					F-48-46-C
thôn Bản Châu	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng			22° 09' 05"	106° 39' 10"	22° 10' 09"	106° 39' 37"	F-48-46-C
suối Bản Mạnh	TV	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng							F-48-46-C
thôn Bản Pén	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 32"	106° 37' 10"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Đông Báu	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 10' 08"	106° 39' 34"					F-48-46-C
bản Đông Sián	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 08' 20"	106° 37' 51"					F-48-46-C
thôn Khuổi Chang	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 25"	106° 37' 28"					F-48-46-C
suối Khuổi Sáng	TV	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng			22° 08' 22"	106° 40' 30"	22° 09' 54"	106° 40' 12"	F-48-46-C
khuai Luông	SV	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 15"	106° 41' 09"					F-48-46-C
bản Mạnh Nưa	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 08' 54"	106° 38' 25"					F-48-46-C
bản Mạnh Tầu L' (Mạnh Tầu)	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 00"	106° 38' 42"					F-48-46-C
bản Nà Lặng	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 18"	106° 38' 46"					F-48-46-C
bản Nà Sĩa	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 51"	106° 37' 12"					F-48-46-C
bản Nà Tổng	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 46"	106° 40' 14"					F-48-46-C
thôn Pá Táp	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 07' 42"	106° 35' 51"					F-48-46-C
núi Pò Cuốc	SV	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 08' 40"	106° 39' 24"					F-48-46-C
thôn Pò Hà	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 07' 58"	106° 36' 41"					F-48-46-C
bản Pò Lo	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 09' 07"	106° 40' 27"					F-48-46-C
bản Pò Mặt	DC	xã Trùng Khánh	H. Văn Lãng	22° 08' 35"	106° 40' 22"					F-48-46-C
quốc lộ 4A	KX	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 07' 57"	106° 34' 53"	22° 05' 19"	106° 35' 21"	F-48-46-C
thôn Bản Giông	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 38"	106° 34' 10"					F-48-46-C
thôn Bản Vạc	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 05"	106° 35' 34"					F-48-46-C
cầu Bó Củng	KX	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 19"	106° 35' 21"					F-48-46-C
đèo Kéo Pía	SV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 12"	106° 36' 44"					F-48-46-C
khuổi Khế	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 05' 59"	106° 36' 24"	22° 05' 50"	106° 35' 58"	F-48-46-C
bản Khôn Sầu	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 28"	106° 34' 24"					F-48-46-C
bản Khun Củng	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 15"	106° 34' 58"					F-48-46-C
thôn Khun Giông	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 55"	106° 33' 22"					F-48-46-C
sông Kỳ Củng	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 05' 10"	106° 35' 09"	22° 07' 40"	106° 33' 54"	F-48-46-C
thôn Liệt Đầu L' (Liệt Đầu)	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 07"	106° 35' 16"					F-48-46-C
thôn Liệt Nọc	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 55"	106° 35' 18"					F-48-46-C
suối Lọ Lải	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 06' 24"	106° 36' 47"	22° 06' 21"	106° 35' 24"	F-48-46-C
thôn Lũng Thuồng	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 57"	106° 34' 58"					F-48-46-C
thôn Lũng Vài	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 42"	106° 35' 24"					F-48-46-C
hồ Lũng Vài	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 49"	106° 35' 23"					F-48-46-C
núi Mè Mãng	SV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 27"	106° 36' 50"					F-48-46-C
núi Mỏ Toáng	SV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 44"	106° 32' 21"					F-48-46-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Chi	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 20"	106° 34' 02"					F-48-46-C
thôn Nà Chông	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 00"	106° 34' 38"					F-48-46-C
suối Nà Liệt	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 07' 11"	106° 36' 25"	22° 06' 21"	106° 35' 24"	F-48-46-C
thôn Nà Lừa	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 58"	106° 32' 38"					F-48-46-C
suối Nà Lừa	TV	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng			22° 07' 15"	106° 32' 37"	22° 06' 54"	106° 34' 00"	F-48-46-C
thôn Nà Mêng	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 06"	106° 34' 11"					F-48-46-C
thôn Nà Phai	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 33"	106° 34' 59"					F-48-46-C
thôn Pá Danh	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 25"	106° 34' 22"					F-48-46-C
thôn Pàn Khánh	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 05' 49"	106° 34' 26"					F-48-46-C
thôn Phai Póng	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 07' 51"	106° 34' 50"					F-48-46-C
thôn Tổng Kịt	DC	xã Trùng Quán	H. Văn Lãng	22° 06' 28"	106° 34' 35"					F-48-46-C
quốc lộ 1B	KX	TT. Văn Quan	H. Văn Quan			21° 51' 08"	106° 30' 42"	21° 52' 44"	106° 33' 12"	F-48-58-A-c
sông Bó Pía (Bó Pya)	TV	TT. Văn Quan	H. Văn Quan			21° 51' 10"	106° 30' 42"	21° 52' 45"	106° 33' 12"	F-48-58-A-c
sông Bó Xuất	TV	TT. Văn Quan	H. Văn Quan			21° 51' 20"	106° 31' 39"	21° 51' 52"	106° 32' 01"	F-48-58-A-c
cầu Đưc Hinh	KX	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 46"	106° 32' 01"					F-48-58-A-c
phố Đưc Hinh 1	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 59"	106° 31' 41"					F-48-58-A-c
phố Đưc Hinh 2	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 46"	106° 31' 49"					F-48-58-A-c
phố Đưc Tâm 1	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 48"	106° 32' 07"					F-48-58-A-c
phố Đưc Thịnh	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 24"	106° 31' 51"					F-48-58-A-c
bản Khun Tát	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 52' 37"	106° 32' 58"					F-48-58-A-a
sông Lú Lọc	TV	TT. Văn Quan	H. Văn Quan			21° 52' 07"	106° 30' 30"	21° 51' 53"	106° 30' 57"	F-48-58-A-c
núi Pồ LSung	SV	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 52' 17"	106° 31' 32"					F-48-58-A-c
phố Tân An	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 52"	106° 32' 28"					F-48-58-A-c
phố Tân Long	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 38"	106° 30' 59"					F-48-58-A-c
phố Tân Minh	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 52' 20"	106° 32' 40"					F-48-58-A-c
phố Tân Thanh 1	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 54"	106° 31' 10"					F-48-58-A-c
phố Tân Thanh 2	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 52' 05"	106° 31' 19"					F-48-58-A-c
phố Tân Xuân	DC	TT. Văn Quan	H. Văn Quan	21° 51' 45"	106° 31' 10"					F-48-58-A-c
thôn Bản Sầm	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 49' 10"	106° 31' 56"					F-48-58-A-c
cầu Bản Sầm	KX	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 48' 51"	106° 31' 46"					F-48-58-A-c
núi Chá Càng	SV	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 49' 16"	106° 31' 04"					F-48-58-A-c
bản Cốc Lọ	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 33"	106° 31' 31"					F-48-58-A-c
bản Con Mon	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 23"	106° 31' 51"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Đông Bềng	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 07"	106° 31' 16"					F-48-58-A-c
bản Khôn Khoang	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 04"	106° 31' 37"					F-48-58-A-c
bản Khôn Làng	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 50"	106° 31' 24"					F-48-58-A-c
thôn Khôn Mới	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 06"	106° 31' 50"					F-48-58-A-c
thôn Khôn Nhữ	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 45"	106° 31' 07"					F-48-58-A-c
bản Khum Nặm	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 26"	106° 31' 29"					F-48-58-A-c
bản Lù Hút	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 32"	106° 31' 02"					F-48-58-A-c
bản Lũng Lặng	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 40"	106° 30' 25"					F-48-58-A-c
thôn Lũng Thuộc	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 48"	106° 30' 28"					F-48-58-A-c
suối Mơ	TV	xã Bình Phúc	H. Văn Quan			21° 46' 37"	106° 31' 19"	21° 49' 26"	106° 31' 41"	F-48-58-A-c
bản Nà Chè	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 40"	106° 31' 53"					F-48-58-A-c
thôn Nà Dài	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 28"	106° 32' 04"					F-48-58-A-c
thôn Nà Háy	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 54"	106° 32' 11"					F-48-58-A-c
bản Nà Lèo	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 32"	106° 31' 17"					F-48-58-A-c
bản Nà Lò	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 48' 11"	106° 31' 42"					F-48-58-A-c
thôn Pắc Cầm	DC	xã Bình Phúc	H. Văn Quan	21° 48' 20"	106° 31' 43"					F-48-58-A-c
đường tỉnh 239	KX	xã Chu Túc	H. Văn Quan			21° 52' 39"	106° 35' 53"	21° 49' 47"	106° 35' 49"	F-48-58-A-c
thôn bản Noóc	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 52' 09"	106° 36' 52"					F-48-58-A-c
núi Cốc Ngoà	SV	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 26"	106° 37' 38"					F-48-58-A-d
bản Cốc Phát	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 52' 14"	106° 36' 03"					F-48-58-A-c
sông Cốc Phát	TV	xã Chu Túc	H. Văn Quan			21° 52' 20"	106° 35' 49"	21° 50' 53"	106° 36' 08"	F-48-58-A-c
thôn Cốc Phường	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 49"	106° 36' 02"					F-48-58-A-c
bản Cốc Pục	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 29"	106° 37' 33"					F-48-58-A-d
thôn Đổng Đeng	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 50' 25"	106° 35' 49"					F-48-58-A-c
khuổi Mường	TV	xã Chu Túc	H. Văn Quan			21° 51' 27"	106° 37' 24"	21° 51' 29"	106° 36' 46"	F-48-58-A-c
thôn Nà Chôn	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 50' 55"	106° 36' 23"					F-48-58-A-c
bản Nà Choóc	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 13"	106° 37' 15"					F-48-58-A-c
thôn Nà Pải	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 52' 35"	106° 35' 56"					F-48-58-A-a
thôn Nà Tèn	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 43"	106° 36' 17"					F-48-58-A-c
thôn Nà Thòa	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 50' 41"	106° 36' 00"					F-48-58-A-c
núi Phai Ngạn	SV	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 51' 55"	106° 38' 01"					F-48-58-A-d
suối Phai Pàn	TV	xã Chu Túc	H. Văn Quan			21° 52' 41"	106° 36' 46"	21° 51' 52"	106° 36' 44"	F-48-58-A-c
thôn Phai Xà	DC	xã Chu Túc	H. Văn Quan	21° 52' 24"	106° 36' 53"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
quốc lộ 1B	KX	xã Đại An	H. Văn Quan			21° 53' 01"	106° 34' 12"	21° 52' 45"	106° 34' 43"	F-48-58-A-a		
thôn Bình Đăng B	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 55"	106° 33' 49"					F-48-58-A-c		
thôn Cồn Mìn	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 02"	106° 34' 25"					F-48-58-A-c		
núi Đồng Đầm	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 52' 43"	106° 33' 50"					F-48-58-A-a		
núi Đồng Dười	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 59"	106° 33' 12"					F-48-58-A-c		
thôn Ích Hữu	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 50' 52"	106° 33' 29"					F-48-58-A-c		
bản Khôn Nưa	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 50' 21"	106° 35' 13"					F-48-58-A-c		
núi Lũng Ngần	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 15"	106° 32' 54"					F-48-58-A-c		
bản Lũng Pa	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 52' 59"	106° 34' 24"					F-48-58-A-a		
bản Nà Áng	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 27"	106° 33' 40"					F-48-58-A-c		
khuau Ngọ	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 32"	106° 34' 56"					F-48-58-A-c		
thôn Pá Tuồng	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 52' 20"	106° 34' 04"					F-48-58-A-c		
thôn Pác Lũng	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 52' 09"	106° 34' 39"					F-48-58-A-c		
bản Pò Diễm	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 50' 58"	106° 35' 02"					F-48-58-A-c		
núi Xa Khao	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 52' 15"	106° 35' 12"					F-48-58-A-c		
núi Xa Mật	SV	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 51' 51"	106° 35' 05"					F-48-58-A-c		
thôn Xuân Quang	DC	xã Đại An	H. Văn Quan	21° 50' 21"	106° 35' 00"					F-48-58-A-c		
thôn Bắc Nam	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 44"	106° 41' 23"					F-48-58-A-d		
thôn Bản Chạp	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 35"	106° 40' 14"					F-48-58-A-d		
thôn Cốc Sáng	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 50' 42"	106° 41' 11"					F-48-58-A-d		
núi Khau Pưởng	SV	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 50' 19"	106° 42' 34"					F-48-58-A-d		
thôn Khuổi Nọi	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 29"	106° 42' 03"					F-48-58-A-d		
núi Khuổi Phìn	SV	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 08"	106° 42' 33"					F-48-58-A-d		
sông Kỳ Cùng	TV	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan			21° 52' 15"	106° 42' 00"	21° 52' 14"	106° 40' 14"	F-48-58-A-d		
thôn Lũng Cúng	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 50' 53"	106° 42' 29"					F-48-58-A-d		
suối Nà Bàn	TV	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan			21° 50' 16"	106° 41' 18"	21° 51' 46"	106° 41' 37"	F-48-58-A-d		
thôn Nà Bàn	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 50' 54"	106° 41' 28"					F-48-58-A-d		
thôn Nà Đào	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 02"	106° 40' 28"					F-48-58-A-d		
thôn Pá Tuồng	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 51' 05"	106° 40' 15"					F-48-58-A-d		
thôn Phai Lửa	DC	xã Đồng Giáp	H. Văn Quan	21° 50' 48"	106° 39' 31"					F-48-58-A-d		
núi Boong Luồng	SV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 52' 46"	106° 30' 30"					F-48-58-A-a		
thôn Cồn Hẩu	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 53' 34"	106° 31' 53"					F-48-58-A-a		
bản Hạ Hao	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 53' 20"	106° 30' 45"					F-48-58-A-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hà Quảng	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 53' 58"	106° 32' 43"					F-48-58-A-a
núi Kéo Đồng	SV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 53' 55"	106° 30' 36"					F-48-58-A-a
thôn Lũng Răng	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 54' 58"	106° 32' 16"					F-48-58-A-a
núi Nà Bon	SV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 55' 17"	106° 32' 13"					F-48-58-A-a
thôn Nà Văng	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 54' 33"	106° 31' 06"					F-48-58-A-a
suối Pá Náp	TV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan		21° 54' 02"	106° 30' 14"	21° 52' 43"	106° 31' 12"		F-48-58-A-a
núi Slầu Lường	SV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 54' 29"	106° 30' 31"					F-48-58-A-a
bản Thượng Hao	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 54' 41"	106° 29' 51"					F-48-58-A-a
thôn Trung Thượng	DC	xã Hòa Bình	H. Văn Quan	21° 54' 06"	106° 30' 23"					F-48-57-B-b
suối Trung Thượng	TV	xã Hòa Bình	H. Văn Quan			21° 55' 04"	106° 30' 23"	21° 54' 02"	106° 30' 14"	F-48-58-A-a
núi Ảng Ngoạn	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 58"	106° 26' 25"					F-48-58-A-a
thôn Bản Chặng	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 52"	106° 26' 01"					F-48-57-D-b
thôn Bản Rươi	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 48"	106° 25' 21"					F-48-57-D-b
thôn Bản Xó	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 54"	106° 25' 30"					F-48-57-D-b
núi Bó Bang	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 53"	106° 24' 02"					F-48-57-D-b
bản Bó Duốc	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 52"	106° 25' 08"					F-48-57-D-b
đèo Cáng	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 17"	106° 23' 15"					F-48-57-D-b
bản Cốc Trờ	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 00"	106° 25' 24"					F-48-57-D-b
thôn Đon Chợ	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 37"	106° 24' 39"					F-48-57-D-b
đèo Hân	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 40"	106° 26' 12"					F-48-57-D-b
núi Hín Ngăn	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 42' 55"	106° 25' 06"					F-48-57-D-b
đèo Kéo Hín	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 23"	106° 26' 52"					F-48-57-B-d
bản Khôn Hù	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 00"	106° 25' 52"					F-48-57-D-b
núi Khuôn Chiếng	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 15"	106° 24' 54"					F-48-57-D-b
bản Lân Bó	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 41' 39"	106° 25' 57"					F-48-57-D-b
núi Lũng Luông	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 15"	106° 25' 34"					F-48-57-D-b
núi Lũng Ván	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 42' 57"	106° 25' 57"					F-48-57-D-b
thôn Nà Ne	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 30"	106° 25' 29"					F-48-57-B-d
núi Nà Nhum	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 21"	106° 26' 30"					F-48-57-B-d
đèo Nghiến	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 42' 38"	106° 26' 20"					F-48-57-D-b
núi Pá Nưa	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 14"	106° 26' 27"					F-48-57-D-b
bản Pá Ta	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 46"	106° 25' 43"					F-48-57-D-b
núi Pá Ta	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 43' 26"	106° 25' 38"					F-48-57-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Phiêng Vây	SV	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 44' 50"	106° 26' 36"					F-48-57-D-b
bản Tân Nùng	DC	xã Hữu Lễ	H. Văn Quan	21° 42' 14"	106° 27' 26"					F-48-57-D-b
quốc lộ 1B	KX	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 39"	106° 39' 13"			21° 52' 43"	106° 39' 18"	F-48-58-A
thôn Bản Khánh	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 06"	106° 39' 07"					F-48-58-A
bản Chất Ngút	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 25"	106° 39' 18"					F-48-58-A-d
thôn Cốc Ca	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 44"	106° 37' 46"					F-48-58-A-d
thôn Cồn Khiển	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 39"	106° 37' 55"					F-48-58-A
thôn Đồng Chuông	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 52"	106° 39' 10"					F-48-58-A
cầu Khánh Khê	KX	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 48"	106° 38' 24"					F-48-58-A
bản Khung Phya	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 51' 44"	106° 39' 07"					F-48-58-A
bản Khuổi Rươi	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan			21° 51' 45"	106° 38' 31"	21° 52' 49"	106° 38' 43"	F-48-58-A-d
sông Kỳ Cùng	TV	xã Khánh Khê	H. Văn Quan			21° 52' 13"	106° 40' 14"	21° 53' 03"	106° 37' 27"	F-48-58-A
sông Lô Vạt	TV	xã Khánh Khê	H. Văn Quan			21° 52' 05"	106° 37' 33"	21° 52' 57"	106° 37' 48"	F-48-58-A
thôn Nà Khau	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 33"	106° 38' 43"					F-48-58-A
thôn Nà Lốc	DC	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 48"	106° 38' 09"					F-48-58-A
đập Thủy Luân	KX	xã Khánh Khê	H. Văn Quan	21° 52' 43"	106° 39' 18"					F-48-58-A
quốc lộ 1B	KX	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 49' 20"	106° 26' 44"	21° 52' 17"	106° 26' 13"	21° 50' 05"	106° 28' 09"	F-48-57-B-d
thôn Bản Châu	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan							F-48-57-B-d
sông Bản Châu	TV	xã Lương Năng	H. Văn Quan			21° 49' 33"	106° 26' 43"	21° 50' 10"	106° 27' 50"	F-48-57-B-d
thôn Bản Đú	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 52' 05"	106° 26' 14"					F-48-57-B-d
thôn Bản Kinh	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 27"	106° 25' 30"					F-48-57-B-d
bản Bản Sơ Han (Bản Shan)	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 37"	106° 26' 44"					F-48-57-B-d
sông Bản Sơ Han (Bản Shan)	TV	xã Lương Năng	H. Văn Quan			21° 49' 42"	106° 25' 47"	21° 50' 40"	106° 26' 59"	F-48-57-B-d
thôn Bản Tằng	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 15"	106° 26' 55"					F-48-57-B-d
núi Khuôn Da	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 20"	106° 27' 22"					F-48-57-B-d
bản Lũng Cồn	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 38"	106° 26' 13"					F-48-57-B-d
núi Lũng Li	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 24"	106° 25' 13"					F-48-57-B-d
núi Lũng Toòng	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 08"	106° 25' 39"					F-48-57-B-d
sông Lương Năng	TV	xã Lương Năng	H. Văn Quan			21° 50' 40"	106° 26' 59"	21° 50' 04"	106° 28' 09"	F-48-57-B-d
thôn Nà Lướt	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 02"	106° 25' 49"					F-48-57-B-d
bản Nà Mè	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 23"	106° 27' 41"					F-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nà Thang	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 48"	106° 26' 59"					F-48-57-B-d
núi Nàng Sơ Hiên (Nàng Shiên)	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 12"	106° 26' 31"					F-48-57-B-d
thôn Pá Hà	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 48' 37"	106° 25' 20"					F-48-57-B-d
núi Pá Hà	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 48' 53"	106° 24' 35"					F-48-57-B-d
suối Pá Hà	TV	xã Lương Năng	H. Văn Quan		21° 48' 25"	106° 24' 50"		21° 50' 03"	106° 25' 42"	F-48-57-B-d
bản Phai Quan	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 51' 45"	106° 26' 56"					F-48-57-B-d
núi Pò Nà Sặng	SV	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 52' 07"	106° 26' 58"					F-48-57-B-d
bản Song Bai	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 50' 42"	106° 27' 23"					F-48-57-B-d
bản Tùng Dầy	DC	xã Lương Năng	H. Văn Quan	21° 49' 01"	106° 25' 23"					F-48-57-B-d
thôn Bản Nhang	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 18"	106° 30' 24"					F-48-58-A-a
thôn Giảng Nưa	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 49"	106° 30' 35"					F-48-58-A-a
thôn Giảng Tầu U' (Giảng Tầu)	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 26"	106° 30' 05"					F-48-58-A-a
núi Khôn Nọc	SV	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 58' 19"	106° 30' 15"					F-48-58-A-a
bản Khuôn Sá	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 54"	106° 32' 24"					F-48-58-A-a
núi Nà Luông	SV	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 53"	106° 31' 43"					F-48-58-A-a
suối Phai Sảo	TV	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan		21° 57' 05"	106° 32' 05"		21° 58' 22"	106° 32' 31"	F-48-58-A-a
bản Tầm Đông	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 57' 05"	106° 31' 34"					F-48-58-A-a
bản Tầm Tầu U' (Tầm Tầu)	DC	xã Phú Mỹ	H. Văn Quan	21° 58' 15"	106° 32' 14"					F-48-58-A-a
thôn An Mạ	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 55' 13"	106° 34' 41"					F-48-58-A-a
thôn Bản Đin	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 56' 04"	106° 35' 45"					F-48-58-A-a
thôn Bản Thẩm	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 57' 23"	106° 35' 52"					F-48-58-A-a
núi Khum Quốc	SV	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 55' 33"	106° 35' 01"					F-48-58-A-a
thôn Khun Pầu	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 56' 03"	106° 35' 11"					F-48-58-A-a
sông Kỳ Cùng	TV	xã Song Giang	H. Văn Quan			21° 54' 30"	106° 35' 44"	21° 58' 16"	106° 36' 06"	F-48-58-A-a
núi Lũng Riêng	SV	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 55' 41"	106° 34' 33"					F-48-58-A-a
sông Mỏ Pía	TV	xã Song Giang	H. Văn Quan			21° 55' 12"	106° 34' 39"	21° 55' 40"	106° 36' 00"	F-48-58-A-a
thôn Nà Lọ	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 55' 06"	106° 35' 49"					F-48-58-A-a
thôn Nà Lược	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 58' 03"	106° 36' 19"					F-48-58-A-a
thôn Pác Làng	DC	xã Song Giang	H. Văn Quan	21° 55' 34"	106° 35' 55"					F-48-58-A-a
đường tỉnh 239	KX	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan			21° 49' 46"	106° 35' 49"	21° 47' 48"	106° 36' 26"	F-48-58-A-c
chợ Ba Xá	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 47' 57"	106° 36' 21"					F-48-58-A-c
thôn Bản Năng	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 48"	106° 37' 10"					F-48-58-A-c
hồ Bản Năng	TV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 45"	106° 36' 57"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Bò Quát	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 04"	106° 36' 55"					F-48-58-A-c
khuai Chông Mu	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 57"	106° 35' 18"					F-48-58-A-c
bản Kéo Kít	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 55"	106° 36' 27"					F-48-58-A-c
núi Kéo Rào	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 47' 29"	106° 35' 16"					F-48-58-A-c
thôn Khôn Cải	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 28"	106° 36' 17"					F-48-58-A-c
thôn Khôn Ngòi	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 47' 52"	106° 36' 15"					F-48-58-A-c
thôn Khôn Pá	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 23"	106° 36' 39"					F-48-58-A-c
bản Khôn Sào	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 39"	106° 36' 07"					F-48-58-A-c
thôn Khôn Sây	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 31"	106° 35' 46"					F-48-58-A-c
bản Khôn Xưa	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 45"	106° 35' 42"					F-48-58-A-c
bản Khưa Thum	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 02"	106° 36' 38"					F-48-58-A-c
bản Khun Xóm	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 30"	106° 36' 00"					F-48-58-A-c
bản Lũng Cuối	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 40"	106° 36' 19"					F-48-58-A-c
thôn Lũng Mán	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 11"	106° 34' 40"					F-48-58-A-c
thôn Lũng Pá	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 03"	106° 37' 18"					F-48-58-A-c
hang Lũng Yên	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 47' 39"	106° 35' 08"					F-48-58-A-c
bản Nà Bó	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 42"	106° 36' 00"					F-48-58-A-c
bản Nà Lin	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 15"	106° 36' 04"					F-48-58-A-c
bản Nặm Bó	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 14"	106° 37' 13"					F-48-58-A-c
bản Nặm Dệt	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 10"	106° 35' 47"					F-48-58-A-c
thôn Nặm Lệt	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 20"	106° 35' 53"					F-48-58-A-c
núi Phai Mật	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 47' 28"	106° 35' 53"					F-48-58-A-c
thôn Phai Rọ	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 13"	106° 35' 51"					F-48-58-A-c
khuai Pí	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 49' 19"	106° 37' 06"					F-48-58-A-c
bản Pò Mạn	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 19"	106° 36' 44"					F-48-58-A-c
thôn Pò Xê	DC	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 50"	106° 36' 06"					F-48-58-A-c
khuai Thán	SV	xã Tân Đoàn	H. Văn Quan	21° 48' 31"	106° 35' 03"					F-48-58-A-c
đường tỉnh 232	KX	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan			22° 00' 35"	106° 34' 36"	21° 56' 59"	106° 33' 59"	F-48-46-C
thôn Bản Cháo	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 59' 29"	106° 34' 31"					F-48-58-A-a
thôn Bản Hèo	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 58' 34"	106° 34' 16"					F-48-58-A-a
bản Bó Danh	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 57' 54"	106° 34' 22"					F-48-58-A-a
núi Cốc Phung	SV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	22° 00' 28"	106° 32' 36"					F-48-46-C
thôn Cón Pù	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 57' 38"	106° 33' 23"					F-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Cồn Sát	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 56' 31"	106° 34' 18"					F-48-58-A-a
núi Khau Lỳ	SV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 56' 09"	106° 33' 40"					F-48-58-A-a
thôn Khun Thắm	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 58' 36"	106° 32' 38"					F-48-58-A-a
sông Kỳ Cùng	TV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan		21° 58' 16"	106° 36' 06"	22° 00' 58"	106° 35' 02"		F-48-58-A-a
bản Lũng Đin	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	22° 00' 11"	106° 34' 11"					F-48-58-A-a
bản Mò Khura	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 58' 02"	106° 34' 48"					F-48-58-A-a
bản Nà Ho	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 59' 20"	106° 33' 30"					F-48-58-A-a
thôn Nà Lắc	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 58' 58"	106° 34' 44"					F-48-58-A-a
núi Nà Mu	TV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	21° 58' 33"	106° 33' 14"					F-48-58-A-a
suối Phai Sào	TV	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan		22° 00' 23"	106° 33' 37"	22° 00' 58"	106° 35' 02"		F-48-46-C
bản Phiêng Khắc	DC	xã Trấn Ninh	H. Văn Quan	22° 00' 11"	106° 35' 11"					F-48-46-C
bản Cốc Lỏi	DC	xã Trảng Các	H. Văn Quan	21° 49' 21"	106° 38' 31"					F-48-58-A-d
thôn Khau Đẳng	DC	xã Trảng Các	H. Văn Quan	21° 48' 46"	106° 38' 17"					F-48-58-A-d
bản Khau Muôn	DC	xã Trảng Các	H. Văn Quan	21° 48' 58"	106° 38' 36"					F-48-58-A-d
thôn Khau Ràng	DC	xã Trảng Các	H. Văn Quan	21° 49' 42"	106° 40' 00"					F-48-58-A-d
bản Khòn Cẩu	DC	xã Trảng Các	H. Văn Quan	21° 49' 49"	106° 38' 08"					F-48-58-A-d
thôn Khòn Luộc	DC	xã Trảng Các	H. Văn Quan	21° 49' 47"	106° 38' 20"					F-48-58-A-d
suối Lũng Thương	TV	xã Trảng Các	H. Văn Quan		21° 50' 54"	106° 38' 49"	21° 49' 40"	106° 39' 33"		F-48-58-A-d
khau Mông	SV	xã Trảng Các	H. Văn Quan	21° 51' 11"	106° 38' 16"					F-48-58-A-d
thôn Nà Ai	DC	xã Trảng Các	H. Văn Quan	21° 49' 10"	106° 38' 47"					F-48-58-A-d
thôn Nà Khàn	DC	xã Trảng Các	H. Văn Quan	21° 50' 05"	106° 38' 07"					F-48-58-A-d
thôn Nà Lẻ	DC	xã Trảng Các	H. Văn Quan	21° 50' 56"	106° 37' 33"					F-48-58-A-d
suối Nà Lìn	TV	xã Trảng Các	H. Văn Quan		21° 49' 40"	106° 39' 33"	21° 49' 46"	106° 40' 17"		F-48-58-A-d
thôn Nà Phất	DC	xã Trảng Các	H. Văn Quan	21° 50' 22"	106° 38' 07"					F-48-58-A-d
thôn Nà Tao	DC	xã Trảng Các	H. Văn Quan	21° 50' 16"	106° 39' 12"					F-48-58-A-d
thôn Nà Thường	DC	xã Trảng Các	H. Văn Quan	21° 49' 22"	106° 39' 12"					F-48-58-A-d
suối Nà Thường	TV	xã Trảng Các	H. Văn Quan							F-48-58-A-d
đường tỉnh 239	KX	xã Trảng Phái	H. Văn Quan			106° 38' 01"	21° 49' 40"	106° 39' 33"		F-48-58-A-d
thôn Bản Hào	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 20"	106° 37' 25"			106° 38' 31"		F-48-58-A-c
thôn Cồn Chuông	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 03"	106° 36' 24"			21° 45' 57"		F-48-58-A-c
làng Dưới	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 01"	106° 37' 07"					F-48-58-A-c
bản Đồng Ké	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 31"	106° 36' 41"					F-48-58-A-c
bản Đồng Lâu	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 49"	106° 36' 09"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Khôn Đơn	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 09"	106° 36' 42"							F-48-58-A-c
bản Khôn Mẩn	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 29"	106° 37' 60"							F-48-58-A-d
bản Khôn Ngoà	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 07"	106° 37' 13"							F-48-58-A-c
thôn Khôn Riêng	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 42"	106° 36' 38"							F-48-58-A-c
bản Khôn Sáng	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 12"	106° 37' 32"							F-48-58-A-d
bản Khôn Vạc	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 29"	106° 37' 04"							F-48-58-A-c
bản Khôn Yên	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 52"	106° 37' 35"							F-48-58-A-d
bản Lũng Hù	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 30"	106° 34' 15"							F-48-58-A-c
bản Lũng Ly	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 37"	106° 37' 17"							F-48-58-A-c
thôn Lũng Thùm	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 12"	106° 35' 11"							F-48-58-A-c
bản Mò Pài	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 17"	106° 36' 42"							F-48-58-A-c
thôn Nà Chanh	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 40"	106° 37' 40"							F-48-58-A-d
bản Nà Khưa	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 28"	106° 36' 36"							F-48-58-A-c
bản Nà Lặng	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 38"	106° 35' 09"							F-48-58-A-c
bản Nà Lùm	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 59"	106° 35' 21"							F-48-58-A-c
bản Nà Pài	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 52"	106° 36' 25"							F-48-58-A-c
bản Nà Pò	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 07"	106° 38' 04"							F-48-58-A-d
hang Ngườm Nặm	SV	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 36"	106° 35' 03"							F-48-58-A-c
bản Pắc Đầy	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 35"	106° 36' 26"							F-48-58-A-c
thôn Phai Làng	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 09"	106° 36' 51"							F-48-58-A-c
hang Phia Lộng (Phya Lộng)	SV	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 39"	106° 37' 06"							F-48-58-A-c
bản Pò Ồi	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 02"	106° 35' 37"							F-48-58-A-c
bản Pò Riêng	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 38"	106° 36' 51"							F-48-58-A-c
bản Sanh Chài	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 46' 55"	106° 35' 12"							F-48-58-A-c
khau Sen	SV	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 33"	106° 37' 39"							F-48-58-A-d
bản Thâm Duốc	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 45' 54"	106° 38' 10"							F-48-58-A-d
thôn Tùng Nội	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 48' 55"	106° 34' 03"							F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Tùng Tây	DC	xã Trảng Phái	H. Văn Quan	21° 47' 23"	106° 36' 59"							F-48-58-A-c
đường tỉnh 239	KX	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan									
thôn Bán Páng	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 50' 00"	106° 33' 41"							F-48-58-A-c
bản Bó Phan	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 48' 51"	106° 33' 40"							F-48-58-A-c
núi Cốc Tàu Phồi	SV	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 15"	106° 34' 06"							F-48-58-A-c
thôn Kéo Còi	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 50' 24"	106° 33' 43"							F-48-58-A-c
núi Kéo Xốp	SV	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 48' 37"	106° 34' 46"							F-48-58-A-c
thôn Khau Thán	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 20"	106° 34' 52"							F-48-58-A-c
thôn Khôn Cát	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 50' 24"	106° 35' 10"							F-48-58-A-c
thôn Khôn Làng	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 31"	106° 35' 07"							F-48-58-A-c
bản Khôn Thon	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 26"	106° 34' 12"							F-48-58-A-c
bản Lũng Hà	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 38"	106° 33' 05"							F-48-58-A-c
thôn Lũng Tàu - Lũng Pha	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 48' 37"	106° 34' 26"							F-48-58-A-c
bản Nà Háy	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 41"	106° 33' 57"							F-48-58-A-c
thôn Nà Mu - Nà Lá	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 56"	106° 34' 16"							F-48-58-A-c
bản Phiền Mậu	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 29"	106° 34' 24"							F-48-58-A-c
núi Say Khau	SV	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 50' 38"	106° 33' 06"							F-48-58-A-c
bản Thành Tầm	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 38"	106° 34' 52"							F-48-58-A-c
bản Thí	DC	xã Trảng Sơn	H. Văn Quan	21° 49' 41"	106° 35' 22"							F-48-58-A-c
thôn Bản Bang	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 31"	106° 25' 54"							F-48-57-B-d
suối Bản Bang	TV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan			21° 47' 58"	106° 25' 47"	21° 47' 08"	106° 26' 34"			F-48-57-B-d
thôn Bản Châu	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 48"	106° 27' 44"							F-48-57-B-d
suối Bản Châu 1	TV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan			21° 46' 28"	106° 25' 36"	21° 47' 08"	106° 26' 34"			F-48-57-B-d
suối Bản Châu 2	TV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan			21° 45' 34"	106° 27' 53"	21° 47' 17"	106° 27' 23"			F-48-57-B-d
bản Bó Vù	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 54"	106° 25' 37"							F-48-57-B-d
bản Ca Hường	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 32"	106° 25' 54"							F-48-57-B-d
đèo Canh Khuyết	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 40"	106° 27' 20"							F-48-57-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Chọc Cối	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 14"	106° 28' 25"						F-48-57-B-d	
núi Co Cam	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 06"	106° 28' 23"						F-48-57-B-d	
bản Cốc Sa	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 08"	106° 25' 08"						F-48-57-B-d	
đèo Cườm	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 06"	106° 28' 31"						F-48-57-B-d	
thôn Đào Luống	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 28"	106° 28' 19"						F-48-57-B-d	
núi Keng Hán	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 33"	106° 28' 34"						F-48-57-B-d	
núi Keng Lân	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 49"	106° 24' 23"						F-48-57-B-d	
bản Kéo Chải	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 40"	106° 26' 55"						F-48-57-B-d	
bản Khau Phai	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 07"	106° 27' 26"						F-48-57-B-d	
núi Khòn Dăm	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 49' 03"	106° 26' 55"						F-48-57-B-d	
thôn Khòn Vá	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 27"	106° 27' 44"						F-48-57-B-d	
bản Khum Mần	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 14"	106° 26' 47"						F-48-57-B-d	
núi Khum Mần	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 49"	106° 26' 38"						F-48-57-B-d	
đèo Lân	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 06"	106° 25' 03"						F-48-57-B-d	
bản Lọ Phai	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 42"	106° 25' 24"						F-48-57-B-d	
đèo Lũng Chiếu	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 20"	106° 29' 22"						F-48-57-B-d	
bản Lũng Phòn	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 43"	106° 24' 48"						F-48-57-B-d	
thôn Lũng Phúc	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 31"	106° 26' 54"						F-48-57-B-d	
bản Lũng Ván	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 52"	106° 26' 28"						F-48-57-B-d	
bản Lũng Vĩ	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 39"	106° 28' 04"						F-48-57-B-d	
thôn Nà Bó	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 06"	106° 25' 29"						F-48-57-B-d	
thôn Nà Châu	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 20"	106° 25' 48"						F-48-57-B-d	
thôn Nà Chuông	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 58"	106° 27' 56"						F-48-57-B-d	
sườn Nà Chuông	TV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan		21° 47' 17"	106° 27' 23"	21° 48' 40"	106° 27' 57"			F-48-57-B-d	
núi Nà Hà	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 49"	106° 27' 08"						F-48-57-B-d	
đèo Nà Khảo	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 52"	106° 26' 13"						F-48-57-B-d	
bản Nà Lạt	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 46' 10"	106° 26' 10"						F-48-57-B-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Nà Láy bản Nà Lin bản Nà Loóc bản Nà Mu bản Nà Mực bản Nà Pát bản Phai Tênh bản Phấn đèo Pò Chải bản Quan Tài núi Sa Thần bản Tát Lũng thôn Thường Duồng quốc lộ 1B cầu Bản Giềng thôn Bản Mù khe Bản Mù thôn Bó Cáng cầu Bó Pía (Bò Pya) núi Cốc Càng bản Giềng sông Hang thôn Hang Nà núi Hìn Phéc núi Khau Phai núi Khau Quan lân Khòn Khoang	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 19"	106° 27' 28"							F-48-57-B-d
	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 14"	106° 27' 39"							F-48-57-B-d
	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 14"	106° 27' 52"							F-48-57-B-d
	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 49"	106° 27' 57"							F-48-57-B-d
	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 21"	106° 27' 16"							F-48-57-B-d
	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 53"	106° 27' 27"							F-48-57-B-d
	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 30"	106° 28' 14"							F-48-57-B-d
	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 28"	106° 25' 19"							F-48-57-B-d
	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 27"	106° 26' 23"							F-48-57-B-d
	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 45' 47"	106° 27' 18"							F-48-57-B-d
	SV	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 48' 09"	106° 28' 00"							F-48-57-B-d
	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 27"	106° 26' 58"							F-48-57-B-d
	DC	xã Trí Lễ	H. Văn Quan	21° 47' 59"	106° 27' 12"							F-48-57-B-d
	KX	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 50' 05"	106° 28' 09"	21° 51' 08"	106° 30' 42"			F-48-57-B-d
	KX	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 58"	106° 28' 28"							F-48-57-B-d
	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 51' 42"	106° 28' 44"							F-48-57-B-d
	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 52' 04"	106° 28' 51"	21° 51' 32"	106° 28' 44"			F-48-57-B-d
	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 48' 54"	106° 28' 30"							F-48-57-B-d
	KX	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 51' 03"	106° 30' 26"							F-48-58-A-c
SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 46"	106° 27' 55"							F-48-57-B-b	
DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 04"	106° 28' 47"							F-48-57-B-d	
TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 50' 01"	106° 28' 24"	21° 50' 44"	106° 29' 49"			F-48-57-B-d	
DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 24"	106° 29' 18"							F-48-57-B-d	
SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 15"	106° 29' 39"							F-48-57-B-d	
SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 03"	106° 27' 16"							F-48-57-B-d	
SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 48"	106° 27' 23"							F-48-57-B-b	
DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 04"	106° 29' 11"							F-48-57-B-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Khum Khinh	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 51' 28"	106° 27' 49"					F-48-57-B-d
bản Khum Nhù	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 07"	106° 27' 46"					F-48-57-B-d
bản Khuổi Loong	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 30"	106° 27' 40"					F-48-57-B-d
suối Khuổi Loong	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 49' 36"	106° 27' 48"	21° 49' 58"	106° 28' 24"	F-48-57-B-d
núi Lăng Ca	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 51' 21"	106° 27' 26"					F-48-57-B-d
núi Lăng Đình	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 24"	106° 27' 56"					F-48-57-B-d
thôn Lũng Cài	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 17"	106° 30' 13"					F-48-58-A-c
núi Lũng Chiêu	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 48' 49"	106° 29' 19"					F-48-57-B-d
bản Lũng Noong	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 32"	106° 29' 11"					F-48-57-B-d
bản Lũng Phúc	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 25"	106° 30' 25"					F-48-58-A-c
núi Lũng Siáy	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 55"	106° 30' 38"					F-48-58-A-c
núi Mạ Tiểu Kha	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 05"	106° 30' 49"					F-48-58-A-c
sông Mỏ Pia	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 50' 44"	106° 29' 49"	21° 51' 10"	106° 30' 42"	F-48-58-A-c
bản Mù Trên	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 09"	106° 28' 46"					F-48-57-B-d
bản Nà Chằng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 49' 20"	106° 28' 32"					F-48-57-B-d
suối Nà Chằng	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 48' 40"	106° 27' 57"	21° 49' 58"	106° 28' 24"	F-48-57-B-d
thôn Nà Đông	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 53' 13"	106° 29' 09"					F-48-57-B-b
thôn Nà Lốc	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 46"	106° 29' 43"					F-48-57-B-b
sông Nà Lốc	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 53' 53"	106° 29' 07"	21° 52' 15"	106° 29' 58"	F-48-57-B-d
núi Nà Ngần	SV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 53' 26"	106° 27' 20"					F-48-57-B-b
bản Nà Phường	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 11"	106° 28' 35"					F-48-57-B-d
bản Nà Quạng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 24"	106° 28' 57"					F-48-57-B-d
bản Pá Pháy	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 48' 54"	106° 28' 09"					F-48-57-B-d
bản Pắc Kéo	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 16"	106° 29' 11"					F-48-57-B-d
suối Phi Pha	TV	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan			21° 54' 05"	106° 28' 44"	21° 53' 53"	106° 29' 07"	F-48-57-B-b
bản Phiêng Niếng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 50' 46"	106° 29' 57"					F-48-57-B-d
bản Sào Thông	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 52' 57"	106° 28' 20"					F-48-57-B-b
thôn Thanh Lạng	DC	xã Tú Xuyên	H. Văn Quan	21° 53' 45"	106° 29' 11"					F-48-57-B-b
quốc lộ 1B	KX	xã Văn An	H. Văn Quan			21° 52' 46"	106° 34' 43"	21° 52' 58"	106° 37' 27"	F-48-58-A-a
thôn Bàn Làn	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 53' 10"	106° 36' 33"					F-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bản Nhuận	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 53' 28"	106° 35' 14"					F-48-58-A-a
núi Cốc Ngán	SV	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 54' 26"	106° 35' 18"					F-48-58-A-a
khối Diêm He 1	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 53' 40"	106° 35' 51"					F-48-58-A-a
thôn Đông Pha	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 52' 38"	106° 36' 58"					F-48-58-A-a
thôn Khôn Háo	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 53' 21"	106° 35' 35"					F-48-58-A-a
sông Kỳ Cùng	TV	xã Văn An	H. Văn Quan		21° 53' 03"	106° 37' 27"	21° 54' 30"	106° 35' 44"		F-48-58-A-a
đèo Lũng Pa	SV	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 52' 46"	106° 34' 43"					F-48-58-A-a
thôn Nà Pán	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 53' 02"	106° 36' 36"					F-48-58-A-a
thôn Phai Cam	DC	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 54' 02"	106° 35' 14"					F-48-58-A-a
núi Phai Vá	SV	xã Văn An	H. Văn Quan	21° 54' 04"	106° 35' 35"					F-48-58-A-a
đường tỉnh 232	KX	xã Văn Mông	H. Văn Quan			21° 56' 26"	106° 33' 03"	21° 54' 42"	106° 33' 52"	F-48-58-A-a
đèo Cầu Tập	SV	xã Văn Mông	H. Văn Quan	21° 54' 53"	106° 33' 46"					F-48-58-A-a
núi Cốc Mìn	SV	xã Văn Mông	H. Văn Quan	21° 56' 17"	106° 32' 02"					F-48-58-A-a
thôn Khôn Cãi	DC	xã Văn Mông	H. Văn Quan	21° 55' 06"	106° 33' 44"					F-48-58-A-a
thôn Khôn Đường	DC	xã Văn Mông	H. Văn Quan	21° 55' 29"	106° 33' 06"					F-48-58-A-a
thôn Khôn Lạn	DC	xã Văn Mông	H. Văn Quan	21° 56' 04"	106° 33' 17"					F-48-58-A-a
thôn Khôn Tầu Ủ (Khôn Tầu)	DC	xã Văn Mông	H. Văn Quan	21° 55' 52"	106° 33' 15"					F-48-58-A-a
núi Lăng Khuyên	SV	xã Văn Mông	H. Văn Quan	21° 56' 16"	106° 32' 29"					F-48-58-A-a
bản Lũng Lù	DC	xã Văn Mông	H. Văn Quan	21° 55' 39"	106° 32' 29"					F-48-58-A-a
thôn Nà Pua	DC	xã Văn Mông	H. Văn Quan	21° 56' 00"	106° 32' 02"					F-48-58-A-a
núi Phai Lý	SV	xã Văn Mông	H. Văn Quan	21° 55' 13"	106° 32' 57"					F-48-58-A-a
núi Tềnh Bó	SV	xã Văn Mông	H. Văn Quan	21° 56' 32"	106° 33' 20"					F-48-58-A-a
đường tỉnh 232	KX	xã Việt Yên	H. Văn Quan			21° 56' 59"	106° 33' 59"	21° 56' 26"	106° 33' 03"	F-48-58-A-a
đèo Cốc Quán	SV	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 56' 45"	106° 32' 48"					F-48-58-A-a
đèo Đá	SV	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 02"	106° 33' 52"					F-48-58-A-a
thôn Khôn Bó	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 37"	106° 33' 07"					F-48-58-A-a
thôn Khôn Coọng	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 10"	106° 32' 36"					F-48-58-A-a
núi Lũng Pán	SV	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 16"	106° 33' 52"					F-48-58-A-a
núi Lũng Tán	SV	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 56' 34"	106° 32' 14"					F-48-58-A-a
bản Nà Lài	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 56' 37"	106° 32' 49"					F-48-58-A-a
thôn Nà Lũng	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 13"	106° 33' 37"					F-48-58-A-a
thôn Nà Me	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 57' 50"	106° 33' 26"					F-48-58-A-a
thôn Nà Rằng	DC	xã Việt Yên	H. Văn Quan	21° 56' 57"	106° 33' 06"					F-48-58-A-a
suối Phá Lạn	TV	xã Việt Yên	H. Văn Quan			21° 56' 38"	106° 33' 15"	21° 58' 24"	106° 32' 59"	F-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 1B	KX	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan			21° 52' 44"	106° 33' 12"	21° 53' 01"	106° 34' 12"	F-48-58-A-a
thôn Bản Bắc	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 52' 58"	106° 33' 14"					F-48-58-A-a
thôn Bản Lãi	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 54' 02"	106° 33' 36"					F-48-58-A-a
núi Bó Nọc	SV	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 53' 17"	106° 34' 29"					F-48-58-A-a
cầu Hát Bon	KX	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 54' 14"	106° 34' 00"					F-48-58-A-a
sông Mỏ Pía	TV	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan			21° 52' 46"	106° 32' 57"	21° 55' 12"	106° 34' 39"	F-48-58-A-a
thôn Nà Bung	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 54' 22"	106° 34' 06"					F-48-58-A-a
thôn Nà Lộc	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 53' 09"	106° 33' 35"					F-48-58-A-a
thôn Nà Pò	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 54' 42"	106° 34' 47"					F-48-58-A-a
thôn Nà Súng	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 53' 45"	106° 33' 44"					F-48-58-A-a
thôn Nà Tềnh	DC	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 53' 29"	106° 33' 55"					F-48-58-A-a
núi Phai Suông	SV	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 54' 33"	106° 33' 22"					F-48-58-A-a
núi Tùng Lầy	SV	xã Vĩnh Lại	H. Văn Quan	21° 53' 52"	106° 33' 56"					F-48-58-A-a
thôn Bản Coóng 1	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 51' 22"	106° 31' 20"					F-48-58-A-c
thôn Bản Coóng 2	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 51' 34"	106° 31' 19"					F-48-58-A-c
thôn Bản Dạ	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 49' 36"	106° 31' 50"					F-48-58-A-c
núi Bó Phi	SV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 48' 32"	106° 33' 18"					F-48-58-A-c
sông Bó Xuất	TV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan			21° 49' 26"	106° 31' 41"	21° 51' 20"	106° 31' 39"	F-48-58-A-c
bản Cốc Lòi	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 48' 55"	106° 33' 07"					F-48-58-A-c
thôn Cướm Dưới	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 48' 55"	106° 32' 56"					F-48-58-A-c
thôn Cướm Trên	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 48' 16"	106° 33' 05"					F-48-58-A-c
núi Kéo Nòn	SV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 50' 28"	106° 32' 34"					F-48-58-A-c
thôn Khôn Khê	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 49' 55"	106° 31' 37"					F-48-58-A-c
bản Lũng Khoang	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 49' 42"	106° 32' 18"					F-48-58-A-c
khuai Muồng	SV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 47' 49"	106° 33' 01"					F-48-58-A-c
thôn Nà Bành	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 50' 10"	106° 31' 23"					F-48-58-A-c
bản Nà Đa	DC	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 49' 13"	106° 32' 53"					F-48-58-A-c
núi Nặm Tấu	SV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 49' 51"	106° 32' 39"					F-48-58-A-c
núi Pha Lầy Vẻ	SV	xã Xuân Mai	H. Văn Quan	21° 50' 54"	106° 32' 11"					F-48-58-A-c
quốc lộ 279	KX	xã Yên Phúc	H. Văn Quan			21° 47' 28"	106° 32' 12"	21° 45' 06"	106° 32' 33"	F-48-58-A-c
thôn Bắc	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 19"	106° 33' 09"					F-48-58-A-c
khuai Cang	SV	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 58"	106° 33' 09"					F-48-58-A-c
thôn Chợ Bãi	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 18"	106° 32' 17"					F-48-58-A-c
bản Cốc Mìn	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 49"	106° 32' 08"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Cốc Mỹ	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 03"	106° 32' 10"					F-48-58-A-c
bản Hùng Phác	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 04"	106° 32' 28"					F-48-58-A-c
bản Kéo Đầy	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 22"	106° 32' 19"					F-48-58-A-c
bản Khau Kít	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 08"	106° 30' 33"					F-48-58-A-c
bản Khôn Am	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 27"	106° 31' 34"					F-48-58-A-c
bản Khôn Cạng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 44"	106° 31' 47"					F-48-58-A-c
bản Khôn Chông	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 33"	106° 32' 13"					F-48-58-A-c
bản Khôn Chùa	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 26"	106° 31' 54"					F-48-58-A-c
bản Khôn Kéo	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 11"	106° 30' 45"					F-48-58-A-c
bản Khôn Linh	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 23"	106° 32' 16"					F-48-58-A-c
bản Khôn Quốc	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 57"	106° 32' 28"					F-48-58-A-c
bản Khôn Sắn	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 58"	106° 30' 47"					F-48-58-A-c
bản Khôn Sào	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 24"	106° 31' 10"					F-48-58-A-c
bản Khôn Sây	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 18"	106° 31' 53"					F-48-58-A-c
bản Khum Khẩu	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 49"	106° 32' 31"					F-48-58-A-c
bản Khum Lũng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 07"	106° 31' 24"					F-48-58-A-c
đèo Lũng Cát	SV	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 16"	106° 28' 57"					F-48-57-B-d
bản Lũng Quán	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 39"	106° 30' 11"					F-48-58-A-c
suối Mơ	TV	xã Yên Phúc	H. Văn Quan			21° 46' 37"	106° 31' 19"	21° 47' 05"	106° 32' 09"	F-48-58-A-c
bản Mông Luông	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 13"	106° 30' 14"					F-48-58-A-c
bản Nà Bon	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 16"	106° 33' 15"					F-48-58-A-c
bản Nà Khau	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 34"	106° 32' 33"					F-48-58-A-c
bản Nà Lặng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 15"	106° 32' 52"					F-48-58-A-c
bản Nà Mèo	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 47' 06"	106° 32' 12"					F-48-58-A-c
bản Nà Om	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 07"	106° 32' 04"					F-48-58-A-c
bản Nà Thẩm	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 36"	106° 31' 34"					F-48-58-A-c
bản Nà Thườn	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 38"	106° 32' 26"					F-48-58-A-c
bản Nhà Trung	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 44"	106° 32' 12"					F-48-58-A-c
bản Pác Lũng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 59"	106° 31' 15"					F-48-58-A-c
bản Pác Tạng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 57"	106° 32' 32"					F-48-58-A-c
bản Phai Ca	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 51"	106° 32' 14"					F-48-58-A-c
bản Phai Mới	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 15"	106° 32' 16"					F-48-58-A-c
núi Phai Tân	SV	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 39"	106° 33' 24"					F-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Sa Bó	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 52"	106° 31' 48"					F-48-58-A-c
bản Sào Mạ	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 39"	106° 32' 51"					F-48-58-A-c
thôn Tây A	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 46' 33"	106° 31' 59"					F-48-58-A-c
bản Thiên Tàng	DC	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 39"	106° 31' 30"					F-48-58-A-c
núi Xa Khế	SV	xã Yên Phúc	H. Văn Quan	21° 45' 32"	106° 29' 28"					F-48-57-B-d

allday

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Linh Ngọc